

BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

**VĂN BẢN
CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC**

VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

(1986 - 2021)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Ch u trách nhi m xu t b n
GIÁM C - T NG BIÊN T P
PGS.TS. PH M MINH TU N

Ch u trách nhi m n i dung
PHÓ GIÁM C - PHÓ T NG BIÊN T P
ThS. NGUY N HOÀI ANH

Biên t p n i dung: ThS. PH M TH KIM HU
ThS. NGUY N TH H I BÌNH
NGUY N TH KIM THOA
NGUY N VI T HÀ
Trình bày bì: NGH NG MAI
Ch b n vi tính: LÂM TH H NG
c sách m u: NGUY N TH KIM THOA
TR N PHAN BÍCH LI U

S ng ký k ho ch xu t b n: 2650-2022/CXBIPH/26-106/CTQG.
S quy t nh xu t b n: 1556-Q /NXBCTQG, ngày 09/8/2022.
N p l u chi u: tháng 8 n m 2022.
Mã ISBN: 978-604-57-7954-5.

**VĂN BẢN
CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN
(1986 - 2021)**

BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

**VĂN BẢN
CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN
(1986 - 2021)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đồng chí TRƯỜNG THỊ MAI	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, <i>Trưởng ban</i>
Đồng chí ĐIỀU K'Ré	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN HỒNG LĨNH	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN PHƯỚC LỘC	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN LAM	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí BÙI TUẤN QUANG	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí ĐỖ VĂN PHỐI	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương

BAN BIÊN SOẠN

Đồng chí LÂM VĂN ĐOAN	Trợ lý Trưởng Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí ĐỖ VĂN DŨNG	Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN MINH THƠ	Chánh Văn phòng, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí VY TU LIỆU	Vụ trưởng Vụ Đoàn thể Nhân dân, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN VĂN THẮNG	Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí ĐẶNG HỮU NGO	Vụ trưởng Vụ Dân vận các cơ quan Nhà nước, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí PHÙNG THỊ MAI HIÊN	Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí TRỊNH MINH ĐẠI	Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Tôn giáo, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí PHẠM THỊ THANH THỦY	Tổng Biên tập Tạp chí Dân vận, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN THỊ TỐ NGA	Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí TRẦN VIỆT HÙNG	Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Ban Dân vận Trung ương
Đồng chí NGUYỄN TUẤN ANH	Chuyên viên Vụ Nghiên cứu, Ban Dân vận Trung ương

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”. Dân vận là công việc của cả hệ thống chính trị. Công tác dân vận luôn gắn liền với những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam và đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhằm hệ thống hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, đồng thời cung cấp tài liệu nghiên cứu phục vụ triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận (1986-2021)***.

Cuốn sách tập hợp các văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận được ban hành từ khi đổi mới đến nay, sắp xếp theo từng lĩnh vực của công tác dân vận; trong đó ưu tiên sắp xếp các văn bản theo thứ tự thời gian ban hành và theo nội dung văn bản. Nội dung cuốn sách được chia thành 4 phần: Phần mở đầu bao gồm Lời giới thiệu cuốn sách và bài viết “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1949;



Phần thứ nhất tập hợp các văn bản của Đảng về công tác dân vận; Phần thứ hai tập hợp một số văn bản của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận; Phần thứ ba bao gồm một số văn bản của Ban Dân vận Trung ương.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 3 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần mở đầu



LỜI GIỚI THIỆU

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo thành công của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết quan trọng về công tác dân vận, như: Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW ngày 27/3/1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân; Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị...

Trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đã thể chế hóa, cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật liên quan đến công tác dân vận, góp phần đẩy mạnh công tác dân vận của hệ thống chính trị nói chung, dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp nói riêng, tạo nên hiệu



quả của cả hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận trong thời gian qua.

Nhằm góp phần giúp cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận nắm vững, hiểu sâu sắc các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận (1986-2021)***. Cuốn sách tập hợp các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận, trong đó có nội dung về công tác dân vận trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đây là tài liệu tham khảo bổ ích, phục vụ hiệu quả cho công tác dân vận của các cơ quan, tổ chức tại Trung ương, địa phương và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận, công tác vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Trong quá trình biên soạn, xuất bản, khó tránh khỏi thiếu sót, Ban Dân vận Trung ương rất mong nhận được ý kiến đóng góp để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách.

BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

DÂN VẬN*

Vấn đề Dân vận nói đã nhiều, bàn đã kỹ nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại.

I- NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*.

II- DÂN VẬN LÀ GÌ?

Dân vận là vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho.

* Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo *Sự thật*, số 120, ngày 15/10/1949.



Dân vận không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ.

Trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích* cho *mỗi một người dân hiểu rõ ràng*: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được.

Điểm thứ hai là bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành.

Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân.

Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng.

III- AI PHỤ TRÁCH DÂN VẬN?

Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) *đều phải phụ trách dân vận*. Thí dụ trong phong trào thi đua cho đủ ăn, đủ mặc.

- Cán bộ chính quyền và cán bộ Đoàn thể địa phương phải cùng nhau bàn tính kỹ càng, *cùng nhau chia công rõ rệt*, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch, tổ chức nhân công, sắp xếp việc làm, khuyến khích, đôn đốc, theo dõi, giúp đỡ dân giải quyết những điều khó khăn...

- Cán bộ canh nông thì *hợp tác mật thiết* với cán bộ địa phương, *đi sát với dân*, thiết thực bày vẽ cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách chọn giống, ủ phân, làm cỏ, v.v..

Những hội viên các đoàn thể thì phải xung phong *thi đua* làm, để làm kiểu mẫu cho dân, giúp dân làm.



IV- DÂN VẬN PHẢI THẾ NÀO?

Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ *nói suông*, chỉ *ngồi viết mệnh lệnh*. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc.

Khuyết điểm to ở nhiều nơi là *xem khinh* việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại.

Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công.

X.Y.Z.

Phần thứ nhất

**CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG
VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN**



I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG



NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG
ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)

Số 08B-NQ/HNTW, ngày 27 tháng 3 năm 1990

Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng,
tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI
CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG

1. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta đoàn kết chiến đấu làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi, giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thành tựu vĩ đại nói trên bắt nguồn từ chỗ Đảng ta có đường lối chính trị đúng đắn được nhân dân ủng hộ, có đội ngũ cán bộ và đảng viên tiên phong chiến đấu, gắn bó chặt chẽ với nhân dân. *Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân đã trở thành nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam.*



Từ khi Đảng lãnh đạo chính quyền trên phạm vi cả nước, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân bị giảm sút, có lúc có nơi khá nghiêm trọng. Bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất cách mạng và gắn bó với nhân dân, một bộ phận cán bộ, đảng viên mang nặng bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, chuyên quyền độc đoán, ức hiếp nhân dân, tham ô, hối lộ, sống xa hoa, lãng phí. Các đoàn thể quần chúng cũng bị quan liêu hoá, hành chính hoá, không đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tập hợp các tầng lớp nhân dân; không ít tổ chức cơ sở hoạt động thất thường hoặc không hoạt động, nhiều đoàn viên, hội viên không tha thiết gắn bó với đoàn thể của mình.

Hậu quả là làm giảm nhiệt tình cách mạng và hạn chế việc phát huy khả năng to lớn của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng Đảng, bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình nói trên là do một mặt, Đảng và Nhà nước ta có những sai lầm và khuyết điểm trong việc lãnh đạo và quản lý các mặt của đời sống xã hội, nhất là trong một số chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; mặt khác, công tác vận động quần chúng của Đảng chưa đổi mới phù hợp với yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới; chưa đấu tranh có hiệu quả chống bệnh quan liêu và tệ tham nhũng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Ba năm qua, đường lối đổi mới do Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra được nhân dân đồng tình và ủng hộ, đã đem lại những kết quả bước đầu quan trọng về nhiều mặt, nhất là về kinh tế, gây niềm phấn khởi và tin tưởng trong nhân dân. Sinh hoạt dân chủ trong xã hội được mở rộng và sự đổi mới một



bước về tổ chức và hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể đã khơi dậy được tính tích cực, sáng tạo của nhân dân.

Tuy nhiên công tác quần chúng của Đảng vẫn chưa được đổi mới một cách căn bản.

2. Để đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, cần quán triệt *những quan điểm chỉ đạo* sau đây:

Một là, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Chúng ta cần tiếp tục phát huy khả năng to lớn của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Nền tảng của khối đoàn kết toàn dân là giai cấp công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là nhằm thực hiện và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Nhân dân coi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh là sự nghiệp của chính mình. Mặt khác, nhân dân chủ động xây dựng khối đoàn kết toàn dân vững chắc, đấu tranh với những hiện tượng không lành mạnh trong nội bộ nhân dân, tích cực thực hiện đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và các chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Hai là, động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân.

Trong xã hội do nhân dân làm chủ, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội gắn chặt và thống nhất với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp. Công tác vận động và tổ chức nhân dân chỉ có thể thành công nếu trước hết bảo vệ và



đáp ứng được trên thực tế lợi ích thiết thân của người dân, từ đó kết hợp hài hoà các lợi ích, gắn chặt quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa được tiến hành đi đôi với bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân; đồng thời khắc phục tư tưởng coi nhẹ lợi ích tập thể và xã hội, chỉ thấy quyền lợi mà quên nghĩa vụ công dân hoặc ngược lại.

Ba là, các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng.

Cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội, trong giai đoạn mới cần thành lập những tổ chức quần chúng đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân, hoạt động theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái. Các tổ chức quần chúng được thành lập trên *nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính* được tổ chức trong từng địa phương hoặc có quy mô toàn quốc, không nhất loạt giống nhau. Các đoàn thể chính trị - xã hội cần chủ động xây dựng và tham gia vào các tổ chức nói trên, qua đó vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bốn là, công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Công tác quần chúng không chỉ là trách nhiệm của các đoàn thể, mà còn là trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có phối hợp với nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình.

Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt của các lực lượng cách mạng chống lại các thế lực thù địch trên các lĩnh vực để vận động và tổ chức nhân dân tự giác đi theo con đường cách mạng,



đập tan những âm mưu và thủ đoạn chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Phần thứ hai

**ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG CỦA
CÁC ĐOÀN THỂ, NHÀ NƯỚC VÀ CỦA ĐẢNG**

1. *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể và tổ chức quần chúng*

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* giữ vai trò to lớn trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thực hiện tốt vai trò của Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo của Mặt trận, trình bày các chủ trương, chính sách của Đảng, lắng nghe ý kiến và cùng bàn bạc, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên của Mặt trận, động viên phong trào hành động cách mạng rộng lớn của nhân dân.

Công tác mặt trận cần đi sâu vận động các cụ phụ lão, các nhân sĩ, công thương gia, những người tiêu biểu của các dân tộc thiểu số, các chức sắc tôn giáo và của người Việt ở nước ngoài.

- *Các đoàn thể và tổ chức quần chúng bao gồm:*

+ *Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam...* là những đoàn thể chính trị - xã hội của các giai cấp và tầng lớp nhân dân do Đảng lãnh đạo, là người đại diện, bảo vệ lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, là trường học xã hội chủ nghĩa của đoàn viên, hội viên và là nòng cốt của phong trào cách mạng quần chúng.



+ *Các hội nghề nghiệp, nhân đạo, hữu nghị...* là những tổ chức tự nguyện của quần chúng trong từng ngành nghề, từng mặt đời sống mang tính chất chính trị - xã hội với những mức độ khác nhau, được thành lập theo luật định.

+ *Ở cơ sở*, các đoàn thể cần coi trọng việc tập hợp quần chúng (trong và ngoài đoàn thể) bằng những hình thức linh hoạt (nhóm, tổ, câu lạc bộ...) hoạt động theo những nội dung thích hợp.

- Đảng cần hướng dẫn sự *đổi mới nội dung hoạt động* của các đoàn thể và tổ chức quần chúng vào việc đoàn kết đoàn viên, hội viên cùng nhau chăm lo lợi ích thiết thực của mình và góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Từ việc đáp ứng lợi ích thiết thực về vật chất và tinh thần, bảo vệ những quyền lợi chính đáng của quần chúng mà tạo nên sự gắn bó trong tổ chức, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và trình độ mọi mặt của đoàn viên, hội viên, động viên mọi người làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước.

- Các đoàn thể *đổi mới xây dựng tổ chức* theo hướng coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, tích cực xây dựng cơ sở vững mạnh, thu hẹp diện yếu kém.

Các hội là những tổ chức quần chúng rộng rãi, tùy đặc điểm riêng từng hội mà tổ chức linh hoạt, có thể có quy mô toàn quốc hoặc chỉ tổ chức ở địa phương và cơ sở.

Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội cần cử những người có tín nhiệm vào hoạt động trong các hội quần chúng.

Trong tổ chức và hoạt động, các đoàn thể và tổ chức quần chúng thực hiện nguyên tắc tự quản, tự lựa chọn cán bộ của mình. Các cấp ủy đảng tôn trọng tính độc lập về tổ chức, hướng dẫn



các đoàn thể và tổ chức quần chúng hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật và có hiệu quả cao.

Cán bộ của đoàn thể phải được lựa chọn từ những người ưu tú trong phong trào, có năng lực và có uy tín đối với quần chúng. Cần tích cực tinh giản bộ máy cán bộ chuyên trách của đoàn thể, coi trọng sử dụng cán bộ không chuyên trách. Cán bộ đoàn thể ở các cấp trên cần dành nhiều thời gian đi sát cơ sở, thực hiện chế độ luân phiên làm việc ở cơ sở dài ngày. Khuyến khích cán bộ chuyên trách về công tác hăng ở cơ sở. Chăm lo đời sống và bảo đảm điều kiện hoạt động của cán bộ đoàn thể. Các cấp trên cần hết sức giúp đỡ cơ sở, chú ý đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc cán bộ cơ sở của các đoàn thể.

Về kinh phí và phương tiện hoạt động, ngoài trợ cấp của ngân sách Nhà nước (tuỳ từng trường hợp cụ thể) và sự đóng góp của đoàn viên, hội viên, các đoàn thể và tổ chức quần chúng được tổ chức sản xuất kinh doanh theo luật định để có thêm nguồn tài chính hoạt động.

2. *Tăng cường công tác quần chúng của bộ máy Nhà nước*

- Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Các cơ quan chính quyền các cấp điều hành công việc theo chức năng quản lý Nhà nước đồng thời làm tốt công tác vận động quần chúng tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền. Cần bồi dưỡng cán bộ chính quyền các cấp kiến thức về công tác vận động nhân dân.

- Nhà nước tiếp tục *xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chế độ chính sách* về các quyền và nghĩa vụ của công dân.

Chính quyền và các đoàn thể cấp trên cần hướng dẫn cơ sở vận động nhân dân xây dựng và thực hiện các *quy chế, quy ước* cụ thể về những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và lợi ích của nhân dân, thực hiện tốt các luật lệ, chế độ của Nhà nước.



- Các cơ quan nhà nước, đặc biệt là những ngành, những đơn vị có quan hệ trực tiếp với dân, *cần quy định các tiêu chuẩn cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân* của cán bộ, nhân viên chính quyền, công bố để nhân dân biết và kiểm tra việc thực hiện.

Tổ chức tốt việc *tiếp dân và giải quyết kịp thời những đơn thư khiếu tố của dân*.

- Các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cần thực hiện tốt chế độ trách nhiệm trước cử tri; tăng cường tiếp xúc với cử tri, lắng nghe ý kiến của cử tri để phản ánh và kiến nghị với các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng pháp luật, chính sách của Nhà nước; thúc đẩy các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri; đồng thời tuyên truyền, vận động cử tri thực hiện pháp luật và làm tròn nghĩa vụ công dân.

Thực hiện nghiêm túc việc bãi miễn những đại biểu nhân dân và thi hành kỷ luật đối với những cán bộ chính quyền có khuyết điểm nặng, không được nhân dân tín nhiệm.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt *quy chế phối hợp giữa chính quyền các cấp với Mặt trận và các đoàn thể*. Thực hiện tốt chế độ định kỳ báo cáo công việc của Hội đồng Bộ trưởng và uỷ ban nhân dân các cấp trước các cơ quan dân cử, trước nhân dân và tiếp thu ý kiến phê bình xây dựng của nhân dân.

3. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.



Cần làm tốt những việc sau đây:

- *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.* Các cấp ủy từ Trung ương đến cơ sở phải nắm vững và làm đúng chức năng lãnh đạo của mình bằng phương pháp dân chủ, khắc phục lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh.

Các tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ đều phải lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích của quần chúng làm một nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình. Phải có kế hoạch thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời. Phân công đồng chí chủ chốt trong cấp ủy chuyên trách công tác quần chúng. Mỗi đảng viên đều làm công tác vận động quần chúng, gương mẫu thực hiện chức trách trong đơn vị và nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, hoạt động tích cực trong đoàn thể mà mình tham gia.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và các dân tộc.

- *Làm trong sạch Đảng,* nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên, biểu dương những đảng viên gương mẫu, xử lý nghiêm những phần tử thoái hoá, biến chất, ức hiếp quần chúng, lợi dụng chức quyền vì phạm lợi ích của nhân dân, dù người đó ở cấp nào và cương vị công tác nào. Cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật phải xử lý theo pháp luật.

Các cấp, các ngành xoá bỏ ngay những quy định nội bộ tạo đặc quyền, đặc lợi cho cán bộ, đảng viên.

Chi bộ đảng phải định kỳ tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân dân nhận xét phê bình đảng viên, tổ chức đảng, và những người đảng dự định kết nạp.

- *Củng cố tổ chức cơ sở đảng,* kiện toàn tổ chức từ đảng ủy đến chi bộ, tổ đảng, đặc biệt là chi bộ, bảo đảm chi bộ đủ sức



trực tiếp lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chăm lo quyền lợi của nhân dân.

- Các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tăng cường *lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh* nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ đoàn, phát huy vai trò Đoàn là nòng cốt trong phong trào thanh niên, phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, xứng đáng là đội hậu bị tin cậy của Đảng.

Phần thứ ba

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO QUÂN CHÚNG HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẤP BÁCH

1. Làm chuyển biến tốt tình hình kinh tế - xã hội

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nhân dân khai thác mọi tiềm năng đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ, tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Công nhân, viên chức các đơn vị kinh tế quốc doanh khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, ngày càng phát huy tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Các tầng lớp nhân dân từ nông thôn đến thành thị hưởng ứng chủ trương của Nhà nước phát triển mạnh mẽ kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác, *thu hút lao động xã hội, từng bước khắc phục tình trạng thiếu việc làm*. Nhà nước bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời giải quyết tốt một số vấn đề nóng bỏng khác như lạm phát, tài chính, ngân hàng, giá cả, tiêu thụ sản phẩm... làm cho tình hình kinh tế chuyển biến ngày càng tốt hơn, đời sống nhân dân và tình hình xã hội ngày càng ổn định.



- Chính quyền các cấp tăng thêm phần kinh phí trong ngân sách và cùng với nhân dân động viên thêm các nguồn lực trong xã hội bằng mọi cách *ngăn chặn tình trạng xuống cấp của các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, khoa học*, chú ý miền núi, vùng căn cứ cách mạng cũ. Nhà nước bổ sung một số chính sách xã hội cấp bách.

- Các đoàn thể quần chúng cùng với các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước phải sâu sát tình hình các trường đại học, các cơ quan khoa học, các hội văn học - nghệ thuật, giúp đỡ giải quyết những yêu cầu chính đáng, tạo điều kiện cho trí thức phát huy tài năng.

- Các tổ chức sản xuất, kinh doanh và mọi công dân đề cao trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước, kiên quyết chống thất thu thuế và các khoản nộp ngân sách. Nhà nước xây dựng, bổ sung những chính sách điều tiết thu nhập và phân phối, *khắc phục tình trạng phân phối không công bằng*; bằng những hành động thiết thực, chăm sóc đời sống người về hưu, gia đình có công với cách mạng, thương binh và gia đình liệt sĩ, v.v.. Xúc tiến nghiên cứu cải cách *chế độ tiền lương* đã quá bất hợp lý.

- Toàn dân thực hiện phong trào *triệt để tiết kiệm* trong sản xuất và trong tiêu dùng; lên án và đấu tranh chống các hành vi và lối sống xa hoa, lãng phí; các cơ quan nhà nước, các tổ chức sản xuất, kinh doanh thương, phạt kịp thời và đúng mức để khuyến khích việc thực hành tiết kiệm.

- Với sự tham gia của các đoàn thể quần chúng, Nhà nước chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành liên tục cuộc *đấu tranh chống tiêu cực, nhất là chống tham nhũng*, có trọng điểm và bước đi phù hợp; khẩn trương xét xử những vụ tiêu cực lớn đã



được phát hiện và thông báo công khai để nhân dân biết. Gắn chặt cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước và các đoàn thể với cuộc đấu tranh chống tiêu cực ngoài xã hội, đặc biệt là cuộc đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. *Làm tốt một số việc nhằm thiết thực phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội*

- Đảng và Nhà nước thực hiện chế độ *lấy ý kiến của nhân dân* trong việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, trong việc sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ. Lãnh đạo và tổ chức tốt việc nghiên cứu và hội thảo các chủ đề có liên quan đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thu hút các nhà khoa học, các cán bộ quản lý và hoạt động thực tiễn tham gia đóng góp ý kiến.

Trong năm 1990, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội sẽ đưa ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

- Cán bộ, đảng viên thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, *lắng nghe ý kiến nhân dân*, giải quyết hoặc phản ánh lên cấp trên và cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những yêu cầu chính đáng của nhân dân.

- Phát huy vai trò của hệ thống *thanh tra nhân dân* để cùng với hệ thống thanh tra nhà nước giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật và chủ trương, chính sách của Nhà nước, phát hiện và tham gia xử lý những vụ việc tiêu cực trong Đảng, bộ máy Nhà nước và trong xã hội.

- Tiếp tục *mở rộng thông tin trong cán bộ và nhân dân*. Tăng cường lãnh đạo công tác thông tin, báo chí, xuất bản. Báo chí một mặt kịp thời biểu dương những nhân tố mới, những



kinh nghiệm tốt, những tấm gương sáng, mặt khác, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, phê phán, đấu tranh kiên quyết với những quan điểm sai trái, lệch lạc, những luận điệu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch.

Tổ chức để nhân dân phát biểu ý kiến rộng rãi trên báo, đài, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; tiếp thu và thực hiện những ý kiến đúng, uốn nắn những ý kiến thiếu xây dựng.

Trong quá trình phát huy dân chủ vừa phải đấu tranh khắc phục sự vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, vừa phải đấu tranh chống quan điểm dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan; kiên quyết trấn áp đối với các hoạt động thù địch chống nhân dân, lợi dụng dân chủ để chia rẽ và phá hoại.

3. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng

Trên cơ sở làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang hiểu rõ tình hình, thấu suốt những nhận định và chủ trương của Đảng và Nhà nước, công tác tư tưởng phải làm cho mọi người:

- *Kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, quán triệt và thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, tin tưởng vững chắc rằng nhân dân ta, có sự lãnh đạo của Đảng, nhất định đưa công cuộc đổi mới từng bước đi tới thành công. Khắc phục tư tưởng bi quan, dao động và những quan điểm sai trái (phủ nhận thành quả cách mạng, hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chủ trương đa nguyên chính trị, đa đảng...).*

- *Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu và thủ đoạn thâm độc của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động ở trong và ngoài nước hòng chống phá công cuộc xây dựng*



chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ nhân dân với Đảng, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, chia rẽ nhân dân ta với nhân dân Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

- *Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập đạo đức cách mạng của Bác Hồ*, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống lối sống thực dụng, đồi trụy, các tệ nạn xã hội và hủ tục mê tín dị đoan; bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc.

4. *Toàn dân chăm lo công tác quốc phòng, an ninh*

- Trong tình hình mới, nhân dân ta càng phải tích cực tham gia chăm lo công tác quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

- Quân đội, công an thường xuyên *nâng cao ý chí cách mạng, tinh thần sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực*, làm trong sạch nội bộ, thi hành nghiêm pháp luật của Nhà nước; phát huy truyền thống tốt đẹp quan hệ "cá nước" giữa quân với dân, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp đỡ nhân dân trong sản xuất và đời sống, thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy của Bác Hồ về kỷ luật trong quan hệ với dân.

- Toàn dân đề cao trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giúp đỡ bộ đội, công an hoàn thành tốt nhiệm vụ mà nhân dân giao phó; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

*

* *



Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết thành một khối vững chắc, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên mạnh mẽ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Văn Linh

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1990

**Về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI
“Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường
mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” ở cơ sở**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về *Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân* có ý nghĩa rất quan trọng, cần được thực hiện tốt trước hết ở cơ sở.

Những việc làm cụ thể là:

1. Làm cho các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng *quán triệt sâu sắc Nghị quyết 08B*, liên hệ với Nghị quyết Trung ương *kiểm điểm công tác quần chúng của mình*, phân tích ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm cụ thể, *nêu ra những việc phải làm và có thể làm* từ nay đến Đại hội VII của Đảng.

2. *Củng cố tổ chức cơ sở đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Tổ chức kiểm tra đảng viên thực hiện *Điều lệ Đảng* và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.



Vận động quần chúng góp ý kiến với tổ chức cơ sở đảng, tham gia kiểm tra tư cách đảng viên và xây dựng Đảng. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức kỷ luật, thoái hoá biến chất, tham ô lớn, v.v.. Những đảng viên trình độ giác ngộ quá thấp, năng lực hoạt động và đạo đức, phẩm chất không bằng quần chúng, không được quần chúng tín nhiệm và không còn tác dụng là đảng viên thì cũng không để ở trong Đảng. Xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước đối với những đảng viên có hành vi tiêu cực, giải quyết minh bạch và kịp thời những đơn thư, lời khiếu tố của quần chúng đối với đảng viên, chi bộ, đảng bộ.

Mỗi đảng viên phải thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu trong công tác, lao động, sản xuất và đời sống hằng ngày trước quần chúng. Tổ chức cơ sở đảng phân công từng đảng viên chịu trách nhiệm cụ thể về vận động quần chúng.

Khuyến khích, biểu dương những đảng viên có quan hệ tốt với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, yêu mến.

3. *Củng cố và nâng cao năng lực quản lý của chính quyền cơ sở.* Các tổ chức và cơ quan chính quyền từ trung ương đến cơ sở, các cơ sở y tế, giáo dục, cửa hàng, đồn công an... là những nơi hằng ngày tiếp xúc với nhân dân phải xây dựng thái độ tốt phục vụ nhân dân, không gây phiền hà, ức hiếp nhân dân..., xây dựng những quy định cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên, công bố để quần chúng biết và kiểm tra việc thực hiện. Chú ý thông tin tình hình và nhiệm vụ cho các đoàn thể quần chúng, lấy ý kiến của các đoàn thể quần chúng trước khi ra những quyết định có quan hệ đến đời sống quần chúng. Tổ chức tốt việc



tiếp dân, tuyên truyền giáo dục nhân dân về pháp luật, về thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

Vận động quần chúng bàn bạc, tham gia quyết định và thực hiện *quy chế, quy ước* cụ thể hoá chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân lao động, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ công dân trong lao động sản xuất và sinh hoạt xã hội.

4. *Các đoàn thể quần chúng ở cơ sở* định rõ chức năng, cải tiến phương thức hoạt động, đề ra nhiệm vụ của tổ chức mình phải làm việc gì và làm như thế nào để đem lại lợi ích thiết thực cho hội viên, đoàn viên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và từng đoàn thể có chương trình hành động cụ thể, phát huy tác dụng của sinh hoạt đoàn thể ở cơ sở, coi trọng nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, thí điểm và rút kinh nghiệm mở rộng vững chắc việc củng cố các tổ chức quần chúng, trước hết là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Cần có các hình thức tập hợp rộng rãi quần chúng hoạt động theo những yêu cầu về nghề nghiệp và đời sống mà quần chúng ở cơ sở có yêu cầu.

Tổ chức cơ sở đảng phải chăm lo *xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ của các tổ chức quần chúng*, khen thưởng, khuyến khích những cán bộ có năng lực và có cống hiến cho phong trào, được quần chúng tín nhiệm; bàn bạc với quần chúng hội viên, đoàn viên kiên quyết thay những cán bộ không có năng lực và không được quần chúng tín nhiệm. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán của đoàn thể ở cơ sở... là đảng viên hoặc người ngoài Đảng, có năng lực và có tín nhiệm với quần chúng.



5. Tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở

Cấp trên trực tiếp của cơ sở (huyện, quận và tương đương) cần nắm vững tình hình cơ sở, đánh giá và phân loại cơ sở (tiên tiến, trung bình, yếu kém), phân tích đúng nguyên nhân tình trạng mạnh, yếu của cơ sở. Từ đó định chương trình, kế hoạch xây dựng và củng cố cơ sở, đề ra mục tiêu phấn đấu phát triển diện cơ sở tiên tiến, thu hẹp diện cơ sở trung bình và yếu kém, phân công cán bộ theo dõi, giúp đỡ các cơ sở, chỉ đạo điểm theo từng vùng và từng loại cơ sở.

- *Cấp tỉnh, thành (và tương đương)* có kế hoạch cụ thể xây dựng và củng cố cơ sở, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho từng loại cơ sở của các ngành hoạt động trong địa phương, giúp đỡ và cùng với cấp quận, huyện thực hiện tốt việc chỉ đạo điểm ở những địa bàn có đặc điểm kinh tế - xã hội khác nhau, rút ra những bài học từ các điển hình tiên tiến, đưa phong trào quần chúng ở các cơ sở tiến lên đồng đều. Tỉnh, thành cần làm tốt công tác huấn luyện cán bộ cơ sở, bao gồm cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền và cán bộ các đoàn thể. Phân công cán bộ chủ chốt phụ trách các đoàn thể, kiện toàn tổ chức giúp cấp ủy trong công tác quần chúng.

Các ngành và các đoàn thể ở trung ương cần có chương trình hành động thực hiện Nghị quyết tám, tránh chồng chéo với nhau, làm tham mưu đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng xây dựng, sửa đổi, bổ sung những chủ trương, chính sách đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của quần chúng, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên; giúp cơ sở khắc phục khó khăn, chấn chỉnh tổ chức, sắp xếp cán bộ theo hướng tăng cường cho cơ sở.



Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với những cơ quan và đoàn thể hữu quan nghiên cứu đề xuất chính sách cán bộ cơ sở.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Học viện Nguyễn Ái Quốc phối hợp với các ban, ngành hữu quan xây dựng chương trình và nội dung huấn luyện về công tác quần chúng cho cán bộ cơ sở các loại.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 08B, cử cán bộ, phóng viên đi vào phong trào quần chúng, phát hiện những điển hình tốt về đổi mới và tăng cường quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, phê phán những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của quần chúng, rút ra những kinh nghiệm cụ thể.

7. Từng cấp ủy nắm chắc tình hình đổi mới công tác quần chúng, định kỳ kiểm tra, hướng dẫn, điều chỉnh chương trình hành động.

Các tỉnh ủy, thành ủy thường xuyên báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 08B.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
Nguyễn Thanh Bình

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 69-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1996

**Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI
về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng,
tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”**

I

Sáu năm qua, công tác dân vận đã có bước chuyển biến mới. Nhiều phong trào cách mạng của nhân dân được đẩy mạnh, nhất là trên lĩnh vực phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, thực hiện chính sách đối với người có công với nước, từ thiện nhân đạo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Vai trò của nhân dân được phát huy trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được từng bước triển khai ở tầm cao mới và chiều sâu mới.

Tư duy về công tác dân vận đã có bước phát triển. Bước đầu nâng cao được trách nhiệm của cả hệ thống đảng, chính quyền,



Mặt trận và các đoàn thể, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, rất quan trọng. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân được gắn bó hơn. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, dần dần khôi phục được tín nhiệm trong nhân dân, tập hợp thêm được đoàn viên, hội viên.

Tuy nhiên, công tác dân vận và mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân hiện nay còn nhiều khuyết điểm:

Một số cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa thấu suốt quan điểm quần chúng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhiều chủ trương của Đảng về công tác dân vận chậm được thể chế hóa. Chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân chưa đầy đủ. Nhiều cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ít đi cơ sở; ngại cơ Đảng, chính quyền, đoàn thể quan liêu, xa dân khắc phục chậm. Mặt trận và các đoàn thể còn nhiều mặt yếu, ít đi sâu vào các đối tượng quần chúng. Tỷ lệ tập hợp nhân dân vào tổ chức còn thấp và không đều ở các địa phương. Lực lượng nòng cốt mỏng. Cán bộ đoàn thể chưa đủ mạnh, chưa chuyển kịp yêu cầu mới; một số chưa phấn khởi công tác.

Nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm trên là do nhận thức và quan điểm về công tác dân vận, về đại đoàn kết dân tộc trong nhiều cán bộ chưa thực sự nhuần nhuyễn. Hiện tượng coi thường dân, coi nhẹ công tác dân vận và các đoàn thể còn diễn ra ở nhiều nơi. Tệ quan liêu, tham nhũng còn nghiêm trọng đang làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Các đoàn thể nhân dân chưa khắc phục tốt cách hoạt động theo kiểu hành chính. Chưa có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ dân vận.



II

Thực tiễn sáu năm qua đã khẳng định tính đúng đắn của những quan điểm chỉ đạo công tác dân vận trong Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI), cần tiếp tục quán triệt các quan điểm đó. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phương hướng công tác dân vận như sau:

- Quan điểm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cần được tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Biến các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành các phong trào cách mạng của nhân dân là việc có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước.

- Mục tiêu của công tác dân vận trong những năm tới là động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1996 - 2000). Chăm lo, tạo điều kiện cho mọi vùng sớm xóa đói, giảm nghèo, mọi nhà no ấm; sớm xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, không ngừng nâng cao dân trí; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, xóm làng đoàn kết, yên vui, gia đình hòa thuận, hạnh phúc, xã hội công bằng, đất nước ổn định.

- Đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, làm chủ cuộc sống bản thân và xã hội, nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phong trào cách mạng trong nhân dân.

- Các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng, lấy các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt. Các phương thức và khẩu hiệu vận động phải phù hợp với trình độ của từng đối tượng



nhân dân; coi trọng việc lấy các điển hình tiên tiến để tuyên truyền, vận động, nhân ra diện rộng.

- Đảng lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên công tác dân vận. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công chức, viên chức nhà nước đều phải làm tốt công tác dân vận, giữ mối quan hệ tốt với nhân dân trong khi thi hành công vụ. Cần phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức chính trị - xã hội với các cấp, các ngành của Nhà nước; gắn công tác dân vận với công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

- Trong tình hình hiện nay, cần vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, gây mất ổn định chính trị, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; phát hiện, ngăn chặn mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

III

Trong thời gian trước mắt, các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo làm tốt những nhiệm vụ sau:

1- Tổ chức các phong trào nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra. Cần có những hình thức biểu dương, cổ vũ những cá nhân và tập thể lập thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực nhằm động viên, cổ vũ phong trào phát triển sâu rộng. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Nhà nước có văn bản pháp quy quy định chế độ nhân dân tự quản ở địa bàn dân cư.

2- Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện tốt những nghị quyết của Đảng đã ban hành về các giai cấp, các tầng lớp xã



hội, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết đó, phải coi trọng sơ kết, tổng kết, phát hiện những vấn đề mới, để bổ sung, hoàn thiện các chính sách.

3- Ban Dân vận Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan sớm nghiên cứu thể chế hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể.

4- Chính phủ tiếp tục thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở các cấp; chấn chỉnh và loại bỏ những thủ tục hành chính phiền hà, tạo điều kiện cho mọi hoạt động của nhân dân được thuận lợi, đúng pháp luật; thường xuyên trao đổi với Mặt trận và các đoàn thể có liên quan trong quá trình chuẩn bị ban hành những chính sách quan trọng và chỉ đạo thực hiện các chính sách đó; tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động.

5- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần làm tốt chức năng phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Các đoàn thể nhân dân rà soát lại tổ chức và hoạt động của mình, có kế hoạch và hình thức hoạt động cho sát, đúng với đối



tượng vận động. Chăm lo lợi ích của hội viên, đoàn viên, đại diện cho đối tượng vận động của mình tham gia công việc của Nhà nước. Tăng cường phối hợp hành động giữa các thành viên trong Mặt trận. củng cố tổ chức cơ sở của các đoàn thể. Phát triển tổ chức trong các xí nghiệp tư nhân và liên doanh...

Các đoàn thể nhân dân được tham gia thực hiện các chương trình, dự án, được làm kinh tế để vừa bổ sung thêm kinh phí hoạt động, chăm lo thêm cho đội ngũ cán bộ của mình, vừa góp phần xây dựng đất nước, nhưng phải làm đúng pháp luật, có chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, làm có hiệu quả, ngăn chặn tham ô, lãng phí.

6- Các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên... làm tốt công tác dân vận nhằm củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ này và có chế độ, chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ dân vận, đặc biệt là cán bộ cơ sở.

Củng cố, kiện toàn ban dân vận của cấp ủy đảng ở các cấp theo hướng nâng cao chất lượng tổ chức cán bộ và hiệu quả hoạt động. Ban dân vận cấp huyện (và tương đương) cần được tổ chức thống nhất theo Hướng dẫn số 62, ngày 18/4/1994 của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Dân vận Trung ương. Ở mỗi cấp cần phân công đồng chí ủy viên ban thường vụ làm trưởng ban dân vận và một số cấp ủy viên phụ trách các đoàn thể và Mặt trận.

Nơi có nhiều tín đồ tôn giáo lập ban chỉ đạo công tác tôn giáo. Cơ cấu và hoạt động của ban này do Ban Dân vận Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.



7- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với đảng đoàn các đoàn thể nhân dân xem xét, đề nghị điều chỉnh những bất hợp lý về chính sách đối với cán bộ dân vận, nhất là cán bộ cơ sở. Đặc biệt quan tâm cán bộ công tác ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng dân tộc.

*

* *

Các tỉnh, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chỉ thị này có kế hoạch triển khai thực hiện.

Giao cho Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn việc triển khai, theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Chỉ thị này phổ biến toàn văn đến đảng viên ở cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Khả Phiêu

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 02 năm 2010

**Về việc ban hành Quy chế công tác dân vận
của hệ thống chính trị**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá X;
- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong thời kỳ mới,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Điều 2. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định này.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng



Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Nông Đức Mạnh



QUY CHẾ
CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW,
ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Bộ Chính trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Điều 2. Quy chế này xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân và cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Điều 3. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác dân vận; thường xuyên quán triệt và thực hiện phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”.



Chương II

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Mục I

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1- Bộ Chính trị chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn diện công tác dân vận trong hệ thống chính trị thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về lĩnh vực công tác dân vận.

2- Ban Bí thư trực tiếp chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận.

2.1- Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, trong từng nhiệm kỳ, căn cứ yêu cầu cụ thể, Ban Bí thư ban hành hoặc chuẩn bị cho Bộ Chính trị ban hành chủ trương và lãnh đạo Nhà nước, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

2.2- Lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong từng thời kỳ. Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.



2.3- Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; bố trí, giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

2.4- Định kỳ sáu tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết nghe Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan, tổ chức liên quan báo cáo tình hình nhân dân; chỉ đạo việc thực hiện công tác dân vận của hệ thống chính trị trong phạm vi cả nước và đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

2.5- Chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận trong từng nhiệm kỳ.

Điều 5. Đảng đoàn Quốc hội

1- Quán triệt các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận đối với đại biểu Quốc hội.

2- Lãnh đạo Quốc hội thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận bằng pháp luật và xem xét cho ý kiến, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, đảm bảo đúng đường lối dân vận của Đảng trong các hoạt động của Quốc hội.

3- Cụ thể hóa các nội dung công tác dân vận của Đảng đối với đại biểu Quốc hội trong quá trình tiếp xúc cử tri tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

Điều 6. Ban cán sự đảng Chính phủ

Lãnh đạo Chính phủ thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận bằng các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.



Điều 7. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

1- Quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận. Trong nhiệm kỳ có nghị quyết chuyên đề, hàng năm có chương trình công tác dân vận; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, đơn vị phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác dân vận.

2- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở Trung ương định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương, đơn vị. Tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội theo quy định.

3- Thực hiện giao ban định kỳ giữa ban thường vụ, thường trực cấp ủy với chính quyền, thủ trưởng đơn vị (lực lượng vũ trang), Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về công tác dân vận; thường xuyên lắng nghe ý kiến của mặt trận và các đoàn thể phản ánh với Đảng và Nhà nước về những vấn đề mà cán bộ, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân quan tâm; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

4- Kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân làm tốt việc tham mưu cho cấp ủy và làm nòng cốt trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở địa phương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức



vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa có kiến thức, kỹ năng về công tác dân vận.

5- Chỉ đạo các cấp ủy đảng phân công cấp ủy viên và đảng viên trực tiếp làm công tác dân vận tại nơi cư trú và nơi công tác.

6- Kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị về công tác dân vận của Đảng.

Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành

1- Quán triệt sâu sắc, nắm vững và gương mẫu thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình bằng chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể.

2- Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận và nhiệm vụ công tác dân vận của bộ, ngành, mặt trận và đoàn thể mình.

3- Có biện pháp thực hiện tốt công tác dân vận, ổn định tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức, quần chúng theo đặc thù, phạm vi của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 9. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương

1- Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách về công tác dân vận; chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc



lĩnh vực công tác dân vận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2- Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị quy định.

2.1- Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Dân vận Trung ương theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân, công tác dân vận của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; phối hợp chuẩn bị dự thảo các nghị quyết, chỉ thị về công tác dân vận.

2.2- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định về biên chế cán bộ trong khối dân vận và hệ thống dân vận các cấp; xây dựng cơ chế, chính sách và công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, bổ nhiệm cán bộ dân vận.

2.3- Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận; hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, cổ vũ các điển hình tiên tiến về công tác dân vận.



2.4- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận và Quy chế này.

2.5- Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài; làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào.

2.6- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Dân vận Trung ương giảng dạy bộ môn công tác dân vận cho các lớp đại học chính trị chuyên ngành, cao cấp lý luận chính trị - hành chính, cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành xây dựng Đảng.

Điều 10. Ban Dân vận Trung ương

1- Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

2- Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương về công tác dân vận của Đảng; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực công tác dân vận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tổ chức sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận.

3- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân



vận đối với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

4- Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thẩm định các đề án về công tác dân vận của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tham gia thẩm định những đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có liên quan mật thiết đến công tác dân vận.

5- Tham gia công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong khối cơ quan dân vận Trung ương và ban dân vận của các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương.

6- Định kỳ 6 tháng tổ chức giao ban công tác dân vận trong khối dân vận Trung ương và ban dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Mục II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Trách nhiệm của Quốc hội

1- Thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận thành văn bản pháp luật và chính sách của Nhà nước.

2- Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tầng lớp nhân dân đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật, nhất là những vấn đề có liên quan đến lợi ích, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc,



các tổ chức thành viên và của công dân phải được tập hợp, nghiên cứu, tiếp thu; bảo đảm các chủ trương, quyết sách hợp lòng dân.

3- Quy định đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp có kế hoạch cụ thể, thiết thực tìm hiểu các hoạt động của đời sống xã hội ở địa phương, để nắm bắt tình hình thực tiễn và tâm tư, nguyện vọng của cử tri.

4- Tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, theo dõi các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri và nhân dân.

5- Phát huy vai trò tư vấn, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quyết định các chương trình kinh tế, xã hội và các vấn đề lớn của đất nước theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Chính phủ

1- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận thành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo các bộ, ngành, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện.

2- Tập trung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ dân đối với các cơ quan và công chức nhà nước. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân trong thi hành công vụ.



3- Chỉ đạo, kiểm tra các bộ, ngành, các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân vận; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

4- Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia quản lý nhà nước; giám sát cán bộ, công chức thực thi pháp luật và hoạt động của cơ quan chính quyền các cấp.

Định kỳ hằng năm, Chính phủ có chương trình làm việc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong quần chúng nhân dân.

5- Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

6- Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, phát thanh, truyền hình thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; phản ánh, nêu gương điển hình tập thể và cá nhân thực hiện công tác dân vận của chính quyền các cấp.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1- Có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận trong hệ thống bộ, ngành mình.

2- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, sửa đổi lề lối làm việc theo hướng dân chủ



hóa và công khai hóa, chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí.

3- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành; việc tham mưu, đề xuất cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, các quyết định hành chính phải nhằm mục đích phục vụ nhân dân, hợp lòng dân.

4- Thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành. Giáo dục cán bộ, công chức nghiêm chỉnh thực hiện đạo đức công vụ, nêu cao ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh những hành vi sách nhiễu, xâm phạm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân đối với cán bộ, công chức do mình trực tiếp quản lý.

5- Phối hợp với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thực hiện công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận của đảng ủy cơ quan bộ, ngành thực hiện các nội dung quy định về công tác dân vận theo Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp

1- Giáo dục cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp gương mẫu chấp hành pháp luật. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân.

2- Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, thực hiện tranh tụng tại phiên tòa theo luật định, bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để oan sai, để lọt tội phạm.

3- Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định của pháp luật.



4- Giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng. Bồi thường danh dự và quyền lợi vật chất cho công dân trong trường hợp bị oan sai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang

1- Tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2- Tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; góp phần đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

3- Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

4- Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

5- Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền về công tác dân vận trên địa bàn đóng quân.

Điều 16. Trách nhiệm của chính quyền các cấp

1- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước



về công tác dân vận. Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách; các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các khoản thu, chi từ ngân sách và các nguồn khác; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

3- Thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ; nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình, góp ý của nhân dân về công tác quản lý, điều hành, về thái độ và phong cách làm việc của cán bộ, công chức; giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc của nhân dân.

4- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận. Phối hợp với ban dân vận của cấp ủy cùng cấp chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận của chính quyền.

5- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Tổ chức lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng các chính sách, quy hoạch và những chương trình, dự án lớn của địa phương. Thường xuyên lắng nghe và giải quyết kịp thời ý kiến của mặt trận và các đoàn thể phản ánh, kiến nghị với chính quyền những vấn đề mà nhân dân quan tâm.

Định kỳ sáu tháng, một năm, chính quyền có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.



6- Ban hành các quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức chính quyền trong thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với dân có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân trong thi hành công vụ.

7- Bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, quan tâm giải quyết chính sách cán bộ của khối dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Mục III

TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Điều 17. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1- Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tạo ra sự đồng thuận xã hội.

2- Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước.

3- Thực hiện tốt vai trò dân chủ đại diện và phản biện xã hội, vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát việc



thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4- Chủ động phối hợp với chính quyền và các ngành để tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; triển khai thực hiện Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và ở các loại hình khác.

5- Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các dự án luật, dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật. Tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, của các tổ chức thành viên mặt trận để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước về những vấn đề nhân dân quan tâm và có trách nhiệm thông tin cho nhân dân biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6- Phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp hiệp thương giới thiệu nhân sự và vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm dân chủ, đúng luật định.

7- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan vận động các tổ chức và người Việt Nam ở nước ngoài phát huy tinh thần yêu nước, hướng về Tổ quốc, đóng góp tài năng, trí tuệ, vốn, kinh nghiệm quản lý vào công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, góp phần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân.

Điều 18. Các đoàn thể nhân dân

1- Đoàn kết, tập hợp quần chúng trong tổ chức; làm tốt vai trò người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.



2- Tham gia với Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; tham gia cùng với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và phản biện xã hội theo quy định.

3- Phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội, góp phần củng cố và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, đơn vị.

4- Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống tổ chức của mình phối hợp chặt chẽ với các ban xây dựng Đảng, cơ quan, chính quyền, lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận.

5- Tập hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và có trách nhiệm thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Chương III

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG TÁC DÂN VẬN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 19. Việc ban hành các chủ trương, nghị quyết, quyết định về công tác dân vận và những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi trực tiếp của nhân dân

1- Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận và có liên quan đến quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân phải



được lấy ý kiến tham gia của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trước khi ban hành thực hiện.

2- Trường hợp cụ thể, các chủ trương, nghị quyết, quyết định có tính chất hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của đông đảo công dân được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến tham gia của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

3- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đại diện các hội quần chúng có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến; đồng thời, tuyên truyền, vận động để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về những vấn đề được lấy ý kiến.

4- Ban dân vận cấp ủy các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng hợp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, của nhân dân, báo cáo cấp ủy cùng cấp.

Điều 20. Việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, các quyết định hành chính có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân

1- Các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cần chủ động phối hợp với ban dân vận của cấp ủy để phổ biến, triển khai tới Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; mặt trận và các đoàn thể làm nòng cốt vận động nhân dân thực hiện.

2- Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quyết định hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân cho ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để có cơ sở tham mưu cho cấp ủy và phối hợp vận động quần chúng nhân dân thực hiện.



Điều 21. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri

1- Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2- Chính quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri cho ban dân vận, ủy ban kiểm tra của cấp ủy, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cùng cấp để phối hợp giải quyết, nhất là khi có khiếu nại, tố cáo đông người. Kết quả giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, ý kiến, kiến nghị của cử tri phải được trả lời cho công dân hoặc cử tri và thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cử tri biết.

3- Trường hợp vụ việc phức tạp, khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đúng các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp với chính quyền để vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện quyết định đó; khi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đúng với các quy định của pháp luật thì ban dân vận của cấp ủy đề nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 22. Việc phối hợp giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1- Khi xảy ra tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì cơ quan chính quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy đảng; đồng thời phối hợp với các ngành chức năng, Mặt trận



Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giải quyết theo thẩm quyền để sớm ổn định tình hình.

2- Trong trường hợp quá phức tạp, nghiêm trọng hoặc vượt quá thẩm quyền, cần kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền cấp trên. Khi có đề nghị của cấp ủy, chính quyền cấp dưới trực tiếp hoặc xét thấy cần thiết, cấp ủy, chính quyền cấp trên thành lập đoàn công tác giúp địa phương giải quyết.

3- Việc cử cán bộ của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất của cấp ủy đảng và theo yêu cầu cụ thể của công việc mà phân công cán bộ hợp lý.

4- Đối với những trường hợp lợi dụng dân chủ, kích động quần chúng gây rối làm mất trật tự trị an thì cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Điều 23. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

1- Định kỳ hàng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy cùng cấp, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy để tổng hợp, theo dõi.

2- Định kỳ hàng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy cấp trên để tổng hợp, theo dõi.



3- Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4- Những trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, ngành hữu quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; ban dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

Chương IV

VỀ PHÂN CÔNG CÁN BỘ TRỰC TIẾP PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 24. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công một đồng chí phụ trách công tác dân vận của Đảng và Khối các cơ quan dân vận trong hệ thống chính trị.

Điều 25. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Điều 26. Các tỉnh ủy, thành ủy, huyện, thị ủy và tương đương phân công một đồng chí ủy viên ban thường vụ phụ trách công tác dân vận và trực tiếp làm trưởng ban dân vận. Cấp ủy cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp) phân công một đồng chí phó bí thư phụ trách công tác dân vận.

Điều 27. Chính quyền các cấp phân công đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về quy chế dân chủ ở cơ sở. Các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.



Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của cấp ủy viên, thành viên các cơ quan, tổ chức được phân công phụ trách công tác dân vận:

1- Chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, cơ quan, đơn vị về công tác dân vận.

2- Xây dựng chương trình công tác, có chế độ định kỳ sinh hoạt, tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân của ngành, cơ quan, tổ chức và địa phương được phân công phụ trách ít nhất mỗi quý một lần; thường xuyên lắng nghe ý kiến của cấp dưới, mặt trận và các đoàn thể, của đảng viên và nhân dân; thường xuyên nghiên cứu, cập nhật kiến thức về công tác dân vận.

3- Được mời tham dự các lớp tập huấn về công tác dân vận do ban dân vận cấp ủy tổ chức; được ban dân vận cấp ủy, mặt trận và các đoàn thể nhân dân cung cấp các tài liệu, thông tin, báo cáo về công tác dân vận.

Điều 29. Mỗi đảng viên phải thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quần chúng theo điểm 3, Điều 2 Điều lệ Đảng; định kỳ hàng tháng báo cáo với chi ủy, chi bộ về tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của nhân dân nơi cư trú và nơi làm việc.

Điều 30. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, cán bộ của hệ thống dân vận các cấp, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

1- Ban tổ chức chủ trì, phối hợp thống nhất với ban dân vận của cấp ủy cùng cấp trong việc tham mưu với cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ của hệ thống dân vận phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn.

2- Cán bộ làm công tác dân vận chuyên trách, đặc biệt là cán bộ chủ chốt các cấp, ngoài tiêu chuẩn chung phải được đào



tạo, am hiểu và có kỹ năng làm công tác vận động quần chúng, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín và tác phong quần chúng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 32. Căn cứ Quy chế này, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng hoặc bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Điều 33. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban xây dựng Đảng của Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 34. Hàng năm, các tổ chức trong hệ thống chính trị kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-KL/TW, ngày 13 tháng 5 năm 2016

Về tiếp tục thực hiện Quyết định số 290 của Bộ Chính trị khóa X về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”

Tại phiên họp ngày 23/3/2016, sau khi nghe Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị khóa X “Về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”, Ban Bí thư đã thảo luận và khẳng định Quyết định số 290 của Bộ Chính trị là quyết định đúng đắn, vẫn còn nguyên giá trị, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phải tiếp tục thực hiện tốt; đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

1- Sau 5 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị” (dưới đây gọi là Quy chế) bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Nhận thức về vị trí, vai trò công tác dân vận, trách



nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, có chuyển biến. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận từ Trung ương đến cơ sở được tăng cường. Nội dung công tác dân vận và trách nhiệm thực hiện công tác dân vận của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từng bước được xác định rõ hơn. Công tác cán bộ của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được quan tâm hơn.

Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước có tiến bộ; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; chú trọng việc tiếp công dân, tăng cường đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những vấn đề khó khăn, bức xúc nảy sinh; nhận thức, trách nhiệm về công tác dân vận và phong cách, thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, quan hệ với nhân dân có chuyển biến nhất định; sự phối hợp trong công tác dân vận giữa các ngành, lực lượng vũ trang với Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chặt chẽ hơn; các phong trào thi đua yêu nước gắn với phát huy dân chủ ở cơ sở và xây dựng điển hình “Dân vận khéo” đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, việc thực hiện Quy chế chưa nghiêm, chưa đồng bộ; nhiều nội dung trong Quy chế chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu. Phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân” chưa được quán triệt thường xuyên và thực hiện tốt. Việc tổ chức lấy ý kiến, đóng góp ý kiến, tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đối với những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ cơ bản của công dân thực hiện chưa



thường xuyên, hiệu quả còn hạn chế. Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa thật sự đồng bộ, tình trạng quan liêu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Công tác kiểm tra, khảo sát, đánh giá và việc thông tin, báo cáo của một số địa phương, đơn vị về thực hiện Quy chế vẫn còn hình thức. Triển khai thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn lúng túng.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do một số cấp ủy đảng, người đứng đầu ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa quan tâm đúng mức đến dân vận và công tác dân vận. Một số nội dung của Quy chế và các văn bản của Trung ương về công tác dân vận chưa được thể chế hóa kịp thời thành các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện thống nhất, đồng bộ. Việc phân công cán bộ phụ trách dân vận và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế ở một số cơ quan nhà nước các cấp còn hạn chế. Một số ban dân vận các cấp chưa chủ động tham mưu cho cấp ủy các chủ trương, giải pháp để tổ chức thực hiện Quy chế. Bên cạnh đó, tác động của mặt trái cơ chế thị trường, tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; hoạt động chống phá của các thế lực thù địch..., đã ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị các cấp, tác động tiêu cực đến chất lượng, hiệu quả thực hiện Quy chế.

2- Để nâng cao hiệu quả thực hiện Quy chế, Ban Bí thư yêu cầu thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

2.1- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến thực hiện có hiệu quả Quy chế và các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về



công tác dân vận. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng quy chế công tác dân vận phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị; phân công trách nhiệm cụ thể, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Cấp ủy đảng và người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị quán triệt sâu sắc, nắm vững và gương mẫu thực hiện Nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân vận; hướng các hoạt động về cơ sở, tăng cường đối thoại trực tiếp với nhân dân; tham gia cùng chính quyền giải quyết thỏa đáng nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Mọi đảng viên đều phải thực hiện tốt nhiệm vụ công tác vận động quần chúng theo quy định Điều lệ Đảng; chủ động báo cáo với chi ủy, chi bộ về tâm tư, nguyện vọng, ý kiến nhân dân nơi cư trú và nơi làm việc.

2.2- Nâng cao hiệu quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước; tổ chức thực hiện tốt Kết luận số 114, ngày 14/7/2014 của Ban Bí thư về “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp”. Thể chế hóa, cụ thể hóa Quy chế thành các văn bản, quy định để thực hiện trong hệ thống cơ quan nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới hoạt động quản lý điều hành của cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, thân thiện và gần dân. Xây dựng và thực hiện các thiết chế tăng cường công tác dân vận; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng cán bộ phụ trách và cán bộ tham mưu về công tác dân vận. Tăng cường, đổi mới công tác giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính nhà nước; bồi dưỡng nghiệp vụ



dân vận cho cán bộ tham mưu về công tác dân vận của bộ, ngành, cơ quan.

2.3- Các cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương nâng cao chất lượng tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách về công tác dân vận; nâng cao chất lượng theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân để giúp Trung ương đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân... để có chủ trương, chính sách phù hợp. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp giữa Ban Dân vận Trung ương với các cơ quan ở Trung ương, giữa ban dân vận cấp ủy với chính quyền các cơ quan, ban, ngành cùng cấp trong việc xây dựng và thẩm định các đề án, dự án luật liên quan đến công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

2.4- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, trong đó có phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên mọi lĩnh vực gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.



2.5- Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy chế. Ban Dân vận Trung ương thực hiện tốt việc chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cấp ủy đảng kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận và Quy chế này.

3- Tổ chức thực hiện

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo các cơ quan chức năng tiếp tục thể chế hóa thành các quy định của pháp luật bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân theo chủ trương, nghị quyết của Đảng và Hiến pháp năm 2013.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo cơ quan chức năng tham mưu để sớm ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan chính quyền các cấp trong tình hình mới (thay thế Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg, ngày 21/9/2000); chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế này theo quy định.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung Kết luận này, cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Bí thư qua Ban Dân vận Trung ương.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác dân vận. Các học viện, trường chính trị bổ sung nội dung dân vận, công tác dân vận vào chương trình, bài giảng cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.



- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện.

Kết luận này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Đình Thế Huỳnh

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI
Số 25-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2013

**Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác dân vận trong tình hình mới**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước; là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương về công tác dân vận. Trên cơ sở đó, công tác dân vận đã đạt được những kết quả quan trọng. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác vận động nhân dân được đổi mới; đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống tổ chức Mặt trận



Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn, củng cố, đổi mới phương thức hoạt động; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đã có nhiều hình thức hoạt động vận động nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thúc đẩy các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên được chăm lo, bảo vệ; công tác tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên được chú trọng; công tác giáo dục thế hệ trẻ được quan tâm.

Công tác dân vận thời gian qua đã góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2- Tuy nhiên, công tác dân vận còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận còn chưa kịp thời, kém hiệu quả; chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân... để có chủ trương, chính sách phù hợp. Việc thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân vận chưa kịp thời, nhất là cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận chưa được quan tâm đúng mức. Một số chính sách chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, nhiều bức xúc chưa được giải quyết; quyền



làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

3- Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan. Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác dân vận; chưa thấy hết trách nhiệm và chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý còn thiếu gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận chậm được đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn. Tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ sở yếu kém, giảm sút vai trò lãnh đạo, phối hợp thiếu chặt chẽ, không sát dân, không làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân. Chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và bố trí đủ nguồn lực cho việc triển khai, thực hiện chủ trương, chính sách công tác dân vận. Phương pháp vận động, tập hợp quần chúng chưa phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, người theo đạo. Việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, đoàn thể chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, có rất nhiều vấn đề mới đặt ra tác động đến tư tưởng, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội, cùng với tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, là thách thức đối với mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng.



Thực tiễn đòi hỏi Đảng cần tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo đối với công tác dân vận, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân cũng như khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1- Mục tiêu

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới nhằm củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2- Quan điểm

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, cần quán triệt các quan điểm sau:

- Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ.

- Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải



đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh.

- Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo.

- Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt.

- Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ máu thịt của nhân dân với Đảng và Nhà nước

Kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự trong sạch,



vững mạnh. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Sớm ban hành và thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy định về Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Không ngừng nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải hiểu dân, gương mẫu, tận tụy với công việc, nói đi đôi với làm để nhân dân tin tưởng, noi theo. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trên cơ sở tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân phát huy đầy đủ quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị tập trung giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống, việc làm, đền bù thu hồi đất đai, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội. Trong xây dựng thể chế, chính sách, cần quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc: mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải thuận với lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chú trọng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là điều kiện sống, lao động, học tập, sáng tạo, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe.



Quan tâm điều chỉnh hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, các vùng miền, các lĩnh vực; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng, xã hội.

Xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực, tham nhũng; giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, kéo dài.

2- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí công tác dân vận trong tình hình mới

Đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, nhất trí với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ công tác dân vận; quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Công tác dân vận trong tình hình mới phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tạo động lực để nhân dân đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Không ngừng nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.



Tăng cường lãnh đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan thông tin đại chúng; mở rộng các kênh thông tin truyền thông, đối thoại trực tiếp với nhân dân, góp phần giải tỏa bức xúc, hoài nghi trong xã hội. Chú trọng việc định hướng và quản lý các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các mạng xã hội; phát huy sức mạnh của dư luận xã hội lành mạnh hỗ trợ cho các biện pháp quản lý của Nhà nước và các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Chủ động đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đẩy mạnh tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực; phát huy tinh thần yêu nước, thực hành dân chủ, tạo ra phong trào hành động cách mạng của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm, giải pháp về công tác dân vận của Đảng để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là cán bộ dân vận của Đảng. Phát hiện, bồi dưỡng kỹ năng vận động nhân dân cho những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, tạo điều kiện để họ tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự lan tỏa, sức sống của công tác dân vận trong tình hình mới.

3. Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan nhà nước

Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về dân vận thành các văn bản pháp luật để các cấp chính quyền,



cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân thực hiện. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi. Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước; góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm vận động nhân dân. Xây dựng và thực hiện phong cách: “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”; thường xuyên đi công tác cơ sở. Các cơ quan nhà nước, nhất là những ngành, cơ quan, đơn vị có quan hệ trực tiếp với nhân dân cần công khai các quy định cụ thể về trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức để nhân dân biết và giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới lề lối làm việc, chấn chỉnh thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân và giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu tố của dân. Làm tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chủ động nắm tình hình và giải quyết những công việc liên quan đến đời sống của nhân dân.

Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc ít người, để các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.



4. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị

Trong tình hình mới, công tác dân vận phải tập hợp được quần chúng nhân dân thành lực lượng xã hội rộng rãi tham gia các phong trào thi đua yêu nước theo tinh thần “Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua”. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải kết thành một khối vững chắc, làm nên sức sống các phong trào thi đua. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị, nắm bắt lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân để xác định nội dung và lựa chọn cách thức phát động thi đua sát với thực tế của địa phương, đơn vị với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

Các phong trào thi đua cần thiết thực, tiết kiệm, tránh hình thức, sáo rỗng; lấy hiệu quả về chính trị, kinh tế - xã hội làm thước đo đánh giá từng phong trào thi đua. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng kịp thời.

Vận động và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát huy cao độ tiềm năng, sức sáng tạo, tích cực lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước; tham gia đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội.



5. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng để tập hợp nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội, trong từng giai đoạn cách mạng.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu và nòng cốt trong việc nắm bắt dư luận xã hội, phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm của công dân trong thực hiện giám sát xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động, để gần dân, sát dân hơn.

Phát triển các tổ chức quần chúng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải, tạo môi trường và điều kiện để nhân dân phát huy sức lực, trí tuệ sáng tạo theo nguyện vọng trên cơ sở pháp luật. Nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức đoàn thể, đoàn viên, hội viên; phát hiện, lựa chọn những đoàn viên, hội viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để giới thiệu kết nạp vào Đảng, giới thiệu quy hoạch, đào tạo cán bộ. Phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ; tạo môi trường, cơ chế, chính



sách thuận lợi cho tuổi trẻ rèn đức, luyện tài, lao động, học tập, phấn đấu, cống hiến cho đất nước. coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên trở thành những người kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội với các hội quần chúng, với chính quyền, lực lượng vũ trang trong công tác dân vận. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Phát huy vai trò công tác đối ngoại nhân dân và vận động người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, hình ảnh con người, đất nước Việt Nam và hướng về xây dựng quê hương, đất nước; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè và các tổ chức quốc tế.

6. Quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ Ban Dân vận, Mặt trận, đoàn thể nhân dân các cấp vững mạnh

Củng cố ban dân vận các cấp; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận của Đảng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược; có cơ chế, chính sách thu hút người có năng lực, có uy tín, có kinh nghiệm làm công tác dân vận; chú trọng luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, nhất là cán bộ trẻ tuổi, có năng lực; khắc phục tình trạng đưa cán bộ phẩm chất, năng lực yếu kém và không có uy tín về làm công tác dân vận.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu về trình độ lý luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng công tác vận động nhân dân.

Các cơ quan tham mưu của Đảng phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp



hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng về công tác dân vận; có chế độ báo cáo, thông tin kịp thời, đầy đủ về tình hình nhân dân và những hạn chế trong hoạt động lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận.

7. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác dân vận

Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở phải đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện để nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận sớm đi vào cuộc sống, có hiệu quả thiết thực. Phải xác định công tác vận động và chăm lo lợi ích của nhân dân là một trong những nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình; có kế hoạch thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời. Các cấp ủy đảng lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ trong giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân và vận động nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

Các cơ quan đảng ở Trung ương thường xuyên phối hợp, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Quan tâm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là về xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, từ đó tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp.



IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình hành động quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết và giám sát việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tốt việc thi hành pháp luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các cấp chính quyền; kịp thời điều chỉnh các chương trình, giải pháp về tăng cường công tác dân vận phù hợp với thực tế.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tổ chức học tập, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được quán triệt, phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Phú Trọng

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-KL/TW, ngày 07 tháng 01 năm 2019

**Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW,
ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo
của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”**

Tại phiên họp ngày 11/12/2018, sau khi nghe Ban Chỉ đạo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác dân vận gắn với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức đã được tăng cường, tiếp tục đổi mới và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước đạt được kết quả tích cực; ý thức trách nhiệm, tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là của người đứng đầu được nâng lên. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, tăng cường hoạt



động giám sát, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Các phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào thi đua “Dân vận khéo”, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nâng cao đời sống, giải quyết có hiệu quả nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Những kết quả quan trọng nêu trên đã tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, công tác dân vận còn một số hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, như việc nắm tình hình nhân dân; phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động, tuyên truyền, giải quyết khiếu kiện phức tạp, đông người kéo dài...

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn hạn chế. Một số nơi vai trò tiên phong, nòng cốt của cán bộ, đảng viên còn mờ nhạt; chấp hành chính sách, pháp luật chưa nghiêm. Một số chủ trương, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội còn chậm và chưa hiệu quả, cá biệt có chủ trương, chính sách chưa được sự đồng thuận cao của nhân dân; một số chương trình, dự án có sự thất thoát, lãng phí lớn, chậm được giải quyết; chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, đoàn thể chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

2. Trong bối cảnh đất nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra; trình độ dân trí ngày càng cao; vai trò làm chủ của



nhân dân ngày càng được mở rộng; các phương tiện thông tin trực tiếp tác động ngày càng đa dạng, đa chiều; các thế lực thù địch, phần tử xấu chống phá ngày càng tinh vi, quyết liệt... Đảng ta tiếp tục tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo đối với công tác dân vận. Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1. Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động về công tác dân vận của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị; phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác dân vận; đổi mới cách thức tuyên truyền, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. Đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, với cách làm sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2.2. Tập trung làm tốt công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, trọng tâm là:

- Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, miền, quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm



“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nâng cao chất lượng, khắc phục tính hình thức trong hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát, tiếp dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ kết hợp với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công tác dân vận; phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trực tiếp giao tiếp với nhân dân. Chống các khuynh hướng mỉa dân, kích động dân trước những hiện tượng tiêu cực. Kiên quyết phê phán, đấu tranh mạnh mẽ với biểu hiện thờ ơ, vô cảm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhùng nhĩnh dân...

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân; sớm khắc phục tình trạng chậm hoặc không nắm được tình hình nhân dân. Tập trung xử lý khẩn trương, dứt điểm, kịp thời các vấn đề bức xúc liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, tránh để hình thành và lan rộng các điểm nóng về an ninh, trật tự xã hội.

2.3. Phát huy vai trò, tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và tổ chức của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng theo hướng có trọng tâm, thực chất, hiệu quả hơn. Quan tâm lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế, chính sách động viên đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận, dân vận, đoàn thể; kiên quyết không bố trí cán bộ thiếu gương mẫu, đạo đức kém, vi phạm kỷ luật làm công tác dân vận.



Thực hiện nghiêm túc và nhất quán nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật; Nhà nước chỉ cấp kinh phí để thực hiện những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng.

2.4. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tích cực tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

2.5. Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác phòng, chống tham nhũng; kiên quyết đấu tranh với những quan điểm, luận điệu sai trái.

2.6. Tăng cường phối hợp, thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch hàng năm thực hiện Kết luận này; định kỳ tổ chức kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn thực hiện.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Ban Bí thư về kết quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW và Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vương

**MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN
TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG**

*(Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương
Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII
của Đảng)*

...

**I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII
VÀ CƠ ĐỒ ĐẤT NƯỚC SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI**

...

***Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố;
dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy.***

Ban hành và thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên,



hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước.

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội. Tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tổ chức và công dân, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Chú trọng thực hiện dân chủ cả trực tiếp và đại diện, nhất là ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Người đứng đầu ở nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng còn *nhiều hạn chế, khuyết điểm*:

...

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ.

Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu



của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều. Một số tổ chức cơ sở đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật.

...

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, rút ra *một số bài học kinh nghiệm*:

...

Hai là, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

...



XII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế; tập trung làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, tập thể công nhân. Định hướng, quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của công nhân tại doanh nghiệp ngoài tổ chức công đoàn hiện nay.

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, tạo



điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không dẫn đến di cư quy mô lớn. Có chính sách hợp lý để chuyển lao động nông thôn sang các ngành phi nông nghiệp. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức.

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiến bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc,



nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động, giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hòa cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ. Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp; làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, phát triển toàn diện và bảo đảm quyền của trẻ em; dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em - tương lai của đất nước.

Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

Động viên cựu chiến binh, công an hưu trí phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” và Công an nhân dân Việt Nam cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống. Tăng cường vai trò của hội viên trong giáo dục lòng yêu nước,



truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa.

Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh



những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh... Tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Làm tốt công tác thông tin tình hình trong nước, giúp đồng bào hướng về Tổ quốc, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc, có chính sách thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân. Xây dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân

Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội. Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế; góp phần quản lý xã hội thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hoạt động tự quản cộng đồng; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa; xây dựng nền



quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân.

...

XIV- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG SẠCH,
VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO,
CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG

...

8. Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; có cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo hướng thiết thực, tăng cường đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là của chính quyền các cấp đối với công tác dân vận. Phát



huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ trong công tác dân vận, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, những nhiễu dân. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Sâu sát cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Rà soát bổ sung và thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ



quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quy định, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

...

II. QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ
VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN
CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



1. Về Quy chế dân chủ ở cơ sở

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 02 năm 1998

Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

1. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, phát huy một bước quyền làm chủ của nhân dân, nhờ đó đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, nhìn chung, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa đẩy lùi, ngăn chặn được. Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa thành luật pháp, chậm đi vào cuộc sống.

Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 6/1997) đã nhấn mạnh, lúc này để giữ vững và phát huy được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta,



phải phát huy quyền làm chủ của dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng.

Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

Muốn vậy, Nhà nước cần ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở có tính pháp lý, yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện. Quy chế dân chủ cần được xây dựng cho từng loại cơ sở xã, phường, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, cơ quan hành chính, v.v. phù hợp với đặc điểm của từng loại cơ sở.

2. Việc xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở cần quán triệt những quan điểm chỉ đạo sau:

- Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Coi trọng cả ba mặt nói trên, không vì nhấn một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp các mặt khác.

- Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cấp cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

- Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.



- Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật.

- Gắn quá trình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

3. Nội dung quy chế dân chủ ở cơ sở cần chú trọng làm rõ những vấn đề sau:

- Quy định quyền của mọi người dân ở cơ sở được thông tin về pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hàng ngày của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về việc sử dụng công quỹ, tài sản công, về thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của dân, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí...

- Có quy chế và các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị; kết quả ý kiến đóng góp phải được xem xét, cân nhắc khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định.

- Có quy định về việc để nhân dân bàn và quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trên địa bàn (như chủ trương huy động sức dân để xây



dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi, các khoản đóng góp và lập các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật...); chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân.

- Hoàn thiện cơ chế để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở trực tiếp và thông qua Mặt trận, các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc.

- Mở rộng các hình thức tổ chức tự quản để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật những công việc mang tính xã hội hóa, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị (như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, xây dựng tổ hòa giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh - môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo, v.v.).

- Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân, công nhân, công chức ở cơ sở, chính quyền, cơ quan, đơn vị mình, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo.

- Xác định trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình; nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp đó.

4. Về phương châm, phương pháp thực hiện, cần chú ý:

Tổ chức Đảng và đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức Đảng phải làm



cho đảng viên thông suốt; đảng viên, nhất là các đảng viên có chức vụ trong chính quyền phải gương mẫu tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ và trong nhân dân.

- Phải làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ồ ạt. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ đạo điềm, rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai mở rộng.

- Qua tự phê bình trong nội bộ và qua phê bình nhận xét của nhân dân, biểu dương những cán bộ, đảng viên tốt, gương mẫu và xử trí những cán bộ, đảng viên có sai phạm. Việc xử trí cán bộ, đảng viên sai phạm phải nghiêm minh, có lý có tình, lấy giáo dục làm chính. Những người đã sai phạm nếu thành khẩn kiểm điểm và tích cực sửa chữa thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật; nếu ngoan cố hoặc tái phạm thì phải xử trí nghiêm khắc hơn.

5. Để tổ chức thực hiện chỉ thị này, cần làm những việc sau:

- Ban Cán sự đảng Chính phủ cùng Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các ban, ngành liên quan tập trung nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chế dân chủ, trước mắt cho ba loại cơ sở là xã (thị trấn, phường), doanh nghiệp nhà nước và cơ quan hành chính sự nghiệp. Dựa vào quy chế của ba loại cơ sở trên sẽ nghiên cứu vận dụng thích hợp để xây dựng và ban hành tiếp quy chế phát huy dân chủ cho tất cả các loại hình cơ sở khác.

- Trước mắt có thể ban hành các quy chế nói trên dưới hình thức nghị định của Chính phủ, qua một thời gian thực hiện sẽ rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh các quy chế và xem xét việc nâng lên thành pháp lệnh hoặc luật.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức quán triệt chỉ thị này và các thiết chế dân chủ cơ sở do Nhà nước ban hành cho các đảng bộ cơ sở, có kế hoạch triển khai thực hiện và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện ở địa phương.



Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố có thể có thêm những quy định chi tiết sát với đặc điểm tình hình của các loại cơ sở trong địa phương và phù hợp với những quy định trong quy chế dân chủ cơ sở do Nhà nước ban hành.

- Các bộ, chính quyền tỉnh, thành phố cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định hiện hành cho phù hợp với quy chế dân chủ cơ sở như về: các thủ tục hành chính, quy chế làm việc của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, quy chế về trưởng thôn, quy chế tiếp dân, giải quyết đơn thư của dân, hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, v.v..

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân theo tinh thần Chỉ thị.

- Phải kiện toàn đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh để tự giác và nghiêm túc thực hiện Chỉ thị. Mặt khác, qua việc thực hiện dân chủ ở cơ sở mà sàng lọc, chỉnh đốn tổ chức đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong hội viên, đoàn viên và nhân dân Chỉ thị này và các quy chế dân chủ ở cơ sở. Làm cho mọi người hiểu và sử dụng đúng các quyền của mình đã quy định trong quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời chấp hành đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Mặt trận và các đoàn thể phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện và giám sát thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện trên những lĩnh vực và ở những ngành được phân công theo dõi.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương, các Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán



sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo thực hiện chỉ thị này trong phạm vi mình phụ trách và định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
Lê Khả Phiêu

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 304-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Ngày 15/6/2000, sau khi nghe báo cáo của Ban chỉ đạo Trung ương về kết quả kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực tế khẳng định là đúng đắn, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Ở những nơi chỉ đạo chặt chẽ, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát huy dân chủ, làm chuyển biến một bước phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phương thức điều hành và lề lối làm việc của các cấp chính quyền theo hướng sát dân và tôn trọng dân; tạo thêm động lực mới thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, tác động tích cực tới việc xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Tuy vậy việc chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường chưa được nhân rộng, ở khu vực cơ quan,



doanh nghiệp nhà nước mới chỉ triển khai bước đầu; nhận thức của không ít cán bộ, đảng viên về việc phát huy dân chủ ở cơ sở chưa sâu sắc, tổ chức thực hiện chưa tích cực, hiện tượng dân chủ hình thức còn nhiều.

2. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Phát huy dân chủ ở cơ sở là một khâu trọng yếu hiện nay nhằm động viên sức mạnh các tầng lớp nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, đẩy lùi tiêu cực, suy thoái, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở vững mạnh. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; và phải thành một nền nếp thường xuyên trong mọi hoạt động. Dựa vào quy chế mẫu, mỗi cơ sở phải tự xây dựng quy chế dân chủ của mình. Phát huy dân chủ phải đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, tăng cường pháp luật. Các tổ chức đảng phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Mặt trận và các đoàn thể phải làm tốt vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Tiếp tục thúc đẩy, mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở tất cả các loại hình cơ sở (kể cả cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể). Từng tỉnh, thành ủy có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, gắn chặt việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương và đại hội đảng các cấp. Ở những cơ sở có vấn đề “nổi cộm”, cấp ủy cấp trên phải giúp đỡ vừa phát huy dân chủ, thực hiện quy chế, vừa đấu tranh tự phê bình và phê bình để sớm ổn định và phát triển. Các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị



của mình xây dựng quy chế dân chủ, đơn đốc, chỉ đạo và tự kiểm tra việc thực hiện quy chế, bảo đảm tới cuối năm 2000 tất cả các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước cùng với các xã, phường, thị trấn đều xây dựng xong và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, coi đây là một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá các đơn vị.

- Các phương tiện thông tin đại chúng cần thường xuyên tuyên truyền về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, biểu dương những nơi làm tốt, phê phán những biểu hiện lệch lạc, nâng cao nhận thức dân chủ, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Gắn chặt việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Hướng dẫn nhân dân tham gia xây dựng Đảng một cách thiết thực và có hiệu quả. Đảng viên đều phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân, kể cả ở nơi cư trú, tham gia sinh hoạt đoàn thể và phụ trách một số quần chúng nhất định.

- Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ chủ trì phối hợp với một số ban của Đảng sớm tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện về cơ sở (chủ yếu là xã, phường) để từ đó giúp Chính phủ bổ sung chính sách đối với cán bộ cơ sở một cách hợp lý, đồng bộ; sơ kết việc dân bầu trực tiếp trưởng thôn, trưởng ấp để có thể thí điểm dân bầu trực tiếp một số chức danh cao hơn.

- Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, làm thường trực và là đầu mối phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ, v.v. (gọi chung là Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của Trung ương) lập kế



hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc thi hành Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, các Nghị định số 29, 71, 07 của Chính phủ và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị phân công đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo công tác này.

Thông báo này được phổ biến tới chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phạm Thế Duyệt

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 10-CT/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2002

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 29, 71, 07 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Qua hơn 3 năm tiến hành, trên 90% xã, phường, thị trấn, trên 80% số cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đã xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tuy mức độ có khác nhau, nhưng đã đạt được kết quả bước đầu, quan trọng:

- Tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở hơn trong xã hội, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào chế độ, từ đó tạo thêm động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, các ngành; rõ nhất là trên lĩnh vực phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng ở xã, phường, thị trấn, xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn và đô thị.



- Làm chuyển biến một bước về ý thức và phong cách làm việc của cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể theo hướng gần dân, tôn trọng dân và có trách nhiệm với dân hơn.

- Có tác động tích cực tới việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố.

Tuy vậy, kết quả việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn chưa vững chắc, chưa rộng khắp, chưa đều giữa các địa phương, khu vực, chưa thường xuyên, liên tục. Dân chủ hình thức còn nhiều. Dân chủ, công khai về kinh tế, tài chính chưa được triển khai sâu rộng. Dân chủ trong cơ quan và doanh nghiệp nhà nước chưa được phát huy mạnh mẽ. Còn nhiều loại hình cơ sở chưa được hướng dẫn xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của dân cũng như tình trạng lợi dụng dân chủ, vi phạm kỷ cương, pháp luật còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở một số nơi chưa gắn kết thật tốt với các công việc thường xuyên, nhất là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; cải cách hành chính; chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng Mặt trận và đoàn thể. Việc giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế trên chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền ở địa phương và các ngành, nhất là của người đứng đầu chưa quán triệt sâu sắc các quan điểm chỉ đạo trong Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, chưa gắn Quy chế dân chủ với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của địa phương, đơn vị. Việc thể chế hóa Chỉ thị 30-CT/TW trên một số mặt còn chậm và thiếu đồng bộ. Nhiều bộ, ngành



chậm hoặc thiếu hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận và nhiều tổ chức đoàn thể ở một số nơi chưa thật chủ động trong công tác này. Công tác tuyên truyền, giáo dục về dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ trong các cơ sở đảng và trong nhân dân chưa thường xuyên, liên tục. Mặt khác, hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều yếu kém. Những nơi không thực hiện tốt Quy chế dân chủ thường là những nơi cán bộ mắc nhiều khuyết điểm, hệ thống chính trị cơ sở chưa được quan tâm củng cố.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những mặt còn yếu kém trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị làm tốt mấy việc quan trọng dưới đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc đẩy mạnh xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị và những nội dung cơ bản của Quy chế dân chủ ở ba loại hình cơ sở; coi việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là những nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Những ngành, địa phương, đơn vị chưa triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa tốt cần tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vào nền nếp. Gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ



với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng mặt công tác và trách nhiệm của từng cá nhân, trước hết là người đứng đầu. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần phát huy tốt vai trò chủ động vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện dân chủ: giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đưa việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành một tiêu chuẩn để xem xét chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, đơn vị tiên tiến, xuất sắc. Thực hiện tốt chế độ lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành các chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, có liên quan rộng đến đời sống nhân dân ở cơ sở và trước khi phân loại cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng cũng như trong công tác cán bộ. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương cùng các ban, ngành có liên quan xây dựng những nội dung cụ thể hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong công tác cán bộ và trong các cơ quan của Đảng.

- Xác định ngay một số nhiệm vụ quan trọng, phù hợp với từng nơi để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”.

2. Hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành; nghiên cứu ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở khác

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành cho phù hợp; tích cực chuẩn bị nâng Quy chế dân chủ thành pháp lệnh hoặc luật; đưa một số



nội dung Quy chế dân chủ được thực tế khẳng định là có hiệu quả vào các văn bản pháp luật sắp ban hành; nghiên cứu ban hành, hướng dẫn xây dựng thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở khác, trước hết là khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài, các cơ quan quản lý các chương trình kinh tế - xã hội, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản, nghiên cứu khoa học. Hết năm 2003 phải hoàn thành việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở đại bộ phận các loại hình cơ sở, tiến tới tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII).

3. Về tổ chức chỉ đạo thực hiện

- Cùng với việc tăng cường chỉ đạo đúc rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở những nơi làm tốt, cần tập trung hướng dẫn, giúp đỡ những địa phương và cơ sở làm kém, làm chậm hoặc chưa triển khai, nhất là khu vực cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, những nơi có nhiều khó khăn, phức tạp.

- Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa những vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức dân chủ; làm rõ những điều kiện để thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở từng loại hình cơ sở, đưa một số nội dung về Quy chế dân chủ ở cơ sở vào chương trình huấn luyện của các trường chính trị, quản lý.

- củng cố và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ Trung ương đến địa phương và cơ sở. Ban chỉ đạo phải do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy làm trưởng ban và 2 phó ban là trưởng ban dân vận của



cấp ủy và trưởng ban tổ chức chính quyền, trong đó phân công một đồng chí làm thường trực.

Định kỳ 3 tháng các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc báo cáo kết quả về Ban Bí thư qua Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

Hàng năm các cấp kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và báo cáo lên cấp trên trực tiếp.

Chỉ thị này được triển khai quán triệt đến chi bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

Phan Diễn

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 159-TB/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004

**Về kết quả 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW
của Bộ Chính trị khóa VIII và tiếp tục chỉ đạo xây dựng
và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở**

Ngày 28, 29/9/2004, tại Hà Nội, Ban Bí thư đã mở Hội nghị toàn quốc để tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương và các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, Ban Bí thư kết luận như sau:

- Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị (khóa VIII) là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng. Chỉ thị được ban hành đúng lúc, đáp ứng sự mong đợi của nhân dân nên được nhân dân hưởng ứng rộng rãi, đã đi vào cuộc sống tương đối nhanh, đến nay đã được thực hiện trên diện rộng ở hầu khắp ba loại hình cơ sở (xã, phường, thị trấn; cơ quan; doanh nghiệp nhà nước).

Ở những nơi làm tốt việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đã có sự chuyển biến đáng kể nhận thức của



các thành viên trong hệ thống chính trị và của nhân dân về dân chủ, làm cho mọi người quan tâm và tham gia thực hiện tốt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân từ cơ sở; các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng được nhân dân hiểu biết rõ, hăng hái tham gia góp ý kiến và thi đua thực hiện nên đạt kết quả tốt hơn; phần lớn các tranh chấp, vướng mắc trong dân với nhau và với chính quyền được hòa giải, giải quyết ổn thỏa từ cơ sở, đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo không khí chan hòa cởi mở trong cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cũng đã góp phần tác động tích cực tới việc củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thúc đẩy việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; củng cố, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải tiến sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền, làm chuyển biến tác phong công tác của cán bộ, đảng viên, công chức; đổi mới phương thức, nội dung hoạt động của cả hệ thống chính trị theo hướng “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, là biện pháp quan trọng để khắc phục quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Chỉ thị 30, những kết quả trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở chưa đồng đều và vững chắc, mới có khoảng 1/3 số đơn vị thực hiện tốt ở những mức độ khác nhau, không ít cấp ủy đảng, tổ chức, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân chưa nắm vững tinh thần Chỉ thị của Đảng và các nghị định của Nhà nước về vấn đề này. Một số bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương chậm



ban hành văn bản chỉ đạo và hướng dẫn việc thực hiện Quy chế dân chủ trong lĩnh vực, ngành, đoàn thể mình. Nhiều nơi quy chế đã xây dựng còn rập khuôn, máy móc, chưa phù hợp với thực tế, khó thực hiện. Nhiều nơi còn tình trạng khoán trắng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cho ban chỉ đạo, không kiểm tra thường xuyên để có chủ trương và giải pháp đồng bộ, thiết thực nên việc thực hiện còn mang nặng tính hình thức. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn còn nhiều, có khi nghiêm trọng; những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, tiêu cực không được phát hiện và đấu tranh ngăn chặn, khắc phục kịp thời, làm giảm lòng tin, gây bất bình trong nhân dân, dẫn đến khiếu kiện kéo dài hoặc vượt cấp.

Có những yếu kém trên đây trước hết là do cấp ủy, những người đứng đầu tổ chức đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thấu suốt quan điểm trong Chỉ thị của Bộ Chính trị đã nêu. Có trường hợp người lãnh đạo cơ sở đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có sai lầm, khuyết điểm, mất đoàn kết nội bộ, nên e ngại triển khai, thậm chí không thực hiện Quy chế dân chủ.

Để thực hiện đúng các yêu cầu của Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) và những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị tổng kết, Ban Bí thư yêu cầu trong thời gian tới cần giải quyết hai vấn đề lớn sau đây:

- Tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện ba loại hình Quy chế dân chủ đã ban hành ở tất cả các cơ sở (xã, phường, cơ quan hành chính và doanh nghiệp nhà nước) trong cả nước và quan trọng hơn nữa là phấn đấu để đại bộ phận các đơn vị thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở thật sự đạt hiệu quả tốt.



- Mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ra các loại hình cơ sở còn lại.

Để thực hiện được hai nhiệm vụ nói trên, cần làm tốt một số việc sau đây:

1. Tất cả những nơi đã thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đều phải phấn đấu đạt kết quả thiết thực

- Kết quả của việc phát huy dân chủ phải được thể hiện: nội bộ đoàn kết; các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và tệ nạn xã hội được ngăn chặn, đẩy lùi; các nhiệm vụ của đơn vị được hoàn thành tốt.

Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương cần nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở để vận dụng thống nhất.

- Xác định rõ trách nhiệm hàng đầu trong việc chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại mỗi đơn vị thuộc về cấp ủy đảng, trước hết là bí thư cấp ủy và thủ trưởng đơn vị. Phải xem xét tình hình thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong các lần kiểm điểm công tác thường kỳ của đơn vị; cũng như trong báo cáo công tác định kỳ của đơn vị lên cấp trên và coi đây là một tiêu chuẩn quan trọng để xét thi đua, khen thưởng hoặc công nhận danh hiệu đơn vị trong sạch, vững mạnh. Những cấp ủy và cá nhân không quan tâm chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở phải được nhắc nhở, phê bình; những người cản trở việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở phải được xem xét, xử lý. Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương thể chế hóa chủ trương này.

- Khâu có ý nghĩa quyết định để thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đạt kết quả thiết thực là: mỗi cơ sở phải xây dựng được các



quy chế cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình đơn vị mình để quy chế đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng thiết thực. Các cơ quan ngành dọc của Trung ương cần tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm từ các đơn vị xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở để làm thành những tài liệu hướng dẫn mẫu cho các cơ sở trong cùng ngành, cùng lĩnh vực tham khảo vận dụng.

Ban Bí thư phân công cụ thể như sau:

+ Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở thôn, làng, ấp, bản, xã, phường, thị trấn.

+ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước.

+ Bộ Nội vụ và các bộ, ban, ngành ở Trung ương xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở cơ quan hành chính.

+ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoàn thiện để sớm trình Chính phủ ban hành Quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì cùng các đoàn thể trên địa bàn dân cư giám sát đảng viên, cán bộ, công chức làm việc và sinh sống trên địa bàn khu dân cư, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Việc xây dựng các quy chế dân chủ mẫu trên đây cần thực hiện xong trước Tết âm lịch Ất Dậu 2005 để các cơ sở tham khảo. Phấn đấu đến giữa năm 2005, tất cả các đơn vị thuộc ba loại hình cơ sở nói trên đều xây dựng hoặc hoàn thiện xong các quy chế dân chủ cụ thể ở đơn vị mình.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân



về ý nghĩa và nội dung của vấn đề xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và trách nhiệm của mỗi tổ chức, đoàn thể, mỗi người trong việc này.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương cần biên soạn các tài liệu cần thiết: tài liệu phổ biến rộng rãi trong nhân dân; tài liệu học tập cho cán bộ cơ sở và tài liệu để giảng dạy, học tập dùng trong các trường đảng, trường hành chính, trường đoàn thể, trường quân đội, công an...

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ các cấp cần được kiện toàn kịp thời và có chương trình hoạt động ráo riết chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng, triển khai thực hiện quy chế dân chủ của các đơn vị thuộc phạm vi mình phụ trách. Ban Chỉ đạo Trung ương phải có chương trình thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở các ngành, các cấp; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm về các chuyên đề trong lĩnh vực này, thông báo rộng rãi những bài học kinh nghiệm hay để các nơi tham khảo, vận dụng.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì nghiên cứu việc chuyển các nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở ba loại hình đã thực hiện lâu nay thành văn bản pháp luật (pháp lệnh hoặc luật) để trình Quốc hội ban hành.

- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ nghiên cứu xây dựng đề án về bầu trực tiếp bí thư cấp ủy ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở và chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trình Ban Bí thư và các cơ quan nhà nước xem xét, cho thực hiện.

2. Mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ra các loại hình cơ sở còn lại

Từ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong ba loại hình cơ sở những năm qua, sắp tới cần mở rộng



việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong các cơ sở khác. Trước mắt, đề nghị phân công việc xây dựng các dự thảo văn bản nghị định ở các loại hình đơn vị cơ sở như sau:

- Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng dự thảo nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở loại hình các đơn vị sự nghiệp và dịch vụ công.

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng dự thảo nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

- Bộ Quốc phòng xây dựng dự thảo về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình đơn vị quân đội nhân dân.

- Bộ Công an xây dựng dự thảo về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình đơn vị công an nhân dân.

Phấn đấu đến giữa năm 2005, hoàn thành những dự thảo đề án để trình Thủ tướng Chính phủ và trong năm 2005 Chính phủ có thể ban hành dưới dạng nghị định.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương và các đảng ủy khối cơ quan Trung ương cần tham gia tích cực vào việc đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị của Đảng và Kết luận này về Ban Bí thư qua Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Thông báo này phổ biến, quán triệt đến chi bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

Phan Diễn

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 65-KL/TW, ngày 04 tháng 3 năm 2010

Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về Tổng kết Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ

1. Những kết quả đạt được

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp đã có nhiều biện pháp chỉ đạo, triển khai sâu rộng, làm chuyển biến tích cực về nhận thức, quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế dân chủ cho một số loại hình cơ sở.



Các cơ quan, đơn vị, cơ sở đã tích cực xây dựng quy chế, quy định; thôn, ấp, bản, làng, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước thực hiện dân chủ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực hiện Quy chế dân chủ được gắn với phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, các phong trào, các hoạt động văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhất là dân chủ trực tiếp của nhân dân tiếp tục được coi trọng, tăng cường.

Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; góp phần quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; chống lại các âm mưu lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đạt được những kết quả trên là do chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là đúng đắn, hợp lòng dân, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện; ban hành các văn bản pháp quy để quy định và



hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình, các lĩnh vực hoạt động ở cơ sở; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo kịp thời. Hệ thống chính sách, pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng, nhà nước tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện. Ban chỉ đạo ở các cấp được chú ý kiện toàn, hoạt động thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân ở các cấp đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Khuyết điểm, hạn chế

Nhìn chung, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai tích cực ở loại hình xã, phường, thị trấn; các loại hình cơ sở khác kết quả còn hạn chế.

Việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước, hương ước không ít nơi còn hình thức, chất lượng chưa cao, chưa thành nền nếp. Một số xã, phường, thị trấn chưa làm tốt việc công khai, dân chủ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá cả đền bù khi chuyển mục đích sử dụng đất, chính sách tái định cư. Không ít cơ quan thiếu công khai, dân chủ về quản lý thu, chi tài chính công, nâng lương, quy hoạch đào tạo, đề bạt cán bộ. Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân, cơ sở dịch vụ ngoài công lập và một số doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn chưa xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thiếu công khai, dân chủ về sản xuất, kinh doanh, tiền lương, tiền thưởng và thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người lao động.

Một số nơi nội bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền mất đoàn kết; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa



được ngăn chặn kịp thời; tình hình khiếu kiện của nông dân, đình công, bãi công của công nhân diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do: Nhận thức về dân chủ và trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức chưa đầy đủ, phong cách làm việc quan liêu, mất dân chủ, thiếu tôn trọng dân còn khá phổ biến trong cán bộ các cấp, các ngành.

Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, của người đứng đầu chưa đầy đủ; không ít nơi chưa có ban chỉ đạo, chưa có người theo dõi kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo thường xuyên; việc hướng dẫn, kiểm tra theo hệ thống ngành dọc chưa được coi trọng.

Việc rà soát, ban hành, bổ sung chính sách, cơ chế chưa đồng bộ, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu cuộc sống đặt ra. Nhất là những chính sách có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân như: Giá đền bù đất khi giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiền lương, bảo hiểm xã hội, nhà ở của công nhân các khu công nghiệp... Một số văn bản pháp quy quy định về quy chế dân chủ cho một số loại hình, một số lĩnh vực còn thiếu, chưa kịp thời, chưa sát với thực tế, chậm được rà soát, bổ sung.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân một số nơi chậm đổi mới phương thức hoạt động, còn có xu hướng hành chính hóa; chưa thực sự đại diện cho quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân; chưa tích cực tuyên truyền, vận động, tổ chức cho nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.



II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH VÀ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA VIII) VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Tiếp tục quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ và mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở.

2. Tăng cường việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các quy định của pháp luật, chính sách cụ thể. Tổng kết, rà soát, bổ sung các văn bản đã ban hành; sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về xây dựng và thực hiện dân chủ cho các loại hình doanh nghiệp. Các cơ sở, các loại hình cần rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ (xây dựng thành quy định, nguyên tắc, quy trình thực hiện dân chủ) trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể của địa phương, đơn vị mình, nhất là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

3. Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; cải cách hành chính; cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; các phong trào thi đua yêu nước nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng,



chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tiêu cực ở cơ sở; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

5. Phát huy vai trò của ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu cho cấp ủy kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức về ý thức, trách nhiệm, phong cách, năng lực thực hiện dân chủ ở cơ sở và dân chủ với nhân dân.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm của chính quyền, của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở cơ sở. Phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật ở cơ sở.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về thực hiện dân chủ trong hoạt động của các loại hình doanh nghiệp; chỉ đạo các cơ quan



liên quan của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, các đoàn đại biểu Quốc hội tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của các địa phương, đơn vị.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc tổng kết các nghị định của Chính phủ đã ban hành về quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp quy về xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, các lĩnh vực hoạt động xã hội; nhất là những loại hình, lĩnh vực hoạt động ở cơ sở thực hiện Quy chế dân chủ còn yếu, như trong hoạt động nghiên cứu khoa học, các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ ngoài công lập, các doanh nghiệp tư nhân...

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo hệ thống ngành dọc.

- Giao Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Kết luận này.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này về Ban Bí thư Trung ương Đảng qua Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở Trung ương; định kỳ 3 năm sơ kết, 5 năm tổng kết một lần.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 120-KL/TW, ngày 07 tháng 01 năm 2016

**Về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả
việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở**

Tại phiên họp ngày 04/12/2015, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

1. Chỉ thị số 30-CT/TW đã được triển khai sâu rộng, từng bước vững chắc và thực sự đi vào cuộc sống đạt kết quả khá toàn diện. Các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ cơ sở được xây dựng, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển và yêu cầu của đất nước. Chế độ dân chủ đại diện được phát huy; chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng được nâng cao; cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực. Dân chủ trực tiếp ở cơ sở được mở rộng, nhân dân được bàn và quyết định những công việc quan trọng, thiết thực,



gắn liền với lợi ích của mình; quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân được bảo vệ. Phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước đã được thể chế hóa và đi vào cuộc sống. Công tác tuyên truyền, giáo dục có trọng tâm, trọng điểm; công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân đối với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng và đạt nhiều kết quả tốt. Quá trình thực hiện Chỉ thị đã góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Chỉ thị còn một số hạn chế, yếu kém. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị chưa thực sự thường xuyên. Công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị thời gian gần đây chưa được chú trọng. Một số văn bản pháp luật liên quan đến dân chủ ở cơ sở chậm được xây dựng và hoàn thiện. Dân chủ chưa thực sự đi đôi với giữ gìn trật tự, kỷ cương. Có nơi vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức; ý kiến của nhân dân chưa thực sự được lắng nghe; quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm. Còn tình trạng lợi dụng dân chủ, gây mất an ninh, trật tự, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ. Tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân nhiều nơi chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đồng đều ở các khu vực, loại hình cơ sở. Nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ sở dịch vụ, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập,... chưa xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém trên là do nhận thức và trách nhiệm về thực hiện dân chủ ở cơ sở của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu tổ chức, cơ quan,



đơn vị, doanh nghiệp ở một số nơi chưa quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Có nơi buông lỏng vai trò lãnh đạo, thiếu kiểm tra đôn đốc thực hiện. Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” chưa được cụ thể hóa. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân ở một số nơi chưa thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội; chưa phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân với Đảng, Nhà nước. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự gương mẫu, chưa làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

2.1. Tiếp tục tổ chức quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở một cách đồng bộ, đi vào chiều sâu ở tất cả các loại hình cơ sở, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân.

2.2. Cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phạm vi được phân công phụ trách, xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài; chú trọng các địa bàn, các cơ sở thực hiện chưa tốt.

2.3. Các đồng chí Ủy viên Trung ương, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW; tăng cường phát huy dân chủ trong Đảng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và vai trò gương mẫu của cán bộ,



đảng viên. Chống quan liêu và các hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật. Kịp thời xử lý việc lợi dụng dân chủ, lôi kéo, kích động gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt hơn chế độ dân chủ đại diện. Tích cực rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là các quyền đã được Hiến pháp quy định. Tiếp tục thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

2.5. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để hội viên, đoàn viên và nhân dân hiểu và thực hiện đúng các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của nhân dân.

2.6. Nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, để nhân dân nâng cao nhận thức, tiếp cận thông tin, nhất là các chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp, để người dân tự giác thực thi pháp luật và thực hiện tốt quyền dân chủ trực tiếp theo quy định của pháp luật. Chú trọng tuyên truyền các gương điển hình, mô hình tốt về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; báo chí phải đưa tin trung thực, phản biện khách quan, đúng bản chất vấn đề.

2.7. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo công tác thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dân chủ ở cơ sở; tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh số 34-PL/UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản luật có



liên quan. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền dân chủ phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế.

Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu những vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, làm cơ sở cho việc cụ thể hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

2.8. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung Kết luận này cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản của Trung ương Đảng có liên quan đến xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 99-QĐ/TW, ngày 03 tháng 10 năm 2017

**Ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy,
tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy
vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn,
đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”
trong nội bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Trung ương về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục



phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Hướng dẫn này.

Điều 3. Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Hướng dẫn và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng



HƯỚNG DẪN KHUNG
ĐỂ CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ
CỦA NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN,
ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI, “TỰ DIỄN BIẾN”,
“TỰ CHUYỂN HÓA” TRONG NỘI BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03 tháng 10
năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (sau đây viết tắt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII), Ban Bí thư Trung ương Đảng hướng dẫn để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm thống nhất về nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện những nội dung, hình thức công khai để nhân dân biết, góp ý và giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện, giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.



- Việc phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ phải được tiến hành sâu rộng, thường xuyên, kiên trì, thiết thực, hiệu quả. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải gương mẫu, nghiêm túc thực hiện, cầu thị lắng nghe ý kiến, chịu sự giám sát của nhân dân.

II- NỘI DUNG

1. Những nội dung, hình thức công khai để nhân dân biết và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

1.1. Nội dung công khai

- Công khai 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; 19 điều quy định đảng viên không được làm; các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XI, khóa XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; các chủ trương, chính sách, quy chế, quy định để thể chế hóa, cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

- Kết luận kiểm toán, kiểm tra, thanh tra; kết quả giải quyết những vấn đề bức xúc, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân; kết quả xử lý các vụ, việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí đã được kết luận; hoạt động và kết quả điều tra, truy tố, xét xử (trừ những vụ, việc phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật).

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân; quy trình, thủ tục giải quyết công việc; danh tính, chức vụ, quyền hạn,



thông tin liên hệ, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của tổ chức, công dân.

- Bản cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên; bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ lãnh đạo, quản lý và người phải kê khai theo quy định.

1.2. Hình thức công khai

Công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng; cổng thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị; thông qua họp báo, hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chi bộ; thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội; gửi văn bản hoặc bằng các hình thức khác.

1.3. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

- Tuyên truyền, quán triệt để các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân nắm rõ mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, xác định trách nhiệm và tự giác thực hiện. Vận động, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân nhận thức đầy đủ về quyền, trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; nhận diện đúng 27 biểu hiện và tích cực tham gia đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc công khai, minh bạch thông tin, phân công trách nhiệm, quy định rõ nội dung, hình thức, phạm vi, thời gian, địa điểm công khai để nhân dân dễ biết, dễ hiểu, dễ giám sát.



- Chống lợi dụng dân chủ để gây mất đoàn kết nội bộ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước.

2. Những nội dung, hình thức nhân dân góp ý và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

2.1. Nội dung góp ý

a) Góp ý đối với cấp ủy, tổ chức đảng

- Việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

- Dự thảo các chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn, quy chế, quy định... của Đảng để cụ thể hóa nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; dự thảo các văn bản pháp luật của Nhà nước để thể chế hóa nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

- Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ chức đảng với nhân dân.

b) Góp ý đối với cán bộ, đảng viên

- Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên.

- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền; việc thực hiện cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên.

- Trách nhiệm thực thi công vụ; thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên; mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân.

2.2. Hình thức góp ý

- Nhân dân trực tiếp gặp cấp ủy, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội để phản ánh; thông



qua hòm thư góp ý đặt công khai, hệ thống thư điện tử, số điện thoại đường dây nóng; tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng với nhân dân; tiếp xúc cử tri; gửi văn bản hoặc bằng các hình thức khác.

- Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; kiểm điểm hằng năm; kiểm điểm tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; khi chuẩn bị làm quy trình đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu đề cử, ứng cử đối với cán bộ, đảng viên.

2.3. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện để việc lấy và tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân được thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước.

- Các ý kiến góp ý đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm tiếp nhận, tiếp thu, giải trình trực tiếp thông qua tiếp xúc, đối thoại hoặc bằng văn bản thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội. Các ý kiến chưa thể giải đáp được ngay thì ghi nhận, tiếp thu, xem xét và hẹn thời gian trả lời.

- Khi có ý kiến góp ý, cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm thực hiện các bước: Thông báo nội dung góp ý và yêu cầu tập thể, cá nhân được góp ý báo cáo, giải trình cụ thể về những nội dung được góp ý; tổ chức xác minh làm rõ từng nội dung và kết luận cụ thể, xử lý nghiêm các khuyết điểm, sai phạm (nếu có); thông báo đến chủ thể góp ý về kết quả tiếp thu và xử lý ý kiến góp ý; công khai nội dung tiếp thu ý kiến góp ý (nếu cần thiết).



3. Những nội dung, hình thức nhân dân giám sát và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

3.1. Nội dung giám sát

a) Giám sát đối với cấp ủy, tổ chức đảng

- Việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, quy chế, quy định thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

- Việc lãnh đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; công tác tổ chức, cán bộ; công tác kiểm toán, kiểm tra, thanh tra; hoạt động và kết quả điều tra, truy tố, xét xử (trừ những vụ, việc phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật).

- Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết các điểm nóng, các vụ, việc bức xúc, nổi cộm tại địa phương, đơn vị, nhất là những vụ, việc nhân dân quan tâm.

- Việc khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

b) Giám sát đối với cán bộ, đảng viên

- Về 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên; 19 điều quy định đảng viên không được làm; trách nhiệm thực thi công vụ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu.



- Việc tiếp thu và khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

3.2. Hình thức giám sát

- Thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Thông qua gửi đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; qua phản ánh của các phương tiện truyền thông đại chúng; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

- Thông qua ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản.

3.3. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung, đối tượng được giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của chủ thể giám sát; yêu cầu đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết; tổ chức thực hiện và trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát.

- Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh, kiến nghị của nhân dân theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, ban thanh tra nhân dân, ban giám



sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

- Khi có đơn, thư, ý kiến phản ánh của nhân dân, phương tiện truyền thông đại chúng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc cấp nào quản lý thì cấp ủy, tổ chức đảng cấp đó có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý; khẩn trương chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết và có văn bản để trả lời chủ thể gửi đơn, thư, ý kiến phản ánh theo quy định.

- Kiên quyết xử lý người có hành vi cản trở hoạt động giám sát hoặc trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

- Hoàn thiện pháp luật về hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn, thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, của cơ quan dân cử và đại biểu dân cử; công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động của Nhà nước trong việc thực hiện pháp luật liên quan đến đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; giám sát việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiến nghị của cử tri; đôn đốc các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, qua đó, tiếp nhận những phản



ánh, kiến nghị, những bức xúc của cử tri liên quan đến sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, đại biểu Quốc hội để xem xét hoặc kiến nghị cơ quan chức năng xử lý và thông báo kết quả cho cử tri biết.

- Hoàn thiện quy định và thực hiện lấy phiếu tín nhiệm định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Xây dựng cơ chế xem xét giải quyết những trường hợp có phản ánh của cử tri, nhân dân và dư luận liên quan đến những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ nhân dân của các cơ quan, công chức, viên chức nhà nước; đổi mới cách lấy ý kiến nhân dân, có cơ chế thích hợp để nhân dân hiến kế, bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

- Thực hiện nghiêm túc quy định người đứng đầu chính quyền, cơ quan các cấp tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo Luật Tiếp công dân; xây dựng cơ chế tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền với người dân, doanh nghiệp; quy định chế tài xử lý người đứng đầu nếu thực hiện không nghiêm túc.

- Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; bảo đảm nguồn lực cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội



thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Xây dựng và thực hiện quy định về việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp; có hình thức xử lý kịp thời đối với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

- Tích cực tuyên truyền để nhân dân nắm rõ nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhận diện đúng 27 biểu hiện suy thoái, 19 điều quy định đảng viên không được làm và tích cực phản ánh, tố giác những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Tăng cường tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, những người có uy tín trong cộng đồng để nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực đôn đốc, theo dõi kết quả việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

- Nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, tập hợp đầy đủ ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, cử tri và nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để phản ánh, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền; thông báo cho đoàn viên, hội viên và nhân dân biết về kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ



nhân dân tự quản; nâng cao năng lực, trình độ cán bộ làm công tác mặt trận, đoàn thể.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa Hướng dẫn để tổ chức thực hiện, gắn với thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm và gương mẫu trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Hướng dẫn.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn; kịp thời khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; chấn chỉnh, xử lý nghiêm những cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chưa tốt. Định kỳ báo cáo Ban Bí thư tình hình, kết quả thực hiện Hướng dẫn (qua Ban Dân vận Trung ương).

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Hướng dẫn, định kỳ báo cáo Ban Bí thư

Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ, công khai để nhân dân biết, ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-QĐi/TW, ngày 18 tháng 02 năm 2019

**Về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy
trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân
và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ,

Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết những



phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân, nhất là những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

2. Quy định này áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện, cấp ủy cấp xã; người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo là người dân, cán bộ, đảng viên, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân; thực hiện nghiêm việc tiếp dân, đối thoại và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tiếp dân, đối thoại và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân, phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của dân; dân chủ, công tâm, khách quan, kịp thời, đúng phạm vi thẩm quyền; trình tự, thủ tục đơn giản, tạo thuận lợi cho người dân; bảo mật thông tin, bảo đảm an toàn cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân

1. Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo, yêu cầu của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy cấp trên trong công tác tiếp dân, đối



thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

2. Trực tiếp thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc người đứng đầu cấp ủy, tổ chức, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp hành quy định về công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phân công một cơ quan, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của dân trên địa bàn; bố trí địa điểm, điều kiện vật chất, kỹ thuật cần thiết, thuận lợi cho người dân đến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

5. Chỉ đạo, hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo đảm trật tự, an toàn cho việc tiếp dân; bảo vệ người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

6. Thông báo thời gian, địa điểm tiếp dân trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức (nếu có) và trụ sở làm việc của người đứng đầu cấp ủy hoặc địa điểm tiếp dân.

7. Định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất trực tiếp làm việc với bí thư cấp ủy cấp dưới trực tiếp và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp có liên quan về tình hình,



kết quả công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

8. Định kỳ hằng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân như sau:

a) Bí thư cấp ủy cấp tỉnh báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân vận Trung ương.

b) Bí thư cấp ủy cấp huyện báo cáo với bí thư cấp ủy cấp tỉnh, ban nội chính, ban dân vận cấp ủy cấp tỉnh.

c) Bí thư cấp ủy cấp xã báo cáo với bí thư và ban dân vận cấp ủy cấp huyện.

Điều 4. Thời gian tiếp dân

1. Người đứng đầu cấp ủy tiếp dân định kỳ như sau:

a) Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện tiếp dân ít nhất 1 ngày trong 1 tháng.

b) Người đứng đầu cấp ủy cấp xã tiếp dân ít nhất 2 ngày trong 1 tháng.

2. Người đứng đầu cấp ủy tiếp dân đột xuất trong các trường hợp sau:

a) Vụ việc nổi cộm, phức tạp, kéo dài, có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau.

b) Vụ việc có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cấp ủy

1. Đối với phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cấp ủy thì tiếp nhận để xem



xét, xử lý, giải quyết, thông báo kết quả cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; hoặc xử lý, giải quyết ngay đối với trường hợp có nội dung căn cứ, rõ ràng, cụ thể.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến các cơ quan của các cấp khác nhau thì người đứng đầu cấp ủy thực hiện như sau:

a) Tiếp nhận, xử lý, giải quyết nội dung thuộc thẩm quyền; có văn bản chỉ đạo, yêu cầu cấp dưới hoặc các cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết nội dung liên quan, báo cáo kết quả với người đứng đầu cấp ủy và thông báo kết quả giải quyết cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

b) Trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, thẩm quyền xử lý, giải quyết thì hướng dẫn người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đề nghị giải quyết.

Điều 6. Thời hạn xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo người đứng đầu cấp ủy thông báo bằng văn bản đến người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc tiếp nhận để giải quyết hoặc đã chuyển, chỉ đạo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý, giải quyết (nêu rõ cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết để người dân biết).

Nếu phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo phức tạp, thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương cần có thêm thời gian xem xét, xử lý thì thời hạn có thể kéo dài, nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.



2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo do người đứng đầu cấp ủy chuyển, chỉ đạo giải quyết, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết có văn bản báo cáo người đứng đầu cấp ủy và thông báo bằng văn bản cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo biết về kết quả tiếp nhận để giải quyết và chỉ đạo giải quyết.

Điều 7. Xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo gửi đến cơ quan, đơn vị của người đứng đầu cấp ủy

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện việc xử lý, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo gửi đến cơ quan, đơn vị, bảo đảm đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Trực tiếp chỉ đạo, xử lý, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 8. Xử lý trách nhiệm

1. Người đứng đầu cấp ủy bị xem xét xử lý trách nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thiếu trách nhiệm hoặc buông lỏng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

b) Vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo dẫn đến tình trạng đơn, thư kéo dài, vượt cấp, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.



2. Người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước nếu lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để kích động, lôi kéo nhiều người; xuyên tạc, vu khống, gây mất an ninh, trật tự, xâm hại đến quyền và lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Cấp ủy các cấp, người đứng đầu cấp ủy các cấp có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vương

2. Về công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 114-KL/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2015

Về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp

Vừa qua, Ban Bí thư đã nghe Bán cán sự đảng Bộ Nội vụ báo cáo Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp và nâng cao hiệu quả phong trào thi đua Dân vận khéo” (Tờ trình số 43-TTr/BCS, ngày 08/4/2015), ý kiến của cơ quan có liên quan. Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Trong những năm vừa qua, công tác dân vận của cơ quan nhà nước được cấp ủy, cơ quan nhà nước các cấp quan tâm, tích cực thực hiện phong trào “Dân vận khéo” và đã đạt được kết quả quan trọng. Các văn bản pháp luật liên quan đến quyền dân chủ của nhân dân, tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp đã quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước đã được đổi mới theo hướng vì nhân dân, chăm lo, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; mở rộng dân chủ, phát huy vai trò, quyền làm chủ của nhân dân. Đã góp phần quan trọng phát



huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được quan tâm đúng mức. Hiệu quả cải cách hành chính chưa cao, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền. Việc lấy ý kiến nhân dân khi xây dựng, triển khai đề án, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nơi còn hình thức; một số chính sách, pháp luật chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân. Công tác tiếp dân, đối thoại giữa người đứng đầu cơ quan nhà nước với nhân dân chưa được quan tâm đúng mức; có nơi, quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm. Hiệu quả, hiệu lực giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo chưa cao; tình trạng khiếu kiện đông người còn diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân của những yếu kém trên là do công tác xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng hiệu quả còn hạn chế; một số cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước chưa nhận thức đầy đủ vai trò của công tác dân vận của cơ quan nhà nước. Cơ chế giám sát, phản biện xã hội, tham gia quản lý nhà nước, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được triển khai đồng bộ. Thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ cương xã hội chưa tốt. Sự phối hợp thực hiện công tác dân vận giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thường xuyên; chưa tập trung giải quyết kịp thời một số bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân.



2. Thời gian tới, phải tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cấp ủy và cơ quan nhà nước các cấp, khắc phục những hạn chế, thiếu sót nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, gần dân, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Để thực hiện mục tiêu trên, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước các cấp thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa X về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Đổi mới nội dung, phương thức thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp, đưa công tác dân vận trở thành nhiệm vụ thường xuyên gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức. Cần xác định việc thực hiện công tác dân vận là một trong những tiêu chí đánh giá, phân loại thi đua, khen thưởng đối với tập thể và cá nhân các cơ quan nhà nước các cấp.

- Tiếp tục thể chế hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, bảo đảm nguyên tắc mọi chủ



trường của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đổi mới nội dung và hình thức lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng chính sách, pháp luật.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân, quyền dân chủ phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hành dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, bảo đảm để nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng liên quan trực tiếp đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân. Tập trung giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, không để vụ việc phức tạp kéo dài, khiếu kiện đông người.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến phục vụ người dân. Kiên quyết thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI. Thực hiện nghiêm túc việc phân công lãnh đạo các cơ quan nhà nước các cấp phụ trách công tác dân vận. Thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức công vụ, văn



hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử. Xây dựng và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải gương mẫu thực hiện. Kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức nhà nước quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền và năng lực, phẩm chất kém. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác hòa giải trong nội bộ nhân dân.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác dân vận. Các cơ quan nhà nước các cấp phối hợp kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện công tác dân vận, đặc biệt là việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về công tác dân vận, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tăng cường sự phối hợp thường xuyên giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị trong thực hiện công tác dân vận. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, trong đó có phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” để vận động, khuyến khích các tầng lớp nhân dân phát huy mọi tiềm năng, trí tuệ cống hiến cho cộng đồng và đất nước. Thực hiện tốt công tác khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhất là đối với công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, người lao động trực tiếp...



- Giao Ban cán sự đảng Chính phủ sớm ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan chính quyền các cấp trong tình hình mới (thay thế Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg, ngày 21/9/2000).

- Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả việc thực hiện Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

III. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
VÀ CÁC HỘI QUÂN CHÚNG
ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
GIAO NHIỆM VỤ

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 07-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1993

Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất

Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, ngay từ ngày thành lập, Đảng ta luôn coi trọng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống kết hợp với sức mạnh thời đại, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân. Đó là bài học lớn của cách mạng Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”.

I- ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, yếu tố dân tộc trở thành một đặc điểm cực kỳ quan trọng. Các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp để thoát khỏi



nghèo nàn, lạc hậu, chống lại các thế lực thù địch nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách, liên quan đến vận mệnh chung của loài người như giữ gìn hoà bình, bảo vệ môi trường, hạn chế bùng nổ dân số, phòng ngừa và đối phó với các bệnh tật hiểm nghèo.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhân dân ta đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, tạo ra thế phát triển mới của đất nước. Đó là những điều kiện rất thuận lợi để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đồng tâm nhất trí đưa nước ta ra khỏi lạc hậu, nghèo nàn và tiếp tục phát triển. Đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới cần quan tâm giải quyết.

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới. Để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, làm thất bại âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta phải ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất.

II- NHIỆM VỤ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

“Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”¹.

Trước mắt, cần đưa đất nước “Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng

1. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.11.



nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI”¹.

Để thực hiện được nhiệm vụ trọng đại đó, hơn lúc nào hết, phải đoàn kết đồng bào Việt Nam ở trong nước và ngoài nước, phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc, thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc ta theo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Nhiệm vụ chung của Mặt trận Dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là: *phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, nhằm mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.*

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, cần quán triệt các chủ trương lớn sau đây:

1. Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài, vì mục tiêu chung nêu trên. Đại đoàn kết chủ yếu phải

1. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 10.



lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

2. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội, gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công dân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Đồng thời, khuyến khích toàn dân thực hiện tốt các chính sách xã hội: đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, tham gia vào các việc công ích, các hoạt động nhân đạo và từ thiện, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông.

3. Xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền nhân dân phải bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của dân, giữ vững trật tự, kỷ cương phép nước; hoàn chỉnh và thực hiện chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều



thành phần có sự quản lý của Nhà nước; xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội; bảo vệ và chấn hưng nền văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thụ tinh hoa văn hóa của nhân loại; xây dựng con người mới; củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; mở rộng hoạt động đối ngoại.

4. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng thành phần xã hội. Phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Hướng hoạt động tới địa bàn dân cư xã phường và hộ gia đình. Củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, thực sự làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân.

III- Củng cố, mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo.

Mặt trận làm việc theo nguyên tắc: hiệp thương dân chủ, hợp tác bình đẳng, đoàn kết chân thành, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố và mở rộng về tổ chức và hoạt động để thực sự là một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân; nơi thống nhất hành động giữa các thành



viên, tham gia với chính quyền trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trong việc thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng, giám sát, bảo vệ chính quyền; tham gia quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Kiện toàn Ủy ban Mặt trận các cấp theo hướng tăng thêm những người tiêu biểu có tín nhiệm và năng lực trong các giai tầng xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, giới trí thức, các doanh nghiệp tư nhân, v.v.. Bộ máy giúp việc Ủy ban Mặt trận các cấp cần được tổ chức gọn nhẹ, trọng chất lượng, thu hút được nhiều chuyên gia giỏi vào từng lĩnh vực hoạt động của Mặt trận. Cán bộ chuyên trách Mặt trận ở từng cấp cần được sắp xếp hợp lý, bảo đảm đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ủy ban Mặt trận các cấp chủ trì trong việc phối hợp chung giữa các tổ chức thành viên với chính quyền cùng cấp, trong công tác vận động người cao tuổi, các nhân sĩ trí thức tiêu biểu, công thương gia, những người tiêu biểu trong các dân tộc, các chức sắc tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân ở trong nước.

Mở rộng hơn nữa các hoạt động đối ngoại nhân dân của Mặt trận.

2. Các cơ quan nhà nước thể chế hóa trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận để Mặt trận thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nhất là tham gia quá trình bầu cử các cơ quan dân cử, xây dựng các chính sách và đạo luật, tham gia quản lý kinh tế - xã hội, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử và cán bộ, nhân viên nhà nước.



Các cơ quan nhà nước phối hợp hành động với Ủy ban Mặt trận các cấp, thực hiện đầy đủ những điều quy định trong Hiến pháp và pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.

3. Với trách nhiệm vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải thực hiện đúng vai trò tiên phong của mình; cán bộ, đảng viên của Đảng phải gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách và pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, thường xuyên tự phê bình và lắng nghe ý kiến phê bình của nhân dân, của Mặt trận.

Đảng lãnh đạo Mặt trận thông qua Đảng đoàn Mặt trận và đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận. Các cấp ủy đảng cử phó bí thư hoặc ủy viên thường vụ tham gia Ủy ban Mặt trận cùng cấp và trực tiếp làm bí thư đảng đoàn; đại diện cấp ủy đảng tham gia Ủy ban Mặt trận trình bày các chủ trương của Đảng và kiến nghị những vấn đề cần thiết với Mặt trận; cùng bàn bạc dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên; tranh thủ ý kiến của Mặt trận tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến khối đại đoàn kết toàn dân. Quy định thành nền nếp chế độ làm việc của cấp ủy đảng với Đảng đoàn Mặt trận.

Cán bộ, đảng viên cần nhận rõ tầm quan trọng của chính sách và công tác mặt trận, khắc phục những quan điểm, tư tưởng không đúng, nhất là tư tưởng coi nhẹ công tác mặt trận, thái độ định kiến, hẹp hòi. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ mặt trận một cách tùy tiện, áp đặt, không tương xứng với nhiệm vụ. Có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ mặt trận.

*

* *



Thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị. Cần tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong toàn Đảng, trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Các cấp ủy đảng có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến toàn văn đến các chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Đỗ Mười

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 23-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003

Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc
vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,
dân chủ, văn minh”

I- TÌNH HÌNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Từ sau Đại hội VI, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thông qua việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó, quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Việc tập hợp nhân dân với các hình thức đa dạng có bước phát triển mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên được mở rộng, vai trò và vị trí trong xã hội được nâng cao, nội dung hoạt động phong phú, thiết thực hơn, đã động viên, lôi cuốn



được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Đạt được thành tựu trên là do nhân dân ta có truyền thống yêu nước, thương nòi, đoàn kết trong quá trình dựng nước và giữ nước; từ ngày có Đảng, luôn gắn bó với Đảng, với cách mạng. Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp nhân dân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có bước chuyển biến về công tác dân vận. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân nỗ lực đổi mới công tác, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

2. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới.

Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, phần vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi rất gay gắt.

Việc tập hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số...



Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Đảng ta chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nhân dân, trong một thời gian dài chưa có chủ trương khắc phục những mâu thuẫn ấy một cách đúng đắn, kịp thời. Nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận. Hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thậm chí thoái hóa, hư hỏng; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn hẹp hòi, định kiến với những người ngoài Đảng, người làm kinh tế tư nhân, chức sắc tôn giáo... làm giảm sút vai trò hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết của tổ chức đảng.

- Một số chủ trương, chính sách của Nhà nước chưa thể hiện đầy đủ quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc; việc thực hiện còn nhiều thiếu sót.

- Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân.

- Sự suy thoái về lối sống và đạo đức, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm. Ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật của một bộ phận nhân dân còn yếu kém.

- Các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đoàn kết của nhân dân ta, luôn kích động những vấn đề “dân chủ, nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo... để gây ly gián, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc



nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Quan điểm

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được



thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

III- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng. Tổ chức việc kết nghĩa, giúp đỡ nhau giữa các vùng, các địa phương có kinh tế phát triển với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, phấn đấu nâng dần độ đồng đều về trình độ dân trí, văn hóa và mức độ hưởng thụ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân các vùng trong nước; gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, coi trọng vai trò của nhân dân trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.



Định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội:

Giai cấp công nhân: nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, bồi dưỡng tác phong công nghiệp, thực hiện “trí thức hóa công nhân”.

Giải quyết việc làm, giảm tối đa tỷ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt pháp luật lao động, bảo hộ lao động và việc chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho công nhân. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với công nhân, viên chức, lao động; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao.

Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và phát triển Đảng trong công nhân. Nghiên cứu việc giao cho tổ chức công đoàn giới thiệu những công nhân ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Giai cấp nông dân: Nhà nước có chính sách điều tiết, hỗ trợ, tổ chức tốt việc tiêu thụ nông sản cho nông dân; đưa công nghệ sản xuất tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn; có chính sách điều chỉnh hợp lý việc sử dụng quỹ đất, vừa bảo đảm an ninh lương thực, vừa thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; có chính sách khuyến khích nông dân chuyển sang các nghề phi nông nghiệp; thúc đẩy khôi phục làng nghề, phát triển ngành nghề mới ở nông thôn; mở rộng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân hết tuổi lao động... Mở rộng các loại hình đào tạo nghề, chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các trung tâm học tập cộng đồng và các điển hình nông dân sản xuất giỏi.

Hội Nông dân là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.



Đội ngũ trí thức: có cơ chế cụ thể phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng tạo, phát minh, sáng kiến và bảo vệ sở hữu trí tuệ; mở rộng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và văn học, nghệ thuật chuyên ngành đối với các đề án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Có chính sách động viên các nhà khoa học, kể cả những người đã nghỉ hưu và những người đang sinh sống ở nước ngoài tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của quốc gia và xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh phát triển Đảng và nâng cao chất lượng công tác chính trị tư tưởng đối với trí thức và sinh viên.

Thanh niên: đẩy mạnh giáo dục nhận thức chính trị, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng, nâng cao giác ngộ lý tưởng và hoài bão cho thanh niên, động viên thanh niên xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tích cực tạo việc làm cho thanh niên. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài để trở về phục vụ đất nước. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ, dạy nghề cho thanh niên trong lực lượng vũ trang khi hết thời gian làm nghĩa vụ quân sự. Tăng cường tuyên truyền về Đảng và công tác phát triển Đảng trong thanh niên. Thu hút rộng rãi thanh, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

Phụ nữ: tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về công tác phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới. Khẩn trương thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới;



lồng ghép vấn đề giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch chung. Coi trọng các chính sách xã hội, các chính sách về giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ. Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp.

Cụu chiến binh: phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; xóa đói, giảm nghèo; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; là chỗ dựa tin cậy của Đảng và chính quyền ở cơ sở.

Người cao tuổi: xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Các nhà doanh nghiệp: coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý chung để các nhà doanh nghiệp yên tâm phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hiệp hội các nhà doanh nghiệp.

Các dân tộc thiểu số: thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.



Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Nêu cao ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Đồng bào các tôn giáo: bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của đạo lý và truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với nước, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan. Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có *trách nhiệm* sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo luật pháp và được luật pháp bảo hộ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài: có chính sách động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước. Khuyến khích đồng bào đầu tư về trong nước, có chính sách thu hút, phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều. Vận động đồng bào chấp



hành tốt pháp luật ở các nước sở tại, đồng thời có biện pháp tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước ta trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Có chính sách khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

2. Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cụ thể hóa để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở thuộc các cấp, các ngành, kể cả trong các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Khắc phục mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, coi nhẹ dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Phát huy dân chủ đồng thời đề cao pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn xã hội.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước phải đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống nhân dân; thực hiện đúng đắn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Nhà nước có cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện cần thiết để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; tập hợp, động viên nhân dân đồng tâm, hiệp lực thực hiện thắng lợi



những chủ trương, nhiệm vụ của Nhà nước; đồng thời, làm tốt vai trò giám sát đối với các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Trước khi ban hành những chủ trương, chính sách quan trọng, cần tổ chức chu đáo, thiết thực việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân có liên quan, bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụm mũ, áp đặt.

- Nhà nước chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho cán bộ chính quyền các cấp. Xây dựng phong cách và phương thức công tác của cán bộ, công chức phù hợp với đạo đức cách mạng và đáp ứng yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giáo dục cán bộ, công chức xây dựng và thực hành phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”.

Cán bộ, công chức phải có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; không thành kiến, phân biệt đối xử khi làm việc với dân.

Bổ sung, hoàn chỉnh Pháp lệnh cán bộ, công chức, chú ý phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức.

Thực hiện *phương thức dân chủ* trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.



3. Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc

- Mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nhân dân. Sớm ban hành Luật về Hội quần chúng. Xây dựng các văn bản dưới luật để cụ thể hóa những nội dung nói trên và để Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy hiệu lực tốt hơn trong đời sống xã hội.

Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật. Chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn những người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung.

Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như làng, bản, dòng họ, gia đình; đồng thời, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động nhiều hơn về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vận động và giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng dân cư. Đi sát để hiểu tâm tư, nguyện vọng nhân dân, phát huy, nhân rộng những sáng kiến tích cực; vừa làm tốt chức năng tuyên truyền, giáo dục, vừa quan tâm bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.



Cử đại diện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia các ủy ban, hội đồng, ban điều hành một số dự án, chương trình kinh tế - xã hội có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở. Nghiên cứu việc đại diện công đoàn tham gia hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và việc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trích quỹ lương để tạo kinh phí cho công đoàn hoạt động.

4. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước; trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong nhân dân. Giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm.

Củng cố và tăng cường các tổ chức làm công tác chính trị - tư tưởng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa, nghệ thuật, coi trọng xây dựng và tạo điều kiện hoạt động cần thiết cho lực lượng tuyên truyền miệng, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo, các trung tâm dân cư lớn, vùng sâu, vùng xa. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch vận động, giáo dục, bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị cho đoàn viên, hội viên và nhân dân.



- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt các cuộc vận động về từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động chung: *“Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*, tập trung vào các vấn đề:

+ Xây dựng phong trào toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp, từng gia đình làm giàu cho mình, cho cộng đồng, cho đất nước; xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu hàng năm có thêm nhiều đơn vị, địa phương không còn hộ nghèo.

+ Tiếp tục thực hiện tốt phong trào *“Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa”* và các cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và *“văn hóa phẩm”* độc hại.

+ Xây dựng phong trào *“cả nước trở thành một xã hội học tập”*, *“học tập suốt đời”*, trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

+ Tôn vinh người tốt, biểu dương việc tốt; bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; lên án, phê phán, đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những hành động coi thường kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

5. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân. Có cơ chế cụ thể để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.



- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Kết hợp thực hiện chế độ tập trung, dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta.

Khi Đảng có các chủ trương, chính sách lớn, đại diện của cấp ủy đảng cần chủ động trình bày trước hội nghị Mặt trận để mọi thành viên cùng bàn bạc, đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ, xây dựng.

Tiếp tục cụ thể hóa việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ mới. Giao cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số mặt công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

Chăm lo đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Sắp xếp, tổ chức lại và hiện đại hóa từng bước hệ thống các trường đoàn thể ở Trung ương. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố cần có Khoa Dân vận. Cử những cán bộ đủ tiêu chuẩn sang công tác Mặt trận và đoàn thể theo chủ trương luân chuyển cán bộ, qua đó phát hiện những cán bộ tốt để bồi dưỡng, đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết ở cấp mình.



2. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành những chủ trương, chính sách, pháp luật cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

4. Các ban của Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện và theo dõi thực hiện Nghị quyết này. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc triển khai Nghị quyết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 62-KL/TW, ngày 08 tháng 12 năm 2009

Về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Ngày 18/9/2009, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo Đề án “Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, ý kiến của các ban, ngành, đoàn thể liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN QUA

1. Ưu điểm

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã có nhiều phong trào và hình thức hoạt động đa dạng để vận động, tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân. Nhiều cuộc vận động, chương trình hành động, phong trào thi đua do



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động được nhân dân đồng tình ủng hộ, góp phần quan trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật (*Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật công đoàn, Luật thanh niên, Luật bình đẳng giới, Pháp lệnh cựu chiến binh, v.v.*), tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; chú trọng nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phản ánh, tham mưu với Đảng, kiến nghị với chính quyền xây dựng những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội; tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảng viên, cán bộ, công chức, đại biểu dân cử; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong giai đoạn mới được khẳng định và nâng cao. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn.

2. Hạn chế, yếu kém

- Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn có mặt chậm đổi



mới so với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác tuyên truyền, vận động chưa đi vào chiều sâu, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ chính của mình; hoạt động còn có biểu hiện hành chính hóa và nặng tính hình thức, dàn trải, hiệu quả thấp; chưa nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề bức xúc của nhân dân.

- Công tác xây dựng, phát triển tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn hạn chế; việc phát triển các tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn chậm.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội và giữa các đoàn thể với nhau chưa thật chặt chẽ, thiếu đồng bộ nên việc tạo ra sức mạnh tổng hợp còn hạn chế. Công tác giám sát, tham gia xây dựng pháp luật, chính sách và giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, hội viên chưa theo kịp yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là:

- Sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chủ động phối hợp và tạo điều kiện của chính quyền các cấp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả còn hạn chế. Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm đầy đủ đến việc lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội; quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương, cơ sở chưa chặt chẽ. Một số chính sách của Nhà nước ban hành chưa đồng bộ, hướng dẫn chưa kịp thời, có tác động không thuận tới sản xuất, kinh doanh và đời sống của đoàn



viên, hội viên và nhân dân, ảnh hưởng đến công tác vận động nhân dân.

- Việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có mặt còn chậm.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong một số phong trào, nên còn có sự trùng lặp, chồng chéo, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy, cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được chăm lo, củng cố; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng người có đức, có tài, có uy tín để làm công tác vận động quần chúng; trình độ, năng lực, kỹ năng vận động, tập hợp quần chúng của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở cơ sở; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển và thực hiện chính sách đối với cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội còn chưa phù hợp, làm cho cán bộ thiếu an tâm trong công tác.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Đảng, chính quyền đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và toàn bộ hệ



thống chính trị về nhiệm vụ lãnh đạo, xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các giai tầng xã hội.

- Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và vai trò làm chủ của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, công tác mặt trận và các đoàn thể. Đưa nội dung lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh thành một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp.

2. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân

- Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội, tránh chồng chéo, hình thức; phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động, phong trào. Xây dựng, cổ vũ, động viên kịp thời và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Chú trọng sơ kết, tổng kết các phong trào, các cuộc vận động; tham mưu, kiến nghị với Đảng, Nhà nước bổ sung chủ



trường, chính sách về công tác vận động nhân dân; xây dựng và phát huy vai trò những người tiêu biểu trong cộng đồng dân cư.

3. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở; phát huy quyền chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác vận động nhân dân, phù hợp với đặc điểm địa phương, cơ sở

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội làm nòng cốt trong việc phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm công dân trong các tầng lớp nhân dân.

- Xây dựng, củng cố và hoàn thiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở; coi trọng và sử dụng rộng rãi hoạt động tư vấn trong công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp; chủ động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới chính sách, chế độ đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong thời kỳ mới

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ hoạt động chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn. Coi trọng việc kết hợp, phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và cộng tác viên. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động nhân dân.



Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, địa bàn dân cư.

- Xây dựng tiêu chuẩn chức danh; bổ sung chế độ, chính sách đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới; chú trọng bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển cán bộ; coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác vận động nhân dân cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, thôn, ấp, làng, bản, phum, sóc, khu phố...

- Chính phủ ban hành nghị định hướng dẫn thực hiện việc sắp xếp và tổ chức các trường đào tạo cán bộ đoàn thể theo quy định của *Luật giáo dục*, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ các đoàn thể trong thời kỳ mới. củng cố, tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Khoa Dân vận thuộc Học viện Xây dựng Đảng và Khoa Dân vận của 63 trường chính trị các tỉnh, thành phố.

5. Tăng cường công tác dân vận của chính quyền các cấp; thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế phối hợp, chương trình phối hợp công tác giữa ủy ban nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.



- Nhà nước bảo đảm kinh phí và điều kiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với thực tiễn công tác vận động nhân dân và phong trào thi đua yêu nước hiện nay.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phát huy tính năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy đảng và người đứng đầu thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân; xây dựng và ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; định kỳ cấp ủy đảng các cấp làm việc, nghe báo cáo tình hình và định hướng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình, trình Ban Bí thư cho ý kiến chỉ đạo.



2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Kết luận này.

3. Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng, các bộ, ngành liên quan và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội theo dõi, đôn đốc và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trương Tấn Sang

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 160-TB/TW, ngày 15 tháng 01 năm 2020

**Về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW,
ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị**

Tại cuộc họp ngày 20/12/2019, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Đề án báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

1. Qua 10 năm thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội luôn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, có nhiều nỗ lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; tăng cường đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện xã hội, sâu sát cơ sở; phối hợp ngày càng hiệu quả với các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp, quan tâm lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, khơi dậy được động lực trong nhân dân, phát



huy quyền làm chủ, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội; kết quả tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân; vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân còn một số mặt hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; chưa quan tâm lãnh đạo, tạo điều kiện, bố trí cán bộ có năng lực, uy tín, kinh nghiệm thực tiễn làm công tác vận động quần chúng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có lúc, có nơi chưa chủ động trong tham mưu với cấp ủy và phối hợp với chính quyền để kịp thời ngăn chặn nguy cơ tiềm ẩn và giải quyết những vấn đề phức tạp phát sinh; năng lực của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; chưa đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở; điều kiện hoạt động ở một số nơi còn khó khăn.

2. Để tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW trong tình hình mới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo, thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp tục quán triệt, nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác dân vận trong tình hình mới, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động của



Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2.2. Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy quyền làm chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo đồng thuận xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn với kỷ cương, pháp luật, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại của đất nước.

- Phát huy đầy đủ vai trò đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; nắm chắc tình hình đoàn viên, hội viên của từng tổ chức, tình hình nhân dân, kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên, nhân dân với Đảng, Nhà nước và giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền.



2.3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Phát triển đoàn viên, hội viên, xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh, hướng trọng tâm hoạt động vào việc chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, mở rộng sự tham gia của các tổ chức xã hội, các cá nhân tiêu biểu, thống nhất hành động trong phong trào thi đua yêu nước của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nâng cao hiệu quả “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân” ở các khu dân cư.

- Tập hợp, đoàn kết và phát huy vai trò nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, trọng tâm là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; hoạt động quản lý nhà nước, những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân và phát triển bền vững đất nước. Làm nòng cốt trong thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, các mô hình tự quản, giáo dục, hoà giải tại cộng đồng.



- Phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội với các hội quần chúng, các hội đoàn của người Việt Nam ở nước ngoài, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về quyền làm chủ của nhân dân để nhân dân tham gia có hiệu quả vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân và đạo đức xã hội.

2.4. Tăng cường công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp

Phối hợp với các cơ quan nhà nước tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân về chính sách, pháp luật. Phối hợp kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận, mặt trận và đoàn thể; giải quyết kịp thời, hiệu quả những điểm nóng, phức tạp trong cộng đồng dân cư.

2.5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ

- Bảo đảm tính hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở; tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng chi đoàn, chi hội, đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị - xã hội; làm tốt công tác phát triển đảng, nhất là ở địa bàn dân cư, vùng tôn giáo, khu vực ngoài nhà nước.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với đổi mới nội dung, phương thức hoạt động bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu về lý luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng công tác vận động quần chúng; chú trọng lựa chọn cán bộ có uy tín, kinh nghiệm,



trưởng thành từ phong trào quần chúng làm công tác mặt trận, đoàn thể.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Thông báo kết luận này.

3.2. Đảng đoàn Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xem xét đưa hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vào quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan sớm chỉ đạo đánh giá các mô hình thí điểm liên quan đến Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

3.4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các tổ chức đảng, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận số 62-KL/TW và Thông báo kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện.

Thông báo này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vượng

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 217-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013

Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.



Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

QUY CHẾ
GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ
CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW,
ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1- “Giám sát” là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2- “Phản biện xã hội” là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

3- “Giám sát và phản biện xã hội” là giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

4- “Cơ quan, tổ chức” là cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.

Điều 2. Mục đích, tính chất của giám sát và phản biện xã hội

1- Giám sát nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc



phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2- Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

3- Giám sát và phản biện xã hội mang tính nhân dân, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát và phản biện xã hội

1- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

2- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm trở ngại các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và phản biện xã hội.

3- Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng.

4- Tôn trọng các ý kiến khác nhau, nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, đoàn viên, hội viên, lợi ích quốc gia, dân tộc.



Điều 4. Chủ thể giám sát và phản biện xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chương II

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 5. Đối tượng và nội dung giám sát

1- Đối tượng giám sát

- a) Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở.
- b) Cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước (sau đây gọi chung là cá nhân).

2- Nội dung giám sát

Việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Điều 6. Phạm vi giám sát

1- Đối với cơ quan, tổ chức

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Các đoàn thể chính trị - xã hội: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp



luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

2- Đối với cá nhân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát theo các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy chế này ở nơi công tác và nơi cư trú.

Điều 7. Phương pháp giám sát

1- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát báo cáo cấp ủy và chính quyền cùng cấp trước khi triển khai. Khi cần thiết có thể tổ chức giám sát ngoài kế hoạch.

Chương trình, kế hoạch giám sát được thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước liên quan để hỗ trợ triển khai, bảo đảm giám sát thiết thực, đúng thực tế, có tác động tốt với đời sống chính trị, xã hội và nhân dân.

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp thu ý kiến phản ánh của các thành viên, đoàn viên, hội viên, ý kiến của nhân dân, ý kiến của các chuyên gia và tổ chức khảo sát thực tế để có cơ sở kiến nghị với cơ quan Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền cùng cấp.

3- Giám sát thông qua việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.



4- Giám sát thông qua nghiên cứu văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức; đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân gửi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

5- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan dân cử đề nghị.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm trong giám sát

1- Đối với chủ thể giám sát

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức được giám sát cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.

b) Tổ chức đối thoại giữa chủ thể giám sát và đối tượng giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị khi một trong hai bên có yêu cầu.

c) Gửi báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền) đến các cơ quan được quy định ở điều này; kiến nghị và theo dõi việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

d) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương báo cáo kết quả giám sát với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương báo cáo kết quả giám sát với cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp để các cơ quan, tổ chức được báo cáo cho ý kiến về việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.



đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan và cơ quan thông tin đại chúng phổ biến các điển hình tiên tiến, góp phần tạo phong trào thi đua học tập các điển hình tiên tiến.

e) Chịu trách nhiệm về những nội dung kết quả giám sát của tổ chức, đoàn thể mình.

2- Đối với đối tượng được giám sát

a) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của chủ thể giám sát; góp ý vào dự thảo báo cáo giám sát khi được chủ thể giám sát đề nghị.

b) Yêu cầu đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết.

c) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp hoặc các cơ quan, ban, ngành chức năng liên quan, nếu chủ thể giám sát vi phạm Quy chế này.

d) Tổ chức thực hiện và trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát theo quy định.

đ) Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cấp ủy đảng các cấp có trách nhiệm bố trí thời gian trong phiên họp định kỳ 6 tháng và cuối hằng năm để nghe Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo kết quả giám sát đối với cơ quan, đơn vị; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện trách nhiệm giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VỀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Điều 9. Đối tượng và nội dung phản biện xã hội

1- Đối tượng phản biện xã hội

Các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng,



chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Nội dung phản biện xã hội

- Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo.

- Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

- Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bản dự thảo.

Điều 10. Phạm vi phản biện xã hội

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2- Các đoàn thể chính trị - xã hội

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

Điều 11. Phương pháp phản biện xã hội

1- Tổ chức hội nghị các cơ quan lãnh đạo trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội từng cấp.



2- Tổ chức lấy ý kiến phản biện (thông qua tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên) trong hệ thống của tổ chức, đoàn thể mình hoặc gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện.

3- Khi cần thiết, tổ chức đối thoại trực tiếp giữa chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo được phản biện.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm trong phản biện xã hội

1- Chủ thể phản biện xã hội

a) Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

b) Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức có yêu cầu phản biện khi cần thiết.

c) Gửi kết quả phản biện bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền) đến cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện.

d) Chịu trách nhiệm về những nội dung phản biện của mình.

đ) Bảo đảm bí mật nội dung thông tin phản biện theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo (nếu có).

2- Cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội

a) Gửi văn bản dự thảo và cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu cần thiết đến chủ thể phản biện.

b) Cử người có trách nhiệm thay mặt tổ chức của mình tham dự hội nghị phản biện do chủ thể phản biện tổ chức hoặc tham gia đối thoại theo yêu cầu của chủ thể phản biện.

c) Trả lời bằng văn bản với chủ thể phản biện về việc tiếp thu ý kiến phản biện. Báo cáo đầy đủ (bằng văn bản) các ý kiến phản biện của chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.



Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Điều kiện bảo đảm

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức, bộ máy, cán bộ; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng về giám sát và phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ.

2- Kinh phí giám sát và phản biện xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm theo kế hoạch hằng năm do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội thì được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1- Tổ chức, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập, cản trở tổ chức, cá nhân giám sát, phản biện xã hội hoặc bao che cho người có hành vi trả thù, trù dập, cản trở hoặc can thiệp trái quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm thì bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2- Những hành vi lợi dụng quyền giám sát và phản biện xã hội làm cản trở hoạt động, gây tổn hại đến uy tín hoặc danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bị xử lý theo quy định của



Đảng và pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm

1- Hằng năm, lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và phản biện xã hội, báo cáo với cấp ủy và thống nhất với cơ quan nhà nước liên quan cùng cấp; kịp thời bổ sung nội dung giám sát và phản biện xã hội (khi có yêu cầu) theo quy định tại Quy chế này.

2- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế tới các cấp thuộc tổ chức, đoàn thể mình.

Điều 17. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm

1- Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện những nội dung có liên quan trong Quy chế.

2- Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thống nhất thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình.



Điều 18. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và cấp dưới tổ chức thực hiện Quy chế.

2- Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình, kết quả thực hiện Quy chế (qua Ban Dân vận Trung ương).

Điều 19. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Lãnh đạo triển khai thực hiện Quy chế ở tổ chức, đơn vị mình.

2- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan của Trung ương Đảng có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế khi thấy cần thiết.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 218-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013

**Ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia
góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XI;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.



Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh



QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ NHÂN DÂN
THAM GIA GÓP Ý XÂY DỰNG ĐẢNG,
XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW,
ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích góp ý

1- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

2- Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc góp ý

1- Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, trung thực, có tính xây dựng.

2- Phù hợp với các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước; không được lợi dụng việc góp ý để vu cáo, đả kích, bôi xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và hoạt động của tổ chức, cá nhân.

3- Các ý kiến góp ý bằng văn bản của tập thể do lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu, không nhân danh cá nhân.



4- Các ý kiến góp ý của cá nhân là công dân, người có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phạm vi góp ý

1- Việc góp ý được thực hiện từ Trung ương đến cơ sở.

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và công dân góp ý với cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên công tác ở các cơ quan, đơn vị cùng cấp.

Điều 4. Chủ thể góp ý

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

2- Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, người lao động và công dân (gọi chung là cá nhân).

Chương II

GÓP Ý XÂY DỰNG ĐẢNG

Điều 5. Đối tượng góp ý

1- Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban đảng Trung ương; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

2- Ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy các cấp; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cơ quan đảng ở các cấp; chi ủy, chi bộ.

3- Cán bộ, đảng viên.

Điều 6. Nội dung góp ý

1- Góp ý với tổ chức đảng:



a) Dự thảo nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế, quy định, kết luận... (sau đây gọi chung là quy định) của Đảng có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội; dự thảo báo cáo chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng trước mỗi kỳ đại hội.

b) Việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đảng, cấp ủy, tổ chức đảng.

c) Mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên với nhân dân.

2- Góp ý với đảng viên:

a) Thực hiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng; mối quan hệ giữa đảng viên với nhân dân.

Điều 7. Phương pháp góp ý

1- Góp ý định kỳ

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội góp ý bằng văn bản mỗi năm một lần trước khi kiểm điểm cấp ủy, tổ chức đảng và trước khi kết thúc nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp.

b) Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy ở địa phương với nhân dân mỗi năm một lần.

c) Tổ chức lấy ý kiến nhận xét của nhân dân nơi cư trú (thôn, xóm, tổ dân phố) đối với cán bộ, đảng viên mỗi năm một lần trước khi kiểm điểm cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên.



2- Góp ý thường xuyên

a) Thông qua hòm thư góp ý xây dựng Đảng được đặt công khai tại trụ sở các cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và các cơ quan, tổ chức đảng các cấp.

b) Thư góp ý gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan, tổ chức đảng.

c) Thông qua tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, đảng viên.

3- Góp ý đột xuất

a) Góp ý các văn bản dự thảo do cấp ủy, tổ chức đảng gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Góp ý khi có yêu cầu hoặc khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thấy cần thiết.

c) Góp ý khi đại diện tổ chức đảng làm việc với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Điều 8. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội

1- Chủ trì tổ chức việc góp ý theo nội dung quy định tại điểm a của khoản 1; điểm a, điểm b của khoản 3, Điều 7 của Quy định này. Tập hợp, tổng hợp ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân ở các điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b, khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 (Điều 7) chuyển đến cấp ủy, tổ chức đảng được góp ý.

2- Phối hợp với cơ quan của cấp ủy địa phương thực hiện nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm b khoản 3 (Điều 7).



3- Theo dõi và thông tin kết quả tiếp thu góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên tới tổ chức, cá nhân góp ý.

4- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về giữ gìn bí mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 9. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng

1- Thực hiện việc thông báo, cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng; một số văn bản dự thảo nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, tổ chức đảng (không thuộc diện bảo vệ bí mật).

2- Tiếp nhận, xử lý, tiếp thu ý kiến góp ý qua các hình thức được quy định tại Điều 7. Những nội dung góp ý không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình thì cấp ủy, tổ chức đảng chuyển cho cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc cấp có thẩm quyền xem xét tiếp thu và thông báo cho chủ thể góp ý biết.

3- Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy ở địa phương với nhân dân và tổ chức lấy ý kiến nhận xét của nhân dân nơi cư trú đối với cán bộ, đảng viên theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 (Điều 7).

4- Hằng năm, báo cáo kết quả tiếp thu góp ý lên cấp ủy cấp trên trực tiếp, đồng gửi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát.

Chương III

GÓP Ý XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

Điều 10. Đối tượng góp ý

1- Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; các cơ quan của Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp.



2- Chính phủ, lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3- Lãnh đạo tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán Nhà nước.

4- Cán bộ, công chức, viên chức (gọi chung là cá nhân).

Điều 11. Nội dung góp ý

1- Góp ý với cơ quan, tổ chức:

a) Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

b) Việc thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật.

c) Việc thực hiện cải cách hành chính; phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

d) Việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân.

2- Góp ý với cá nhân:

a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ công dân.

b) Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu dân cử, sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang; nhất là người đứng đầu cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp.

Điều 12. Phương pháp góp ý

1- Góp ý định kỳ

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội



các cấp góp ý bằng văn bản mỗi năm một lần đối với các nội dung nêu tại Điều 11 Quy định này cho các đối tượng góp ý cùng cấp.

b) Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu chính quyền các cấp với nhân dân mỗi năm một lần.

c) Tổ chức lấy ý kiến tại hội nghị công chức, viên chức (đối với cơ quan, đơn vị) và hội nghị nhân dân (chủ yếu ở xã, phường, thị trấn) mỗi năm một lần.

2- Góp ý thường xuyên

a) Thông qua hòm thư góp ý xây dựng chính quyền đặt công khai tại trụ sở.

b) Thư góp ý gửi đến cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan chính quyền.

c) Thông qua tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức.

3- Góp ý đột xuất

a) Góp ý vào các văn bản dự thảo do cơ quan nhà nước gửi đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội hoặc đăng công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ, của ủy ban nhân dân các địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Góp ý cho cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khi có yêu cầu hoặc khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thấy cần thiết.

c) Góp ý khi các đồng chí lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ, bộ, ngành, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, sở, ngành đến làm việc với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.



Điều 13. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội

1- Tổ chức góp ý theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3 (Điều 12) Quy định này.

2- Phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện các nội dung quy định tại các điểm b, c khoản 1, điểm b, khoản 3 (Điều 12) Quy định này.

3- Tổng hợp ý kiến góp ý ở các điểm b, c của khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 (Điều 12) chuyển đến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4- Theo dõi và thông báo kết quả tiếp thu góp ý của cơ quan nhà nước tới tổ chức, cá nhân góp ý.

5- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về giữ gìn bí mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền

1- Thực hiện công khai về tổ chức, hoạt động, quy chế làm việc của tổ chức; các quy định về thủ tục hành chính; quy định trách nhiệm công vụ; các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; các quy định, quyết định quản lý hành chính; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sẽ ban hành.

2- Cung cấp thông tin về khen thưởng, kỷ luật cán bộ; các báo cáo kết quả thanh tra, giám sát, kiểm toán các cơ quan, đơn vị khi được yêu cầu.

3- Tiếp nhận, xử lý, tiếp thu ý kiến góp ý qua các hình thức được quy định tại Điều 12. Những nội dung góp ý không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình thì chuyển cho cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, tiếp thu và thông báo cho chủ thể góp ý biết.



4- Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cơ quan chính quyền các cấp với nhân dân và lấy ý kiến của nhân dân tại hội nghị nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 (Điều 12) Quy định này.

5- Hằng năm, báo cáo kết quả tiếp thu góp ý với cấp ủy cùng cấp và chính quyền cấp trên trực tiếp; đồng gửi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp để theo dõi, giám sát.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Điều kiện bảo đảm

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình theo Điều 9 và Điều 14 Quy định này; tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thực hiện tốt việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ở mỗi cấp.

Điều 16. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1- Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan đảng, cơ quan nhà nước,



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và cá nhân cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc Quy định này thì tùy mức độ vi phạm để xem xét, xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội.

2- Khi tiếp nhận góp ý nếu thấy tổ chức, cá nhân có biểu hiện vi phạm thì cơ quan, cấp có thẩm quyền phải tiến hành thanh tra, kiểm tra kết luận rõ ràng và xử lý vi phạm.

3- Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có hành vi trù dập, thành kiến, gây áp lực đối với tổ chức, cá nhân góp ý; tổ chức, cá nhân lợi dụng việc góp ý để vu cáo, đả kích, bôi xấu làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của tổ chức, cá nhân được góp ý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm

1- Lãnh đạo ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm, nội dung, phương pháp, quy trình tham gia góp ý của tổ chức mình đối với Đảng, chính quyền theo Quy định này.

2- Tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức, hoạt động; tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.



3- Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy định (qua Ban Dân vận Trung ương).

Điều 19. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm

Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Quy định theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 20. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chỉ đạo xây dựng, ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm tiếp thu góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp theo Quy định này.

2- Định kỳ hằng năm báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả thực hiện Quy định (qua Ban Dân vận Trung ương).

Điều 21. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

1- Tổ chức tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 124-QĐ/TW, ngày 02 tháng 02 năm 2018

**Về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân
đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức,
lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt
và cán bộ, đảng viên**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;
- Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;
- Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”,

Ban Bí thư Quy định về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc



tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng giám sát

Quy định này quy định về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

Điều 2. Mục đích giám sát

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát

1- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

2- Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm cản trở hoặc ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, gia đình người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.



3- Trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng.

Điều 4. Chủ thể giám sát

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở.

2- Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phản ánh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan có thẩm quyền về những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Chương II

NỘI DUNG, PHẠM VI, HÌNH THỨC GIÁM SÁT; TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN GIÁM SÁT

Điều 5. Nội dung giám sát

1- Các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2- Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên.

Điều 6. Phạm vi giám sát

1- Giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp ở nơi làm việc;



giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt, cư trú trên địa bàn khu dân cư.

2- Trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống thì chủ thể giám sát báo cáo, phản ánh với cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên.

Điều 7. Hình thức giám sát

1- Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

2- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và nhân dân; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

Điều 8. Tiếp nhận, xử lý thông tin giám sát

1- Khi phát hiện hoặc tiếp nhận báo cáo, phản ánh về những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội báo cáo bằng văn bản hoặc phản ánh trực tiếp với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp để xem xét, xử lý.

2- Cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi tiếp nhận báo cáo, phản ánh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xem xét, giải quyết. Chậm nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, phản ánh của chủ thể giám sát, cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết đến chủ thể giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Nếu vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài, nhưng không quá 30 ngày



làm việc. Trường hợp xác định cán bộ, đảng viên có vi phạm thì cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, xử lý theo quy định.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ GIÁM SÁT, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

Điều 9. Quyền, trách nhiệm của chủ thể giám sát

1- Giám sát thường xuyên đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên trong phạm vi giám sát.

2- Được mời tham dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân liên quan đến nội dung giám sát; các cuộc đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

3- Công tâm, dân chủ, khách quan khi thực hiện giám sát; chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng về kết quả giám sát; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng trong hoạt động giám sát.

4- Báo cáo kết quả giám sát với cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền và cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, kiểm tra, xử lý kết quả giám sát; theo dõi việc xử lý kết quả giám sát của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và đối tượng được giám sát.

Điều 10. Quyền, trách nhiệm của đối tượng giám sát

1- Được đề nghị, phản ánh, báo cáo với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền xem xét về báo cáo, nhận xét,



đánh giá của chủ thể giám sát đối với mình hoặc khi chủ thể giám sát thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, trách nhiệm, vi phạm Quy định này.

2- Từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ của mình hoặc không liên quan đến nội dung, phạm vi giám sát.

3- Chịu sự giám sát của chủ thể giám sát theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy định thì được biểu dương, khen thưởng; nếu vi phạm Quy định thì tùy theo nội dung, tính chất, mức độ tác hại, nguyên nhân vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp triển khai thực hiện Quy định này; định kỳ 3 tháng, 6 tháng và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy định với cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên.



2- Người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân theo Quy định này.

3- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy định tới các cấp thuộc tổ chức mình.

4- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ, đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2- Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ, ban công tác Mặt trận khu dân cư, chi đoàn, chi hội của các tổ chức chính trị - xã hội.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

2. Công đoàn Việt Nam

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X
Số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008

**Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam
thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước**

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội



công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

I- TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI VỪA QUA

Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hóa,



hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế; đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa thể hiện đầy đủ. Giai cấp công nhân còn hạn chế về phát huy vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp. Một bộ phận công nhân chưa thiết tha phấn đấu vào Đảng và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội. Nhìn tổng quát, lợi ích một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính mình; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc, đặc biệt là ở bộ phận công nhân lao động giản đơn tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tình hình trên bắt nguồn từ các nguyên nhân: Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân; tuy nhiên những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân; nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước ban hành nhiều chính sách, pháp luật xây dựng giai cấp công nhân;



nhưng những chính sách, pháp luật này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân; nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân đã có nhiều nỗ lực vươn lên; nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân; nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

A- Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân

1- Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



2- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

3- Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hoà lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

4- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

5- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công



nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân vững mạnh.

B- Mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, **mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 là:**

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói chung, trong các doanh nghiệp đều có tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hoá: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao.



Từ nay đến hết năm 2010 phải phấn đấu quyết liệt để đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt sau đây:

1- Hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2- Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân, tạo được chuyển biến thật sự mạnh mẽ và rõ rệt trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân (về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hóa, cơ sở nuôi dạy trẻ...) tương xứng với những thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và những đóng góp của giai cấp công nhân. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong các loại hình doanh nghiệp.

3- Có bước tiến về đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước, nhất là những ngành công nghiệp mới. Tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo; chú trọng đào tạo nghề cho công nhân từ nông dân và nữ công nhân.

4- Nâng cao hơn về giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, xây dựng lối sống lành mạnh trong công nhân, nhất là công nhân trẻ.

5- Tăng tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất thân từ công nhân. Tăng số lượng và chất lượng cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp; sớm thành lập tổ chức cơ sở đảng ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng tại doanh nghiệp phù hợp với từng thành phần kinh tế.



6- Đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các loại hình doanh nghiệp. củng cố, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đã có; sớm thành lập tổ chức cơ sở tại các doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó; tăng số lượng và chất lượng của các tổ chức cơ sở này tại các loại hình doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp có đông công nhân.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế

Đổi mới tổ chức, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân, hướng vào giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra: về xu hướng phát triển của giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; về vấn đề trí thức hóa giai cấp công nhân; về công nhân tham gia sở hữu doanh nghiệp; về mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, đặc biệt là trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; về sự phân hóa và mối quan hệ trong nội bộ giai cấp công nhân; về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên



phong là Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới; về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; về vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động; về mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân các nước trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; về những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” và tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch đối với giai cấp công nhân;... Qua đó cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đề ra chủ trương, giải pháp xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện trong thời kỳ mới.

2. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, đặc biệt là công nhân trẻ, công nhân từ nông dân, công nhân nữ, nhằm phát triển về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, để nước ta có một đội ngũ công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, có khả năng tiếp thu nhanh và làm chủ công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có tài, có đức, các nhà quản lý giỏi và các cán bộ khoa học - kỹ thuật xuất thân từ công nhân có trình độ cao, có khả năng tiếp cận với công nghệ và phương thức kinh doanh hiện đại trong nền kinh tế thị trường, hội nhập. Quy hoạch nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có trình độ cao để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp mới,



hiện đại. Chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân trong các dân tộc thiểu số, ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề. Có chính sách để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các cơ sở đào tạo nghề với phương tiện kỹ thuật hiện đại. Có chính sách khuyến khích liên kết các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách hướng nghiệp ở cấp học phổ thông để giúp cho thanh niên, học sinh định hướng đúng đắn việc chọn nghề và hiểu rõ được ý nghĩa của việc gia nhập đội ngũ công nhân; tạo điều kiện phát triển đội ngũ công nhân trẻ có trình độ cao, chuyển một bộ phận lớn nông dân thành công nhân.

- Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển dạy nghề một cách đồng bộ, đổi mới hệ thống dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo sự cân đối ngay trong hệ thống giáo dục – đào tạo, giữa hệ thống giáo dục - đào tạo với phát triển kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn lao động có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề. Làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ.

- Ban hành chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với hoạt động đào tạo nghề, thu hút mạnh hơn các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nghề, bao gồm cả ở trình độ cao: Từng bước thực hiện đổi mới chi ngân sách cho dạy nghề theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dạy nghề



của các thành phần kinh tế; đồng thời thực hiện tốt hơn cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng dạy nghề.

- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại công nhân; có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ. Xây dựng, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo nghề, gắn đào tạo lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, gắn đào tạo nghề với giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về giai cấp công nhân và với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động. Đưa vào chương trình đào tạo nghề nội dung học tập pháp luật lao động, Luật Công đoàn, Luật Doanh nghiệp,...

- Điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề gắn với các ngành, các chương trình, dự án lớn, các vùng kinh tế trọng điểm. Ngân sách nhà nước đầu tư tập trung vào dạy nghề cho lao động nông thôn, các vùng miền núi, dân tộc thiểu số và những ngành nghề đặc thù mà các đơn vị ngoài công lập không đầu tư; Nhà nước làm nòng cốt, đồng thời có chính sách để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng trường chuẩn, theo chương trình chuẩn, để đào tạo công nhân có trình độ cao cho một số ngành kinh tế mũi nhọn, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Chú trọng đào tạo đồng bộ, cả ở trong và ngoài nước, đội ngũ giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý và những công nhân có trình độ cao, để đáp ứng yêu cầu nhân lực của nền kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp mới, hiện đại. củng cố và mở rộng các trường đào tạo giáo viên dạy nghề theo khu vực trên phạm vi cả nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hằng năm dành kinh phí thích đáng và thời gian cho



đào tạo, đào tạo lại công nhân; được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đảm bảo có đủ điều kiện về tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động; quy hoạch và phát triển đa dạng các hình thức, các thành phần kinh tế tham gia đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân

Cần nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp và bản lĩnh chính trị, ý thức công dân, tinh thần dân tộc, gắn bó thiết tha với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần phấn đấu vươn lên ngang tầm thời đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế, quyết tâm chiến thắng trong cạnh tranh, tinh thần đấu tranh xây dựng, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, lương tâm nghề nghiệp,... cho công nhân.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và hoạt động của tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân; đảm bảo định hướng thống nhất nội dung và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nhà nước đầu tư và có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư (được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất) xây dựng và hoạt động của các nhà văn



hóa lao động, nhà văn hóa thanh niên, câu lạc bộ công nhân, hệ thống truyền thông đại chúng, nơi sinh hoạt của tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các khu công nghiệp tập trung.

4. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân

Rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm và đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thể chất cho công nhân; tập trung trước hết vào những chính sách liên quan trực tiếp đến những vấn đề bức xúc đang đặt ra về việc làm và đời sống của công nhân.

Bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách để phát huy các nguồn lực và trách nhiệm của cả Nhà nước, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn xã hội và của công nhân trong việc chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân tương xứng với năng suất lao động và những đóng góp của công nhân. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các tỉnh, thành phố để xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng cho công nhân.

Đề cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân; tính tự giác của người sử dụng lao động và của công nhân trong thực hiện chính sách, pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp; có chế tài xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.



Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về ký hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Bổ sung, sửa đổi, nâng cao tính khả thi của các chính sách, pháp luật để cải thiện điều kiện lao động, bảo hộ lao động, phòng, chống có hiệu quả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tăng cường chăm sóc sức khỏe công nhân, nhất là đối với công nhân nữ, những công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nhất là ở những nơi có đông công nhân.

- Nghiên cứu ban hành Luật Tiền lương tối thiểu, nâng lương tối thiểu đối với khu vực sản xuất kinh doanh; quy định các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương để người lao động và người sử dụng lao động có cơ sở xác định tiền lương hợp lý, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi của người lao động; nâng cao năng lực quản lý lao động, tổ chức tiền lương, nhất là công tác định mức lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Bổ sung, hoàn thiện thêm chính sách cho nghỉ hưu sớm đối với công nhân một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp, trên cơ sở quy hoạch của Nhà



nước. Quy định phát triển khu công nghiệp phải đi liền với phát triển khu đô thị mới và các công trình phúc lợi công cộng, trong đó có khu nhà ở cho công nhân. Có chính sách về nhà ở cho công nhân thuê hoặc mua trả dần phù hợp với thu nhập thực tế của công nhân. Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho công nhân diện thu nhập thấp; các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất.

- Ban hành quy định pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường cơ chế đối thoại, thương lượng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy định rõ quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động và công nhân trong xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ.

- Có chính sách tôn vinh thích đáng những người lao động giỏi, cả lao động chân tay và trí óc, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội; bổ sung chính sách về thi đua và khen thưởng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Sớm hoàn thiện chính sách bán cổ phần cho công nhân khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, để công nhân phát huy quyền làm chủ, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Nghiên cứu chính sách khuyến khích doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cổ phần cho công nhân.

- Tổ chức thực hiện tốt pháp luật lao động; đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ. Nghiên



cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động. Thực hiện đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo luật định đối với các cuộc đình công của công nhân trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động. Bổ sung các chế tài xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật lao động. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động khi làm việc ở nước ngoài.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Khẩn trương xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chiến lược về giai cấp công nhân gắn với chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm các chủ trương, chính sách lớn về đào tạo, trí thức hóa công nhân; về chuyển một bộ phận lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; về vấn đề xuất khẩu lao động, kể cả ở các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư kinh doanh ở nước ngoài; vấn đề tạo nguồn để phát triển đảng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, trong quản lý sản xuất kinh doanh xuất thân từ công nhân; vấn đề nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân...

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước để giai cấp công nhân là nòng cốt, cùng với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, tăng cường liên minh



công nhân - nông dân - trí thức, thực sự là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường lãnh đạo Nhà nước trong xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật để xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của giai cấp công nhân.

Chú ý hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng trong công nhân. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng những cán bộ ưu tú xuất thân từ công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất, tăng dần tỉ lệ cán bộ xuất thân từ công nhân trong bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tạo cơ hội phát triển cho những cán bộ công đoàn trẻ, cán bộ thanh niên có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt xuất thân từ công nhân.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của công nhân và công đoàn, tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của tổ chức công đoàn. Chú trọng lãnh đạo, tạo điều kiện để công đoàn phát huy tốt vị trí, vai trò của mình.

Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết; bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã



hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập, hoạt động thuận lợi.

Đẩy mạnh bồi dưỡng phát triển Đảng trong các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề và trong công nhân, chú trọng phát triển Đảng ở những doanh nghiệp không có hoặc còn ít đảng viên để tạo nguồn thành lập tổ chức cơ sở đảng trong phần lớn các doanh nghiệp.

Có chính sách động viên về vật chất, khuyến khích về tinh thần đối với đội ngũ cán bộ đảng ở doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nhiệt tình, tâm huyết và kỹ năng công tác cho cán bộ đảng ở doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, xây dựng doanh nghiệp thịnh vượng.

Có nhiều hình thức tăng cường và phát triển đảng viên tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, làm nòng cốt xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

- Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp. Nghiên cứu việc quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp ủy ở những nơi có nhiều khu công nghiệp, đông công nhân.



Các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động, lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa cho công nhân; tập hợp trí tuệ của công nhân để tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thực hiện chính sách, pháp luật.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cơ sở, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về trình độ chính trị, hiểu biết chính sách, pháp luật lao động và kỹ năng công tác.

Sớm sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn để phù hợp, tương thích với các quy định của Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan; xác định rõ vị trí, chức năng, quyền và cơ chế đảm bảo để công đoàn thực hiện tốt chức năng trong thời kỳ mới. Việc thu kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện theo quy định của Luật Công đoàn và của Chính phủ; sử dụng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, sinh hoạt văn hóa, thi đua, khen thưởng, phúc lợi xã hội và các hoạt động khác của công nhân tại chính doanh nghiệp đó, kể cả việc trả lương hoặc phụ cấp lương cho cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp.



Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ công đoàn. củng cố, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân và công đoàn các nước trên toàn thế giới.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp.

Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở, để công đoàn thực sự là chỗ dựa vững chắc của công nhân tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có sức hấp dẫn đối với người lao động và tạo được sự đồng tình, ủng hộ của người sử dụng lao động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để nâng cao hiệu quả công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Sớm bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở và chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung và phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hóa các loại hình, hình thức tập hợp, vận động thanh niên làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động Đoàn và Hội.

Hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp cần tập



trung vào việc tạo điều kiện, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cổ vũ và khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong thanh niên công nhân; thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để phối hợp với tổ chức công đoàn bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích, tư vấn, hỗ trợ về mặt pháp lý và bảo vệ thanh niên công nhân khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ rà soát hệ thống pháp luật và các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công nhân, điều kiện hoạt động của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với Nghị quyết này.

2. Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt, tuyên truyền và có chương trình hành động cụ thể, đảm bảo Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm đầu mối cùng các ban của Đảng, các tổ chức đảng, theo chức năng, nhiệm vụ, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 79-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013

**Về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW,
ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân
Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước”**

Vừa qua, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Đề án báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn được nâng lên, tạo sự chuyển biến tích cực về hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn ngày càng vững mạnh. Nhà nước đã thể chế hóa ban hành nhiều chính



sách, pháp luật có liên quan đến công nhân, lao động, như chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ thai sản... Các cấp chính quyền đã triển khai thực hiện nhiều đề án, chương trình, kế hoạch với các mục tiêu phấn đấu cụ thể, sát thực, phù hợp với đặc điểm tình hình công nhân lao động ở từng địa phương, từng lĩnh vực. Giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết còn một số yếu kém, khuyết điểm. Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể về xây dựng giai cấp công nhân còn nhiều hạn chế. Công tác chỉ đạo và phối hợp của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan chức năng chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ; nội dung, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết có nơi còn chung chung, thiếu các giải pháp cụ thể. Những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân như việc làm, nhà ở, nơi sinh hoạt văn hóa, nhà trẻ... tại các khu công nghiệp, khu chế xuất chậm được giải quyết. Những tồn tại trong việc thực hiện chính sách, pháp luật cho người lao động như: tiền lương và thu nhập, tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v. chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chế độ, chính sách đối với người lao động chưa được quan tâm. Thu nhập của công nhân chưa tương xứng với cường độ lao động và thời gian làm việc. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp, nhất là khu vực ngoài nhà nước còn nhiều hạn chế. Công tác phát triển đảng trong công nhân chưa được coi trọng, tỷ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp.



Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên là do sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương chưa quyết liệt; chưa thường xuyên quan tâm, tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ và đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo đảng, chính quyền, người sử dụng lao động với công nhân, người lao động. Vai trò, trách nhiệm của tổ chức Công đoàn chưa được phát huy đầy đủ. Sự phối hợp của các cơ quan chức năng đối với tổ chức Công đoàn trong việc xây dựng giai cấp công nhân, chăm lo đời sống công nhân, người lao động thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Hệ thống cơ chế, chính sách đối với giai cấp công nhân chưa đồng bộ; có những chủ trương, chính sách không còn phù hợp, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã đề ra hệ thống các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ, nhằm xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát triển về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, không ngừng nâng cao về chất lượng để hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng mới. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân các cấp tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân. Xác định việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết là trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, nhà nước và cả hệ thống



chính trị. Tuyên truyền, vận động người sử dụng lao động nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn.

Làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống giai cấp công nhân và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng; nâng cao giác ngộ giai cấp, ý thức chấp hành pháp luật, nhận thức chính trị của giai cấp công nhân. Giáo dục nâng cao trình độ kiến thức, tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, trách nhiệm trong lao động sản xuất, xây dựng và phát triển đất nước của công nhân, lao động.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các Đề án theo Kết luận số 23-KL/TW, ngày 08/02/2008 của Bộ Chính trị về những công việc cần cụ thể hóa để thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp cần khẩn trương thể chế hóa Nghị quyết. Bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật, có chế tài thực thi pháp luật hiệu quả, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân, lao động; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm các vấn đề xã hội, tập trung đầu tư thích đáng tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng. Trước mắt, tập trung giải quyết những kiến nghị của đoàn viên, công nhân viên lao động và các cấp công đoàn tại Đại hội XI Công đoàn Việt Nam về những vấn đề bức xúc, cấp bách của công nhân như việc làm, nhà ở, tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hóa, nhà trẻ.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn; quan tâm chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, có các



chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện để giai cấp công nhân phát triển toàn diện. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chú trọng phát triển đảng viên, tổ chức đảng, đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh) trong các doanh nghiệp, nhất là ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Xây dựng tổ chức Công đoàn theo phương châm “ở đâu có công nhân, ở đó có tổ chức công đoàn” hoạt động theo Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hằng năm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tham gia giám sát, phản biện xã hội về luật pháp, chính sách liên quan đến giai cấp công nhân, người lao động.

- Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết. Tổ chức công đoàn các cấp chủ động đề xuất, phối hợp với các ban, ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch liên ngành với tổ chức công đoàn trong các mặt công tác, nhất là công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật liên quan đến giai cấp công nhân và người lao động, tổ chức Công đoàn.

- Phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân và vai trò của tổ chức công đoàn trong việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh. Tập trung kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức, bộ máy và cán bộ để tổ chức công đoàn các cấp thực sự là chỗ dựa vững chắc và tin cậy của giai



cấp công nhân và người lao động. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn, đa dạng hóa các loại hình tập hợp công nhân, vận động đội ngũ công nhân đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của tổ chức công đoàn thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam. Chỉ đạo các cơ quan báo chí trong hệ thống Công đoàn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích đã được xác định.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc nghiên cứu để xây dựng một số dự án luật có liên quan đến công nhân, viên chức, lao động trình Quốc hội khóa XIII (dự thảo Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi), Luật Phá sản (sửa đổi), Luật An toàn - Vệ sinh lao động, Luật Tố tụng lao động, Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Tiền lương tối thiểu).

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, sớm ban hành Quy định về việc thành lập tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thành lập tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng và Điều lệ của các đoàn thể chính trị - xã hội theo Kết luận của Bộ Chính trị (tại Thông báo số 114-TB/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị).

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các ngành chức năng xây dựng Đề án “Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và công nhân lao động”.



- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và Kết luận này; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 22-CT/TW, ngày 05 tháng 6 năm 2008

Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong những năm qua, nền kinh tế nước ta liên tục tăng trưởng cao; vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tăng nhanh; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; hàng năm tạo việc làm cho hàng triệu lao động; thu nhập và đời sống của người lao động trong các doanh nghiệp được cải thiện; từng bước hình thành quan hệ lao động lành mạnh trong doanh nghiệp, xuất hiện nhiều mô hình, nhiều doanh nghiệp có quan hệ lao động tốt.

Đạt được kết quả trên là do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện; công tác quản lý nhà nước về đầu tư và lao động có chuyển biến tích cực; nhiều tổ chức công đoàn trong các loại hình doanh nghiệp đã trở thành người đại diện, bảo vệ quyền lợi pháp của người lao động, góp phần giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.



Tuy nhiên, thời gian gần đây, tình trạng tranh chấp lao động dẫn đến đình công không đúng trình tự pháp luật lao động có xu hướng gia tăng với quy mô lớn, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội và môi trường đầu tư, làm thiệt hại cho người lao động, cho doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu là do người sử dụng lao động chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật lao động, chưa quan tâm đúng mức đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần của người lao động trong nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất chưa được bảo đảm; công tác quản lý nhà nước về lao động còn bất cập; nhiều doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa có tổ chức công đoàn hoặc có tổ chức công đoàn nhưng hoạt động chưa hiệu quả, chưa trở thành người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp; hầu hết các doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa có tổ chức Đảng, đoàn thanh niên để lãnh đạo, tập hợp, vận động, giáo dục người lao động; đa số người lao động xuất thân từ nông thôn nên nhận thức, hiểu biết về chính sách, pháp luật lao động còn hạn chế; quan hệ cung - cầu về lao động còn mất cân đối.

Để khắc phục tình trạng trên, từ đó góp phần ổn định môi trường đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- 1.** Khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;



có chương trình, kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật cho công nhân; chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; hoàn thiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quy hoạch các khu công nghiệp và khu chế xuất gắn với quy hoạch khu dân cư; có giải pháp phát triển nhà ở và hạ tầng xã hội nhằm cải thiện đời sống của người lao động.

2. Tổ chức tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đánh giá những việc làm được, chưa làm được, rút ra những kinh nghiệm, những mô hình tổ chức cơ sở đảng hoạt động có hiệu quả để nhân rộng trong các doanh nghiệp khác. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo kiên quyết việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 06/2006/CT-TTg, ngày 06/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật lao động, xác định đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo quy định của pháp luật đối với các cuộc đình công của công nhân xảy ra không đúng trình tự của pháp luật trên địa bàn, từ đó đề ra những biện pháp thiết thực để tiếp tục chỉ đạo trong thời gian tới, nhằm hạn chế xảy ra tranh chấp lao động.

4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách lao động và tổ chức triển khai thực hiện đến tận doanh nghiệp và người lao động; bổ sung số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ thanh tra lao động nhằm tăng cường công tác thanh tra, xử lý



nghiêm các vi phạm pháp luật lao động trong doanh nghiệp; hoàn thiện thể chế và chính sách để thị trường lao động phát triển lành mạnh, bảo đảm cân đối cung - cầu lao động giữa các ngành, các vùng, giữa thành thị, nông thôn và cơ cấu trình độ tay nghề.

5. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và tạo lập môi trường để đại diện người sử dụng lao động, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề hoạt động có hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật và chính sách về lao động, nâng cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt cơ chế phối hợp ba bên ở cấp ngành và địa phương về quan hệ lao động, thúc đẩy ký kết thỏa ước lao động tập thể cấp ngành, cấp khu vực.

6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có kế hoạch cụ thể củng cố, phát triển và đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp, để tổ chức công đoàn thực sự là người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, xây dựng quan hệ lao động lành mạnh trên tinh thần hợp tác, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư, người lao động và Nhà nước; nghiên cứu, đề xuất chính sách đào tạo, bồi dưỡng và có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng và phát triển mô hình hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước để tập hợp, tuyên truyền, vận động, giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động.

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nâng cao hiệu quả



công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và các khu công nghiệp.

7. Các cơ quan thông tin, truyền thông tổ chức tốt việc tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế, thu hút đầu tư để phản ánh trung thực, khách quan những việc làm được, chưa làm được, tránh thông tin, đưa tin một chiều tạo nên những phản ứng không tốt trong quan hệ lao động và dư luận xã hội.

8. Các cấp ủy, tổ chức đảng có hình thức phù hợp quán triệt nội dung của Chỉ thị này trong toàn hệ thống chính trị; coi nội dung xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài để thực hiện cho được mục tiêu ổn định chính trị - xã hội, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, tạo việc làm, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn cán bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 96-KL/TW, ngày 07 tháng 4 năm 2014

**Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW của
Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác lãnh đạo,
chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa,
ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp**

Tại phiên họp ngày 11/3/2014, sau khi nghe Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW, ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp và ý kiến của các cơ quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW của Ban Bí thư khóa X, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, người sử dụng lao động và người lao động về quan hệ lao động có chuyển biến bước đầu. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về quan hệ lao động tiếp tục được hoàn thiện; quản lý nhà nước về quan hệ lao động được tăng cường; vai trò của tổ chức đảng, công đoàn và các tổ chức



đoàn thể trong doanh nghiệp từng bước được phát huy; số vụ và tính chất các cuộc đình công có xu hướng giảm; nhiều doanh nghiệp nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò của tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể quần chúng đối với sự ổn định, phát triển của doanh nghiệp; trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật của người lao động được nâng lên; tiền lương, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động được cải thiện một bước; việc chấp hành pháp luật lao động của người sử dụng lao động và người lao động có tiến bộ, tranh chấp lao động có xu hướng giảm.

Tuy nhiên, quan hệ lao động trong doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, yếu kém, tiềm ẩn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Đời sống của nhiều người lao động vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, điều kiện ăn, ở, đi lại, học tập, chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt văn hóa tinh thần chưa đáp ứng được nhu cầu. Tình trạng vi phạm pháp luật của người sử dụng lao động vẫn diễn ra phổ biến. Trình độ tay nghề, ý thức tổ chức kỷ luật của một bộ phận người lao động còn thấp. Ở một số nơi, tổ chức đảng và đảng viên, tổ chức công đoàn và đoàn viên trong doanh nghiệp phát triển chậm; vai trò của tổ chức đảng còn hạn chế; tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ trong doanh nghiệp chưa thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Tổ chức đại diện của người sử dụng lao động chưa rõ, chưa được kiện toàn để phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của ngành và địa phương; tình trạng tranh chấp lao động còn diễn ra phức tạp.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trên có yếu tố khách quan nhưng do chủ quan là chính. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong



doanh nghiệp của một số cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức, thiếu thường xuyên, thậm chí còn bị xem nhẹ; một số chủ trương, chính sách chậm được triển khai thực hiện; sự phối hợp của các tổ chức đảng, công đoàn, thanh niên, phụ nữ còn thiếu chặt chẽ, chưa phát huy được vai trò của cả hệ thống chính trị trong việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Công tác quản lý nhà nước về lao động trong doanh nghiệp còn nhiều bất cập; việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ, chưa chủ động; hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao.

Để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp, sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động, đại diện người sử dụng lao động, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện tốt các nội dung yêu cầu của Chỉ thị số 22-CT/TW về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp, đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Đổi mới phương thức học tập, quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, Nhà nước về quan hệ lao động trong doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng để các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, người lao động, tổ chức đại diện người lao động và các đoàn thể nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các



nội dung yêu cầu của Chỉ thị này cùng với Nghị quyết Trung ương 6 khóa X và Kết luận số 79-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác xây dựng đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, nhất là ở các cấp địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra, xử lý các sai phạm. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp, phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức quần chúng trong các doanh nghiệp; tích cực xây dựng, phát triển các tổ chức đảng, làm tốt công tác phát triển đảng viên, xây dựng các mô hình tập hợp thanh niên, phụ nữ trong các doanh nghiệp, nhất là đối với những doanh nghiệp có số lượng công nhân lớn, các doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng.

3. Kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lao động; rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống chính sách pháp luật về việc làm, bảo hiểm xã hội, dạy nghề, tiền lương tối thiểu, an toàn và vệ sinh lao động phù hợp với Hiến pháp năm 2013; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cán bộ quản lý, tăng cường công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về lao động;



hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đất đai, tài chính, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, khuyến khích người sử dụng lao động tham gia xây dựng các công trình phúc lợi, cải thiện điều kiện ăn, ở, học tập, chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt văn hóa tinh thần cho người lao động.

4. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quan hệ lao động quốc gia nhằm thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Nhà nước với tổ chức đại diện người lao động và đại diện người sử dụng lao động trong việc giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động; tăng cường các thiết chế hòa giải và trọng tài theo quy định của pháp luật về lao động, tiến tới xây dựng đội ngũ hòa giải viên chuyên nghiệp.

5. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức công đoàn; chú trọng thành lập tổ chức công đoàn và phát triển đoàn viên trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoài nhà nước; xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể để thành lập tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là công đoàn ở cơ sở; chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động, để thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể theo đúng các quy định của pháp luật; lấy đối thoại, thương lượng, thỏa thuận làm phương tiện để phát huy dân chủ; thể hiện tốt vai trò đại diện và bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong doanh nghiệp.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động trên cơ sở kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy, hoàn thiện các quy định pháp lý, xác định rõ chức năng,



nhiệm vụ của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động; tăng cường sự gắn bó giữa doanh nhân với người lao động trong doanh nghiệp, xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định hệ thống tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở cấp Trung ương và địa phương.

7- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp, tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch và giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện có kết quả các nội dung Kết luận này. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW và Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-CT/TW, ngày 03 tháng 9 năm 2019

Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới

Qua 10 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW, ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực. Nhận thức của các cấp, các ngành về xây dựng quan hệ lao động được nâng lên, pháp luật về lao động và quan hệ lao động trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện và cụ thể hóa các cam kết quốc tế về tiêu chuẩn lao động và quan hệ lao động. Công tác quản lý nhà nước về lao động được củng cố và phát triển. Hoạt động của tổ chức công đoàn và tổ chức đại diện người sử dụng lao động có sự đổi mới, từng bước đi vào thực chất, tích cực phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các thành viên trong quan hệ lao động; số lượng tranh chấp lao động tập thể, đình công trong doanh nghiệp giảm rõ rệt. Những kết quả trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của



doanh nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống người lao động, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, tình hình quan hệ lao động trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều tồn tại. Nhiều nơi, chủ doanh nghiệp vi phạm pháp luật về lao động, nhất là về bảo hiểm, tiền lương, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Tranh chấp lao động tập thể, đình công, khiếu kiện không theo trình tự thủ tục pháp luật còn phát sinh và diễn biến phức tạp. Đối thoại, thương lượng giữa đại diện tập thể lao động và người sử dụng lao động vẫn còn hình thức, chưa thực chất. Một bộ phận công đoàn tại doanh nghiệp năng lực đối thoại, thương lượng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động còn hạn chế. Quản lý nhà nước về lao động, vai trò hỗ trợ phát triển về quan hệ lao động chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Việc thể chế hóa, triển khai thực hiện một số nội dung quan hệ lao động theo các cam kết quốc tế chưa đầy đủ. Đời sống của một bộ phận người lao động còn khó khăn, dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng, kích động.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu do một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa coi trọng việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt. Quản lý nhà nước về quan hệ lao động đã được triển khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm còn hạn chế. Nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn chậm được đổi mới. Việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng thiếu chặt chẽ. Nguồn lực



đầu tư triển khai một số chính sách hỗ trợ phát triển quan hệ lao động còn hạn chế. Một bộ phận người lao động bị đối tượng xấu lôi kéo, kích động, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, gây bất ổn về kinh tế, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Để tiếp tục xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong bối cảnh mới, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền để nâng cao nhận thức, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, có vai trò quan trọng trong việc giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ lao động.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện. Chú trọng phát huy các phương tiện truyền thông để định hướng, vận động, tập hợp người lao động, người sử dụng lao động trong xây dựng quan hệ lao động; kịp thời ngăn chặn, phản bác các thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ lao động và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.



2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quan hệ lao động

- Hoàn thiện pháp luật lao động, công đoàn. Luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, phù hợp với thể chế chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta, tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Hoàn thiện cơ chế đối thoại, thương lượng, thỏa thuận giữa các chủ thể trong quan hệ lao động về việc làm, tiền lương, điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi; mức lương tối thiểu bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương.

- Hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong các hoạt động đối thoại, thẩm vấn, thực hiện dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp và việc thương lượng, ký kết, thực thi các thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện các cơ chế, thiết chế và quy trình thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, bảo đảm các tranh chấp lao động được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả, đúng pháp luật.

2.2. Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động

- củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước về quan hệ lao động từ Trung ương đến địa phương theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung



ương khóa XII. Cơ quan quản lý nhà nước về lao động (Trung ương và địa phương) phải bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức đại diện người lao động và quản lý, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra về lao động. Đổi mới nội dung và phương thức thanh tra, kiểm tra để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, giảm thiểu các tranh chấp, xung đột, tạo môi trường thuận lợi cho xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Xử lý nghiêm minh các vi phạm liên quan đến lao động và quyền lợi hợp pháp của người lao động.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Tiền lương quốc gia và Ủy ban Quan hệ lao động để thực hiện tốt hơn chức năng tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về mức lương tối thiểu và xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

- Quản lý chặt chẽ tổ chức đại diện người lao động từ việc thành lập, hoạt động, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ mục đích theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, bộ tiêu chí đánh giá quan hệ lao động ở các doanh nghiệp; tăng cường phối hợp, tích hợp thông tin dữ liệu giữa các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động. Tổ chức tốt công tác thông tin, dự báo, kết nối cung - cầu và phát triển thị trường lao động để các bên có cơ sở đối thoại, thương lượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động, công trình phúc lợi xã hội, các thiết chế công đoàn, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.



3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

- Đổi mới hoạt động của các cấp công đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; làm tốt chức năng đại diện công đoàn trong đối thoại, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

- Coi trọng tuyên truyền, vận động và phát triển đoàn viên công đoàn tại doanh nghiệp; thu hút người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp tham gia vào hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp theo hướng xây dựng công đoàn thực sự là tổ chức của người lao động, do người lao động và vì người lao động; lấy sự hài lòng của người lao động là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn.

- Rà soát, sửa đổi cơ chế quản lý tài chính nguồn kinh phí công đoàn theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Thực hiện có hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ đoàn viên, cán bộ công đoàn và tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

Cơ quan nhà nước, tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động phải quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể bảo đảm thực chất. Thúc đẩy thương lượng, thỏa thuận về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khuyến khích khác trong



thỏa ước lao động tập thể, hoặc trong quy chế của doanh nghiệp. Mở rộng đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước tập thể cấp ngành và nhóm doanh nghiệp.

5. Giải quyết tốt tranh chấp lao động và đình công

- Rà soát, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giải quyết tranh chấp lao động, bảo đảm các tranh chấp lao động phải được giải quyết kịp thời, đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật; phát huy vai trò của thiết chế hòa giải, trọng tài lao động trong hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, ngăn ngừa, giảm thiểu tranh chấp lao động.

- Nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp lao động tập thể theo pháp luật, giải quyết hài hòa lợi ích các bên.

- Thí điểm mô hình giải quyết tranh chấp lao động với việc bố trí một số hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động chuyên trách tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm theo hướng vừa thực hiện giải quyết tranh chấp, vừa hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; có chế độ khuyến khích người có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín tham gia làm hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động.

- Việc giải quyết tranh chấp lao động, đình công phải bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự xã hội; xử lý nghiêm những đối tượng lợi dụng, lôi kéo, kích động, ép buộc người lao động gây rối an ninh, trật tự.

6. Tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch và giải pháp cụ thể thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này.



- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ hằng năm báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-CT/TW, ngày 09 tháng 01 năm 2016

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất

Cùng với sự phát triển của đất nước, những năm qua các khu công nghiệp, khu chế xuất phát triển nhanh về số lượng và quy mô; thu hút và giải quyết việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước. Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội luôn quan tâm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất. Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đã được ban hành và tổ chức thực hiện đạt kết quả ban đầu. Công tác xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất được quan tâm hơn. Hệ thống thiết chế văn hóa ngày càng được tăng cường; các hoạt động, phong trào văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí của công nhân phong phú, đa dạng. Đời sống văn hóa tinh thần của công nhân được



cải thiện, góp phần xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, nhiều mục tiêu, chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu. Công nhân chưa được hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần tương xứng với thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Hệ thống thiết chế văn hóa, công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, nhà ở,... phục vụ công nhân lao động khu công nghiệp chưa được đầu tư thỏa đáng. Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến đời sống văn hóa tinh thần của công nhân lao động; môi trường văn hóa ở nơi làm việc và nơi sinh sống của công nhân chưa được quan tâm xây dựng và phát triển; một số công nhân có lối sống thiếu lành mạnh, vướng vào tệ nạn xã hội; một số bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động tham gia vào các hoạt động chống phá, gây rối.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng, tính cấp bách của việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động; chưa làm tốt vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này. Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Việc đầu tư cho các công trình phúc lợi còn hạn chế. Sự phối hợp của các cấp, các ngành thiếu chặt chẽ. Vai trò của công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân chưa được chú trọng, phát huy.

Những năm tới, tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; mức độ hội nhập, toàn cầu hóa ngày càng cao. Số lượng doanh nghiệp, doanh nhân, công nhân lao động



nước ngoài vào làm việc trong các khu công nghiệp Việt Nam sẽ gia tăng; sự đan xen, giao thoa văn hóa giữa các nước, dân tộc, vùng miền, khu vực ngày càng nhiều. Trong nước, có sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đội ngũ doanh nhân, công nhân lao động không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Nhiều vấn đề xã hội mới, phức tạp có thể xuất hiện, công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất, nhất là thanh niên công nhân tiếp tục bị kẻ xấu lôi kéo, kích động, chia rẽ; bị tác động của mặt trái các phương tiện truyền thông hiện đại. Do vậy, môi trường lao động, văn hóa, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất tiếp tục là vấn đề cần được quan tâm sâu sắc.

Để tạo chuyển biến thật sự rõ rệt trong việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất tương xứng với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất trong tình hình mới

Xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, là trách nhiệm của Đảng, của cả hệ thống chính trị, tổ chức công đoàn, của doanh nhân và công nhân lao động. Cần tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng giai cấp công nhân, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân,



tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, sự đồng thuận xã hội và thống nhất hành động để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động.

Các cơ quan truyền thông, nhất là các cơ quan báo chí, xuất bản của Công đoàn nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong việc truyền bá các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống, tinh hoa văn hóa nhân loại đến với công nhân lao động. Chú trọng khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại trong công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, tập hợp công nhân xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong khu công nghiệp, khu chế xuất; kịp thời ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của công nhân lao động.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp hành động của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất

Các cấp ủy đảng đưa nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất vào nghị quyết của cấp ủy; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội có chương trình hành động cụ thể nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; nâng cao chất lượng các hoạt động, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của công nhân. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật,



chính sách liên quan đến công tác xây dựng đời sống văn hóa công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến xây dựng, nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động.

Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là tổ chức Công đoàn trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục đoàn viên, công nhân lao động tích cực tham gia xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động và con em họ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tăng dần ngân sách đầu tư, đồng thời có chính sách ưu đãi, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội để xây dựng thiết chế văn hóa mới cho công nhân lao động; ưu tiên bố trí quỹ đất và kinh phí để xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, khu vui chơi, giải trí cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất.

3. Tăng cường sự hợp tác, đoàn kết cùng có lợi giữa chủ doanh nghiệp, doanh nhân với công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng

Các cấp ủy đảng, nhất là tổ chức đảng trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc



xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở doanh nghiệp. Phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng và phát triển lối sống văn hóa, kỷ cương, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng, xã hội, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

Đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, doanh nhân, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động. Xác định chủ doanh nghiệp, doanh nhân, công nhân lao động vừa là chủ thể vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả của việc tạo dựng và phát triển môi trường văn hóa lành mạnh trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Tạo điều kiện thuận lợi để công nhân lao động có thời gian tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí. Xây dựng và nhân rộng các mô hình công nhân văn hóa, gia đình công nhân văn hóa, doanh nghiệp văn hóa gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế và sản phẩm văn hóa hiện có, tạo điều kiện để công nhân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài. Khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hóa, văn học, nghệ thuật, xuất bản, báo chí sáng tác và phổ biến tác phẩm văn học, nghệ thuật tới công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi, nhà ở, trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí..., chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động.



4. *Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn*

Tăng cường giáo dục về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa và tác phong lao động công nghiệp, nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật cho công nhân lao động; xây dựng hình ảnh người công nhân lao động mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phù hợp với điều kiện làm việc của công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo điều kiện cho công nhân lao động được thụ hưởng. Thường xuyên trao đổi, đối thoại với công nhân lao động, kịp thời nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất, nhất là ở các thành phố lớn và địa bàn nhạy cảm. Kịp thời đấu tranh, phê phán, uốn nắn nhận thức lệch lạc, biểu hiện sai trái trong cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân lao động.

Chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn cư trú của công nhân lao động tổ chức các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu công nghiệp thiết thực, hiệu quả. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động; bình chọn, tôn vinh các doanh nhân, doanh nghiệp đạt “Doanh nhân văn hóa”, “Doanh nghiệp văn hóa” toàn quốc hằng năm.

Tiếp tục kiện toàn, thành lập công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ công đoàn; bồi dưỡng, giới thiệu công nhân ưu tú cho Đảng.



5. Tổ chức thực hiện

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác xây dựng đời sống văn hóa công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

Ban cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình: xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp; quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã được phê duyệt; đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp; tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, pháp luật công đoàn và các quy định pháp luật có liên quan cho người lao động tại các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới đề án, chương trình, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất.

Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các ban, ngành liên quan có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

3. Hội Nông dân Việt Nam

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 59-CT/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 24/3/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), Hội Nông dân Việt Nam được xây dựng, củng cố tổ chức từ Trung ương đến cơ sở ngày càng vững mạnh. Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, công tác Hội và phong trào nông dân đã có những đóng góp to lớn, có ý nghĩa quan trọng đưa nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển với tốc độ nhanh, góp phần ổn định chính trị và kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, công tác xây dựng Hội và vận động nông dân còn những mặt hạn chế. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện củng cố tổ chức và hoạt động của Hội, nhất là ở cơ sở.



Trải qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng chiến lược của giai cấp nông dân, của nông nghiệp và nông thôn. Để tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam và vai trò nòng cốt của Hội trong phong trào nông dân góp phần đặc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố hội nông dân các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Hội thật sự là lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, là nhân tố quan trọng của khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức - nền tảng chính trị vững chắc của chế độ ta.

Căn cứ vào Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy (khóa VIII) và chức năng, nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam, các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền bố trí biên chế cán bộ Hội ở các cấp với cơ cấu hợp lý, bảo đảm chất lượng. Trong quy hoạch cán bộ của Đảng, cần chú trọng quy hoạch cán bộ Hội Nông dân. Việc bố trí cấp ủy viên giữ các chức vụ chủ chốt của Hội Nông dân ở các cấp, ngoài các tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất, uy tín phải có tác phong gần gũi quần chúng, am hiểu nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Đảng viên ở nông thôn có trách nhiệm tham gia sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân, gương mẫu thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Cấp ủy đảng, chính quyền phải dựa vào Hội Nông dân để giải quyết kịp thời những kiến nghị của dân, không để khiếu kiện vượt cấp. Hướng dẫn hội viên, nông dân tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.



2. Các cấp chính quyền, các ban, ngành cần thực hiện tốt Quyết định 17/1998/QĐ-TTg, ngày 24/01/1998, tạo điều kiện để Hội Nông dân hoạt động có hiệu quả, trở thành chỗ dựa triển khai, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước ở nông thôn.

3. Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân Việt Nam, đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, chăm lo bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Các cấp hội phải tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và tổ chức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp mọi tầng lớp nông dân, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống hội viên, nông dân, xây dựng nông thôn mới. Hội phải nắm chắc tình hình nông nghiệp, nông thôn, tâm tư, nguyện vọng của nông dân; chủ động và có chính kiến đề xuất với cấp ủy, chính quyền những chủ trương, biện pháp đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của nông dân. Hội Nông dân phải là thành viên tích cực của các chương trình về kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã của nông dân; hướng dẫn hội viên, nông dân tổ chức các hoạt động ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, tổ chức dạy nghề tại chỗ cho nông dân thông qua công tác khuyến nông; động viên, khuyến khích, hỗ trợ hội viên nông dân khôi phục và phát triển làng nghề; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo nguồn nhân lực, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ở nông thôn nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm tại chỗ, tăng nhanh thu nhập, cải thiện đời



sống. Đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu. Phát triển các phong trào nông dân hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở nông thôn.

Hội phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để mọi cán bộ Hội thông hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phương pháp vận động hội viên, nông dân.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cấp chính quyền kiểm điểm việc thực hiện Quyết định 17/1998/QĐ-TTg và cụ thể hóa các chủ trương của Bộ Chính trị để tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân hoạt động và phong trào nông dân phát triển.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương có biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân để làm tốt công tác vận động quần chúng của Đảng trong tình hình mới.

5. Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Chỉ thị được phổ biến đến các chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phạm Thế Duyệt

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 26-NQ/TW, ngày 05 tháng 8 năm 2008

Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu **khá toàn diện và to lớn**. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao.



Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng nhiều mặt hàng thấp. Công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh sản xuất hàng hóa. Nông nghiệp và nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn lớn, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn; chưa hình thành một cách có hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực này thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá; một số chủ trương, chính sách không hợp lý, thiếu tính khả thi nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; đầu tư từ ngân sách nhà nước và các thành



phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tổ chức chỉ đạo thực hiện và công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, yếu kém; vai trò của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nhiều nơi còn hạn chế.

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

- Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là **chủ thể** của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là **căn bản**; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là **then chốt**.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế



thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát:

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng **nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại**, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng **nông thôn mới** có kết cấu hạ tầng kinh tế -



xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu đến năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 3,5-4%/năm; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay.

- Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa hai vụ, mở rộng diện tích tưới cho rau màu, cây công nghiệp, cấp thoát nước chủ động cho diện tích nuôi trồng thủy sản, làm muối; đảm bảo giao thông thông suốt bốn mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản; xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hạ tầng nghề cá; cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư, các cơ sở



công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn tiến gần tới mức các đô thị trung bình.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Mục tiêu đến năm 2010:

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng còn nhiều khó khăn; tăng cường nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ tiên tiến, tạo bước đột phá trong đào tạo nhân lực; tăng cường công tác xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt ở các huyện còn trên 50% hộ nghèo, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn. Triển khai một bước chương trình xây dựng nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng nông,



lâm, thủy sản 3-3,5%/năm. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn mức bình quân của cả nước. Lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới, cơ bản không còn hộ dân ở nhà tạm, tăng tỷ lệ che phủ rừng và tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng vùng, sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý các loại nông sản hàng hóa xuất khẩu có lợi thế, nông sản thay thế nhập khẩu. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, công nghệ sinh học, thủy lợi hóa, cơ giới hóa, thông tin hóa, thay thế lao động thủ công, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu để sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản.

Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hóa đồng bộ



các khâu sản xuất; hiện đại hóa công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài là ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hóa tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng vùng; chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở trung du, miền núi và Tây Nguyên; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh; phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp; tổ chức lại và hiện đại hóa cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo, làm giàu rừng đến khai thác, chế biến lâm sản, bảo vệ môi trường cho du lịch sinh thái. Có cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, phát triển rừng. Cho phép khai thác lợi ích kinh tế từ rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo nguyên tắc bền vững, lấy nguồn thu từ rừng để bảo vệ, phát triển rừng và làm giàu từ rừng. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trồng rừng thâm canh, hiện đại hóa công nghệ



khai thác, chế biến nhằm nâng cao giá trị lâm sản, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Triển khai có kết quả chương trình khai thác hải sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Cơ cấu lại lực lượng đánh bắt gần bờ, đồng thời có chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của ngư dân ven biển. Phát triển nhanh lực lượng khai thác xa bờ theo hướng đầu tư trang bị phương tiện và công nghệ hiện đại, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tàu thuyền theo quy hoạch, hệ thống thông tin liên lạc, tìm kiếm cứu nạn. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng, theo quy hoạch, phát huy lợi thế của từng vùng gắn với thị trường; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trồng, trước hết là thủy lợi; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu và thị trường; đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, triển khai chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống của dân cư nông thôn.

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị

Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây



trồng, trước hết cho lúa, nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, cấp nước sinh hoạt cho dân cư và công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Xây dựng hồ chứa nước ở vùng thường xuyên bị khô hạn, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện ở miền núi. củng cố, xây dựng hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống ngăn lũ, thoát lũ. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi có hiệu quả, nâng hiệu suất sử dụng các công trình thủy lợi lên trên 80%.

Phát triển giao thông nông thôn bền vững gắn với mạng lưới giao thông quốc gia, bảo đảm thông suốt bốn mùa tới các xã và cơ bản có đường ô tô đến thôn, bản. Ưu tiên phát triển giao thông ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống đường đến các vùng trung du, miền núi và ven biển để phát triển công nghiệp và đô thị. Từng bước nâng cao chất lượng đường nông thôn; có cơ chế, chính sách đảm bảo duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Phát triển giao thông thủy, xây dựng các cảng sông, nạo vét luồng lạch và các phương tiện vận tải sông, biển an toàn.

Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt của dân cư nông thôn. Phát triển hệ thống bưu chính - viễn thông, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho mọi vùng nông thôn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Xây dựng hệ thống chợ nông sản phù hợp với từng vùng.

Tập trung đầu tư cho các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở chuyển giao khoa học - công nghệ nông nghiệp đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; phát triển nhanh các trung tâm, trạm giống, cơ sở khuyến nông ở các huyện, xã. Nâng cấp



mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học; xây dựng các trung tâm, nhà văn hóa - thể thao tại thôn, xã.

Quy hoạch bố trí lại dân cư nông thôn gắn với việc quy hoạch xây dựng công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị ở các vùng. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng, chú ý các xã còn nhiều khó khăn ở miền núi, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Phát triển mạng lưới thị trấn, thị tứ theo quy hoạch; tiếp tục thực hiện phương châm “Nhà nước và nông dân cùng làm”, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, xóa nhà tạm ở nông thôn, thực hiện chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí lại dân cư ra khỏi vùng bão, lũ, vùng sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; chủ động triển khai một bước các công trình giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn, ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng.

3. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng



cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động từ nông thôn; triển khai kế hoạch hợp tác sản xuất nông nghiệp với một số quốc gia có nhu cầu.

Tập trung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo thực hiện đồng bộ chiến lược về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo. Đặc biệt quan tâm tới miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, các hải đảo, vùng bãi ngang. Nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số, giảm tỷ lệ sinh ở nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng các hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo. Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân nông thôn. Rà soát, giảm thiểu các khoản đóng góp có tính chất bắt buộc đối với nông dân. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.



Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện của nhân dân, không để gây thành những điểm nóng ở nông thôn. Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, năng lực và vị thế của phụ nữ ở nông thôn.

4. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

Tiếp tục tổng kết, đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn. Có chính sách khuyến khích phát triển các mối liên kết giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm để hỗ trợ kinh tế hộ phát triển theo hướng gia trại, trang trại có quy mô phù hợp, sản xuất hàng hóa lớn.

Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường; hỗ trợ kinh tế tập thể về đào tạo cán bộ quản lý, lao động; tiếp cận các nguồn vốn, trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và các dự án phát triển nông thôn; hợp tác xã phải làm tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp. Đổi mới căn bản việc tổ chức quản lý nông, lâm trường quốc doanh. Thực hiện tốt việc giao khoán đất, vườn cây cho người lao động, nông, lâm trường quốc doanh chuyển sang làm tốt các dịch vụ cho người nhận khoán và nông dân trong vùng, nhất là hướng dẫn kỹ thuật, dịch vụ vật tư,



tiêu thụ và chế biến sản phẩm. Rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi đất rừng sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của đơn vị, giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng có hiệu quả.

Tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Phát triển mạnh doanh nghiệp công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu... phục vụ nông nghiệp.

5. Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

Tăng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ để nông nghiệp sớm đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực; ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để chọn, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình nuôi trồng, bảo quản, chế biến, tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Xây dựng các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học - công nghệ, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa. Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao.



Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; đào tạo nghề cho bộ phận con em nông dân để chuyển nghề, xuất khẩu lao động; đồng thời tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở. Hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực; đảm bảo hằng năm đào tạo khoảng một triệu lao động nông thôn. Thực hiện tốt việc xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

6. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Sửa đổi Luật đất đai theo hướng: Tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao đất cho hộ gia đình sử dụng lâu dài; mở rộng hạn mức sử dụng đất; thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất, kinh doanh. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Có cơ chế khuyến khích những tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập công ty, vào các dự án đầu tư, kinh doanh khi có đất bị thu hồi. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất; có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc đất trồng lúa.

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách, giảm bớt đầu tư cho các công trình có thể thu hồi vốn để tạo nguồn, tăng đầu



tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; tăng mạnh đầu tư ngân sách nhà nước ngay từ năm 2009 và đảm bảo 5 năm sau cao gấp hai lần 5 năm trước. Có cơ chế điều tiết, phân bổ đầu tư ngân sách nhà nước đảm bảo lợi ích của các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương thuần nông, nhất là chuyên trồng lúa. Thực hiện rộng rãi cơ chế đấu thầu quyền khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên gắn với việc tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên.

Tăng cường phân cấp thu chi ngân sách cho các địa phương, bao gồm cả cấp huyện và xã; tăng cường hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản hàng hóa; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi và khuyến khích các ngân hàng, định chế tài chính cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kể cả huy động vốn ODA và FDI.

Tiếp tục thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; có biện pháp bảo vệ thị trường nội địa, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản phù hợp với luật pháp quốc tế; nghiên cứu ban hành chính sách giá cả nông sản, nhất là giá lúa phù hợp trong quan hệ so sánh với hàng công nghiệp, bảo đảm lợi ích của người sản xuất nông nghiệp, giải quyết hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường hệ thống dự trữ quốc gia, nhất là lương thực.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là hội nông dân

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý



nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương, nhất là cấp huyện, xã và các lĩnh vực khác ở nông thôn. Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; tạo cơ chế và điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân Việt Nam trong việc trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nông dân, hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

Chăm lo xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

8. Những nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện tới năm 2010

Để đạt được mục tiêu do Đại hội Đảng lần thứ X đề ra tới năm 2010, cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau đây:

- Hoàn thành cơ bản việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp, khu công nghiệp và quy hoạch chuyên ngành theo vùng. Triển khai nhanh công tác quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch phát triển đô thị.

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2003, Luật ngân sách nhà nước và các luật khác có liên quan. Bổ sung, hoàn thiện các chính sách về tăng cường nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.



- Đảm bảo tiến độ các công trình xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai; thực hiện một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nhất là nước biển dâng; khống chế, dập tắt kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng. Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nhân lực ở nông thôn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn, nhất là xóa đói, giảm nghèo ở các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%. Khắc phục nhanh những vấn đề bức xúc ở nông thôn, trước hết là những tồn tại liên quan tới vấn đề thu hồi đất. Triển khai chương trình “xây dựng nông thôn mới”, trong đó thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đi trước một bước.

- Tổ chức tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn nông thôn; củng cố bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng bộ với các nghị quyết khác của Đảng trên địa bàn nông thôn.



Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung Nghị quyết.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào Nghị quyết triển khai các nhiệm vụ cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể quần chúng phát động phong trào thi đua yêu nước, tham gia tích cực thực hiện Nghị quyết, xây dựng và triển khai các chương trình “xây dựng nông thôn mới”; “bảo tồn và phát triển làng nghề”; “đào tạo nguồn nhân lực”; “phát triển kinh tế hợp tác” trong nông thôn. Định kỳ sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình tốt, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích; xử lý trách nhiệm của các cấp ủy, người đứng đầu không thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 61-KL/TW, ngày 03 tháng 12 năm 2009

**Về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm
của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển
nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng
giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”**

Thực hiện Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2009, tại phiên họp ngày 13/11/2009, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam báo cáo Đề án “*Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020*”; ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam đã tích cực xây dựng Đề án nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ban Bí thư cơ bản nhất trí với nội dung của Đề án. Trên cơ sở ý kiến của Ban Bí thư, ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả, thiết thực.



2. Về đề xuất, kiến nghị của Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới luật liên quan đến nông dân, tạo điều kiện để giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp với các bộ, ngành thực hiện một số chương trình, đề án trong chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xem xét việc bổ sung cho quỹ hỗ trợ nông dân, giúp hội nông dân có thêm nguồn lực để xây dựng và nhân rộng các mô hình xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nông dân; tạo cơ chế để Hội Nông dân Việt Nam tham gia thực hiện chính sách của Chính phủ về tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Trong quá trình xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, các cơ quan chủ trì cần tạo điều kiện và phối hợp để Hội Nông dân Việt Nam tham gia ngay từ đầu và trực tiếp các nội dung liên quan.

- Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu xây dựng các trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân theo mô hình là đơn vị sự nghiệp thuộc hội nông dân cấp tỉnh, huyện, trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ và dạy nghề cho nông dân.

- Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam có hướng dẫn về tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan Hội Nông dân Việt Nam cấp tỉnh, huyện phù



hợp với yêu cầu nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

- Chính phủ cần có quy định cụ thể về trường của các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội Nông dân Việt Nam theo Điều 49 của Luật giáo dục.

3. Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án, Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam đề xuất thành phần và nhân sự cụ thể, trình Ban Bí thư quyết định.

4. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban đảng Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình lãnh đạo thực hiện những nội dung liên quan của Đề án.

5. Giao Ban Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 97-KL/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tại phiên họp ngày 14/3/2014, sau khi nghe Ban Chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có tầm chiến lược và mang tính đột phá, được triển khai thực hiện khá đồng bộ, nghiêm túc, sâu rộng; huy động được cả hệ thống chính trị và đông đảo người dân tham gia. Sau 5 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả rõ rệt. Nông nghiệp giữ được mức tăng trưởng ổn định, phát triển tương đối toàn diện, tạo nền tảng vững chắc góp phần quan trọng duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội; năng suất, chất lượng



nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên, xuất khẩu liên tục tăng; trồng và bảo vệ rừng thực hiện tốt hơn; khai thác hải sản phát triển theo hướng bền vững, giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; đã xuất hiện nhiều mô hình liên kết sản xuất hiệu quả dựa trên ứng dụng tốt khoa học, công nghệ. Đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; an sinh xã hội ngày càng được bảo đảm; các điều kiện về giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được cải thiện; dân chủ ở cơ sở được phát huy. Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào quần chúng sôi nổi và tương đối đều khắp cả nước; cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng ở các vùng nông thôn được tăng cường.

Tuy nhiên, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết cũng đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp đang có xu hướng chậm lại; sản xuất nông nghiệp chậm phát triển theo hướng hiện đại, thiếu tính bền vững; hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực bị giảm; an toàn, vệ sinh thực phẩm, ô nhiễm môi trường vẫn là vấn đề bức xúc trong xã hội. Quan hệ sản xuất chậm được đổi mới, kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa gắn được sản xuất với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm; sự gắn kết giữa công nghiệp, dịch vụ với sản xuất nông nghiệp thiếu chặt chẽ. Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp chưa được coi trọng. Đào tạo



nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu. Thu nhập và mức sống của dân cư nông thôn còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn ở mức cao, giảm nghèo ở nhiều vùng kém bền vững. Tình trạng người dân bỏ ruộng, trả ruộng có xu hướng ngày một tăng. Chất lượng y tế, văn hóa, giáo dục ở nhiều nơi còn thấp. Hệ thống hạ tầng nông thôn, nhất là các vùng miền núi còn lạc hậu, chậm được cải thiện. Quản lý, sử dụng nhiều tài nguyên, đất đai, rừng, biển kém hiệu quả. Xây dựng nông thôn mới ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, kém chất lượng; mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2015 và 2020 khó đạt được.

Nguyên nhân chính của những hạn chế, yếu kém trên trước hết do nhận thức về Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa đầy đủ, thiếu vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương; còn xem nhẹ vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa được thường xuyên, thiếu quyết liệt. Sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hạn chế. Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn nhiều bất cập; sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành chức năng thiếu chặt chẽ; đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn còn rất hạn chế. Một số cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông thôn thiếu tính khả thi, chậm được sửa đổi; thiếu cơ chế, chính sách để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội, nhất là doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; cơ cấu đầu tư có nơi chưa hợp lý, nhiều chương trình, dự án cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn chồng chéo, khó lồng ghép dẫn đến phân tán nguồn lực, kém hiệu quả. Đóng góp của khoa học,



công nghệ vào giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẾN NĂM 2020

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tiếp tục quán triệt, thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1- Đổi mới và đẩy mạnh, công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết để từng cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; coi phát triển sản xuất nông nghiệp là



then chốt, xây dựng nông thôn mới là *căn bản*, nông dân giữ vai trò *chủ thể* trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và kinh tế đô thị khu vực nông thôn là quan hệ hữu cơ nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tái cơ cấu ngành, cơ cấu sản phẩm gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở thực hiện quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch nông nghiệp, đô thị. Nâng cao vai trò làm chủ của người nông dân; chú trọng xây dựng và phát triển giai cấp nông dân.

2- Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch

- Các bộ, ngành Trung ương tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể có liên quan gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp của cả nước; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu quốc gia, quốc tế.

- Trên cơ sở yêu cầu tái cơ cấu nền nông nghiệp của cả nước và của mỗi vùng, miền, các địa phương tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt; đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bảo đảm



tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện và các quy hoạch chuyên ngành khác. Phát triển nông thôn gắn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường.

3- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

- Tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản, ưu tiên trước hết cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển nông nghiệp dựa trên đặc điểm, lợi thế của mỗi vùng, miền, địa phương; xác định rõ các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có thị trường. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các loại nông sản chủ lực, các sản phẩm hàng hóa có thương hiệu quốc gia và quốc tế.

- Chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao. Xây dựng các chương trình, dự án nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất, tăng thu nhập cho nông dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển kinh tế thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng và khai thác hải sản trên các vùng biển gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng biển, đảo quốc gia. Tiếp tục quan tâm phát triển diêm nghiệp, có chính sách hỗ trợ người làm muối.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Thực hiện nghiêm chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên. Tăng cường đầu tư cho phát triển rừng trồng, nâng cao hiệu quả rừng sản xuất.



- Chủ động sản xuất và kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm đầu vào sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi... Tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của các vùng, cơ sở sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn, công nghệ cao. Hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp trong nước sản xuất được.

- Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp bảo quản, chế biến, công nghiệp chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp. Khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu tại chỗ ở nông thôn.

4- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại tất cả các xã. Trên cơ sở nghiên cứu, rà soát, đánh giá lại hệ thống 19 tiêu chí nông thôn mới, vận dụng sáng tạo, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế của mỗi vùng, miền, địa phương với phương châm “Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ”. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên nguồn lực phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế cho người dân. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các hạ tầng thiết yếu như hệ thống cầu, cống, công trình thủy lợi, đê điều, giao thông nội đồng, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, cảng cá, ưu tiên củng cố hệ thống đê và rừng ven biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, đời sống, hiện đại hóa và phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.



- Tiếp tục chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát huy quyền làm chủ của nông dân. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Ưu tiên đầu tư phát triển y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn; thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, chính sách dân số. Khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; sơ kết việc thực hiện chính sách Bảo hiểm nông nghiệp; nghiên cứu chính sách Bảo hiểm đối với nông dân, ngư dân. Phát triển văn hóa nông thôn gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình và chính sách giảm nghèo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình trên cùng một địa bàn. Ưu tiên, hỗ trợ hợp lý các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo cao thuộc các vùng miền núi Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, khu vực biên giới, hải đảo, vùng bãi ngang, an toàn khu gắn với tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc cho người nghèo, giúp họ tự tin, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững và làm giàu.

- Đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao năng lực và vị thế cho phụ nữ; quyền được giáo dục và chăm sóc của trẻ em; chăm lo cho các đối tượng chính sách xã hội ở khu vực nông thôn.

5- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Kết luận số 56-KL/TW,



ngày 21/02/2013 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã. Sớm hoàn thành việc chuyển đổi các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Xây dựng và có biện pháp nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả ở các địa phương. Tăng cường các hình thức hợp tác, liên kết, hỗ trợ cho nông dân trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản. Có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, phát triển vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, gia trại phát triển.

- Quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý và quản trị doanh nghiệp. Xây dựng các công ty, doanh nghiệp nhà nước thành trung tâm liên kết sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ và văn hóa đối với nhân dân trong vùng để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp của mỗi vùng, miền, địa phương.

6- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản

- Chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, coi việc nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực



phẩm là khâu đột phá đặc biệt quan trọng để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển.

- Tăng cường và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu, dịch vụ khoa học, công nghệ của Nhà nước; đổi mới cơ chế tài chính và quản lý khoa học để nâng cao hiệu quả các đề tài, dự án khoa học, khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ trong nông nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp, tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

7- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch dạy nghề lao động nông thôn phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và của xã hội; phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Đổi mới nội dung, chương trình, quy trình và phương pháp đào tạo cho lao động nông thôn, kết hợp hiệu quả giữa lý thuyết và thực hành. Thực hiện có hiệu quả chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa các phương thức, mô hình đào tạo, đẩy mạnh các hình thức liên kết, phối hợp đào tạo theo các đề án, dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn và thông qua các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với nông dân.



- Chú trọng dạy nghề cho thanh niên nông thôn, nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ, các đối tượng chính sách và lao động ở vùng đô thị hóa. Không tổ chức dạy nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của lao động sau khi học nghề.

8- Đổi mới cơ chế, chính sách, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương ban hành và hướng dẫn đầy đủ, đồng bộ các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn đã nêu trong Nghị quyết và Chương trình hành động của Chính phủ. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành đầy đủ, đồng bộ các cơ chế, chính sách có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là chính sách đất đai, đầu tư, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, đào tạo nghề, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi cho nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

- Hoàn thiện chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và của nông dân, đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mở rộng hình thức hợp tác công tư để phát triển sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, đổi mới cơ chế, thủ tục để nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp cận tín dụng thuận lợi. Hình thành các chương trình hỗ trợ phát triển các cây, con, ngành nghề chủ lực có sức cạnh tranh cao.

- Đặc biệt khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển vào khu vực nông nghiệp, nông



thôn; có chính sách ưu đãi cao để các doanh nghiệp đầu tư vào vùng khó khăn, miền núi, hải đảo.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, đồng thời cho phép quy hoạch sử dụng linh hoạt, có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp và các nguồn tài nguyên khác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

9- Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp

- Kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn, trước hết là các tổ chức dịch vụ công như khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông sản, quản lý vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở trên địa bàn nông thôn.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, bão, lũ...; hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương quán triệt sâu sắc các nội dung của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kết luận này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, các chương trình, dự án... thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của từng vùng, miền, địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện, tạo sự



chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết quả thực hiện là thước đo đánh giá năng lực, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân người đứng đầu.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết và Kết luận này trên phạm vi cả nước.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển. Sửa đổi, bổ sung, ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật, các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình và điều kiện của mỗi vùng, miền, địa phương. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, phấn đấu đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết ở mức cao nhất.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”. Mỗi đoàn thể nhân dân đăng ký thực hiện nội dung cụ thể trong chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 54-KL/TW, ngày 07 tháng 8 năm 2019

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực, nhiều cơ chế, chính sách đổi mới được ban hành, huy động các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, được nhân dân đồng tình ủng hộ và hưởng ứng tích cực. Sau 10 năm thực hiện đạt nhiều kết quả quan trọng, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân, góp phần quan trọng phát triển



kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là trong giai đoạn nước ta chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu; củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đạt nhiều kết quả quan trọng, quy mô và trình độ sản xuất được nâng cao; chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, cả nước gắn với thị trường trong nước và quốc tế; trình độ canh tác, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh quốc tế của nhiều loại nông sản được nâng cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, xuất khẩu tăng nhanh. Công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn đã có những thay đổi tích cực, giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn tăng trưởng khá. Dịch vụ ở nông thôn phát triển đa dạng với sự tham gia của các thành phần kinh tế.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt, đồng bộ, rộng khắp trong cả nước với sự hưởng ứng tham gia tích cực, nhiệt tình của nhân dân, có nhiều mô hình mới, cách làm hay. Nhiều nơi kết cấu hạ tầng về thủy lợi, điện, đường, trường, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa ở nông thôn được nâng cấp hoặc xây dựng mới khá đồng bộ. Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được đổi mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường và sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ có nhiều tiến bộ, nhất là nông nghiệp công nghệ cao; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng hơn. Hình thành nhiều trang trại, hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả. Doanh nghiệp nông nghiệp phát triển nhanh, quy mô ngày càng



lớn hơn. Nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ nông dân đã hình thành và được nhân rộng. Nợ xây dựng cơ bản ở các xã nông thôn mới giảm rất nhiều. Nông thôn đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao, an ninh, trật tự, an toàn ở nông thôn được giữ vững, số hộ nghèo giảm nhanh, nhất là ở các huyện nghèo. Thu nhập bình quân đầu người/năm ở nông thôn năm 2018 tăng 3,8 lần so với năm 2008. Khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp dần, giảm nghèo nhanh, nhất là các huyện miền núi. Mục tiêu tới năm 2020 có khoảng 50% xã đạt tiêu chí về xây dựng nông thôn mới là khả thi; nhiều tỉnh, nhiều xã phấn đấu đạt tiêu chí cao hơn, xây dựng thôn, làng mẫu, khu dân cư kiểu mẫu.

Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn đã được nâng cao rõ rệt. Bộ máy quản lý nhà nước cấp xã được củng cố, đổi mới; hiệu lực quản lý được tăng cường. Trình độ cán bộ chủ chốt được nâng lên đáng kể. Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Nông dân Việt Nam được nâng cao.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Trong nhiều năm tăng trưởng nông nghiệp thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Hiệu quả kinh tế của cây lúa và một số loại cây trồng khác không cao; cơ chế, chính sách chưa thực sự bảo đảm hài hòa lợi ích cho người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa, nhiều nông dân không thiết tha sản xuất, bỏ ruộng hoang.



Nông thôn phát triển chưa đồng đều, kết nối kinh tế nông thôn - đô thị yếu; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số địa phương còn chạy theo phong trào, thành tích, chủ yếu tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập của người dân, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm so với yêu cầu đặt ra. Trình độ khoa học và công nghệ của nông nghiệp nước ta còn thấp, nhất là so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiệu quả chưa cao.

Thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân và dân cư nông thôn còn thấp, bấp bênh, kết quả giảm nghèo chưa bền vững; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Ở nhiều nơi, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội nông thôn còn nhiều hạn chế, tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Tệ nạn xã hội, khiếu kiện liên quan tới đất đai, môi trường còn nhiều, ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định chính trị, trật tự an toàn trên địa bàn nông thôn. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn thấp, ô nhiễm môi trường nhiều nơi gia tăng.

3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, song do các nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của cấp ủy đảng, hệ thống chính trị về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa đầy đủ. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân có nơi, có lúc còn chưa tốt; chưa thể chế hóa rõ và thực hiện tốt phương châm “nông dân là chủ thể”. Cơ chế, chính sách ban hành nhiều,



nhưng chưa đồng bộ, thiếu tầm nhìn dài hạn, một số chưa phù hợp với kinh tế thị trường; do tổ chức thực hiện chưa tốt và thiếu nguồn lực nên nhiều chủ trương, chính sách không vào cuộc sống. Nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, thu hút đầu tư xã hội còn thấp. Tổ chức, bộ máy và công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn chậm đổi mới, công kênh, hiệu quả chưa cao. Nhiều cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, đoàn thể xã hội vẫn hoạt động theo cơ chế cũ. Hiệu quả phối hợp trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của nhiều bộ, ngành, địa phương chưa cao.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta. Kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết là đóng góp quan trọng, phục vụ trực tiếp để xây dựng Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Để tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2025 của Nghị quyết, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các quy định pháp luật khác có liên quan; thể chế hóa các quan điểm, định hướng đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai đã được nêu tại Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI và Kết luận số 36-KL/TW, ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị.



Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao. Thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng các loại cây, loại con khác có hiệu quả hơn; việc chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang “đất công nghiệp và dịch vụ nông thôn” phải thực hiện theo nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, quyền lợi của Nhà nước và của nhà đầu tư, không để xảy ra khiếu kiện.

Cân nhắc kỹ, thận trọng, bảo đảm hiệu quả cả về kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển bền vững, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng khi thực hiện chuyển đổi một phần đất quy hoạch rừng phòng hộ sang làm đất rừng sản xuất, đất rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp. Thực hiện nghiêm các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Quốc hội về quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh, phát huy các tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng.

Xử lý kiên quyết, triệt để các vi phạm pháp luật về đất đai; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, bức xúc của người dân về đất đai, chấm dứt tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài, đông người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ hơn,



có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững. Quy hoạch và xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, các ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

3. Đa dạng nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hệ thống hạ tầng thương mại ở nông thôn. rà soát lại tổ chức thú y từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm các điều kiện về cán bộ và phương tiện, kịp thời phòng, khống chế và dập tắt các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng; tăng cường kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

4. Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới, kịp thời nhân rộng các cách làm hay, hiệu quả và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm những biểu hiện lệch lạc. Thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn; hoàn thành và nâng cao chất lượng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã đề ra tới năm 2020. Nghiên cứu, xây dựng chương trình nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn mới.

5. Đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ người dân nông thôn, người nghèo, các đối tượng chính sách, đặc biệt là ở các vùng khó khăn để có các giải pháp phù hợp theo hướng tập



trung, tránh dàn trải, giảm đầu mối, đủ nguồn lực, hiệu quả, bền vững, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại.

6. Cụ thể hóa kịch bản tác động của biến đổi khí hậu tới các vùng, địa phương, lựa chọn giải pháp ưu tiên để tập trung triển khai thực hiện, lồng ghép với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết và Kết luận đề ra. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết, xây dựng định hướng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để phục vụ việc xây dựng báo cáo chính trị trình đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2021-2025.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các luật khác có liên quan để thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời các quan điểm, định hướng đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai đã được nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI và Kết luận số 36-KL/TW, ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020; tổng kết, xây dựng các đề án, chương trình cho giai đoạn 2021-2030; rà soát điều chỉnh Chiến lược an ninh lương thực quốc gia, Chiến lược phát triển thủy sản, Chiến lược phát triển lâm nghiệp gắn với chế biến, xuất khẩu đồ gỗ.



4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch, tăng cường vận động nhân dân thực hiện giám sát việc thực hiện.

5. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng đề án về vấn đề này để trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết và Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vượng

4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 25-NQ/TW, ngày 09 tháng 02 năm 1991

Về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên

Thanh niên ta là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng. Qua mọi thời kỳ cách mạng, Đảng và Bác Hồ luôn luôn coi trọng công tác thanh niên, hết lòng giáo dục, bồi dưỡng, chăm sóc thế hệ trẻ. Làm tốt công tác thanh niên là một nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa chiến lược đối với tương lai dân tộc và vận mệnh của Tổ quốc.

Đất nước đang tiến hành đổi mới toàn diện. Nhân dân đứng trước những đòi hỏi gay gắt về phát triển vươn lên, đang gian khổ phấn đấu vượt qua khó khăn xây dựng chế độ mới và cuộc sống mới. Cục diện chính trị thế giới biến chuyển sâu sắc và phức tạp đang tác động mạnh vào nước ta. Các thế lực thù địch đang thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, truyền bá tư tưởng, văn hóa đồi trụy, độc hại, lối sống vô đạo đức nhằm lôi kéo và làm hư hỏng thanh niên ta, ráo riết hoạt động hòng xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng và lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa.



Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác thanh niên.

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Từ khi có Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, các thế hệ thanh niên Việt Nam đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thanh niên ngày nay có trình độ học vấn cao hơn các thế hệ trước, tiếp thu nhanh cái mới, sống năng động và thực tế, ưa công bằng và dân chủ, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới. Nhiều tấm gương đẹp của thế hệ trẻ đã xuất hiện trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và làm nghĩa vụ quốc tế. Nhiều tài năng trẻ đã nẩy nở trong sản xuất, kinh doanh, học tập và công tác, trong khoa học - kỹ thuật, văn học - nghệ thuật.

Song, những khó khăn kinh tế - xã hội của đất nước đã làm nảy sinh nhiều vấn đề gay gắt trong thanh niên: thiếu việc làm, thu nhập thấp, thất học, bỏ học, sức khỏe giảm sút, tệ nạn xã hội phát triển. Một bộ phận thanh niên dao động về lý tưởng, nhận thức về giá trị cuộc sống có những lệch lạc, bàng quan với trách nhiệm xã hội, lười biếng, chạy theo lối sống thực dụng, mê tín dị đoan. Không ít thanh niên suy thoái về đạo đức, gây gổ, hung bạo, sinh hoạt trụy lạc, thậm chí phạm pháp.

Thanh niên công nhân sớm tiếp nhận chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chủ động sáng tạo trong lao động. Trong một số ngành kinh tế - kỹ thuật mới, đã xuất hiện một lớp thợ trẻ năng động. Song, trước yêu cầu sắp xếp lại sản xuất, nhiều



thanh niên công nhân bị đưa ra khỏi dây chuyền sản xuất, lo lắng về đời sống quá khó khăn, bất bình trước tệ lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ quản lý.

Thanh niên nông thôn đồng tình với chế độ khoán mới, hăng hái ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, sản lượng. Nhiều thanh niên nông dân biết tổ chức thâm canh sản xuất lương thực, làm kinh tế vườn, đồi rừng và khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao. Nhưng ở vùng núi và những nơi bị thiên tai, mức sống của thanh niên thấp, sinh hoạt văn hóa nghèo nàn. Một số thanh niên sa vào hủ tục rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan. Tình trạng không ít cán bộ ở nông thôn tham nhũng và ức hiếp nhân dân làm cho thanh niên giảm lòng tin đối với lãnh đạo.

Thanh niên học sinh, sinh viên, trí thức nhạy cảm với tình hình trong nước và quốc tế, khao khát đổi mới và vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ, khắc phục khó khăn để học tập và công tác, song có nhiều băn khoăn về tình trạng lạc hậu của đất nước, bất bình về những tiêu cực trong quản lý kinh tế và xã hội. Một số thanh niên dễ tiếp thu tư tưởng tự do tư sản, lối sống ngoại lai không lành mạnh, coi thường nếp sống văn hóa dân tộc tốt đẹp.

Thanh niên trong các lực lượng vũ trang phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp, có tinh thần chịu đựng gian khổ trong rèn luyện, xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu anh dũng bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội. Song có tâm lý không muốn làm sĩ quan; tình trạng vô kỷ luật phát triển ở một số cán bộ và chiến sĩ.

Các tầng lớp thanh niên lao động, thợ thủ công cố gắng sản xuất, song lo lắng về đời sống và việc làm không ổn định, thiếu



nguyên liệu, vật liệu, giá cả leo thang. Nhiều người bỏ sản xuất để đi buôn bán. Số thương nhân trẻ phát triển có tác dụng nhất định mở rộng hoạt động lưu thông và làm giảm áp lực thiếu việc làm, nhưng không ít người trong số này trốn thuế, lậu thuế, buôn lậu, lừa đảo, hợm của.

Thanh niên các dân tộc thiểu số là bộ phận có trình độ văn hóa trong đồng bào các dân tộc. Nhiều người đã tích cực áp dụng và phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, xây dựng bản làng. Nhưng đời sống thanh niên cũng như đồng bào các dân tộc thiểu số còn khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật nhiều, nạn mù chữ và tập tục lạc hậu còn nặng nề.

Thanh niên các tôn giáo do tác động của các chính sách mới vừa yên tâm trong sinh hoạt tôn giáo, vừa đẩy mạnh lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống và thực hiện nghĩa vụ quân sự; nhưng một số người vẫn còn có mặc cảm trong sinh hoạt xã hội; đời sống văn hóa của thanh, thiếu nhi tôn giáo còn thấp.

Có nhiều *nguyên nhân* dẫn đến những mặt yếu kém nói trên.

Những nguyên nhân khách quan là hậu quả của chiến tranh kéo dài, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, của những đảo lộn phức tạp về chính trị - xã hội ở một số nước xã hội chủ nghĩa; các thế lực thù địch ráo riết chống phá cách mạng, lôi kéo thanh niên.

Song chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan. Nhiều cấp ủy đảng chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác thanh niên và buông lỏng lãnh đạo công tác này, không chú ý xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, coi nhẹ việc đào tạo, bồi dưỡng thanh niên. Đảng chậm xác định những quan điểm, nhận thức mới về vai trò, tiềm năng, nhu cầu, nguyện vọng của thế hệ trẻ để định hướng cho sự đổi mới lãnh đạo công tác thanh niên, thiếu niên. Nội dung tổ chức và phương pháp



công tác thanh niên vẫn theo những quan điểm, thể chế và kinh nghiệm cũ. Tư tưởng phong kiến, tác phong gia trưởng, thái độ hẹp hòi còn nặng nề, kìm hãm tính tích cực sáng tạo của thanh niên. Nhiều cán bộ, đảng viên không gương mẫu trước lớp trẻ, một bộ phận thoái hóa, biến chất và sự thiếu trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị đã ảnh hưởng không tốt đến thanh niên.

Nhà nước chưa ban hành kịp thời luật pháp, chế độ, chính sách và thiếu sự đầu tư cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển của thế hệ trẻ; chậm xây dựng quy chế phối hợp giữa Nhà nước với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên; thiếu cơ cấu tổ chức cần thiết để phối hợp lực lượng trong công tác thanh niên.

Công tác của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chậm được đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp. Số lượng tuy nhiều nhưng chất lượng đoàn viên giảm sút. Số cơ sở đoàn yếu kém còn nhiều. Cán bộ đoàn yếu và thiếu ở nhiều khu vực trong khi có nhiều cán bộ đoàn không yên tâm công tác. Bệnh quan liêu, hành chính của tổ chức và cán bộ đoàn còn nặng. Hình thức tập hợp thanh niên theo lợi ích của các tầng lớp thanh niên còn nghèo nàn. Nhiều thanh niên chưa được thu hút vào các tổ chức của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

II- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về *Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân*



dân, công tác thanh niên của Đảng tiến hành theo những quan điểm cơ bản sau đây:

Một là, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta phải hết lòng bồi dưỡng, phát huy tiềm năng và vai trò chủ động của thanh niên trên mọi lĩnh vực của công cuộc đổi mới, coi đó là nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược con người.

Xây dựng môi trường xã hội thuận lợi để thanh niên phát triển nhân cách và cống hiến nhiều nhất.

Hai là, đoàn kết và tập hợp mọi tầng lớp thanh niên vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, vì lợi ích thiết thực của mọi tầng lớp thanh niên theo con đường xã hội chủ nghĩa, dân chủ và công bằng xã hội, vì cuộc sống văn minh, hạnh phúc của tuổi trẻ. Các tổ chức thanh niên, thiếu niên phải đa dạng theo nghề nghiệp, sở thích và theo các nhu cầu khác của thanh niên.

Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh làm hạt nhân nòng cốt của phong trào thanh niên và làm lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của Đảng.

Ba là, phối hợp chặt chẽ các tổ chức của hệ thống chính trị - xã hội, phối hợp giữa gia đình, trường học và xã hội trong công tác thanh niên. Tổ chức phong trào hành động cách mạng của thanh niên phải đi đôi với việc Nhà nước xây dựng và thực hiện các chính sách bảo đảm các quyền lợi và nghĩa vụ của tuổi trẻ.

Chăm sóc, giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và của toàn xã hội.

III- CÁC CÔNG TÁC LỚN

1. Giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm của thanh niên là vấn đề xã hội - chính



trị bức xúc, là nguyện vọng và quyền lợi hàng đầu của thanh niên. Hướng chung để giải quyết việc làm là phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần cùng với việc phổ cập nghề nghiệp cho thanh niên. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các đoàn thể và gia đình cùng chăm lo giúp đỡ thanh niên tự tìm việc làm trong các thành phần kinh tế, khắc phục tâm lý trông chờ Nhà nước và tập thể giải quyết.

Trong những năm trước mắt cần:

- Khuyến khích mọi khả năng trong nhân dân và trong thanh niên cùng góp vốn, góp tài sức để phát triển sản xuất, hoạt động dịch vụ theo luật định.

- Tạo điều kiện thuận lợi về tổ chức và chính sách cho kinh tế gia đình phát triển. Khuyến khích các gia đình ở nông thôn thâm canh, tăng vụ trong trồng trọt và chăn nuôi, phát triển kinh tế vườn theo công thức VAC cùng với việc chế biến sản phẩm và làm các ngành nghề thủ công truyền thống; các gia đình ở thành thị phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động dịch vụ kinh doanh.

- Phát triển rộng rãi hệ thống thông tin về sản xuất, về việc làm và nghề nghiệp để thanh niên dễ lựa chọn việc làm hoặc điều chỉnh công việc sản xuất, kinh doanh thích ứng với biến động của thị trường và di chuyển nghề nghiệp theo những bước tiến của công nghệ.

- Tổ chức lực lượng lao động trẻ với nhiều hình thức và quy mô khác nhau để tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng về kinh tế - xã hội, xây dựng các khu kinh tế mới, các vùng trồng cây công nghiệp, trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc. Tổ chức thanh niên xung phong đi khai hoang, sản xuất ở trung du và miền núi, thành lập các xóm làng dân cư mới.



- Phát triển việc xuất khẩu lao động dưới nhiều hình thức. Hình thành các đội hình lao động trẻ, các cơ sở làm dịch vụ để giúp thanh niên tìm việc làm trong nước và hợp tác lao động với nước ngoài.

- Đảng và Nhà nước xây dựng chương trình giải quyết việc làm cho thanh niên, ban hành chính sách lao động và nhân công, chính sách hộ khẩu và cư trú; cấp sổ lao động và chứng nhận tay nghề để thanh niên dễ dàng đi tìm việc làm trên mọi miền đất nước, ban hành chính sách cho thanh niên được ra nước ngoài làm việc để có thu nhập cho bản thân và làm nghĩa vụ đóng góp xây dựng đất nước. Có chính sách ưu đãi đối với những thanh niên làm việc, cống hiến ở những nơi, những ngành nghề khó khăn, gian khổ.

Ở mỗi cấp hành chính cần có hình thức tổ chức phối hợp liên ngành để giúp cấp ủy và ủy ban nhân dân xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình giải quyết việc làm cho thanh niên.

2. Đào tạo, bồi dưỡng

a) *Giáo dục công dân phát huy truyền thống cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống lành mạnh cho tuổi trẻ.*

- Giáo dục rộng rãi thanh niên kế tục truyền thống cách mạng của dân tộc và tiếp nhận tinh hoa nhân văn của thế giới làm người công dân tốt, người lao động tốt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi theo pháp luật; có tình thương yêu đồng bào, đồng chí, đồng đội, có tình bạn, tình yêu trong sáng, lành mạnh, có lòng yêu kính ông bà, cha mẹ, kính trọng người già, tôn trọng phụ nữ, yêu quý trẻ em, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường..., đấu tranh chống những hành vi hung bạo, lối sống ích



kỷ, buông thả, vô kỷ luật trong sinh hoạt xã hội, vô trách nhiệm đối với xã hội và gia đình.

Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải quan tâm bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên ý thức cảnh giác chống lại những âm mưu, thủ đoạn tinh vi và thâm độc của các thế lực thù địch hòng làm hư hỏng về tư tưởng và nếp sống nhằm lôi kéo một số thanh, thiếu niên chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đối với đoàn viên và thanh niên trí thức, sinh viên, học sinh cần coi trọng, bồi dưỡng sâu sắc lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Bác Hồ; xác định trách nhiệm đi đầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của tuổi trẻ.

- Hình thức và biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cần được cải tiến phù hợp với đặc điểm của tuổi trẻ trong điều kiện kinh tế - xã hội mới. Phải từ việc quan tâm đáp ứng những nhu cầu và lợi ích chính đáng của thanh niên mà thu hút ngày càng nhiều thanh niên vào các hoạt động có ích, từ đó giác ngộ, nâng cao dần trình độ mọi mặt của thế hệ trẻ.

b) *Dạy nghề, phổ cập và nâng cao trình độ văn hóa - kỹ thuật, thế lực cho thế hệ trẻ*

- *Dạy nghề cho thanh niên vừa là vấn đề cấp bách, vừa có ý nghĩa lâu dài để phục vụ sự phát triển của đất nước:*

+ Gấp rút đưa nội dung giáo dục nghề nghiệp vào các trường phổ thông trung học, thực hiện tốt phương châm vừa dạy chữ, vừa dạy nghề và dạy đạo lý làm người công dân tốt, người lao động tốt.

+ Nhà nước, tập thể và tư nhân phát triển nhiều hình thức dạy nghề với nhiều quy mô khác nhau.



+ Có chính sách giảm, miễn học phí cho thanh niên con các gia đình nghèo học nghề tại các trung tâm học nghề của Nhà nước, tập thể. Khuyến khích và giúp đỡ các gia đình tự lo cho con em chọn nghề và học nghề, nhất là các nghề truyền thống, nghề thủ công.

+ Tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào khâu dạy nghề cho thanh niên, chủ động chuẩn bị một lớp thanh niên có trình độ văn hóa và tay nghề cao để tiếp nhận nhanh quy trình công nghệ mới và hợp tác lao động với nước ngoài.

- *Phổ cập và nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, thể lực cho thanh niên, thiếu niên là khâu then chốt trong nhiệm vụ nâng cao dân trí:*

+ Tích cực chống mù chữ trong thanh niên, thiếu niên, chú trọng vùng nông thôn hẻo lánh và vùng tập trung đồng bào dân tộc thiểu số và tôn giáo. Thực hiện phổ cập văn hóa cho thanh niên theo yêu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tạo cơ sở cho thanh niên tự nâng cao tay nghề, tiếp thu kỹ thuật mới, công nghệ mới.

+ Có chính sách khuyến khích thanh niên tự học, được thi vượt cấp và thí sinh tự do được dự các kỳ thi ở cấp phổ thông, đại học. Phát triển hệ thống trường dân lập và có chính sách thỏa đáng đối với loại trường này; cho phép các gia đình được chịu mọi kinh phí gửi con em đi học ở nước ngoài theo nguyện vọng.

+ Phát triển sâu rộng phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao trong thanh niên, thiếu niên, trước hết là trong các trường học. Tăng cường sự nghiệp y tế phục vụ thế hệ trẻ, bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên kiến thức bảo vệ sức khỏe, ngăn chặn các bệnh xã hội, tích cực



hạn chế sự suy dinh dưỡng trong trẻ em. Thực hiện tốt các chương trình bảo vệ bà mẹ, thai nhi và trẻ sơ sinh. Xây dựng các cơ sở vật chất, các trung tâm thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ ở các điểm dân cư.

c) *Đào tạo tài năng trẻ*

- Nhà nước coi trọng đầu tư để đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật.

- Khẩn trương cải tạo nền đại học và trên đại học, tháo gỡ những ràng buộc bất hợp lý nhằm giúp thanh niên có chí, có tài được học, được thi và bảo vệ các công trình nghiên cứu, các sáng chế, phát minh.

- Tôn trọng nhân cách, bồi dưỡng về chính trị, đạo đức cách mạng và kiến thức cho trí thức trẻ, khắc phục mọi biểu hiện thành kiến, hẹp hòi, đố kỵ.

- Có chế độ sử dụng và đãi ngộ trí thức nói chung, trí thức trẻ nói riêng. Chế độ học bổng phải có tác dụng khuyến khích sinh viên, học sinh học tập tốt; có chế độ đặc biệt bồi dưỡng vật chất và tinh thần đối với những tài năng thực sự. Tạo điều kiện để trí thức trẻ được giao lưu trong nước và ngoài nước khảo sát nghiên cứu và thực nghiệm khoa học. Tổ chức cho thanh niên trí thức ra làm việc ở nước ngoài theo chương trình hợp tác giữa Nhà nước và trong quan hệ trực tiếp giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học. Có chế độ khen thưởng thỏa đáng đối với những người có phát minh, quy trình công nghệ mới.

d) *Chăm sóc thế hệ trẻ các dân tộc thiểu số và các thanh niên, thiếu niên, nhi đồng có khó khăn*

- Chú trọng nâng cao trình độ văn hóa, hướng dẫn phát triển ngành nghề, chăm sóc y tế cho thanh, thiếu nhi các dân tộc thiểu số. củng cố các trường thanh, thiếu nhi vùng cao và



mở thêm những hình thức đào tạo khác thích hợp ở các vùng dân tộc.

- Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, giúp phục hồi chức năng, có nghề nghiệp, ổn định đời sống.

- Tăng cường chăm sóc xã hội, phát triển các hoạt động nhân đạo, từ thiện giúp đỡ những thanh, thiếu nhi tàn tật, mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa...

3. Tổ chức phong trào hành động cách mạng trong thanh niên

Cần hướng phong trào thanh niên vào các hoạt động sau đây:

- *Tham gia phát triển kinh tế*: đẩy mạnh phong trào thanh niên tiến quân vào khoa học - kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh giỏi. Phát triển các đội hình thanh niên xung phong làm kinh tế, thực hiện các công trình, chương trình kinh tế theo quy hoạch, đặc biệt chú trọng việc trồng cây phủ xanh đồi trọc, chế biến nông, lâm, thủy sản.

- *Tham gia củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội*: tổ chức tốt phong trào “xúng danh bộ đội Cụ Hồ” trong thanh niên quân đội; thực hiện *Sáu điều Bác Hồ dạy* trong thanh niên Công an nhân dân; đoàn kết các lực lượng thanh niên bảo vệ trật tự an toàn xã hội; tích cực tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội; đấu tranh chống tội phạm, chống buôn lậu, chống tham nhũng.

- *Vận động thanh niên xây dựng nếp sống văn hóa mới*, tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt, giải trí lành mạnh, thực hiện kế hoạch hóa dân số, bảo vệ môi trường, chống văn hóa đồi trụy.



4. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, mở rộng việc tập hợp đoàn kết thanh niên

Toàn Đảng chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, coi trọng chất lượng, làm cho Đoàn thực sự là đội dự bị tin cậy của Đảng, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, là hạt nhân chính trị của phong trào và các tổ chức thanh, thiếu niên, người đại diện và bảo vệ lợi ích của tuổi trẻ.

Xây dựng quy chế để thực hiện tốt mối quan hệ giữa Đảng và Đoàn, vừa bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, vừa thể hiện tính độc lập tự quản về tổ chức của Đoàn.

Tổng kết lý luận và thực tiễn để Đoàn phát huy tốt vai trò, chức năng là hạt nhân chính trị trong phong trào thanh niên và là người phụ trách Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ đoàn, mỗi đoàn viên được giao trách nhiệm cụ thể trong việc tập hợp thanh, thiếu niên, là người bạn tốt và cốt cán của một tập thể thanh, thiếu niên.

Chấn chỉnh tổ chức của Đoàn theo hướng khắc phục tình trạng quan liêu, hành chính hóa của bộ máy đoàn, tinh gọn ở trung ương và các tỉnh, thành, hướng hoạt động về cơ sở, chú trọng củng cố chi đoàn.

Đảng cần chỉ đạo làm tốt các việc sau:

a) *Mở rộng việc tập hợp đoàn kết các tầng lớp thanh niên*

Phát triển các loại hình tập hợp thanh niên bằng các tổ chức và hoạt động linh hoạt theo nghề nghiệp, sở thích và nhu cầu đời sống ở mỗi cấp, nhất là ở cơ sở. Xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành tổ chức rộng lớn, do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt, tập hợp mọi tổ chức



thanh niên, mọi thanh niên tiêu biểu. Phát triển và cải tiến hoạt động của Hội Sinh viên Việt Nam trong các trường đại học và cao đẳng để hội thực sự là tổ chức đại diện lợi ích sinh viên và tham gia công tác quản lý nhà trường xã hội chủ nghĩa. Mở rộng việc xây dựng các hội học sinh trong các trường phổ thông trung học, trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề để tổ chức các hoạt động tự quản trong học tập, sinh hoạt văn hóa và hoạt động xã hội của học sinh.

b) Tích cực đổi mới tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh

Củng cố Đội trong các trường học, mở rộng việc xây dựng Đội trên các địa bàn dân cư. Nâng cao chất lượng hoạt động đội, tăng cường tính giáo dục và sức hấp dẫn đối với thiếu nhi. Tôn trọng nguyên tắc dân chủ tự quản của tập thể đội viên. Tạo điều kiện và phương tiện cho hoạt động đội. Chấn chỉnh việc sản xuất đồ chơi trẻ em, khuyến khích phát triển những đồ chơi và trò chơi lành mạnh.

5. Tăng cường công tác thanh niên của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội

a) Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào thanh niên

- Các cấp ủy đảng và toàn Đảng quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác thanh niên trong tình hình mới, thực sự quan tâm và đổi mới sự lãnh đạo công tác thanh, thiếu niên.

- Tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng:

+ Tổ chức nghiên cứu khoa học, nắm được thông tin và dữ kiện cần thiết trong khi đánh giá thanh niên và quyết định các



chủ trương, biện pháp về công tác thanh, thiếu niên, khắc phục nhận thức và tác phong chủ quan, gia trưởng.

+ Định kỳ làm việc giữa cấp ủy đảng với tập thể cấp bộ đoàn, nghe Đoàn báo cáo và thảo luận dân chủ trước khi quyết định các kế hoạch công tác, bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết để thực hiện các kế hoạch đó.

+ Làm trong sạch Đảng và Đoàn. Cán bộ, đảng viên phải nêu cao phẩm chất cách mạng, gương mẫu đối với thanh niên, tổ chức cho đoàn viên thanh niên phê bình góp ý kiến với đảng viên và tổ chức đảng. Mỗi đảng viên, đoàn viên đều có trách nhiệm làm công tác vận động thanh niên.

b) *Nhà nước ban hành những thể chế, cơ chế và chính sách thích hợp, cụ thể là:*

- Đảng và Nhà nước có chính sách đào tạo, khuyến khích, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ đoàn, hội, đội; thực hiện dân chủ trong việc lựa chọn cán bộ làm công tác thanh, thiếu niên; mở rộng hình thức cán bộ đoàn không chuyên có đãi ngộ thỏa đáng về tinh thần và vật chất.

Ban hành chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trích tỷ lệ ngân sách hằng năm để cấp cho hoạt động của Đoàn và công tác giáo dục thanh niên, thiếu nhi ngoài hệ thống nhà trường. Ngoài phần kinh phí do Nhà nước cấp và sự đóng góp của đoàn viên, hội viên, Đoàn và các hội thanh niên được tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo luật định. Phần thuế mà các đơn vị kinh tế của Đoàn, hội nộp cho Nhà nước sẽ được Nhà nước đầu tư trở lại cho Đoàn, hội hoạt động.

- Xúc tiến nghiên cứu để ban hành những bộ luật bảo đảm cho thế hệ trẻ phát triển lành mạnh: *Luật lao động, Luật thanh niên, Luật cải cách giáo dục, Luật về trẻ em...*



- Cùng với việc kiện toàn Ủy ban chăm sóc, giáo dục trẻ em, cần hình thành một cơ cấu tổ chức thích hợp để xây dựng và phối hợp các cơ quan chính quyền các cấp thực hiện các chính sách xã hội đối với thanh niên.

- Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa chính quyền và các cấp đoàn thanh niên, có cơ chế bầu cử hợp lý tạo điều kiện cho thanh niên có đại diện của mình trong các cơ quan nhà nước và cơ quan dân cử, được tham gia bàn bạc về các chế độ, chính sách liên quan đến thanh niên và được tham gia kiểm tra việc thực hiện các quyết định, các chế độ, chính sách đó.

- Các ngành, nhất là các ngành giáo dục, văn hóa, thông tin, lao động, các cơ quan truyền thông, xuất bản, báo chí hướng hoạt động vào việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng lớp trẻ.

- Các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội có chương trình cụ thể tăng cường công tác thanh niên trong tổ chức của mình, phối hợp chặt chẽ, tích cực giúp đỡ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên.

Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ đảng và các chi đoàn.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Nguyễn Văn Linh

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII
Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 01 năm 1993

Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Tình hình thanh niên

- Thanh niên ta ngày nay là lực lượng xã hội to lớn, có tiềm năng hùng hậu. Kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc và những thành quả của cách mạng, qua mở rộng giao lưu quốc tế, thanh niên ta ngày nay có mặt mạnh cơ bản và trình độ học vấn cao hơn trước, tầm nhìn rộng, nhạy cảm với thời cuộc, giàu lòng yêu nước, có khát vọng mau chóng đưa đất nước vượt qua nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Thanh niên đồng tình, ủng hộ và hăng hái tham gia sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đã và đang xuất hiện nhiều tài năng trẻ, nhiều tấm gương trong sản xuất, kinh doanh, bảo vệ chủ quyền và an ninh đất nước, trong học tập, hoạt động khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật và thể thao, trong công tác xã hội.



- Một bộ phận thanh niên đang gặp nhiều khó khăn về định hướng chính trị trong tình hình nền kinh tế - xã hội ở nước ta chưa ra khỏi khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Hàng triệu thanh niên chưa có hoặc thiếu việc làm, thu nhập thấp. Tình trạng thất học, mù chữ tăng lên, nhất là ở nông thôn, miền núi. Sức khỏe của thanh niên và trẻ em có chiều hướng giảm sút; số trẻ lang thang còn nhiều.

- Một bộ phận thanh niên ít quan tâm sinh hoạt chính trị, coi thường truyền thống cách mạng, trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Một số dao động, thiếu niềm tin ở chủ nghĩa xã hội.

Một bộ phận thanh niên có xu hướng chạy theo lối sống không lành mạnh, coi thường giá trị nhân văn, kỷ cương, đạo lý, mắc nhiều tệ nạn xã hội. Tình trạng mê tín dị đoan tăng lên.

Không ít thanh niên vẫn mang tâm lý thụ động, ỷ lại từ thời kỳ bao cấp; tâm lý lao động và khả năng nghề nghiệp chưa chuyển kịp với nền kinh tế thị trường.

2. Về công tác thanh niên

- Đường lối đổi mới của Đảng với những thành tựu đã đạt được đang tạo ra môi trường mới để thanh niên phát triển tài năng, cống hiến cho xã hội, từng bước cải thiện đời sống. Việc thực hiện Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị khóa VI đạt được kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, công tác vận động thanh niên chưa đổi mới kịp thời. Khuyết điểm lớn là thiếu nhận thức sâu sắc vai trò của thanh niên và nội dung công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Xử lý các vấn đề thanh niên không sát đúng với tâm lý và những nhu cầu mới của thanh niên.



Một số cán bộ, đảng viên lớn tuổi còn thiếu tôn trọng, thiếu niềm tin vào thanh niên. Tình trạng thoái hóa, biến chất cùng với sự hạn chế về năng lực của nhiều đảng viên đã làm cho niềm tin của tuổi trẻ đối với Đảng bị giảm sút. Công tác thanh niên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển Đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng còn chung chung, Nhà nước còn chậm trễ trong thể chế hóa nghị quyết của Đảng, thiếu đầu tư thích đáng và chưa có tổ chức chuyên trách về công tác thanh niên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có cố gắng, song bước vào thời kỳ mới đã bộc lộ nhiều nhược điểm, thiếu sót. Vai trò và ảnh hưởng của Đoàn trong thanh niên bị giảm sút. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên và giáo dục thiếu niên, nhi đồng còn hạn chế. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và nhiều gia đình chưa quan tâm đầy đủ đến việc chăm sóc, giáo dục thanh, thiếu niên.

II- PHƯƠNG HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH THANH NIÊN

1. Thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Đúng như Bác Hồ đã nói: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”,



vì vậy vấn đề thanh niên phải đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Đảng đặt niềm tin sâu sắc vào thanh niên, phát huy vai trò làm chủ và tiềm năng to lớn của thanh niên để thanh niên thực hiện được sứ mệnh lịch sử, đi đầu trong cuộc đấu tranh chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng và bảo vệ đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

2. Đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho thanh niên phấn đấu để hình thành một thế hệ con người mới có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. Cổ vũ thanh niên Việt Nam nuôi dưỡng hoài bão lớn, tự cường dân tộc, năng động, sáng tạo, làm chủ được khoa học và công nghệ mới, vươn lên ngang tầm thời đại, sánh vai cùng thanh niên các nước trên thế giới. Hình thành một lớp thanh niên nam, nữ ưu tú, vững vàng về chính trị, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu cho thế hệ trẻ, trở thành những nhà lãnh đạo, quản lý, kinh doanh giỏi, những chuyên gia xuất sắc trên mọi hoạt động của xã hội, những trí thức uyên bác chiếm lĩnh các đỉnh cao của khoa học, những văn nghệ sĩ có tài năng, những người lao động có tay nghề cao.

3. Phát huy lực lượng và tiềm năng của thế hệ trẻ

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên là một ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Khuyến khích thanh niên hăng say lập nghiệp, tự tạo việc làm và giúp nhau tạo việc làm. Nhà nước tổ chức và huy động thanh



niên tham gia xây dựng các công trình, các lĩnh vực, các vùng kinh tế quan trọng; đầu tư ngân sách thích đáng cho các chương trình giải quyết việc làm. Mở rộng việc cho các gia đình vay vốn để sản xuất kinh doanh. Sửa đổi, bổ sung những quy định về quản lý lao động và cư trú để thanh niên dễ dàng tìm việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên.

- Đáp ứng thiết thực các yêu cầu về học tập, lao động, sinh hoạt văn hóa, du lịch, thể dục, thể thao, xây dựng hạnh phúc gia đình cho thanh niên.

- Bồi dưỡng tài năng trẻ, giao việc cho thanh niên; sử dụng và đề bạt cán bộ trẻ vào các vị trí xứng đáng với đức - tài của họ; nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ trong cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành.

- Tổ chức tốt việc phục hồi chức năng, chăm lo dạy nghề, dạy văn hóa, bố trí việc làm thích hợp cho thương binh, thanh niên, thiếu niên tàn tật.

- Có chủ trương, biện pháp cụ thể thích hợp đối với hoạt động của thanh niên dân tộc.

4. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là đội dự bị của Đảng. Củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn, nhất là đoàn cơ sở. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong các tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt. Chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và các hình thức tập hợp, giáo dục nhi đồng.



5. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh là điều kiện phát triển của thế hệ trẻ và cũng là nhiệm vụ của chính thanh niên.

Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách: lập lại trật tự kỷ cương xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật; chống văn hóa độc hại; đồi trụy, mê tín, dị đoan; chống nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc; chống tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả và các hành vi tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Xây dựng và thực hiện các quy ước về nếp sống văn minh ở các địa bàn dân cư, các đơn vị cơ sở, trường học, những nơi công cộng.

Xây dựng gia đình văn hóa, tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục, chăm sóc thanh, thiếu niên.

III- ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ công tác thanh niên.

Các cấp ủy từ trung ương đến cơ sở có chương trình công tác thanh niên trong nhiệm kỳ, lãnh đạo các cơ quan nhà nước xây dựng luật pháp, chính sách, chương trình kế hoạch công tác thanh niên. Các tổ chức đảng chăm lo củng cố Đoàn, xây dựng mặt trận thanh niên và đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng trong thanh niên. Đảng viên phải là người lãnh đạo, là tấm gương, là người bạn của giới trẻ.

Quan tâm phát triển đảng trong thanh niên.

Các ban của Đảng, các viện khoa học cần tăng cường công tác nghiên cứu và phối hợp xây dựng các chương trình, đề tài



giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn về thanh, thiếu niên và công tác thanh, thiếu niên.

2. Nhà nước ban hành và hoàn thiện các chính sách về việc làm, thu nhập, giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe và các chính sách kinh tế - xã hội khác, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lành mạnh của thế hệ trẻ và phong trào thanh niên. Xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy liên quan đến công tác thanh niên.

Lập cơ quan phụ trách công tác thanh niên của Chính phủ. Xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan chính quyền với các tổ chức thanh niên.

Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất cho công tác thanh niên như các trung tâm, các cơ sở hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, dạy nghề và giới thiệu việc làm. Đầu tư cho việc nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ vận động thanh, thiếu niên.

3. Các đoàn thể, các lực lượng vũ trang và tổ chức xã hội có chương trình về công tác thanh niên của tổ chức mình, xây dựng quy chế phối hợp hành động với Đoàn và các tổ chức thanh, thiếu niên.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

Đỗ Mười

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Tình hình thanh niên

Sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết 4, phong trào thanh niên nước ta phát triển tốt hơn. Nhiều mặt mạnh cơ bản của thanh niên như trình độ học vấn, năng động, giàu lòng yêu nước, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu, có ý chí tự lực, tự cường, chủ động chuẩn bị hành trang cho mình để vào đời lập thân, lập nghiệp... được khẳng định và phát huy.

Tuyệt đại bộ phận thanh niên ta ủng hộ và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới của đất nước. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh có sức động viên thanh niên tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách, các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của Đảng và Nhà nước.



Đã xuất hiện ngày càng nhiều những tập thể, cá nhân thanh niên tiên tiến và tài năng trẻ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Lòng tin của thanh niên vào sự lãnh đạo của Đảng và thành công của công cuộc đổi mới đã được củng cố và tăng thêm. Thanh niên quan tâm hơn đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới; tham gia tích cực vào việc giữ vững ổn định chính trị để xây dựng và phát triển nhanh đất nước. Tính tự lập, không ỷ lại cao hơn trước.

Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên còn mơ hồ về chính trị, chưa xác định đúng mục đích cuộc sống, thiếu ý chí khắc phục khó khăn, bàng quan, thiếu trách nhiệm với gia đình, với xã hội, sống thực dụng. Các khó khăn của thanh niên như thiếu việc làm, ít được đào tạo nghề, thất học, mù chữ, sức khỏe và thể lực thấp..., tuy đã được cố gắng giải quyết từng bước nhưng vẫn còn gay gắt. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm, cờ bạc và phạm pháp trong thanh, thiếu niên giảm chưa đáng kể.

2. Về công tác thanh niên

Từ sau khi có Nghị quyết 4 đến nay, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và xã hội đã quan tâm hơn đến công tác thanh niên. Nhiều tỉnh, thành ủy, bộ, ngành, Mặt trận, đoàn thể có chương trình, kế hoạch công tác thanh niên (định kỳ nghe Đoàn Thanh niên báo cáo, chăm lo xây dựng tổ chức và giải quyết các yêu cầu chính đáng của Đoàn, Hội, Đội, phát triển đảng trong thanh niên...). Chính phủ đã ban hành một số chính sách cụ thể và có những chương trình kinh tế - xã hội phát huy được lực lượng thanh niên. Hệ thống luật pháp có liên quan đến thanh niên cũng được hoàn thiện dần.



Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng, tiến bộ trong việc định hướng chính trị và phát triển phong trào thanh niên. Phương thức hoạt động của Đoàn từng bước phù hợp với tình hình mới, gắn với các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước và chăm lo lợi ích thanh niên. Công tác xây dựng Đoàn có chuyển biến tích cực. Số thanh niên được kết nạp vào Đoàn, số đoàn viên ưu tú và cơ sở đoàn khá, mạnh tăng lên. Công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên có nhiều tiến bộ với nội dung, phương thức hoạt động và hình thức tập hợp đa dạng, phong phú, đã tập hợp được ngày càng nhiều thanh niên vào tổ chức. Vai trò và ảnh hưởng của tổ chức Đoàn trong thanh niên và trong xã hội được nâng cao.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Nghị quyết 4, công tác thanh niên vẫn còn nhiều tồn tại và khuyết điểm. Một số cấp ủy ít chú ý đến định hướng cho phong trào thanh niên, khoán trắng công tác thanh niên cho Đoàn, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên, chưa thực sự coi công tác xây dựng Đoàn là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng và phát triển Đảng. Việc tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thanh niên còn hạn chế. Một số chủ trương, chính sách có liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên chưa được thể chế hóa. Việc tổ chức và duy trì sinh hoạt thường xuyên ở cơ sở, nhất là trong các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, trong vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, trong thanh niên có đạo của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh còn yếu. Việc tập hợp thanh niên vào tổ chức Đoàn, Hội còn thấp so với tổng số thanh niên.



II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 4 TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong thời gian tới cần tập trung làm tốt một số việc sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 4 trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết 4, lựa chọn những vấn đề thanh niên đưa vào nội dung Đại hội Đảng các cấp và xây dựng chương trình công tác thanh niên trong những năm tới. Xác định rõ hơn trách nhiệm của gia đình, Nhà nước, các ngành, đoàn thể đối với việc bồi dưỡng và phát huy lực lượng trẻ.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với Đoàn Thanh niên và công tác thanh niên ở từng cấp, ở mọi địa bàn, đối tượng; thực sự coi xây dựng Đoàn là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

2. Chỉ đạo hệ thống thông tin đại chúng, nhà trường, gia đình và các đoàn thể coi trọng giáo dục chính trị, lòng yêu nước, truyền thống cách mạng và bản sắc văn hóa dân tộc cho thanh niên; làm cho thanh niên hiểu rõ tình hình đất nước để nâng cao trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng xã hội và với gia đình; giáo dục thanh niên hướng tới chân - thiện - mỹ, lập nghiệp lớn vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong các trường học, cần coi trọng việc giáo dục đường lối, quan điểm của Đảng, thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh cho học sinh, sinh viên.



3. Chăm lo tốt hơn việc phát triển nguồn nhân lực trẻ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tăng cường công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học một cách có hiệu quả, nhất là đối với thanh, thiếu niên vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Việc này cần huy động lực lượng thanh niên trong các đội hình thanh niên tình nguyện, thanh niên xung phong, bộ đội biên phòng, học sinh, sinh viên... Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Thanh niên, Hội Thanh niên, tổ chức các lực lượng này và huy động rộng rãi hơn các lực lượng xã hội tham gia xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học.

- Nhà nước có chính sách phù hợp (như chính sách học bổng, chỗ ở cho sinh viên, phát triển các trường dân tộc nội trú, dự bị, bổ túc văn hóa, v.v.) nhằm tạo điều kiện cho thanh niên, nhất là thanh niên công nhân, con em các gia đình có công với nước, thanh niên nghèo, thanh niên dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa... được học tập để nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp và tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các ngành, các cấp.

- Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình giảng dạy cho việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, cho các trung tâm đào tạo chất lượng cao, các trung tâm phát triển năng khiếu, các câu lạc bộ thanh niên nghiên cứu khoa học - công nghệ, khuyến khích thanh niên thực hiện các dự án chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển các loại quỹ khuyến học, khuyến tài, sớm phát hiện và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các tài năng trẻ trên các lĩnh vực; có kế hoạch để sử dụng và phát huy tài năng trẻ, nhất là các tài năng trẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.



- Có chính sách phổ cập nghề cho đông đảo thanh niên (kể cả nghề nông), đào tạo nghề cho thanh niên quân đội; tăng cường việc đào tạo kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật trẻ bậc cao đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trẻ, nhất là nữ thanh niên, tăng số đại biểu trẻ đủ tiêu chuẩn trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân, chính quyền và đoàn thể các cấp, tạo nguồn cán bộ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

4. Chăm lo tốt hơn việc tạo việc làm cho thanh niên. Nhà nước tiếp tục huy động các nguồn lực cho các chương trình giải quyết việc làm, trong đó có việc mở rộng mạng lưới dạy nghề, hướng nghiệp và dịch vụ việc làm cho thanh niên. Tập trung đầu tư phát triển các ngành sản xuất có khả năng thu hút lao động, tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới. Cần có một chương trình tổng thể về giải quyết việc làm cho thanh niên ở cấp quốc gia.

Tiếp tục động viên, tạo điều kiện và có cơ chế thích hợp cho thanh niên thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chương trình làm giao thông, trồng rừng, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; khai hoang; xây dựng các vùng kinh tế mới, các dự án nhỏ giải quyết việc làm, phát triển lực lượng thanh niên xung phong, các đội trí thức trẻ tình nguyện..., trong đó có việc đầu tư cho Đoàn Thanh niên cả về ngân sách và năng lực quản lý để tổ chức và huy động được đông đảo thanh niên tham gia các chương trình, dự án đó.

5. Hình thành hệ thống các trung tâm văn hóa - thể thao, vui chơi - giải trí ở các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp tập trung... Các phường, xã dành quỹ đất để từng bước xây dựng được điểm vui chơi cho thanh, thiếu niên. Trước mắt



có cơ chế để tận dụng các cơ sở vật chất hiện có của ngành văn hóa - thông tin phục vụ cho thanh, thiếu niên.

6. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên từ trung ương đến địa phương. Đề nghị Chính phủ có chương trình quốc gia về phát triển thanh niên, tạo điều kiện chuẩn bị cho thanh niên về mọi mặt đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

7. Tạo môi trường xã hội lành mạnh cho thanh niên. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách như: lập lại trật tự, kỷ cương xã hội, nhất là trên lĩnh vực văn hóa; phòng, chống có kết quả các tiêu cực và tệ nạn xã hội...

8. Tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục thanh, thiếu niên; của cán bộ, đảng viên trong việc nêu gương tốt cho thanh, thiếu niên noi theo; của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đối với thanh niên và công tác thanh niên theo đúng tinh thần Nghị quyết 4.

9. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải được xây dựng vững mạnh về mọi mặt. củng cố, nâng cao chất lượng, phát triển tổ chức và tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nhất là ở các tổ chức cơ sở của Đoàn. Đảng và chính quyền các cấp cần tạo điều kiện tốt, đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất và cán bộ cho Đoàn đủ sức tập hợp rộng rãi lực lượng trẻ, làm nòng cốt phát huy vai trò xung kích của thanh niên, tổ chức các phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong thanh niên và vai trò là đội dự bị tin cậy của Đảng; cùng nhà trường, gia đình, xã hội chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

Phát triển và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam.



Mở rộng các hoạt động quốc tế thanh niên trên cơ sở đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Đoàn Thanh niên làm kinh tế theo đúng pháp luật để bổ sung ngân sách hoạt động của Đoàn, Hội.

10. Nhà nước xây dựng Luật thanh niên và có chính sách khuyến khích thanh niên, trí thức trẻ đi đến mọi miền đất nước, đến những nơi còn nhiều khó khăn để làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân quán triệt và lập chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Trước mắt, nhân dịp kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/1996), 40 năm Ngày truyền thống Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (15/10/1956 - 15/10/1996), 55 năm Ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh (15/5/1941 - 15/5/1996), các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo Đoàn Thanh niên và các cấp, các ngành tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của các thế hệ thanh, thiếu niên Việt Nam và của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cho thanh, thiếu niên. Trên cơ sở đó, củng cố và phát triển Đoàn, đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh, thiếu niên vào Hội, vào Đội và các phong trào hành động cách mạng do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phối hợp với



Trung ương Đoàn hướng dẫn các nội dung tuyên truyền trong các đợt kỷ niệm này, trong đó coi trọng tuyên truyền các nhân tố mới của tuổi trẻ, của tổ chức Đoàn, Hội Thanh niên, Hội Sinh viên và Đội Thiếu niên.

- Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành, các đoàn thể phối hợp, tạo điều kiện về mọi mặt cho Đoàn, Hội, Đội các cấp tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm một cách thiết thực, mang tính giáo dục sâu sắc, tránh phô trương, hình thức gây tốn kém. Gắn các hoạt động kỷ niệm với việc tổ chức các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Bí thư đồng ý từ nay lấy ngày 26-3 hằng năm là “Ngày thành lập Đoàn - Ngày thanh niên Việt Nam”.

2. Đề nghị Chính phủ tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết 4 và Chỉ thị này bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước.

3. Ban Dân vận Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Ủy ban Thanh niên Việt Nam xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

Đào Duy Tùng

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác thanh niên
thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình. Song, do còn trẻ, thiếu kinh nghiệm nên thanh niên cần được sự giúp đỡ, chăm lo của các thế hệ đi trước và toàn xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn đề cao vai trò, vị trí của thanh niên, xác định thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc. Đồng thời, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng



và dân tộc. Qua mỗi thời kỳ, dù bất cứ hoàn cảnh nào các thế hệ thanh niên đều hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên nhằm chăm lo, bồi dưỡng và phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Sau hơn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), tình hình thanh niên có những chuyển biến mạnh mẽ, đan xen cả những yếu tố tích cực và tiêu cực, trong đó yếu tố tích cực giữ vai trò chủ đạo.

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước là đã xây dựng được thế hệ thanh niên thời kỳ mới có đạo đức, nhân cách, tri thức, sức khỏe, tư duy năng động và hành động sáng tạo; tiếp nối truyền thống hào hùng của Đảng và dân tộc, nêu cao lòng yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; không ngại khó khăn, gian khổ, tình nguyện vì cộng đồng; có trách nhiệm với gia đình, xã hội; có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; mong muốn được tin tưởng, được cống hiến cho đất nước, có việc làm, thu nhập ổn định, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, môi trường sống an toàn. Dù còn nhiều tâm trạng



khác nhau, song đa số thanh niên luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và phát triển của đất nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) là một chủ trương quan trọng, có tính quyết định, làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình thanh niên, công tác đoàn và phong trào thanh niên. Các cấp ủy đảng đã lãnh đạo hệ thống chính trị, toàn xã hội thực hiện tốt hơn công tác thanh niên và chăm lo xây dựng Đoàn. Nhà nước đã ban hành Luật Thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên và nhiều chính sách về công tác thanh niên, tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên rèn luyện, cống hiến, trưởng thành. Công tác đoàn và phong trào thanh niên từng bước phát triển, mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên được mở rộng; số thanh niên trở thành đoàn viên, đảng viên ngày càng tăng. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, gia đình, nhà trường và xã hội đối với thanh niên, công tác thanh niên đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc. Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số còn thấp; nhiều thanh niên thiếu kiến thức và kỹ năng trong hội nhập quốc tế. Tính độc lập, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp. Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV/AIDS còn cao.

Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo công tác thanh niên; việc đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công



tác thanh niên không thường xuyên, kịp thời; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ chưa thực sự được coi trọng; chưa làm tốt công tác phát triển Đảng trong thanh niên. Nhà nước chậm thể chế hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên; thiếu những chính sách nhất quán, đồng bộ, lâu dài đối với thanh niên; chưa có chính sách cụ thể để bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng tài năng trẻ; việc thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên còn hạn chế. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa làm tốt trách nhiệm chăm lo, bồi dưỡng, phát huy thanh niên thuộc lĩnh vực được phân công. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam chưa theo kịp sự phát triển của tình hình thanh niên; khả năng chi phối và ảnh hưởng của Đoàn, Hội trong thanh niên chưa sâu rộng, tỷ lệ tập hợp thanh niên thấp; tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ đoàn, hội và đoàn viên, hội viên chưa cao. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhiều địa phương chưa phối hợp chặt chẽ, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp trong công tác thanh niên; sự kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục thanh niên còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do:

- Nhận thức của một bộ phận không ít cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên về thanh niên và công tác thanh niên chưa đầy đủ, nhiều mặt còn khoán trắng cho Đoàn; tổ chức chỉ đạo thiếu tập trung; đánh giá thanh niên còn theo kinh nghiệm, cảm tính, gia trưởng, thiếu tin tưởng thanh niên; một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất không là tấm gương để thanh niên học tập và noi theo. Một bộ phận gia đình ít quan tâm, thiếu giáo dục và nêu gương đối với con cháu.



- Quản lý nhà nước về công tác thanh niên còn nhiều bất cập; bộ máy quản lý nhà nước về công tác thanh niên và cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác thanh niên chưa rõ ràng. Chưa gắn kết mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh với mục tiêu phát triển thanh niên.

- Công tác giáo dục - đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, phòng, chống tệ nạn xã hội, hoạt động văn hóa, thể thao, báo chí, xuất bản có nhiều khuyết điểm, yếu kém nhưng chậm được khắc phục đã ảnh hưởng không nhỏ đến các thế hệ thanh niên.

- Công tác giáo dục, ngăn ngừa và đấu tranh với những tác động, lôi kéo thanh niên của các thế lực thù địch, sự truyền bá lối sống nước ngoài không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc còn nhiều yếu kém, thậm chí bị buông lỏng.

- Việc quản lý, tập hợp thanh niên trong tình hình mới khó khăn hơn. Điều kiện, phương tiện hoạt động của Đoàn, Hội, chính sách cho cán bộ đoàn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở còn bất cập. Năng lực, trình độ của không ít cán bộ đoàn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; khả năng tập hợp, tổ chức phong trào thanh niên; tham mưu cho Đảng, chính quyền, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác thanh niên còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Quan điểm chỉ đạo

- Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ



Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

- Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng, vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

- Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động; xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo.

- Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hàng năm của các cấp, các ngành.

- Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng



mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu

Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong công nghiệp trong lao động tập thể, trở thành những công dân tốt của đất nước. Cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, vươn lên ngang tầm thời đại. Hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; được học tập, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh.

Mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt, trọng tâm từ nay đến năm 2010 là:

- Nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên. Tập trung



giáo dục, định hướng, cổ vũ thanh niên thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo chuyển biến thực sự trong đạo đức, lối sống và hành động của thanh niên.

- Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh để thanh niên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Tập trung nguồn lực, thực hiện thành công Chiến lược thanh niên đến năm 2010.

- Có chính sách mang tính đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao đáp ứng quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hưởng thụ văn hóa, vui chơi, giải trí của thanh niên.

- Tạo bước chuyển biến mới về chất lượng tổ chức và hoạt động của Đoàn, Hội; phát triển các loại hình tổ chức tập hợp thanh niên nhằm tăng tỷ lệ thanh niên được tập hợp; thu hẹp cơ sở yếu kém, tăng tỷ lệ thanh niên vào Đoàn, Hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn, hội, nhất là cán bộ chuyên trách có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, gương mẫu, có khả năng vận động, đoàn kết, tập hợp thanh niên. Bảo đảm đủ số lượng cán bộ đoàn chuyên trách theo quy định, ít nhất 70% đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách trong độ tuổi thanh niên.

- Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên từ đoàn viên, phấn đấu đạt tỷ lệ ít nhất 70% đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên. Bố trí, sử dụng cán bộ trẻ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực nhằm tăng nhanh tỷ lệ cán bộ trẻ trong cơ cấu các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ Trung ương đến các cấp ở địa phương so với hiện nay.



3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Đầu tư hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về thanh niên và công tác thanh niên trong tình hình mới; dự báo xu hướng phát triển, nhận thức, thái độ của thanh niên để có luận cứ khoa học, thực tiễn, kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trở thành lực lượng to lớn, xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử của Đảng và dân tộc, lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Coi trọng giáo dục thanh niên trong hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước.

- Xây dựng chuẩn mực đạo đức và định hướng giá trị mới cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ động hơn công tác chính trị, tư tưởng; nắm bắt và dự báo tình hình tư tưởng thanh niên; kịp thời đấu tranh, tuyên truyền, làm rõ các âm mưu, luận điệu sai trái, giúp thanh niên hiểu và tích cực đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Bảo đảm tính chính trị, sự định hướng của Đảng, làm phong phú và sâu sắc hơn các nội dung giáo dục, nhất là về lý tưởng, đạo đức, lối sống, trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, hướng thanh niên vươn tới giá trị chân - thiện - mỹ.



Chấn chỉnh, đổi mới hoạt động và quản lý báo chí, xuất bản nói chung, nhất là báo chí, xuất bản trong hệ thống Đoàn, Hội, thực sự là phương tiện hữu hiệu giáo dục thanh niên.

- Mọi cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu thường xuyên nắm tình hình, định hướng và kiểm tra việc thực hiện công tác thanh niên; phân công đảng viên phụ trách công tác Đoàn, Hội; lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp định kỳ gặp gỡ, đối thoại với thanh niên. Kết quả công tác thanh niên, công tác đoàn và phong trào thanh niên là một tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Mỗi đảng viên phải là tấm gương sáng cho thanh niên noi theo.

3.2. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trên thế giới

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; xây dựng một số cơ sở giáo dục - đào tạo đạt trình độ quốc tế; khuyến khích thành lập các cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam đối với một số ngành, lĩnh vực cần thiết đáp ứng sự nghiệp phát triển đất nước. Xác định rõ mục tiêu đào tạo từng cấp học, bảo đảm giáo dục toàn diện về đức - trí - thể - mỹ nhằm hình thành lớp thanh niên có đủ bản lĩnh và năng lực, có tri thức và kỹ năng vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến. Xây dựng cho thanh niên ý thức tự học, học tập suốt đời, phương pháp tư duy sáng tạo, độc lập, khả năng làm việc tập thể, kỹ năng thích nghi và tự tin trong cuộc sống.

- Tạo cơ hội cho thanh niên được thụ hưởng chính sách giáo dục, chú trọng tới nữ thanh niên, thanh niên dân tộc thiểu số,



thanh niên nông thôn, thanh niên khuyết tật. Sớm có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học trong thanh thiếu nhi. Phấn đấu hoàn thành phổ cập bậc trung học cơ sở cho thanh niên. Mở rộng chính sách tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay để học tập trong các cơ sở đào tạo sau giáo dục phổ thông.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên học tập ở nước ngoài bằng nhiều nguồn lực khác nhau. Nhà nước dành ngân sách thỏa đáng để lựa chọn sinh viên giỏi, cán bộ trẻ có năng lực để đưa đi đào tạo ở các nước phát triển. Quản lý, giúp đỡ thanh niên học tập ở nước ngoài. Chú trọng công tác tư vấn, lựa chọn ngành học; bố trí, sử dụng có hiệu quả số thanh niên du học về nước.

3.3. Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên

- Huy động nhiều nguồn lực xã hội, đầu tư ngân sách thỏa đáng để đẩy mạnh dạy nghề, phổ cập sơ cấp nghề cho thanh niên. Hoàn thiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm; có chính sách tín dụng ưu đãi cho các cơ sở dạy nghề, đặc biệt các nghề kỹ thuật cao; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ thị trường lao động; tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay tạo việc làm, lập nghiệp; khuyến khích thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

- Xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia về định hướng nghề nghiệp, việc làm cho thanh niên. Bảo đảm cơ cấu hợp lý trong đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.



- Tập trung đào tạo hình thành nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có chất lượng cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức, tạo mũi nhọn phát triển kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung dạy nghề cho thanh niên nông thôn, bộ đội xuất ngũ, thanh niên dân tộc thiểu số. Khuyến khích đào tạo nghề tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Chú trọng giáo dục ý thức kỷ luật, kỹ năng lao động, tay nghề cho thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; đồng thời có biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ số thanh niên này.

- Tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho thanh niên, cải thiện đời sống. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, năng động. Khuyến khích thanh niên làm giàu chính đáng. Nhà nước hỗ trợ để chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh cho thanh niên nông thôn; biểu dương, tôn vinh thanh niên làm kinh tế giỏi. Phát huy thế mạnh lao động nông nghiệp để đưa đi lao động ở một số quốc gia có địa bàn phù hợp.

3.4. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật, tạo môi trường chính trị và đạo đức lành mạnh, củng cố niềm tin cho thanh niên. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo chuyển biến trong phòng, chống



tội phạm và tệ nạn xã hội (nhất là ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan), an toàn giao thông, bảo vệ môi trường sống..., góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hình thành lối sống văn hóa trong thanh niên.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hóa, văn học nghệ thuật, xuất bản, báo chí sáng tác và phổ biến nhiều công trình, tác phẩm có giá trị cao để giáo dục thế hệ trẻ. Tăng cường quản lý văn hóa, xử lý nghiêm các sai phạm, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm không lành mạnh tác động xấu đến thanh niên, nhất là qua internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Sớm hoàn thiện quy hoạch mạng lưới và từng bước xây dựng các trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, trung tâm sinh hoạt dã ngoại, nhà thiếu nhi trong toàn quốc. Sớm có chính sách để các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao, phát triển các loại hình giải trí lành mạnh cho thanh niên.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục về vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong nâng cao chất lượng dân số, hôn nhân và xây dựng gia đình hạnh phúc, biết chăm lo và nâng cao sức khỏe bản thân. Chú trọng giáo dục tiền hôn nhân, kiến thức và kinh nghiệm sống cho thanh niên. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, chăm sóc sức khỏe, phòng, chống HIV/AIDS, trong đó tập trung là đối tượng thanh niên.

- Đầu tư, đổi mới nội dung giáo dục thể chất trong nhà trường. Đẩy mạnh xã hội hóa các phong trào thể dục, thể thao quần chúng, huy động và tạo điều kiện để thanh niên luyện tập thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe.



3.5. Coi trọng hơn nữa việc trọng dụng tài năng trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực

- Tạo cơ chế, chính sách công bằng, thuận lợi để mọi tài năng trẻ đều được tham gia phát triển đất nước; bố trí cán bộ trẻ có tài năng đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng, phù hợp trong hệ thống chính trị, nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành. Tạo bước đột phá trong việc bố trí, sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ trong độ tuổi thanh niên ở tất cả các cấp, coi đây là một nội dung quan trọng về công tác cán bộ của Đảng để lựa chọn cán bộ lãnh đạo cho tương lai.

- Xác định tiêu chí và phương pháp khoa học để phát hiện, theo dõi quá trình phát triển các tài năng trẻ, nhất là số học sinh, sinh viên xuất sắc, cá nhân điển hình trong các phong trào thanh niên. Xây dựng chương trình đào tạo thích hợp để hình thành đội ngũ tài năng trẻ trên mọi lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Có chính sách sử dụng và đãi ngộ hợp lý để thu hút tài năng trẻ đang học tập, công tác, sinh sống ở nước ngoài tham gia phát triển đất nước.

3.6. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Đoàn thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thu hẹp nhanh các cơ sở đoàn yếu kém. Nâng cao sức hấp dẫn các phong trào thanh niên do Đoàn tổ chức, qua đó tạo môi trường giáo dục,



bồi dưỡng, rèn luyện, khơi dậy và phát huy tính xung kích của tuổi trẻ; xây dựng các điển hình thanh niên tiên tiến; chăm lo lợi ích chính đáng của thanh niên; phát hiện, lựa chọn đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên và đào tạo cán bộ trẻ.

- Bảo đảm vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam vững mạnh; đổi mới phương thức vận động, đa dạng hóa các loại hình tập hợp để thu hút rộng rãi các đối tượng thanh niên. Tăng cường xây dựng lực lượng thanh niên nòng cốt để thành lập tổ chức cơ sở của Đoàn, Hội ở mọi lĩnh vực.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp thực sự có trình độ, năng lực, nhiệt tình, có khả năng vận động quần chúng, độ tuổi sát với tuổi thanh niên, thực sự tiêu biểu trong thanh niên. Ban hành quy chế cán bộ đoàn, xác định rõ trách nhiệm các cấp ủy đảng trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển cán bộ đoàn. Thực hiện định biên cán bộ đoàn chuyên trách khối cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp. Xây dựng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nằm trong hệ thống đại học quốc dân và trường Đoàn các khu vực thực sự trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn.

- Tạo mọi điều kiện để Đoàn huy động, tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, tích cực bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thiếu nhi, chuẩn hóa tổng phụ trách Đội, phụ trách thiếu nhi trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, nhà thiếu nhi.



- Có nội dung, phương thức vận động phù hợp để tập hợp thanh niên đang học tập, lao động ở nước ngoài, thanh niên Việt kiều; cung cấp kịp thời các thông tin về tình hình đất nước, có các hình thức hỗ trợ kịp thời, động viên thanh niên không ngừng học tập, lao động, hướng về Tổ quốc.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các tổ chức thanh niên các nước trong khu vực và thế giới, cùng phấn đấu cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tích cực hợp tác trên mọi lĩnh vực với các tổ chức thanh niên tiến bộ trên thế giới.

3.7. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội và gia đình, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác thanh niên, mỗi đoàn thể phải có chương trình cụ thể về công tác thanh niên, quy chế phối hợp hoạt động với Đoàn và các tổ chức thanh niên, chú trọng công tác nữ thanh niên; phân công cán bộ làm công tác thanh niên; vận động đoàn viên, hội viên thuộc đoàn thể mình tham gia tập hợp, giáo dục thanh thiếu nhi; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể nhân dân, các bậc lão thành cách mạng, các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, nhân sĩ, trí thức, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, doanh nghiệp và gia đình với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để chăm lo giáo dục, xây dựng ước mơ, hoài bão, bồi dưỡng và phát huy thanh niên.



- Đề cao trách nhiệm của gia đình trong giáo dục, quản lý thanh niên, xây dựng gia đình hạnh phúc, là môi trường quan trọng hình thành nhân cách, giáo dục ý thức công dân, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc cho thanh thiếu nhi. Biểu dương các gia đình nuôi dạy con tốt, phê phán các gia đình không làm tốt nghĩa vụ giáo dục, quản lý con em. Gia đình tạo điều kiện, động viên con em là thanh niên tham gia hoạt động xã hội và cống hiến cho đất nước.

3.8. Phát huy sự nỗ lực phấn đấu của mỗi thanh niên trong học tập, lao động và cuộc sống; không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt trong gia đình, tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước

- Mỗi thanh niên phải luôn rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong học tập, lao động và cuộc sống; nhận thức rõ vị trí, vai trò, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thanh niên với Tổ quốc; tích cực tham gia sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” và cho chính tương lai của thanh niên.

- Thanh niên luôn chủ động và không ngừng học tập, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn, tay nghề; cần cù, chịu khó, sáng tạo, có tác phong công nghiệp trong lao động; vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng.

- Thanh niên phải thường xuyên rèn luyện đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc; có thái độ và hành vi ứng xử cao đẹp trong tình bạn, tình yêu; yêu



thương con người, chăm lo hạnh phúc gia đình; kính trọng ông bà, cha mẹ, thầy, cô giáo và người lớn tuổi; tích cực rèn luyện, nâng cao sức khỏe, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt của gia đình; hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Thanh niên luôn xung kích, tình nguyện, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; đảm nhận những việc khó khăn, gian khổ khi Đảng, Tổ quốc và nhân dân yêu cầu.

3.9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên

- củng cố, kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam đủ mạnh và giao cho Ủy ban một số nhiệm vụ, quyền hạn để tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo lĩnh vực, địa bàn và theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ. Thành lập Hội đồng công tác thanh niên ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên. Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện mô hình này.

- Xác định chỉ số về thanh niên và công tác thanh niên trong chỉ số thống kê quốc gia, trong chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp.

- Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Đoàn, các tổ chức thanh niên đối với việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về thanh niên, công tác thanh niên.



- Thực hiện tốt Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tạo điều kiện để thiếu nhi phát triển toàn diện, trở thành những thanh niên tốt.

- Tập trung chỉ đạo để hoàn thành các mục tiêu trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010; xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2020, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể hóa các chủ trương của Đảng trong giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên phù hợp với tình hình mới. Ban hành Luật Việc làm. Sớm ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết chỗ ở, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và học sinh, sinh viên đang học tập.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cụ thể hóa nội dung, phương hướng công tác thanh niên thành các đề án và chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số văn bản pháp luật có liên quan tới thanh niên và công tác thanh niên.



4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa nội dung công tác thanh niên thành chính sách cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. củng cố, kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam; xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về công tác thanh niên ở các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động, tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết này trong đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn và các cơ quan liên quan ở Trung ương hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập nội dung Nghị quyết; tuyên truyền quá trình thực hiện Nghị quyết này.

7. Ban Dân vận Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn chủ trì, phối hợp với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 80-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013

**Về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW
của Ban Chấp hành Trung ương khóa X
về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác
thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa”**

Vừa qua, sau khi nghe Ban Chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Năm năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW đã đạt được nhiều kết quả thiết thực. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể và xã hội về thanh niên và công tác thanh niên có chuyển biến tích cực, hệ thống pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn cho thanh niên trong học tập, lao động, rèn luyện, vui chơi giải trí lành mạnh và phát triển tài năng. Đoàn Thanh niên Cộng sản



Hồ Chí Minh phát triển vững chắc, hoạt động có hiệu quả hơn, chất lượng chính trị của đoàn viên từng bước được nâng lên, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; đóng góp tích cực cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Tuy nhiên, công tác thanh niên vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thanh niên; chưa cụ thể hóa các quan điểm, giải pháp của Nghị quyết phù hợp với thực tế địa phương, đơn vị; chưa quan tâm thường xuyên, đúng mức đến công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng dư luận xã hội cho thanh niên chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách về thanh niên và công tác thanh niên thiếu đồng bộ và chậm đi vào cuộc sống. Vai trò của tổ chức đoàn ở một số nơi, nhất là trên địa bàn dân cư, còn hạn chế. Công tác tập hợp, đoàn kết thanh niên khu vực kinh tế ngoài nhà nước, trong các khu công nghiệp, đối với thanh niên Việt Nam ở nước ngoài chưa đạt yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một bộ phận thanh niên có biểu hiện sa sút về lý lượng, đạo đức, lối sống, mắc tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến công tác thanh niên. Một số nội dung, giải pháp của Nghị quyết chậm được thể chế hóa, thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ để thực hiện. Một số hoạt động của Đoàn và tổ



chức thanh niên còn hình thức, chưa thực sự phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên, chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, nhất là công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, cảm hóa thanh thiếu niên chậm tiến. Cán bộ Đoàn còn thiếu kỹ năng, đa phần ít được đào tạo, bồi dưỡng về công tác thanh vận. Một bộ phận thanh niên chưa thực sự phấn đấu vươn lên. Công tác quản lý báo chí của Đoàn, quản lý văn hóa phẩm, các sản phẩm thông tin, tuyên truyền còn bất cập và thiếu tính định hướng.

3. Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đã xác định rõ quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu xây dựng một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; góp phần vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thành công mục tiêu này, trong thời gian tới, các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và toàn hệ thống chính trị cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã đề ra; trong đó, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan đổi mới phương thức tuyên truyền để làm chuyển biến căn bản nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên,



đoàn viên đối với công tác thanh niên và công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, tư tưởng chính trị cho thanh niên.

- Ban Tổ chức Trung ương sớm ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế cán bộ đoàn, trong đó đặc biệt quan tâm đến vấn đề chuẩn hóa, trẻ hóa, tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp; luân chuyển, bố trí công tác phù hợp đối với cán bộ đoàn trưởng thành.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc thể chế hóa nội dung của Nghị quyết. Nghiên cứu sớm trình Quốc hội Luật Thanh niên (bổ sung, sửa đổi), trong đó xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về thanh niên, cơ chế phối hợp trong công tác thanh niên và vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020. Khẩn trương hoàn thành các chương trình, đề án nêu trong Nghị quyết số 45/NQ-CP, ngày 11/9/2009 của Chính phủ. Rà soát, bổ sung các chính sách về học tập, đào tạo nghề và việc làm cho thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn; quy hoạch và phát triển các khu vui chơi, giải trí lành mạnh cho thanh thiếu nhi; tạo cơ chế giao cho thanh niên đảm nhận các công trình thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh tại các vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, tư tưởng chính trị cho



thanh niên, đấu tranh với các âm mưu lôi kéo, kích động thanh niên tham gia các hoạt động sai trái. Tiếp tục đổi mới phương thức tập hợp, mở rộng mặt trận đoàn kết thanh niên. Chú trọng xây dựng mô hình tổ chức và phương thức tập hợp thanh niên thông qua các mạng viễn thông, internet, thanh niên ở địa bàn dân cư và các doanh nghiệp mọi thành phần kinh tế. Chấn chỉnh, đảm bảo hoạt động báo chí trong hệ thống của Đoàn thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích đã được xác định là kênh thông tin hữu hiệu cho việc giáo dục, tập hợp, đoàn kết thanh niên. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2013-2020”.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân tổ chức vận động toàn dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh để thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành, xứng đáng là đội xung kích cách mạng, rường cột nước nhà, là người chủ tương lai của đất nước.

4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW và Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

5. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007

**Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

I- TÌNH HÌNH PHỤ NỮ VÀ CÔNG TÁC PHỤ NỮ THỜI GIAN QUA

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Trong thời kỳ đổi mới, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong Nghị quyết Đại hội Đảng, các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng, công tác vận động phụ nữ, công tác cán bộ nữ. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện để phụ nữ phát triển và thúc đẩy bình đẳng giới.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, phong trào phụ nữ và bình đẳng giới của nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Các tầng lớp phụ nữ đã phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo trong học tập, lao động và công tác, đạt nhiều thành tích xuất sắc trên các lĩnh



vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần quan trọng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Nhận thức xã hội về bình đẳng giới được nâng lên. Phụ nữ được tôn trọng và bình đẳng hơn, địa vị của người phụ nữ trong xã hội và gia đình ngày càng được cải thiện. Bình đẳng giới của Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá là điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã có nhiều sáng tạo trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ.

Tuy vậy, trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình phụ nữ và công tác phụ nữ còn nhiều mặt hạn chế, đồng thời lại có những vấn đề mới đặt ra với nhiều thách thức.

Do trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp còn thấp, phụ nữ bị hạn chế hơn nam giới về cơ hội có việc làm và thu nhập. Trong nhiều doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp tập trung, việc làm của lao động nữ thiếu ổn định, điều kiện lao động, điều kiện sống không được bảo đảm; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động chưa được thực hiện đầy đủ. Số phụ nữ nông thôn thiếu việc làm, di cư tự phát ra thành phố ngày càng tăng. Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ phụ nữ mù chữ, nghèo còn cao, còn bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán lạc hậu. Phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn chưa được quan tâm đúng mức.

Cơ chế thị trường và quá trình công nghiệp hóa một mặt có tác động tích cực, nhưng mặt khác đã và đang làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội liên quan trực tiếp tới phụ nữ. Phụ nữ gặp



nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện vai trò người mẹ, người thầy đầu tiên của con người trong điều kiện xã hội và gia đình Việt Nam có nhiều thay đổi. Phẩm chất đạo đức và một số giá trị truyền thống tốt đẹp có phần bị mai một, lối sống thực dụng có xu hướng phát triển trong một bộ phận phụ nữ. Tình trạng nạo, phá thai trong nữ thanh niên, vị thành niên và lây nhiễm HIV/AIDS trong phụ nữ, trẻ em ngày càng tăng. Bao lực gia đình, tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, lấy chồng nước ngoài vì mục đích vụ lợi diễn biến phức tạp. Phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái vẫn còn dưới nhiều hình thức.

Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ hẫng hụt, ở một số lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nữ sụt giảm.

Công tác phụ nữ còn những mặt yếu kém. Định hướng lãnh đạo, chính sách, phương pháp công tác vận động phụ nữ còn thiếu cụ thể, sát hợp với từng đối tượng, khu vực, vùng, miền, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu mới.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền ở nhiều địa phương, đơn vị về bình đẳng giới, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế. Định kiến về giới còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội do ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo và tập tục phong kiến lạc hậu từ lâu đời.

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền thiếu quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác vận động phụ nữ, chưa chủ động nghiên cứu, dự báo và giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh liên quan tới phụ nữ. Chủ trương công tác cán bộ nữ chưa được quán triệt, thực



hiện đầy đủ trong quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt cán bộ, còn có biểu hiện “khoán trắng” công tác phụ nữ cho hội phụ nữ.

- Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác phụ nữ, cán bộ nữ chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ. Chính sách chăm lo, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, xây dựng gia đình còn nhiều bất cập.

- Hoạt động của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ chưa giải quyết tốt một số vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là những vấn đề xã hội bức xúc liên quan tới phụ nữ; việc tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ trong từng thời kỳ còn rất hạn chế. Một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, chưa chủ động vượt khó vươn lên. Trong nội bộ phụ nữ còn có tình trạng níu kéo, chưa ủng hộ nhau.

Để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng ta đặc biệt coi trọng phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên sự nỗ lực vượt bậc của toàn dân, trong đó có phụ nữ. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đổi mới công tác phụ nữ để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn, chủ động hơn, đóng góp ngày càng lớn hơn cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng, đất nước và thực hiện bình đẳng giới. Công tác phụ nữ trong thời gian tới cần quán triệt quan điểm, mục tiêu và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

1.1. Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự



nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

1.2. Công tác phụ nữ phải sát hợp với từng đối tượng, vùng, miền, phát huy được tinh thần làm chủ, tiềm năng, sức sáng tạo và khả năng đóng góp cao nhất của các tầng lớp phụ nữ, góp phần tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước; đồng thời phải chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt, quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng để phụ nữ có điều kiện thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người.

1.3. Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng.

1.4. Công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

2. Mục tiêu

Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội



và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất của khu vực.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu công tác phụ nữ trong tình hình mới nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt về hiệu quả công tác phụ nữ ở từng ngành, địa phương, đơn vị.

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Đưa nội dung giáo dục về giới, Luật bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam phấn đấu làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu và thực hiện các giải pháp cần thiết để nâng cao nhận thức cho phụ nữ về bình đẳng giới, khắc phục tư tưởng tự ti, an phận, níu kéo nhau, nêu cao tinh thần tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên để không ngừng tiến bộ, đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội.

3.2. Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ

- Triển khai thực hiện tốt Luật bình đẳng giới. Xây dựng,



sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, bảo đảm tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ, đặc biệt trong các lĩnh vực: lao động - việc làm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, doanh nghiệp, quan hệ dân sự, đất đai, môi trường, bảo hiểm xã hội, hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em.

Quốc hội, cơ quan nhà nước các cấp có cơ chế để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp chủ động tham gia vào quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, dự án phát triển của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

- Chính phủ và các ngành chức năng nghiên cứu, ban hành một số chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ. Cụ thể là:

+ Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo, bồi dưỡng, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới; chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho lao động nữ đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và phát huy được thế mạnh của phụ nữ. Có các giải pháp cụ thể để tăng nhanh tỷ lệ phụ nữ được đào tạo trung cấp nghề, cao đẳng nghề, đại học, sau đại học.

+ Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ dôi dư khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, phụ nữ nông thôn không còn đất canh tác, phụ nữ nghèo, phụ nữ tàn tật. Chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp tập trung.

+ Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa xóa mù chữ, phổ cập các cấp học giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, xóa đói, giảm nghèo, tiếp cận



thông tin và hưởng thụ văn hóa. Chính sách hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách đối với phụ nữ và lao động nữ trong các thành phần kinh tế.

3.3. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình, xã hội; đấu tranh xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống có hiệu quả tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, bạo lực gia đình; ngăn ngừa tình trạng lấy chồng nước ngoài bất hợp pháp, vì vụ lợi.

- Coi trọng công tác tư vấn, hòa giải về hôn nhân và gia đình. Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng tình làng nghĩa xóm, quan tâm, giúp đỡ các gia đình khó khăn, hoạn nạn, người cao tuổi cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa.

- Xây dựng hệ thống chính sách cơ bản nhằm phát triển gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tiêu chí “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Cần chú trọng các lĩnh vực: dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe,



phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình; cải thiện môi trường sống. Có chính sách thai sản đối với phụ nữ nghèo không có chế độ bảo hiểm xã hội; chính sách phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo; nâng cao kiến thức, kỹ năng nuôi dạy con cho các bà mẹ.

- Nghiên cứu và thực hiện việc giáo dục, xây dựng gia đình “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” và giáo dục phẩm chất, đạo đức người phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể vận động, hướng dẫn phụ nữ phấn đấu rèn luyện theo các tiêu chí: có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu.

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- *Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ:*

+ Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ của Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Đối với cán bộ nữ, đồng thời với việc xây dựng quy hoạch, phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để chủ động về nhân sự; đề bạt, bổ nhiệm cần bảo đảm tiêu chuẩn của từng chức danh, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy được thế mạnh, ưu điểm của cán bộ nữ. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm.

+ Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực, gắn với quy hoạch. Cần bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường lý luận chính trị, quản



lý hành chính nhà nước từ 30% trở lên. Thực hiện cử tuyển đào tạo cán bộ nữ trong các dân tộc thiểu số, tôn giáo và trong các lĩnh vực có tỷ lệ cán bộ nữ quá thấp. Phổ cập tin học cho cán bộ nữ các cấp.

+ Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- *Chính sách phát triển đội ngũ cán bộ nữ:*

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt các chính sách nhằm phát triển cán bộ nữ trong nghiên cứu khoa học, trong lãnh đạo, quản lý. Có chính sách cụ thể về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ; đặc biệt quan tâm cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo. Có chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ.

+ Công tác tạo nguồn cán bộ nữ cần được đặt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ nữ, lao động nữ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học. Chăm lo bồi dưỡng, phát triển tài năng là nữ.

Bồi dưỡng phát triển đảng viên nữ cân đối giữa các khu vực. Chú trọng việc bố trí, phân công công tác để đảng viên nữ có điều kiện phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ cần chủ động, tích cực tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng. Khắc phục tư



tưởng an phận, tình trạng níu kéo, không ủng hộ nhau ngay trong nội bộ cán bộ nữ.

3.5. Xây dựng, củng cố Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực sự vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ

- Các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Phân công cấp ủy viên có năng lực, phẩm chất tốt, có uy tín, trực tiếp phụ trách công tác Hội và ứng cử tham gia lãnh đạo tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ đồng cấp.

- Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng “hành chính hóa”, hướng mạnh hoạt động về cơ sở, khu dân cư, chăm lo thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho hội viên, không phô trương, hình thức, không chạy theo thành tích; phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Hội cần mở rộng tính liên hiệp, tập hợp rộng rãi các đối tượng là phụ nữ trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện; đa dạng hóa các hình thức tập hợp để phát triển hội viên trong các lĩnh vực. Có hình thức phù hợp động viên phụ nữ Việt Nam định cư ở nước ngoài đoàn kết, phát triển, hướng về Tổ quốc.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị, phương pháp vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp. Thành lập và phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu



khoa học về công tác phụ nữ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết đến đảng viên, xây dựng chương trình hành động và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ở cấp mình.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành luật pháp, chính sách cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

4. Các cấp ủy đảng hằng năm tiến hành đánh giá việc thực hiện Nghị quyết; Ban Bí thư chỉ đạo sơ kết toàn quốc vào các năm 2010, 2015 và tổng kết việc thực hiện Nghị quyết vào năm 2020.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trương Tấn Sang

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-KL/TW, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

Tại phiên họp ngày 04/12/2012, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Năm năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã đạt được những thành tựu nhất định. Nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về giới, bình đẳng giới, về phụ nữ và công tác phụ nữ được nâng lên rõ rệt, tạo sự chuyển biến tích cực. Hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện cho sự



phát triển của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực lao động sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội. Trình độ, năng lực, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng lên. Công tác gia đình ngày càng được quan tâm; điều kiện sống của các gia đình đã được cải thiện đáng kể. Đội ngũ cán bộ nữ có sự chuyển biến về chất lượng và số lượng; có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm, luôn vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao. Công tác phụ vận tiếp tục đạt nhiều kết quả, hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã tập hợp, vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức Hội có bước phát triển, tính liên hiệp và việc thực hiện chức năng đại diện, vai trò cầu nối giữa Đảng với phụ nữ có chuyển biến tốt, bộ máy tiếp tục được kiện toàn, chất lượng cán bộ được nâng lên; tỷ lệ phụ nữ tham gia tổ chức Hội, tham gia các hoạt động của Hội ngày càng tăng.

2. Tuy nhiên, công tác phụ nữ vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện lao động, học tập, sinh hoạt của nhiều phụ nữ chưa thực sự được nâng cao. Việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết chưa đồng bộ, chưa gắn với chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của các cấp ủy đảng, chính quyền; nguồn lực cho công tác phụ nữ chưa được ưu tiên, tập trung; nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết chưa đạt yêu cầu đề ra; hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới chưa được hoàn thiện, còn nhiều bất cập.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do nhiều cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cơ quan tham mưu, giúp việc chưa quyết



liệt triển khai thực hiện Nghị quyết; một số nơi chưa thực sự quan tâm đến công tác phụ nữ, còn biểu hiện coi công tác phụ nữ là trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ. Hệ thống văn bản pháp luật về bình đẳng giới, chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển còn thiếu đồng bộ, chưa theo đúng tinh thần của Nghị quyết về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ. Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ chưa thực sự làm tốt nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết. Công tác phối hợp giữa các cấp ủy đảng với các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện Nghị quyết chưa chặt chẽ. Công tác truyền thông và giáo dục về bình đẳng giới, về xây dựng gia đình chưa thường xuyên. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về công tác phụ nữ chưa được phân định rõ ràng. Một bộ phận phụ nữ chưa thực sự phấn đấu vươn lên.

3. Trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết đã đề ra, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Công tác phụ nữ là vấn đề lớn, quan trọng và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng cường truyền thông để tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và của toàn xã hội về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của phụ nữ; về chủ trương, chính



sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, về bình đẳng giới, về hôn nhân và gia đình. Thông qua truyền thông để giáo dục giá trị truyền thống của phụ nữ Việt Nam, nêu gương người tốt, việc tốt; phê phán những biểu hiện phân biệt đối xử với phụ nữ.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển; đặc biệt quan tâm đến nội dung thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định 56/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật... để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển; tiếp tục có chính sách phù hợp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số.

- Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác cán bộ nữ để các cấp ủy đảng, ban, ngành, đoàn thể, địa phương xây dựng quy hoạch cán bộ nữ. Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng,



Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cán bộ, đảng viên nữ cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng. Phát huy vai trò nòng cốt của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong công tác vận động phụ nữ, xây dựng, củng cố tổ chức Hội thật sự vững mạnh. Hội cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc phối hợp với các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, địa phương phát hiện và giải quyết các nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hôn nhân có yếu tố nước ngoài thiếu lành mạnh, xâm hại tình dục trẻ em, bất bình đẳng giới.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để tổ chức vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này của Ban Bí thư, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới

Thời gian qua, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, công tác phụ nữ đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm triển khai và đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức về vai trò, vị trí của phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới có chuyển biến tích cực. Hệ thống luật pháp, chính sách đối với phụ nữ và bình đẳng giới từng bước được hoàn thiện, có nhiều tiến bộ. Phụ nữ ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong gia đình và xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có sự đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện có hiệu quả vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện còn hạn chế, thiếu các chính sách hỗ trợ cho nhóm phụ nữ đặc thù; giáo dục gia đình chưa được quan tâm đúng mức; nhiều chỉ tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác cán bộ nữ chưa đạt; vẫn còn định kiến giới. Tổ chức bộ máy,



phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ chậm đổi mới; vẫn còn tình trạng “hành chính hóa” hoạt động, “công chức hóa” cán bộ.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, nhất là của người đứng đầu còn chưa đầy đủ; còn thiếu văn bản chỉ đạo và biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; vai trò tham mưu của Hội Liên hiệp Phụ nữ một số nơi còn hạn chế; Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở một số bộ, ngành, địa phương hoạt động chưa hiệu quả...

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, để tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X. Tuyên truyền sâu rộng trong xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của phụ nữ, về công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

2. Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện. Nghiên cứu sửa đổi Luật Bình đẳng giới, các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong thực hiện luật pháp, chính sách liên quan tới phụ nữ, bình đẳng giới, gia đình và trẻ em.

Xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, phụ nữ là người dân



tộc thiếu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ, lao động nữ di cư, chuyển đổi nghề. Khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, thành lập hợp tác xã, tổ liên kết do phụ nữ làm chủ. Tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, tiếp cận với khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước.

Đổi mới, kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới, gia đình và trẻ em, bảo đảm liên thông, tinh gọn, hiệu quả. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

3. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, tôn vinh nhằm khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân...

Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, quan tâm vấn đề dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em. Xây dựng chương trình giáo dục quốc gia về gia đình, chú trọng giáo dục sớm, giáo dục tiền hôn nhân. Phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội,



xử lý nghiêm minh các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái.

4. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt chỉ tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác cán bộ nữ; quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ trẻ, nữ dân tộc thiểu số. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển đối với một số nhóm phụ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phù hợp trong từng giai đoạn. Nghiên cứu tuổi nghỉ hưu đối với một số nhóm lao động nữ phù hợp với pháp luật về lao động và quá trình phát triển của đất nước.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, toàn diện của cấp ủy đối với tổ chức và hoạt động của hội. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bảo đảm cho các cấp hội tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; giám sát, phản biện xã hội; đảm nhiệm một số nhiệm vụ trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Định kỳ hằng năm, cấp ủy chủ trì làm việc với Hội Liên hiệp phụ nữ cùng cấp và tổ chức đối thoại trực tiếp với phụ nữ để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc và những vấn đề đặt ra trong công tác phụ nữ và tổ chức hội ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ; tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, chuyên nghiệp, đa dạng hóa hình thức tập hợp, hướng về cơ sở, gắn với các vấn đề thiết thân của phụ nữ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng,



xây dựng đội ngũ cán bộ hội có đủ phẩm chất, năng lực, sáng tạo, tâm huyết, trách nhiệm, giỏi vận động phụ nữ, tích cực tạo nguồn cán bộ nữ cho hệ thống chính trị.

6. Tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt sâu sắc và triển khai các giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ để thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị này.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em; chú ý lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng hệ thống pháp luật; tăng cường giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về phụ nữ và bình đẳng giới.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham mưu đề xuất việc bổ sung, hoàn thiện quy định về công tác cán bộ nữ tuân thủ đúng các quy định của Đảng và Nhà nước.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới; tuyên truyền việc triển khai thực hiện Chỉ thị; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo.



- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

6. Hội Cự chiến binh Việt Nam

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-NQ/TW, ngày 08 tháng 01 năm 2002

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

Đất nước ta trải qua một thời kỳ đấu tranh cách mạng và kháng chiến cứu nước lâu dài. Sau khi hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ trong hàng ngũ các lực lượng vũ trang nhân dân, hàng triệu cán bộ, chiến sĩ đã trở về quê hương; một bộ phận chuyển ngành sang công tác ở các cơ quan Đảng và Nhà nước, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội...

Trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng cần tăng cường lãnh đạo công tác vận động cựu chiến binh để tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, phát huy tiềm năng to lớn của cựu chiến binh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

I- TÌNH HÌNH CỰU CHIẾN BINH VÀ CÔNG TÁC CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự giúp đỡ của chính quyền và sự phối hợp của các ngành,



các đoàn thể quần chúng, Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã xây dựng được hệ thống tổ chức rộng khắp trong cả nước, hoạt động đạt được nhiều kết quả, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

Trong điều kiện mới, tuyệt đại đa số cựu chiến binh tiếp tục hăng hái tham gia các cuộc vận động, các phong trào cách mạng ở cơ sở, có nhiều gương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực. Tỷ lệ cựu chiến binh tham gia trong các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là ở cơ sở khá cao. Nhiều cựu chiến binh đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hội đã động viên, hướng dẫn anh chị em cựu chiến binh tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, nhất là góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở. Tổ chức và hoạt động của Hội ngày càng được mở rộng; phong trào cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, xóa đói, giảm nghèo thu được nhiều kết quả tốt; Hội tích cực tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở địa phương; tích cực đấu tranh chống những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Hội đề xuất được nhiều kiến nghị với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, góp ý bổ sung, sửa đổi nhiều chính sách liên quan đến cựu chiến binh, người có công với cách mạng; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; tham gia bước đầu có hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân.



Hội Cựu chiến binh Việt Nam xứng đáng là một đoàn thể chính trị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội và đội ngũ cựu chiến binh còn một số mặt yếu:

- Chưa thu hút được hầu hết cựu chiến binh vào Hội. Phong trào hoạt động của Hội chưa đồng đều giữa các vùng, các địa phương, nhất là chưa đi sâu vào miền núi, vùng sâu, vùng xa, vào từng đối tượng cựu chiến binh; còn chậm đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm đầy đủ, thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh.

- Đời sống vật chất và tinh thần một bộ phận cựu chiến binh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi còn nhiều khó khăn.

- Khi trở về sinh sống tại địa phương, một số cựu chiến binh ít được thông tin, học tập thường xuyên nên hiểu biết về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước còn hạn chế.

- Một số cựu chiến binh thiếu tu dưỡng rèn luyện, không giữ vững và phát huy truyền thống phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong cuộc sống mới, chưa hăng hái tham gia nhiệm vụ chính trị - xã hội; một số ít còn biểu hiện bảo thủ, trì trệ, hoặc công thân, tiêu cực. Có người còn giảm sút lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, suy thoái về đạo đức, thậm chí tham gia vào một số vụ gây rối trật tự xã hội.

II- QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CỰU CHIẾN BINH

1. Cựu chiến binh Việt Nam xuất thân từ các tầng lớp xã hội trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mà phần lớn là từ



các giai cấp lao động, đã chiến đấu, trưởng thành trong các lực lượng vũ trang nhân dân do Đảng thành lập, tổ chức và lãnh đạo, được rèn luyện qua các cuộc kháng chiến oanh liệt, có những cống hiến rất to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là lực lượng cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng; có kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng và xây dựng đất nước; phần lớn còn sức lao động. Đảng, Nhà nước, toàn xã hội cần tạo điều kiện, bồi dưỡng và vận động để cựu chiến binh tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, gương mẫu đóng góp vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Công tác cựu chiến binh là một trong những công tác vận động quần chúng quan trọng của Đảng, là trách nhiệm của hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, của toàn xã hội, trong đó Hội Cựu chiến binh là nòng cốt, nhằm tập hợp, đoàn kết, phát huy sức sáng tạo của cựu chiến binh đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Đảng, Nhà nước, xã hội động viên cựu chiến binh phát huy tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết, tương thân, tương ái để giúp nhau cải thiện và nâng cao đời sống; đồng thời, quan tâm chăm lo đến đời sống và các quyền lợi hợp pháp của cựu chiến binh.

4. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Hội.



III- NHIỆM VỤ

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã nêu rõ “Đối với cựu chiến binh, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ”. Trong giai đoạn mới của cách mạng, công tác vận động cựu chiến binh cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Bồi dưỡng cựu chiến binh tiếp tục rèn luyện phấn đấu nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm, tư tưởng sai trái, ngăn ngừa và khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, công thần.

2. Động viên cựu chiến binh tích cực học tập, phát huy tiềm năng, kinh nghiệm của mình cùng các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng, an ninh.

3. Giúp đỡ thiết thực, cụ thể phong trào cựu chiến binh đoàn kết, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa trong hội viên cựu chiến binh.

4. Động viên cựu chiến binh phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” và bằng sự gương mẫu của mình giáo dục



con cháu xây dựng gia đình văn hóa mới, góp phần tích cực vào việc giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

5. Tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần vào việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Cựu chiến binh:

- Tham mưu giúp cấp ủy đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên thực hiện tốt 5 nhiệm vụ nêu trên.

- Các cấp hội cần chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và hình thức tập hợp, sinh hoạt hội viên; coi trọng sinh hoạt tư tưởng văn hóa, dân chủ, gắn bó tình đồng đội; đi sâu vào từng đối tượng, từng thế hệ, từng lứa tuổi cựu chiến binh, các vùng, miền khác nhau, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chính.

- Đối với anh chị em hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về, Hội Cựu chiến binh các cấp phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan quân sự địa phương, các ngành chức năng cùng cấp, bằng các hình thức thích hợp, tập hợp, bồi dưỡng, động viên anh chị em phát huy vai trò tích cực và tiềm năng của cựu quân nhân trong các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

2. Các cấp ủy và tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những việc sau:

- Thường xuyên chỉ đạo, phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước cho Hội Cựu



chiến binh, lãnh đạo công tác vận động cựu chiến binh tích cực thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về chính trị, tư tưởng, tổ chức và định hướng hoạt động của các cấp hội, nhất là cấp cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi để các cấp hội góp ý kiến xây dựng các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể nhân dân các cấp xây dựng mối quan hệ và phối hợp hoạt động với Hội Cựu chiến binh trong các nhiệm vụ liên quan, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành và thực hiện các chế độ, chính sách cần thiết cho hoạt động của Hội theo chính sách chung của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội.

- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp cùng Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các ban, ngành có liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này và hàng năm báo cáo kết quả với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ đảng và chi hội cựu chiến binh.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 66-KL/TW, ngày 04 tháng 3 năm 2010

**Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW
của Bộ Chính trị khóa IX về tăng cường
sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh
Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới**

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Sau khi có Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, các cấp ủy đảng đã có nhiều biện pháp tích cực lãnh đạo, triển khai thực hiện, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức và trách



nhiệm của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác cựu chiến binh.

Quan triệt các quan điểm của Đảng nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam ngày 18/10/2005; Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cựu chiến binh; ban hành chính sách đối với quân nhân tham gia chống Pháp, chống Mỹ chưa được hưởng chế độ, tạo điều kiện pháp lý cho hoạt động của Hội Cựu chiến binh, kịp thời động viên, phát huy được vai trò của cựu chiến binh trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã có bước phát triển vững chắc, hoạt động có hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở; hoạt động tình nghĩa, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và các tệ nạn xã hội; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; vận động, tập hợp, phát huy vai trò tích cực của cựu quân nhân ở cơ sở; tham gia công tác đối ngoại nhân dân...

Hội Cựu chiến binh Việt Nam tiếp tục khẳng định là một đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả, được cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân tin tưởng, ghi nhận và đánh giá cao; nhất là việc tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở và hòa giải trong nhân dân.

Tuy nhiên, trong thực hiện Nghị quyết còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục, đó là:



- Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, một số ít cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về cựu chiến binh và công tác cựu chiến binh, chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên việc triển khai thực hiện Nghị quyết nên kết quả còn hạn chế.

Sự phối hợp của một số cơ quan chức năng trong hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh chưa chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, có mặt chưa phù hợp với thực tiễn; một số nơi triển khai chậm, chưa thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh.

- Hội Cựu chiến binh một số nơi quán triệt chưa sâu sắc chức năng, nhiệm vụ của hội nên thiếu tích cực, chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy đảng, phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể. Tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh chưa được rộng khắp trong các cơ quan, doanh nghiệp, chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; còn một số ít cựu chiến binh thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không giữ vững và phát huy được bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận này của Ban Bí thư (khóa X), tạo sự thống nhất về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các



đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên đối với công tác cựu chiến binh và hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam; thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết đã nêu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của cựu chiến binh trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... góp phần bảo đảm sự đồng thuận xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

3. Các cấp ủy đảng chỉ đạo hội cựu chiến binh cùng cấp chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp công tác với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp, liên kết, liên tịch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hội; xác định rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả.

4. Kết hợp chặt chẽ việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, động viên cựu chiến binh nỗ lực rèn luyện, phấn đấu, giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới.

5. Chăm lo xây dựng tổ chức Hội Cựu chiến binh trong sạch, vững mạnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động. Chú trọng tới các cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,



các đơn vị sự nghiệp và các loại hình doanh nghiệp đang còn lúng túng trong tổ chức và hoạt động. Tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và nhân dân.

6. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ mới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, Ban cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ban, ngành, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh căn cứ nội dung Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng để triển khai tổ chức thực hiện.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành chức năng tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cựu chiến binh để bổ sung, điều chỉnh chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh thực sự đi vào cuộc sống.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn cụ thể về tổ chức, biên chế ở các cấp hội cho phù hợp; cơ cấu nhân sự tham gia cấp ủy cơ sở; tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ; chế độ tiền lương, phụ cấp của cán bộ quân đội đã nghỉ hưu tham gia công tác hội các cấp cho phù hợp với đặc thù của Hội Cựu chiến binh và Luật Cán bộ, công chức.



4. Hội Cựu chiến binh chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động cựu chiến binh tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) và nội dung Kết luận này của Ban Bí thư (khóa X), xây dựng thành chương trình, kế hoạch hoạt động ở từng cấp.

Hội Cựu chiến binh chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền để tập hợp những người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương, đơn vị sinh hoạt trong các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở. Chính quyền địa phương, đơn vị tạo điều kiện thuận lợi để các câu lạc bộ cựu quân nhân ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận, hằng năm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; định kỳ 3 năm tiến hành sơ kết và sau 5 năm tổ chức tổng kết trên phạm vi toàn quốc.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

7. Các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

** Văn bản chỉ đạo chung*

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-CT/TW, ngày 06 tháng 10 năm 1998

VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI QUẦN CHÚNG

Thực hiện Nghị quyết 8B-NQ/TW (khóa VI), ngày 27/3/1990 về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”, trong những năm gần đây, bên cạnh Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (bao gồm Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), các tổ chức hội được phát triển nhanh cả ở trung ương và địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý của Nhà nước, hầu hết các hội được thành lập và hoạt động đúng pháp luật, theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân tương ái, góp phần tích cực vào sự nghiệp ổn định và phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, trong quá trình thành lập và hoạt động của các hội còn bộc lộ một số khuyết điểm, nhược điểm:

- Một số hội tổ chức và thành lập không đúng quy định của Nhà nước, chưa có giấy phép thành lập hội đã hoạt động; tự



quyết định thành lập hội thành viên trong hội, hội ở địa phương; tự đổi tên hội; tự thay đổi phạm vi hoạt động...

- Một số hội hoạt động còn hình thức kém hiệu quả, chưa phản ánh được nguyện vọng và lợi ích của tập thể hội viên. Có hội được thành lập nhưng không hoạt động. Một số hội còn nặng về xin biên chế, nhà cửa, trợ cấp của ngân sách nhà nước để hoạt động; không đi vào tổ chức, tuyên truyền giáo dục hội viên mà nặng về phát huy thanh thế, hành chính hóa, v.v..

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm, nhược điểm trên, song chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, trước hết do các cấp ủy đảng và đảng đoàn ở một số hội chưa quan tâm lãnh đạo, định hướng về tổ chức và hoạt động của hội, chưa quan tâm đúng mức việc giới thiệu cán bộ có phẩm chất và năng lực giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và các hội chưa phối hợp chặt chẽ để vận động các đối tượng quần chúng tham gia vào hoạt động vì lợi ích chung.

Nhà nước chậm ban hành và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội; công tác quản lý về mặt nhà nước còn bị buông lỏng.

Để khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm trên đây, tạo điều kiện cho hội tổ chức và hoạt động đúng pháp luật và có hiệu quả, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các tổ chức đảng và cấp ủy đảng cần thực hiện một số việc sau:

1. Hoạt động của hội phải xuất phát từ nguyện vọng, nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của hội viên, đoàn kết tập hợp hội viên, phát triển nghề nghiệp; bảo đảm lợi ích chính đáng của hội viên, của hội, góp phần thực hiện tốt chủ



trương, chính sách, pháp luật Nhà nước về lĩnh vực, ngành nghề mà hội hoạt động.

2. Việc lập hội và hoạt động phải theo đúng quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục và thẩm quyền cho phép lập hội do Thủ tướng Chính phủ quy định. Điều lệ của hội phải được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận; hội không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến cơ sở; không kết nạp người nước ngoài vào hội; coi trọng hoạt động các hội ở cơ sở.

Hoạt động của hội theo nguyên tắc chung là: tự nguyện của công dân Việt Nam; hoạt động tự quản và tự trang trải về kinh phí; tuân thủ pháp luật.

Việc Nhà nước xét tài trợ cho hội căn cứ vào sự hoạt động và các chương trình, dự án do các hội tiến hành theo các quy định chung của Nhà nước nhằm góp phần thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích hoạt động hội vì lợi ích cộng đồng đưa lại hiệu quả thiết thực cho xã hội.

3. Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó. Cấp ủy đảng ở mỗi cấp phải chú trọng và phải có trách nhiệm tăng cường công tác lãnh đạo đối với hội ở cùng cấp, thông qua việc định hướng tổ chức và hoạt động của hội.

Đảng đoàn các liên hiệp hội và các hội chỉ đạo các thành viên và hội viên của mình chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở các cấp có trách nhiệm quản lý các hội theo luật định; tạo điều kiện bảo đảm cho hội hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật và có hiệu quả thiết thực; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của hội, xử lý những



trường hợp vi phạm hoặc làm sai điều lệ hội đã được Nhà nước công nhận.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các hội quần chúng, nhất là ở cơ sở, nhằm thực hiện tốt công tác vận động các đối tượng quần chúng trong tình hình mới.

5. Ban Đối ngoại Trung ương hướng dẫn các cấp ủy và các tổ chức đảng (đã thành lập) về quy chế quản lý đối ngoại các hội và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó.

6. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc dự thảo luật về hội trình Quốc hội thông qua, thay thế Sắc lệnh ban hành Luật lập hội năm 1957. Trước mắt cần ban hành văn bản pháp quy, quy định về tổ chức, hoạt động về quản lý hội thống nhất trong phạm vi cả nước.

7. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành cần tiến hành tổng kết, đánh giá đúng thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động các hội từ trung ương đến địa phương; khẳng định những kinh nghiệm tốt, những mặt còn yếu kém. Trên cơ sở đó, đề ra các biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các hội.

Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; các ban của Đảng, các đảng đoàn có liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phạm Thế Duyệt

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 17-CT/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2012

Về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 06/10/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII “Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng” đã đạt nhiều kết quả tích cực. Sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng được tăng cường; công tác quản lý nhà nước, hệ thống văn bản pháp luật về hội tiếp tục được hoàn thiện. Các hội quần chúng phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động, từng bước gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đất nước; góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng còn nhiều hạn chế. Công tác theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc



thực hiện Chỉ thị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác quản lý nhà nước, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hội chưa theo kịp sự phát triển của hội quần chúng. Một số hội quần chúng hoạt động còn hình thức, kém hiệu quả; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới, chưa thực sự gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước; tính tự nguyện, tự quản lý, tự trang trải kinh phí chưa được quán triệt và thực hiện đầy đủ; hoạt động của nhiều hội chưa đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của hội viên.

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trên chủ yếu do các cấp ủy đảng và đảng đoàn ở một số hội chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; vai trò của đảng viên là hội viên chưa được phát huy tốt. Công tác quản lý nhà nước ở một số nơi còn bị buông lỏng; trình độ quản lý của nhiều cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Tính chủ động vươn lên của một số hội chưa cao, còn nặng tư tưởng bao cấp, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; sự phối hợp hoạt động chưa chặt chẽ.

Để tạo điều kiện cho các hội quần chúng tổ chức và hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng được nguyện vọng ngày càng đa dạng, phong phú của nhân dân, đồng thời để lãnh đạo, quản lý tốt hơn nữa hoạt động của các hội quần chúng trong điều kiện đất nước ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế; Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội quần chúng cần thực hiện tốt những nội dung sau:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên phải nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm đối với tổ chức và hoạt động của



các hội quần chúng. Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó. Cấp ủy đảng ở mỗi cấp phải thường xuyên đổi mới, tăng cường lãnh đạo đối với hội thông qua việc định hướng chính trị về tổ chức và hoạt động của hội. Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương, khẩn trương thành lập tổ chức đảng ở những nơi có đủ điều kiện; củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng đã có trong các hội; đảng viên là hội viên phải nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong việc vận động, tập hợp hội viên thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết để đánh giá đúng tình hình tổ chức và hoạt động của các hội từ Trung ương đến địa phương; phát hiện những kinh nghiệm tốt, những mặt còn yếu kém; đề ra biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các hội. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, đảng đoàn các liên hiệp hội và các hội tăng cường chỉ đạo các thành viên và hội viên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của hội.

2. Hội lập ra phải xuất phát từ nhu cầu chính đáng của quần chúng nhân dân, theo đúng quy định của pháp luật; không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Hoạt động của hội theo nguyên tắc chung là: tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí, tuân thủ pháp luật và điều lệ hội. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hội căn cứ



vào hoạt động và việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao.

Các hội phải thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ; đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đa dạng hóa các loại hình về hội, hoạt động của hội phải thực sự đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của hội viên; đoàn kết, tập hợp hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức hội, hội viên và cộng đồng. Khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và hoạt động của các hội hiện nay.

Các hội cần làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, góp phần làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đất nước và con người Việt Nam; xây dựng và tăng cường tình hữu nghị, hợp tác của nhân dân các nước với nhân dân ta. Chú trọng xây dựng và củng cố các hội đoàn của người Việt Nam ở nước ngoài và công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tích cực tham gia đóng góp xây dựng quê hương và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật về hội phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hội, tạo điều kiện cho hội thành lập, hoạt động và phát triển đúng quy định của pháp luật. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xác định hội có tính chất chính trị - xã hội, hội có tính chất chính trị - xã hội - nghề nghiệp, hội đặc thù, trình Ban Bí thư cho ý kiến trước khi Chính phủ ban hành.



4. Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan chuyên trách quản lý hội để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ quan nhà nước các cấp có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các hội, đồng thời tạo điều kiện để các hội hoạt động đúng pháp luật và có hiệu quả thiết thực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của hội, kịp thời xử lý vi phạm.

5. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các hội quần chúng nhằm thực hiện tốt công tác vận động quần chúng trong tình hình mới để xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần làm tốt vai trò chủ trì phối hợp giữa các tổ chức thành viên và các hội quần chúng thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6. Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Bộ Chính trị ban hành quy định thành lập tổ chức đảng trong hội quần chúng, trách nhiệm của đảng viên làm nòng cốt trong các hội quần chúng.

7. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Ban Bí thư xem xét xác định trách nhiệm của các ban đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo dõi, nắm tình hình các hội quần chúng có phạm vi hoạt động trong cả nước.

Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình chung của các hội quần chúng và tham mưu cho



Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan; chủ trì phối hợp với các ban đảng ở Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

** Văn bản chỉ đạo liên quan đến một số hội
được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ*

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989

Về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam

Từ ngày 01/04/1969 đến nay, Hội Người mù nước ta đã trải qua 20 năm hoạt động. Hội đã tập hợp được 6.000 hội viên ở 17 tỉnh, thành với 120 chi hội cơ sở. Hội đã có nhiều cố gắng phổ biến chữ nổi làm cho hội viên biết đọc và viết chữ nổi; ra sách báo và tổ chức các sinh hoạt văn hóa; mở các lớp dạy nghề và tổ chức nhiều cơ sở sản xuất của người mù. Hội Người mù Việt Nam là thành viên của Hiệp hội Người mù thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự bảo trợ của Nhà nước, sự giúp đỡ của các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc, những hoạt động của Hội đã tỏ rõ tinh thần nhân đạo và tính ưu việt của chế độ ta.

Tuy vậy, tổ chức của Hội vẫn còn quá hẹp, mới có 6.000 hội viên so với 55 vạn người mù cả nước; còn quá nửa số tỉnh, thành trong cả nước chưa có tổ chức Hội. Trong hoạt động, Hội Người mù còn nhiều khó khăn về cán bộ và cơ sở vật chất.

Nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Hội Người mù Việt Nam, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, các ngành, các tổ chức xã hội quan tâm giúp đỡ người mù trong đời sống hàng ngày và Hội Người mù hoạt động đạt nhiều kết quả hơn nữa. Cụ thể là:



1. Các cơ quan thông tin văn hóa cần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân chủ trương của Đảng và Nhà nước ta coi việc chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật nói chung và người mù nói riêng là một trong những vấn đề quan trọng của chính sách xã hội mà Đại hội VI của Đảng đã nêu lên; đề cao tinh thần nhân đạo và ý thức trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi người quan tâm chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật.

2. Ở các tỉnh chưa có tổ chức Hội Người mù thì cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc cần tích cực lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ làm nòng cốt xúc tiến lập Hội để đến hết năm 1990 các tỉnh, thành trong cả nước đều có tổ chức Hội.

3. Hội Người mù Việt Nam là một tổ chức xã hội được Nhà nước bảo trợ. Hội có nhiệm vụ đoàn kết và chăm sóc người mù, trước hết là giúp người biết chữ và tham gia lao động sản xuất theo khả năng. Các ngành chính quyền, trước hết là các ngành lao động - thương binh và xã hội, tài chính, kế hoạch, tổ chức, cần soát xét và bổ sung các quy định để tạo thuận lợi cho Hội Người mù trong công tác cán bộ, kinh phí và phương tiện hoạt động, lập thêm các cơ sở văn hóa và sản xuất của người mù.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành viên của Mặt trận cần động viên các tổ chức và các tầng lớp nhân dân tích cực giúp đỡ người mù trong cuộc sống, phối hợp và giúp đỡ Hội Người mù tích cực xây dựng Hội và tăng cường hoạt động của mình.

T/M BAN BÍ THƯ

Nguyễn Thanh Bình

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010

**Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW,
ngày 12/4/1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng
khóa VI về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam**

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Dân vận Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12/4/1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Sau 20 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giúp đỡ người mù, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. Tổ chức Hội Người mù Việt Nam được củng cố và phát triển, chất lượng hoạt động không ngừng tăng lên, đời sống vật chất, tinh thần của hội viên và người mù được cải thiện hơn. Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường để hội viên phấn đấu, vươn lên ổn định cuộc



sống, thực sự là mái nhà chung, là nơi thu hút, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của người mù. Bằng ý chí, nghị lực, người mù Việt Nam đã nỗ lực vươn lên, vượt qua số phận, trở thành người có ích cho xã hội, tự khẳng định mình, ngày càng hòa nhập vào cộng đồng.

Tuy nhiên, công tác giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam còn chưa đồng đều, rộng khắp. Đến nay còn 19 tỉnh và nhiều quận, huyện, thành phố, thị xã chưa thành lập Hội Người mù. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW chưa thường xuyên và chưa kịp thời. Chính sách đối với người mù và Hội Người mù chưa được thực hiện đồng bộ, một số chính sách không còn phù hợp nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi; điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội còn hạn hẹp. Công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ cho người mù tuy đã được quan tâm nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn. Hoạt động của Hội Người mù các cấp còn hạn chế, chưa chủ động, còn mặc cảm, tự ti, nhất là ở cơ sở.

2. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, Ban Bí thư yêu cầu trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12/4/1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam. Quán triệt, thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân về giúp đỡ người mù và Hội Người mù Việt Nam - một tổ chức xã hội đặc thù.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, luật pháp đối với người mù và Hội Người mù phù hợp với tình hình hiện nay. Các



cấp chính quyền nâng cao trách nhiệm trong việc chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù; thành lập tổ chức Hội Người mù ở những địa phương chưa có Hội; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở, kinh phí và chế độ phụ cấp cho cán bộ ở các cấp Hội, bảo đảm các cấp Hội hoạt động thuận lợi, hiệu quả. Tạo điều kiện để Hội Người mù được tham gia các chương trình quốc gia về giáo dục, việc làm, dạy nghề...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân hướng dẫn, vận động toàn dân tham gia giúp đỡ người mù xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên với Hội Người mù trong hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ người mù và Hội Người mù, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Hội Người mù Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, khắc phục tâm lý mặc cảm, tự ti, làm cho Hội luôn là chỗ dựa, là môi trường thuận lợi để hội viên phấn đấu. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Tăng cường đoàn kết, chủ động vươn lên, bình đẳng, hòa nhập với cộng đồng”. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức Hội Người mù các nước trong khu vực và thế giới.

Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người mù và Hội Người mù; những tấm gương vượt khó, vươn lên của người mù và hoạt động của Hội Người mù các cấp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa chăm lo, giúp đỡ người mù và Hội Người mù.



3. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2007

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập, Chỉ thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam; những năm qua, tổ chức đảng các cấp đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, động viên nhân dân tham gia học tập. Phong trào thi đua xây dựng gia đình hiếu học được đẩy mạnh, hàng nghìn trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn được xây dựng và đi vào hoạt động. Việc phát huy vai trò của các lực lượng trong xã hội tham gia khuyến học, khuyến tài, thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục ngày càng hiệu quả, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Hội Khuyến học Việt Nam đã phát triển rộng khắp trên cả nước, hoạt động đạt nhiều kết quả tốt. Đây là



những tiên đề quan trọng để thúc đẩy cuộc vận động xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ mới chưa thật sự đầy đủ; một số cấp ủy đảng chưa chỉ đạo chính quyền, đoàn thể phối hợp thực hiện; hoạt động ở một số nơi còn mang tính hình thức; phong trào phát triển không đồng đều, triển khai còn lúng túng, hiệu quả thấp; cán bộ chuyên trách chưa đáp ứng yêu cầu; việc huy động các nguồn lực của xã hội thông qua các chủ trương, biện pháp tuyên truyền, vận động thực hiện xã hội hóa để mọi người tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập còn hạn chế; cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý cho công tác này chậm được ban hành...

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về “chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập” và tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong thời gian tới, tập trung thực hiện một số nội dung cơ bản sau đây:

1. **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và nhân dân** với nhiều hình thức phong phú, thiết thực để nhận thức rõ về sự cần thiết, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập ở nước ta hiện nay; xác định xây dựng xã hội học tập



là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là một mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục của nước ta.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng xã hội học tập trong phạm vi từng địa phương, đơn vị. Trước mắt rà soát, bổ sung nội dung kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010” mà Chính phủ đã ban hành. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào khuyến học, khuyến tài, góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong giảng dạy và học tập; xây dựng gia đình hiếu học; cộng đồng, dòng họ, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị khuyến học. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; phát triển nhiều loại hình học tập đa dạng, phù hợp với điều kiện và nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân từng địa phương, đơn vị.

Chú trọng và kịp thời phát hiện, có chính sách cụ thể để bồi dưỡng nhân tài, nhất là tài năng trẻ trên các lĩnh vực.

Vận động nhân dân tích cực học tập nâng cao dân trí, nghề nghiệp, chuyên môn nhằm tăng năng lực sản xuất, chất lượng công việc, chất lượng cuộc sống. Gắn việc phát triển phong trào khuyến học, khuyến tài với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, với phong trào làm kinh tế giỏi, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm và có hình thức khen thưởng, tuyên dương, nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập ở các địa phương, đơn vị.



4. Củng cố, xây dựng Hội Khuyến học các cấp vững mạnh, làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hóa giáo dục.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình khẩn trương chỉ đạo việc xây dựng, ban hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010” của Chính phủ, nhất là các chủ trương, chính sách bảo đảm phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên, tổ chức dạy nghề ở các quận, huyện, tạo điều kiện cho hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; có biện pháp tích cực, nội dung cụ thể giúp các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, những địa phương có khó khăn trong việc triển khai xây dựng xã hội học tập. Ban hành cơ chế giao cho hội khuyến học các cấp thực hiện nhiệm vụ triển khai phong trào khuyến học, khuyến tài, nghiên cứu xây dựng mô hình xã hội học tập; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về chế độ, chính sách, tổ chức bộ máy, kinh phí hoạt động của hội khuyến học các cấp theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tăng cường các hoạt động phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.



Các cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác này.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương, ban tuyên giáo các địa phương chủ trì, phối hợp với ban dân vận cùng cấp giúp cấp ủy theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị này. Hằng năm, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư (ở địa phương báo cáo thường vụ cấp ủy đảng) về kết quả thực hiện.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trương Tấn Sang

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-KL/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2019

**Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW
của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo
của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài,
xây dựng xã hội học tập**

Vừa qua, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (Chỉ thị 11), Ban Bí thư kết luận như sau:

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 11 đã đạt được kết quả quan trọng. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đã có chuyển biến mạnh mẽ; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao; tổ chức Hội Khuyến học được củng cố và phát triển, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trong cả nước. Tuy nhiên, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập chưa phát triển theo chiều sâu; chất lượng và hiệu quả còn một số hạn chế, nhất là việc giáo dục cho người lớn.



Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 11; đồng thời quán triệt và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

Việc duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp, trước hết là người đứng đầu. Phát huy và quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Chỉ thị 11, gắn với việc đánh giá kết quả công tác hằng năm. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 11 và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

2. Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền

Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến



tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Lồng ghép một số chuyên đề về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm bồi dưỡng chính trị. Phối hợp các lực lượng xã hội, các cơ quan truyền thông để tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia tích cực hơn nữa vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; kịp thời biểu dương gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới; tuyên dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác này.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

Mỗi tổ chức cần có biện pháp phù hợp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong tổ chức để góp phần cùng với gia đình, dòng họ, thôn bản, tổ dân phố, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang... không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, coi đó là nội dung quan trọng trong cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Hội Khuyến học tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong liên kết, phối hợp, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình "Đơn vị học tập" trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, doanh nghiệp... và trong lực lượng vũ trang.



4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập; chú trọng đào tạo từ xa

Củng cố và phát triển các tổ chức Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư; phát triển tổ chức khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu... và trong lực lượng vũ trang, tạo nên phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi rộng khắp trong cả nước, gắn kết các tiêu chí công nhận mô hình học tập, công dân học tập, gia đình học tập, đơn vị học tập... với việc công nhận các mô hình văn hóa, với các danh hiệu thi đua.

Phát huy, sử dụng có hiệu quả các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở theo hướng chú trọng các hoạt động học tập; đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên; giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chú trọng phát triển đào tạo từ xa theo hướng coi trọng chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trên thế giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học; hỗ trợ cho người học có thể học từ xa, tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập suốt đời.



5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Nâng cao tỷ lệ và chất lượng xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù để mọi người, mọi lứa tuổi đều có quyền học tập suốt đời phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân, với yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước.

Nghiêm túc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh phù hợp với đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã học ngoại ngữ; cán bộ công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thì bắt buộc phải biết tiếng dân tộc. Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới chương trình, tài liệu giảng dạy, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, lao động năng động, sáng tạo trong điều kiện nền kinh tế số hiện nay. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề và kỹ năng sống cho người lao động.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập

Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập; tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh các



tập thể, cá nhân đóng góp các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các địa phương cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, đào tạo nghề, xây dựng xã hội học tập thực sự hiệu quả.

Từng bước tổ chức xây dựng mô hình “Đơn vị học tập” ở cấp quận, huyện, ở cơ quan, đơn vị; mô hình “Tỉnh học tập”, “Thành phố học tập”, “Công dân học tập” theo các tiêu chí được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành của đất nước.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO); nghiên cứu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế, các cơ quan nghiên cứu quốc tế về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập. Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới “Thành phố học tập” do UNESCO điều hành.

Mở rộng, tăng cường liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo của nước ngoài có uy tín, đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo. Khuyến khích việc học và nghiên cứu ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Vận



động đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

8. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp tổ chức thực hiện và động viên nhân dân tích cực thực hiện tốt Kết luận này.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ báo cáo tình hình và khi cần thiết đề xuất với Ban Bí thư.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010

**Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả
hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học
và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Hơn một phần tư thế kỷ hoạt động, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, được tổ chức rộng khắp trong cả nước với 125 hội thành viên, gồm 55 liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 70 hội, tổng hội ngành toàn quốc. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã thu hút được trên 80 vạn trí thức khoa học và công nghệ, chiếm khoảng 1/3 trí thức hiện có của cả nước.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam từ Trung ương đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thể hiện được tính chất chính trị - xã hội, đại diện cho lực lượng trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vai trò, vị trí và uy tín trong xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ngày càng được nâng cao.



Hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trên các mặt: tư vấn, phản biện và giám định xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bảo vệ môi trường; giáo dục và đào tạo; thông tin và phổ biến kiến thức; phát triển cộng đồng và xóa đói, giảm nghèo; động viên phong trào nhân dân tham gia hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ; tôn vinh trí thức; hợp tác trong và ngoài nước... Đặc biệt, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng, phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, đã có những đóng góp tích cực vào việc hoạch định đường lối đổi mới của Đảng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có nhiều hình thức tổ chức hoạt động để tập hợp, thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển đất nước.

Tuy nhiên, hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam còn những khuyết điểm, yếu kém: chưa tập hợp được đông đảo trí thức khoa học và công nghệ, trí thức trẻ, trí thức trong doanh nghiệp và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài; nội dung và phương thức hoạt động còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp; việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội thành viên và hội viên của các hội thành viên chưa được quan tâm đúng mức.

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Chính trị yêu cầu thực hiện một số nội dung sau:



1. Quan điểm

1.1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có hệ thống từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là tổ chức chính trị - xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có chức năng tập hợp, đoàn kết và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam trong và ngoài nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội thành viên và hội viên của các hội thành viên, góp phần đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Phát triển Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ.

1.3. Thực hành dân chủ, phát huy tinh thần yêu nước, tính sáng tạo và tính tích cực xã hội trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ là nội dung chủ yếu của quá trình đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

2. Mục tiêu

Đến năm 2020, xây dựng Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trở thành tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết và phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ; góp phần đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.



3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát triển tổ chức Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Củng cố, kiện toàn và thống nhất cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các hội thành viên; tăng cường mối liên kết liên ngành, liên vùng, phối hợp giữa Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các hội thành viên.

- Thành lập liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa có tổ chức này.

- Củng cố các tổ chức hội thành viên theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động nghề nghiệp và dịch vụ xã hội, nhận thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho hội viên của các tổ chức thành viên, đặc biệt là các hội viên trẻ. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động hội theo một chương trình thống nhất, có tính hệ thống.

- Nghiên cứu thành lập các loại hình tổ chức phù hợp theo quy định của pháp luật nhằm thu hút, động viên, khuyến khích trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt trí thức có trình độ chuyên môn cao tham gia xây dựng đất nước.

3.2. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước phù hợp với đối tượng



trí thức. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giúp trí thức khoa học và công nghệ nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc; phát huy tính sáng tạo, tinh thần hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đề xuất, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những vấn đề lớn về đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước, nhất là về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, chính sách đối với trí thức, v.v..

- Chủ động tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong quá trình xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các chương trình, dự án, đề án lớn về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội trước khi cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đi đầu trong truyền bá kiến thức khoa học và công nghệ; tổ chức phong trào nhân dân sáng tạo, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; nâng cao chất lượng các giải thưởng, hội thi sáng tạo khoa học và công nghệ; phát hiện, tôn vinh các cá nhân tiêu biểu trong hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ.

- Tăng cường các mối quan hệ giữa trí thức khoa học và công nghệ với Đảng và Nhà nước; làm tốt vai trò điều hòa, phối hợp giữa các hội thành viên.

- Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ với các bộ, ngành, doanh nghiệp và các tổ chức khác trong và ngoài nước.

- Phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ nhằm thu hút, tập hợp ngày càng đông đảo trí thức khoa học và công nghệ tham gia hoạt động hội.



3.3. Tiếp tục thể chế hóa, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khóa X) về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Nhà nước bảo đảm kinh phí và các điều kiện hoạt động cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như các tổ chức chính trị - xã hội khác; xây dựng cơ chế hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội; tham gia các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo của trí thức khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu, ban hành Luật phổ biến kiến thức, Luật hành nghề kỹ sư chuyên nghiệp...

3.4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã



hội và các tổ chức xã hội khác về vai trò, vị trí của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường sự lãnh đạo đối với hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, chính quyền các cấp bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật ở Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, nội dung và quy chế hoạt động của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đẩy mạnh xây dựng các tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

4. Tổ chức thực hiện

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời việc thể chế hóa nội dung của Chỉ thị. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có chương trình hành động tổ chức thực hiện Chỉ thị.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Ban Tổ



chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị về việc thực hiện Chỉ thị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 93-KL/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2020

**Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW,
ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục
đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động
của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước**

Sau khi nghe báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương và ý kiến của các cơ quan liên quan về kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (sau đây gọi tắt là Chỉ thị), Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Việc thực hiện Chỉ thị trong 10 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thường xuyên chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát triển hội thành viên và hội viên. Hệ thống tổ chức bộ máy từng bước được củng cố, kiện



toàn; địa bàn, phạm vi, lĩnh vực hoạt động ngày càng mở rộng. Nhiều loại hình tổ chức, hoạt động mới nhằm thu hút, động viên, khuyến khích trí thức tham gia xây dựng đất nước, như các trung tâm, câu lạc bộ, diễn đàn... đã được hình thành, đi vào hoạt động khá nền nếp. Các hoạt động thông tin và phổ biến kiến thức, nghiên cứu khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo, hợp tác trong và ngoài nước được đẩy mạnh và có hiệu quả tích cực. Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội có những đóng góp quan trọng, thiết thực vào việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam còn có những hạn chế, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết, vận động đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ. Nội dung và phương thức hoạt động trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Một số tổ chức hội, đơn vị báo chí trực thuộc vẫn còn có các hoạt động chưa đúng chức trách, nhiệm vụ, chưa thực sự tuân thủ tôn chỉ, mục đích, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chưa đem lại hiệu quả thiết thực cho xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Nhiều nội dung Chỉ thị chậm được cụ thể hóa, thể chế hóa. Công tác lãnh đạo, quản lý đối với một số tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có lúc chưa sâu sát, kịp thời, hiệu quả. Tính chủ động và chất lượng tham mưu với cấp có thẩm quyền của Liên hiệp



các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và một số hội thành viên chưa cao.

2. Để phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục hạn chế, bất cập, tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 42-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1. Hoàn thiện cơ chế, phương thức lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên, người đứng đầu. Sớm hoàn thiện, ban hành Quy chế hoạt động của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Quy chế phối hợp công tác với các đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị.

2.2. Khẩn trương thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Xác định rõ, phân loại các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao; quy định việc đặt hàng của Đảng và Nhà nước đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

2.3. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các tổ chức thành viên theo hướng tinh gọn, hiệu quả, từng bước trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo. Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sắp xếp lại các đơn vị báo chí trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, góp phần làm tốt công tác chính trị - tư tưởng cho đội ngũ trí thức, hội viên.



2.4. Đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Phát huy dân chủ, tôn trọng sự tự do sáng tạo dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các tổ chức thành viên. Chú trọng tập hợp, đoàn kết và vận động trí thức khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng đề xuất, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những vấn đề lớn về đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước, nhất là về khoa học và công nghệ, chính sách đối với trí thức. Có nhiều hình thức phù hợp để tôn vinh trí thức, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đối với đất nước.

2.5. Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa các hình thức và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tích cực tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần vận động, thu hút đông đảo trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tổ chức thực hiện

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt các nội dung của Chỉ thị số 42-CT/TW và Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc rà soát hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam để kịp thời bổ sung, sửa đổi nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.



- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng các đề án liên quan đến mô hình tổ chức, công tác cán bộ, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, cơ chế phối hợp... của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam ở Trung ương và địa phương.

- Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ động có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt Kết luận.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Nghị quyết về phát huy vai trò của trí thức trong giai đoạn mới; chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW và Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 08 tháng 6 năm 2010

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 07/9/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) “Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam”, nhận thức và chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và công tác nhân đạo có chuyển biến tích cực; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo được tăng cường, sự tham gia của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong các hoạt động nhân đạo có bước phát triển; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với vai trò nòng cốt, cầu nối trong các hoạt động nhân đạo được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân tiến hành góp phần thực hiện các chính sách xã hội, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, động viên các tầng lớp nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế chăm lo cho người nghèo, nhân dân các vùng bị thiên tai, thảm họa, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam, người khuyết tật, người già cô đơn và những người khó khăn khác trong xã hội.



Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên về công tác nhân đạo và vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam chưa đầy đủ; quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo và Hội Chữ thập đỏ có những mặt hạn chế; chất lượng tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ ở một số địa phương còn yếu, sự phối hợp của các tổ chức, đoàn thể trong hoạt động nhân đạo có mặt chưa đồng bộ và thiếu thống nhất.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công tác nhân đạo trong tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Công tác nhân đạo là bộ phận quan trọng trong công tác dân vận của Đảng, là nhiệm vụ của mỗi cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị, góp phần giáo dục, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động nhân đạo.

Các cấp ủy đảng chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, nhất là ở cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao; bố trí, điều chuyển cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có năng lực vận động quần chúng làm công tác chữ thập đỏ; thực



hiện chính sách đối với cán bộ Hội Chữ thập đỏ trong chính sách chung đối với cán bộ các đoàn thể nhân dân; bồi dưỡng cán bộ Hội để tạo nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý cho Đảng, chính quyền ở các cấp.

Các cấp ủy đảng xác định nhiệm vụ công tác nhân đạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong các hoạt động nhân đạo. Ban Dân vận cấp ủy đảng các cấp là đầu mối tham mưu cho cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội.

Nhà nước tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật về hoạt động nhân đạo; thống nhất quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; quan tâm, tạo điều kiện về kinh phí, biên chế, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cho các cấp Hội; ban hành thống nhất chính sách phụ cấp đối với cán bộ Hội cấp cơ sở. Chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện tốt Luật hoạt động chữ thập đỏ, tạo điều kiện để Hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong Luật; phát huy vai trò của Hội Chữ thập đỏ tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách xã hội, tham gia xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, tổ chức các hoạt động kinh tế, dịch vụ vì mục tiêu nhân đạo; tạo điều kiện cho Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tham gia thực hiện tốt các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, vì hòa bình, hữu nghị và phát triển. Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp chính quyền tương ứng trong công tác quản lý nhà nước về Hội.



Các cơ quan thông tin đại chúng tích cực tuyên truyền, cổ vũ cho các hoạt động nhân đạo và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

2. Củng cố và phát triển tổ chức; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Chữ thập đỏ các cấp

Thường xuyên củng cố, phát triển tổ chức Hội, nhất là ở cơ sở (trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, cơ quan dân chính đảng, lực lượng vũ trang, các tổ chức tôn giáo, v.v.); phát triển lực lượng tình nguyện viên và cộng tác viên Chữ thập đỏ hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan chuyên trách các cấp của Hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội Chữ thập đỏ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác nhân đạo trong tình hình mới; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Hội Chữ thập đỏ các cấp, nâng cao tính chuyên nghiệp của cán bộ Hội trong các hoạt động nhân đạo.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, gắn bó với đối tượng, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, theo hướng phát triển bền vững, chủ động thực hiện 7 hoạt động chữ thập đỏ được quy định trong Luật hoạt động chữ thập đỏ, tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác; ứng dụng công nghệ thông tin trong vận động nguồn lực cho hoạt động nhân đạo; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo, đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”.

Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động với Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế,



các hội quốc gia và các tổ chức quốc tế khác trong các hoạt động nhân đạo.

Các cấp Hội Chữ thập đỏ có trách nhiệm tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền những chủ trương, biện pháp về công tác nhân đạo; chủ trì tham mưu xây dựng quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức liên quan khác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong công tác nhân đạo.

3. Tổ chức thực hiện

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành liên quan, Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam có chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2015

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam

Qua 5 năm thực hiện Thông báo kết luận số 292-TB/TW của Ban Bí thư khóa X, công tác giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ tiến hành trong chiến tranh ở Việt Nam và chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam đã đạt được kết quả quan trọng. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp đã quan tâm, có chủ trương, biện pháp, hành động thiết thực, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, đơn vị; tích cực triển khai chủ trương xã hội hóa công tác chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam. Phong trào “Hành động vì nạn nhân chất độc da cam” được nhân dân đồng tình hưởng ứng, thu hút sự quan tâm của người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và quy định về chế độ, chính sách được ban hành kịp thời, tương đối đồng bộ, tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện. Tổ chức Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin



hoạt động có hiệu quả hơn, góp phần quan trọng trong việc chăm sóc, giúp đỡ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ, thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về khắc phục hậu quả chất độc hóa học, nên kết quả còn hạn chế. Hệ thống văn bản quy định trong lĩnh vực này còn vướng mắc, khó thực hiện. Nhiều địa phương, đơn vị để xảy ra tiêu cực trong thực hiện chính sách đối với người tham gia kháng chiến, nạn nhân chất độc da cam, gây bức xúc trong nhân dân. Vai trò của Hội Nạn nhân chất độc da cam các cấp chưa được phát huy đầy đủ. Công tác chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, ngành chức năng và địa phương chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

Để tăng cường công tác khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, giúp nạn nhân chất độc da cam từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, Ban Bí thư Trung ương yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam

Công tác khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đối với môi trường và sức khỏe con người là vấn đề vừa cấp bách vừa lâu dài, là trách nhiệm của mỗi cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ đảng viên và tổ chức trong hệ thống chính trị. Cần xác định nhiệm vụ



xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường trong khu vực còn tồn đọng chất độc hóa học và chương trình chăm sóc, giúp đỡ người dân vùng phơi nhiễm chất độc da cam vào chương trình an sinh xã hội và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tập trung giải quyết dứt điểm từng vấn đề; trong đó phải coi trọng việc thực hiện chính sách đối với nạn nhân chất độc da cam, không để xảy ra tiêu cực khi thực hiện chính sách này.

Các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, thực hiện đầy đủ chính sách đối với nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và công tác chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách, chế độ đối với người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con, cháu của họ; chế độ trợ cấp cho người bị nhiễm chất độc hóa học trong và sau chiến tranh. Bổ sung chính sách đối với nạn nhân chất độc da cam là thương binh và việc áp dụng mức tỷ lệ nhiễm chất độc hóa học. Quy định tiêu chí xác định nạn nhân chất độc da cam/dioxin và tiêu chí xác định bệnh/tật do chất độc da cam/dioxin; quy trình xem xét, giám định nạn nhân chất độc da cam/dioxin...

Các bộ, ngành, địa phương quan tâm tạo điều kiện để Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin nâng cao chất lượng hoạt động. Có chính sách phù hợp đối với người làm việc tại Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.



Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chức năng xây dựng kế hoạch thực hiện, tăng cường phối hợp thực hiện tốt Quyết định số 651/QĐ-TTg, ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch hành động quốc gia khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

3. Tiếp tục vận động, đấu tranh phù hợp với đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam. Các bộ, ngành liên quan và Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam phối hợp chặt chẽ, kiên trì đấu tranh đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin tại Việt Nam. Tăng cường vận động và đấu tranh với Chính phủ, Quốc hội và chính giới Mỹ về thảm họa chất độc do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, qua đó yêu cầu họ có trách nhiệm cao hơn trong việc giải quyết hậu quả này.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các nước trên thế giới hiểu rõ thảm họa chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam; tích cực hưởng ứng các phong trào, các cuộc vận động giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam và ủng hộ cuộc đấu tranh đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội đối với việc khắc phục hậu quả thảm họa da cam; vận động các tầng lớp nhân dân tham gia chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam. Cần chú ý tuyên truyền, tư vấn cho những người bị nhiễm chất độc da cam trong việc thực hiện chính sách dân số.



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ với Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ và thực hiện chế độ, chính sách đối với nạn nhân chất độc da cam.

5. Củng cố, kiện toàn tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, hướng về cơ sở, tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, giúp đỡ, gắn bó với các nạn nhân chất độc da cam, nhất là các nạn nhân ở vùng sâu, vùng xa; tạo mọi điều kiện để họ tiếp cận và thụ hưởng chế độ, chính sách của Nhà nước theo quy định.

Các cấp Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền những chủ trương, chính sách đối với nạn nhân chất độc da cam/dioxin.

6. Tổ chức thực hiện

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan và Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Việt Nam kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện chỉ thị tại các địa phương, đơn vị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả việc thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 39-CT/TW, ngày 01 tháng 11 năm 2019

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước và xã hội luôn quan tâm đến công tác người khuyết tật, đã ban hành, triển khai nhiều chủ trương, chính sách chăm lo, bảo đảm quyền và phát huy vai trò của người khuyết tật, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển bền vững. Công tác người khuyết tật đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đối với người khuyết tật được nâng cao hơn, người khuyết tật ngày càng tự tin, thuận lợi hơn hoà nhập vào đời sống xã hội. Các cơ quan nhà nước triển khai nhiều hoạt động trợ giúp người khuyết tật, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong việc chăm lo cuộc sống của người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng nhằm đáp ứng tốt hơn quyền lợi chính đáng, hợp pháp, động viên để người khuyết tật phát huy năng lực, vươn lên hoà nhập, đóng góp cho xã hội. Việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp người khuyết tật đã huy động được sự tham gia của nhiều



cơ quan, tổ chức và đông đảo các tầng lớp nhân dân, trong đó có các tổ chức tôn giáo, nhân đạo, từ thiện. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có nhiều hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện để các tổ chức người khuyết tật đẩy mạnh hoạt động chăm sóc, trợ giúp người khuyết tật.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ, thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật. Đời sống của một bộ phận không nhỏ người khuyết tật còn nhiều khó khăn, nhất là người khuyết tật đặc biệt nặng. Vẫn còn người khuyết tật chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách trợ giúp của Nhà nước về y tế, giáo dục, dạy nghề, việc làm, tín dụng... Mức trợ cấp xã hội cho người khuyết tật chậm được điều chỉnh. Số người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội còn ít, cơ sở vật chất thiếu thốn. Một bộ phận cán bộ và người dân nhận thức chưa đầy đủ, xem công tác người khuyết tật là hoạt động nhân đạo, từ thiện, là trách nhiệm của ngành lao động - thương binh và xã hội. Vẫn còn tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử với người khuyết tật. Một số nơi công tác tổ chức thực hiện pháp luật về người khuyết tật còn chậm, chưa toàn diện. Hiệu quả hoạt động của một số tổ chức người khuyết tật chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật chưa được quan tâm đúng mức. Một số chủ trương của Đảng liên quan đến người khuyết tật chưa được thể chế hóa kịp thời, đồng bộ, thống nhất. Công tác quản lý nhà nước, nhất là việc bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách, công



tác thống kê và quản lý người khuyết tật, công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế. Việc huy động các nguồn lực xã hội cho công tác người khuyết tật chưa được phát huy. Số lượng người khuyết tật, đặc biệt là khuyết tật vận động tăng dần trong những năm qua và tiếp tục gia tăng, tạo áp lực đối với việc bảo đảm an sinh xã hội.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác người khuyết tật, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và nhân dân trong thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp người khuyết tật

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về công tác người khuyết tật. Tích cực đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người khuyết tật bằng hình thức phù hợp. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật; hỗ trợ, tạo điều kiện phát huy năng lực của người khuyết tật và các tổ chức người khuyết tật để làm tốt vai trò đại diện, tập hợp, đoàn kết, là cầu nối giữa người khuyết tật với Đảng, Nhà nước; bảo đảm kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa phát



triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, hướng tới một xã hội không rào cản đối với người khuyết tật.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật

Tiếp tục thể chế chủ trương, quan điểm của Đảng; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội đất nước và các cam kết quốc tế, góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội và an sinh xã hội, thực hiện mục tiêu công bằng xã hội. Nâng dần mức trợ cấp xã hội phù hợp với các mức sống trong xã hội, khả năng ngân sách nhà nước; có chính sách tăng số lượng người khuyết tật tham gia mạng lưới an sinh xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật tiếp cận các chính sách giáo dục, học nghề, việc làm, tín dụng, bảo trợ xã hội, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch, đi lại.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình trợ giúp người khuyết tật; khuyến khích người khuyết tật có khả năng học tập, lao động khắc phục khó khăn, vươn lên sống độc lập, hoà nhập xã hội, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và giúp đỡ người khuyết tật khác. Xây dựng tiêu chuẩn các cơ sở hạ tầng thiết yếu phù hợp cuộc sống của người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật.



3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp người khuyết tật

Nâng cao trách nhiệm của toàn xã hội trong việc chăm lo, giúp đỡ người khuyết tật và các tổ chức của người khuyết tật; vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ cho cuộc sống người khuyết tật và hội viên các tổ chức của người khuyết tật. Có cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước đầu tư cho các mô hình phi lợi nhuận chăm sóc người khuyết tật, nhất là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, phụ nữ, trẻ em khuyết tật, người khuyết tật cao tuổi. Tạo điều kiện cho tổ chức của người khuyết tật có đủ năng lực tham gia thực hiện các dịch vụ công của Nhà nước.

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội đối với các tổ chức của người khuyết tật

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội tiếp tục nâng cao hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào chăm lo, giúp đỡ người khuyết tật; tăng cường quan hệ phối hợp trong các hoạt động trợ giúp người khuyết tật; lồng ghép các cuộc vận động, các phong trào thi đua gắn với việc chăm lo đời sống người khuyết tật ngày càng tốt hơn. Tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ phối hợp giữa các tổ chức của người khuyết tật với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau nâng cao hiệu quả hoạt động.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức của người khuyết tật

Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động



của các tổ chức của người khuyết tật theo phương châm “Tăng cường đoàn kết, chủ động vươn lên, bình đẳng, hoà nhập với cộng đồng”. Đề cao trách nhiệm và sự chủ động của các tổ chức của người khuyết tật trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, các phong trào, các cuộc vận động trong người khuyết tật. Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền để nhân rộng trong cả nước những tấm gương tiêu biểu vượt khó vươn lên của người khuyết tật, những cách làm hay trong hoạt động của các tổ chức của người khuyết tật.

6. Tổ chức thực hiện

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới

1. Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 18/3/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, Hội Nhà báo Việt Nam không ngừng được củng cố và phát triển, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Hội đã thường xuyên tổ chức, động viên, khích lệ đội ngũ những người làm báo tích cực tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những thành tựu của đất nước; đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đặc biệt, báo chí đã tham gia hiệu quả bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Hội đã tích cực tham gia xây dựng cơ chế và chính sách báo chí, giám sát việc tuân thủ pháp luật về báo chí, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của báo chí cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam vẫn còn một số hạn chế. Chất lượng, hiệu



quả hoạt động của một số tổ chức hội còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò và vị thế của Hội. Công tác tập hợp những người làm báo còn gặp nhiều khó khăn. Một số tổ chức hội, cơ quan báo chí chưa chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Một bộ phận hội viên chưa tích cực học tập nâng cao trình độ tác nghiệp báo chí trong tình hình mới. Vẫn còn tình trạng hoạt động báo chí xa rời tôn chỉ, mục đích, thiếu tính định hướng; một số người làm báo thiếu tu dưỡng, rèn luyện, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên là do: Công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ ở một số cấp hội chưa được quan tâm đúng mức. Nội dung, phương thức hoạt động của Hội chậm đổi mới. Nhận thức về nhiệm vụ chính trị, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân và ý thức xây dựng Hội của một bộ phận hội viên còn hạn chế. Sự phối hợp hoạt động giữa một số cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan báo chí với các cấp hội chưa chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả. Cấp ủy, chính quyền một số địa phương, cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí chưa thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác báo chí cũng như hoạt động của Hội Nhà báo; chưa tạo điều kiện cần thiết để Hội hoạt động và phát triển.

2. Thời gian tới, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, tác động mạnh đến nước ta. Trong bối cảnh khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội, công tác báo chí và hoạt động của Hội Nhà báo gặp nhiều khó khăn, thách thức. Báo chí có nguy cơ bị truyền thông xã hội chi phối, lấn át, gây



ra nhiều tác hại. Các thế lực thù địch không ngừng chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền và Hội Nhà báo Việt Nam thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với báo chí theo hướng bảo đảm báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng và quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Tổ chức quán triệt, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và pháp luật liên quan đến hoạt động báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí, các cấp hội nhà báo. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng để người làm báo nhận thức sâu sắc làm báo là làm cách mạng, người làm báo là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong các cơ quan báo chí và các cấp hội nhà báo, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan chủ quản báo chí định kỳ làm việc với các cơ quan báo chí, các cấp Hội Nhà báo Việt Nam để cung cấp thông tin cần thiết đối với những vấn đề dư luận quan tâm, kịp thời định hướng tuyên truyền; phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động báo chí và hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam. Tạo điều kiện thuận



lợi để hội nhà báo các cấp hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò, vị trí của hội trong hoạt động báo chí và đời sống xã hội.

2.2. Các cấp Hội Nhà báo Việt Nam tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị cho người làm báo, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Thường xuyên tổ chức cho các nhà báo, hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với thực hiện Luật Báo chí, Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, các quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo; Quy tắc sử dụng mạng xã hội của người làm báo Việt Nam. Bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho hội viên.

Củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam thống nhất, chặt chẽ theo Điều lệ Hội. Phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động bằng nhiều hình thức, biện pháp phong phú, sáng tạo, thiết thực. Việc kết nạp và cấp thẻ hội viên Hội Nhà báo Việt Nam phải bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của Điều lệ Hội. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh người làm báo vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Lãnh đạo các cấp hội phối hợp với các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển và quản lý báo chí, đội ngũ người làm báo. Tham gia công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí, lãnh đạo các cấp hội, có cơ chế để thu hút cán bộ có kinh nghiệm, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý làm công tác hội.

Quan tâm hơn nữa việc bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hội viên, của người làm báo; có hình thức động viên,



khen thưởng xứng đáng, kịp thời đối với các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động báo chí, công tác hội, nhất là các tổ chức hội, hội viên trực tiếp hoạt động ở những lĩnh vực, địa bàn có nhiều khó khăn.

Người làm báo, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam cần nhận thức sâu sắc trách nhiệm của người làm báo, ra sức học tập, tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần cống hiến, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu góp phần xây dựng nền báo chí cách mạng Việt Nam giàu tính chiến đấu, nhân văn, chuyên nghiệp và hiện đại, vì lợi ích của đất nước và nhân dân.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về báo chí. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí; có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ làm công tác hội; làm tốt công tác bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; quan tâm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người làm báo, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan báo chí, các cấp Hội Nhà báo Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Ban Tuyên giáo Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc triển khai và thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 70-KL/TW, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Tại phiên họp ngày 14/02/2020, sau khi nghe Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết, nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng, hoàn thiện. Tổ chức bộ máy và công tác quản lý nhà nước từng bước được củng cố. Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã các cấp được thành lập từ Trung ương đến địa phương. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là những năm gần đây có bước phát triển



cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn hạn chế, bất cập. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa đáp ứng yêu cầu. Phần lớn tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm. Việc thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 còn nhiều vướng mắc. Sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã còn nhiều bất cập; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, hội quần chúng trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở các cấp địa phương.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đảng viên và người dân về bản chất, vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình hợp tác



xã kiểu cũ. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm, thậm chí còn hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể, hợp tác xã. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn chậm. Công tác quản lý nhà nước ở một số nơi còn buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng đối với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế tập thể, hợp tác xã nhiều nhưng dàn trải, phân tán, thiếu nguồn lực thực hiện. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật chưa thường xuyên. Chưa thực hiện tốt việc công khai, minh bạch, chế độ kế toán, kiểm toán. Việc tổng kết lý luận, pháp luật về hợp tác xã chưa kịp thời. Đội ngũ cán bộ của nhiều hợp tác xã còn yếu, chưa được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý kinh tế thị trường.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tập trung thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết; đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là về hợp tác xã kiểu mới. Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định rõ phát triển



kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng thường xuyên. Đưa nội dung phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vào giảng dạy trong hệ thống các trường chính trị, các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chú ý công tác tổng kết, hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và pháp luật có liên quan (đất đai, thuế, tín dụng...), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững. Có phương án xử lý dứt điểm việc nợ đọng ở các hợp tác xã, tạo điều kiện để giải thể các hợp tác xã kiểu cũ, yếu kém hoặc chuyển sang hình thức kinh tế khác. Cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của đất nước. Chú trọng nâng cao năng lực, trình độ cán bộ hợp tác xã và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Có cơ chế để các hợp tác xã đủ năng lực, điều kiện được tham gia thực hiện một số nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình đầu tư công. Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên toàn quốc.

3. Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng ngành kế hoạch và đầu tư thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế tập thể từ Trung ương đến địa phương. Kiện toàn tổ



chức ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Trung ương và địa phương để thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp, điều hành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiên tiến, thành công, hiệu quả. Quan tâm, phát triển các tổ chức, cơ sở đảng, đoàn thể trong tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, tiếp tục thành lập, phát triển thêm các hợp tác xã, tổ hợp tác, coi trọng mở rộng quy mô thành viên, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, gắn với phát huy vai trò làm chủ, lợi ích của các thành viên, khả năng huy động, tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; nâng cao vai trò chủ thể của các thành viên tham gia. Thực hiện tốt chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại các hợp tác xã.

5. Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm của hệ thống liên minh hợp tác xã các cấp với vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, dịch vụ công và một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, bộ, ngành, địa phương giao, ủy thác (kiểm toán, đào tạo, tín dụng, xúc tiến thương mại, công nghệ...) theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cán bộ trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.



6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong việc thực hiện Nghị quyết, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, chính quyền tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Kết luận này. Nội dung, yêu cầu phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phải được thể hiện trong nghị quyết đại hội đảng các cấp và chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã, đặc biệt là Luật Hợp tác xã trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương, địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và Kết luận này một cách đồng bộ, có hiệu quả. Rà soát, xây dựng các văn bản dưới luật, chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Kiện toàn và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã. Nghiên cứu tiêu chí làm cơ sở giao biên chế, xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ làm việc tại hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.



Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết và 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã, trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xem xét, ban hành Nghị quyết Trung ương mới về đổi mới, phát triển kinh tế tập thể.

4. Ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện. Đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; phổ biến, nhân rộng kịp thời các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiên tiến, hiệu quả.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, giám sát các cá nhân, tổ chức tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân về bản chất, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong xây dựng, phát triển đất nước; tăng cường các bài viết tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các mô hình, điển hình kinh tế tập thể, hợp tác xã thành công, hiệu quả.



7. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Nghị quyết và Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vượng

IV. CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X
Số 27-NQ/TW, ngày 06 tháng 8 năm 2008

**Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ
đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển.

Mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đòi hỏi phải lựa chọn con đường phát triển rút ngắn, phát huy đến mức cao nhất mọi nguồn lực, tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội.



Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, nhất là từ công nhân và nông dân; phần lớn trưởng thành trong xã hội mới, được hình thành từ nhiều nguồn đào tạo ở trong và ngoài nước, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau, trong đó có bộ phận trí thức người Việt Nam ở nước ngoài. Đội ngũ trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, luôn gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bằng hoạt động sáng tạo, trí thức nước ta đã có đóng góp to lớn trên tất cả các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trí thức nước ta còn nhiều mặt hạn chế cần sớm được khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

I- THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC
TỪ ĐỔI MỚI (NĂM 1986) ĐẾN NAY

1. Sự phát triển và đóng góp của đội ngũ trí thức

Cùng với sự phát triển của đất nước, đội ngũ trí thức đã tăng nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng; góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng



nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới.

Bộ phận trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý đã phát huy tốt vai trò và khả năng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, trình độ quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh là lực lượng nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nhiều trí thức trẻ thể hiện tính năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đa số trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc; nhiều người đã về nước làm việc, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

2. Công tác xây dựng đội ngũ trí thức

Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để đội ngũ trí thức phát triển nhanh về số lượng và nâng lên về chất lượng, phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, đặc biệt là các nghị quyết chuyên đề về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... để tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức.

Nhà nước đã thực hiện các chính sách xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo, nghiên cứu; đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo,



khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ; các chính sách sử dụng và tạo môi trường phát huy vai trò của trí thức; chính sách đãi ngộ, tôn vinh trí thức, lập các giải thưởng quốc gia, phong tặng các chức danh khoa học và các danh hiệu cao quý; thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài...

Nhìn chung, công tác trí thức của Đảng và Nhà nước trong những năm qua đã thể hiện coi trọng vị trí, vai trò của trí thức, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức và các hội của trí thức hoạt động, phát triển.

3. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém.

Số lượng và chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển đất nước. Cơ cấu đội ngũ trí thức có những mặt bất hợp lý về ngành nghề, độ tuổi, giới tính... Trí thức tinh hoa và hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hẫng hụt; chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu khoa học chưa xuất phát và gắn bó mật thiết với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Trong khoa học tự nhiên và công nghệ, số công trình được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới, số sáng chế được đăng ký quốc tế còn quá ít. Trong khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu lý luận còn thiếu khả năng dự báo và định hướng, chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đổi mới đặt ra, chưa có những công trình sáng tạo lớn, nhiều công trình còn sơ



lược, sao chép. Trong văn hóa, văn nghệ còn ít tác phẩm có giá trị xứng tầm với những thành tựu về vang của đất nước, sự sáng tạo và hy sinh lớn lao của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế.

Trình độ của trí thức ở nhiều cơ quan nghiên cứu, trường đại học tụt hậu so với yêu cầu phát triển đất nước và so với một số nước tiên tiến trong khu vực, nhất là về năng lực sáng tạo, khả năng thực hành và ứng dụng, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin.

Một bộ phận trí thức, kể cả người có trình độ học vấn cao, còn thiếu tự tin, e ngại, sợ bị quy kết về quan điểm, né tránh những vấn đề có liên quan đến chính trị. Một số giảm sút đạo đức nghề nghiệp, thiếu ý thức trách nhiệm và lòng tự trọng, có biểu hiện chạy theo bằng cấp, thiếu trung thực và tinh thần hợp tác. Một số trí thức không thường xuyên học hỏi, tìm tòi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, thiếu chí khí và hoài bão. Nhiều trí thức trẻ có tâm trạng thiếu phấn khởi, chạy theo lợi ích trước mắt, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên về chuyên môn.

Những hạn chế, yếu kém của đội ngũ trí thức do nhiều nguyên nhân. Nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng lạc hậu, trình độ khoa học và công nghệ còn thấp; việc áp dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa cao; thị trường khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ đang trong quá trình hình thành... Về khách quan, chưa có đầy đủ điều kiện để phát huy hết năng lực sáng tạo của trí thức. Một bộ phận trí thức, ở mức độ khác nhau còn chịu ảnh hưởng các mặt hạn chế của tư tưởng phong kiến, của nền kinh tế tiểu nông và cơ chế kế



hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài, của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn kinh tế đang chuyển đổi.

Công tác trí thức của Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Đến nay vẫn chưa có chiến lược tổng thể về đội ngũ trí thức. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chưa thể hiện quan điểm lấy khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo làm “quốc sách hàng đầu”, chưa gắn với các giải pháp phát huy vai trò đội ngũ trí thức trên nhiều lĩnh vực. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác trí thức chậm đi vào cuộc sống; có nơi, có lúc thực hiện thiếu nghiêm túc. Một số chủ trương, chính sách không sát với thực tế; có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng thiếu những chế tài đủ mạnh đảm bảo cho việc thực hiện có kết quả. Nhìn chung, các chính sách đối với trí thức còn thiếu đồng bộ, còn nặng tính hành chính và dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chậm đổi mới.

Một số cán bộ đảng và chính quyền chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của trí thức; đánh giá, sử dụng trí thức không đúng năng lực và trình độ, ngay cả với những trí thức đầu ngành, dẫn đến tâm tư nặng nề trong đội ngũ trí thức. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chỉ chú trọng đến vốn tiền, vật chất mà chưa coi trọng nguồn nhân lực có trình độ cao. Vẫn còn hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi trí thức phản biện những chủ trương, chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lý đưa ra.

Hệ thống chính sách về trí thức còn thiếu và chưa phù hợp; tổ chức các hội của trí thức ở Trung ương và địa phương chưa



đủ mạnh để tập hợp trí thức. Công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý, nhất là khâu đánh giá, sử dụng trí thức còn nhiều điểm không hợp lý, thiếu chính sách và cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; thiếu những cơ chế thích hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài.

Các chủ trương, chính sách đào tạo đội ngũ trí thức chưa đồng bộ. Hệ thống giáo dục còn lạc hậu, chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao. Thiếu chính sách đủ mạnh thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giải quyết những vấn đề của đất nước và tạo điều kiện để trí thức trong nước được giao lưu, hợp tác, làm việc ở các trung tâm khoa học và văn hóa lớn trên thế giới.

Cơ chế và chính sách tài chính hiện hành trong các hoạt động khoa học và công nghệ, văn hóa và văn nghệ còn nhiều bất cập, gây khó khăn, dẫn đến một số trường hợp trí thức phải tìm cách đối phó, làm giảm chất lượng của các công trình sáng tạo, lãng phí thời gian, công sức, tiền của, ảnh hưởng tới uy tín và danh dự của trí thức.

Những hạn chế, khuyết điểm trên là do sự yếu kém của một số cấp ủy đảng, chính quyền trong lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện công tác trí thức; sự thiếu đồng bộ của hành lang pháp lý bảo đảm môi trường dân chủ cho các hoạt động sáng tạo; những định kiến và chủ nghĩa kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ đã dẫn đến thái độ thiếu tin tưởng, thiếu dân chủ trong quan hệ với trí thức, thậm chí xem thường trí thức.



II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

A- Mục tiêu

Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Gắn bó vững chắc giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí.

Trong những năm trước mắt, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đã ban hành, xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của đội ngũ trí thức; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020.

B- Quan điểm chỉ đạo

1. Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.



2. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Trí thức có vinh dự và bổn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

1. Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức

- Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để trí thức tự khẳng định, phát triển, cống hiến và được xã hội tôn vinh. Tăng đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau cho các lĩnh vực nói trên, đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển khoa học.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả



đối với các sản phẩm sáng tạo, nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng kiến và khuyến khích đội ngũ trí thức gia tăng sự cống hiến.

- Ban hành quy định về quyền hạn, điều kiện làm việc để phát huy năng lực và trách nhiệm của trí thức đầu ngành, các nhà khoa học và công nghệ có trình độ cao, các tổng công trình sư trong điều hành chuyên môn, nghiệp vụ.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và xây dựng cơ chế hoạt động, tổ chức nhiều diễn đàn để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Phê phán và xóa bỏ sự coi nhẹ, thành kiến và quy chụp đối với những ý kiến phản biện mang tính xây dựng.

- Nhà nước đầu tư xây dựng một số khu đô thị khoa học, khu công nghệ cao, tổ hợp khoa học - sản xuất, trường đại học trọng điểm, các trung tâm văn hóa hiện đại để thúc đẩy hoạt động sáng tạo của trí thức trong và ngoài nước.

- Mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ.

2. Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức

- Đổi mới công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc tiến cử và sử dụng cán bộ là trí thức, khắc phục tình trạng hành chính hóa, thiếu công khai, minh bạch trong các khâu tuyển dụng, bố trí,



đánh giá và bổ nhiệm cán bộ quản lý. Xây dựng và thực hiện cơ chế tạo điều kiện để trí thức phát triển bằng chính phẩm chất, tài năng và những kết quả cống hiến của mình cho đất nước.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chủ trương phân cấp và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học trên cơ sở các tiêu chuẩn của Nhà nước; trong việc sử dụng kinh phí, sử dụng trí thức đầu ngành theo nhu cầu của đơn vị, nghiên cứu ban hành quy định tuổi lao động cho phù hợp.

- Rà soát các chính sách hiện có và ban hành các cơ chế, chính sách mới bảo đảm để trí thức được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với giá trị từ kết quả lao động sáng tạo của mình.

- Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách để động viên và tiếp tục sử dụng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với những trí thức có trình độ cao, năng lực và sức khỏe đã hết tuổi lao động.

- Có chính sách ưu đãi cụ thể về lương, điều kiện làm việc, sinh hoạt... đối với trí thức làm việc ở vùng kinh tế, xã hội khó khăn, trí thức là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...; đổi mới, nâng cao chất lượng xét chọn và nâng mức thưởng đối với các danh hiệu cao quý và các giải thưởng Nhà nước dành cho trí thức.

- Xây dựng chính sách thu hút, tập hợp trí thức Việt Nam ở trong và ngoài nước tích cực tham gia hiến kế, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới... Trọng dụng, tôn vinh những trí thức có đóng góp thiết thực,



hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức

- Tiến hành cải cách giáo dục từ cơ cấu hệ thống đến chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đại học; thực hiện các biện pháp gắn đào tạo với nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Thực hiện tốt kiểm định chất lượng đào tạo, tăng cường vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Gắn đào tạo đại học và sau đại học với nghiên cứu khoa học, với sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Tạo điều kiện để các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước phát triển đầu tư mở cơ sở đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam.

- Thực hiện tốt việc đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, chú trọng các chuyên ngành mà đất nước có nhu cầu bức thiết.

- Trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo đại trà, xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện có hiệu quả đào tạo tài năng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức và phát triển nhân tài cho đất nước.



- Có chính sách và kế hoạch cụ thể để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ, trí thức là những người đã có cống hiến trong hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ.

- Áp dụng chính sách định kỳ và cơ chế bảo đảm chất lượng bồi dưỡng, đào tạo lại chuyên môn cho đội ngũ trí thức; khuyến khích trí thức thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn.

4. Đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức

- Xây dựng quy chế, cơ chế thông tin giúp trí thức kịp thời nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của đất nước và địa phương.

- Tăng cường sinh hoạt tư tưởng, phát huy trách nhiệm đội ngũ trí thức trong rèn luyện, phấn đấu, bồi đắp, phát huy những phẩm chất tốt đẹp, như lòng yêu nước, tính tích cực xã hội, tính nhân văn, đạo đức, lối sống...

- Tạo cơ hội để trí thức tự nguyện đi đầu trong việc truyền bá những trí thức tiên bộ trong cộng đồng, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ đó vào sản xuất và đời sống, góp phần thiết thực nâng cao dân trí.

- Có cơ chế, chính sách huy động trí thức, đặc biệt là trí thức đầu ngành, trực tiếp chăm lo và thực hiện việc đào tạo đội ngũ kế cận.

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc về vị trí, vai trò của các hội trí thức, đặc biệt là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Liên hiệp các



Hội Văn học nghệ thuật, trong việc vận động, tập hợp, đoàn kết trí thức ở trong nước và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

- Củng cố, phát triển, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam từ Trung ương đến địa phương, tạo môi trường lành mạnh để phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ trí thức.

- Tạo điều kiện để các hội trí thức thực hiện các dịch vụ công, tham gia cấp chứng chỉ hành nghề, giám sát hoạt động nghề nghiệp, thực hiện tự chủ về tài chính.

5. Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò, vị trí quan trọng của trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xác định công tác trí thức là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

- Làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu đúng và đề cao vai trò của trí thức; để đội ngũ trí thức nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc, đoàn kết phấn đấu, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt trọng trách trong thời kỳ mới. Hình thành ý thức và tâm lý xã hội tôn trọng, tôn vinh trí thức, coi “hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”.

- Phát huy tài năng và trọng dụng những trí thức có phẩm chất tốt, có năng lực quản lý là đảng viên và không phải là đảng viên trong các cơ quan nhà nước và tổ chức sự nghiệp.



- Trong quản lý và sử dụng trí thức, các cấp ủy đảng và chính quyền nghiên cứu, thực hiện các phương thức phù hợp, không áp dụng máy móc cách quản lý hành chính để phát huy cao nhất năng lực cống hiến của trí thức.

- Những người đứng đầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm định kỳ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, đối thoại với trí thức về những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng.

- Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thể chế hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết thành các chính sách, chế độ, chế tài, quy chế cụ thể để thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân; có chương trình hành động cụ thể đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời thể chế hóa và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng đội ngũ trí thức từ nay đến năm 2020, đồng thời rà soát hệ thống luật pháp và các văn bản liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới phù hợp với Nghị quyết.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Ủy ban toàn



quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các bộ, ngành liên quan có chương trình hành động cụ thể, tổ chức thực hiện Nghị quyết nhằm xây dựng đội ngũ trí thức có chất lượng thuộc bộ, ngành của mình.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm đầu mối hướng dẫn, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ sung, điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-KL/TW, ngày 30 tháng 5 năm 2019

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Vừa qua, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương trình Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) và ý kiến các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết, đã đạt được kết quả quan trọng. Đội ngũ trí thức tăng nhanh về số lượng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Sự gắn bó giữa Đảng với trí thức ngày càng được tăng cường. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí tiếp tục được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhiều nội dung của Nghị quyết chậm được cụ thể hóa, thể chế hóa việc tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, ít đột phá. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với đội ngũ trí thức



chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển. Đội ngũ trí thức sáng tạo, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hẫng hụt. Bộ phận trí thức người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm phát huy đúng mức. Cơ chế hành chính quan liêu và tình trạng trì trệ, hình thức, hiệu quả hoạt động thấp trong các đơn vị sự nghiệp công lập, nghiên cứu khoa học, các hội trí thức chậm được khắc phục.

2. Để phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục hạn chế, bất cập, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, đồng bộ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, trước hết là người đứng đầu chịu trách nhiệm thúc đẩy xây dựng, trọng dụng đội ngũ trí thức trong địa bàn, lĩnh vực được giao.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm trọng dụng, phát huy tốt đội ngũ trí thức. Phát huy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và trách nhiệm của trí thức đối với xã hội. Tận dụng tiềm năng, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đẩy mạnh hình thành hạ tầng trí thức hỗ trợ thúc đẩy sáng tạo và truyền bá trí thức. Đổi mới công tác đánh giá, xét duyệt các chức danh khoa học và các danh hiệu tôn vinh trí thức. Tôn trọng và phát huy tính tự chủ, nâng cao hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học, chuyên gia, trí thức. Khuyến khích thúc đẩy, tạo điều kiện hoạt động nghiên cứu và triển khai công



nghệ trong khu vực doanh nghiệp; gắn đào tạo đại học và sau đại học với nghiên cứu phục vụ sản xuất kinh doanh.

2.3. Nhà nước ưu tiên cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển về hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, sáng tạo của trí thức. Tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập các quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.4. Kiện toàn, tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các liên hiệp hội, hội trí thức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường sinh hoạt tư tưởng, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của đội ngũ trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ, sinh viên. Xây dựng quy định về phát huy dân chủ, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức của các hội trí thức.

2.5. Xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030. Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học, trí thức học tập, làm việc tại các tổ chức quốc tế, cơ sở nghiên cứu khoa học, trường đại học, doanh nghiệp ở nước ngoài. Triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc



Việt Nam và các đoàn thể các cấp tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết và Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện luật pháp có liên quan để thể chế hóa Nghị quyết và Kết luận này.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030 và bảo đảm ngân sách theo quy định.

- Ban Tuyên giáo Trung ương nghiên cứu, xây dựng Quy định về phát huy dân chủ, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết và Kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

V. CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỘI NGŨ
DOANH NHÂN

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996

**Về tăng cường công tác xây dựng Đảng
và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp
tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn,
công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp
tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

Thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mấy năm gần đây, nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập và đi vào hoạt động, đóng góp tích cực vào những thành tựu chung của công cuộc đổi mới ở nước ta. Nhưng sự phát triển ấy chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khai thác và phát huy tốt tiềm năng về nguồn vốn, tài nguyên và lao động trong nước, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài. Hoạt động của không ít doanh nghiệp đã bộc lộ những yếu kém, tiêu cực như trốn thuế, lậu thuế, vi phạm hợp đồng; ở một số nơi quyền lợi và nhân phẩm của người lao động chưa được tôn trọng và bảo vệ... Sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước và hoạt động của các



đoàn thể ở các cấp đối với các doanh nghiệp này chưa được coi trọng đúng mức.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan vì đây là lĩnh vực mới, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm; nhưng chủ yếu là do các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, chưa có biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý đối với sự phát triển của khu vực kinh tế này; chậm có quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thiếu tổ chức và cán bộ chăm lo việc xây dựng Đảng và đoàn thể trong các loại doanh nghiệp nói trên.

Để bảo đảm cho các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển lành mạnh, đúng hướng, đóng góp tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm tới, các cấp ủy và tổ chức đảng cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, bổ sung, hoàn thiện luật pháp, làm tốt chức năng quản lý của cơ quan nhà nước đối với các loại doanh nghiệp nói trên.

2. Xúc tiến việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trước hết là ở những doanh nghiệp có quy mô lớn và vừa, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, rút kinh nghiệm để tiến hành ở các doanh nghiệp khác.



Các tổ chức đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động công khai, hợp pháp theo Hiến pháp, Điều lệ Đảng và điều lệ của các đoàn thể, bảo đảm hiệu quả thiết thực, tránh hình thức.

- Ở những doanh nghiệp đã có từ 3 đảng viên chính thức trở lên đang làm việc tại doanh nghiệp nhưng còn sinh hoạt đảng ở nơi khác, cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra xem xét, nếu thấy các đảng viên đó có đủ điều kiện thì chỉ đạo chuyển sinh hoạt đảng của số đảng viên đó về doanh nghiệp để lập tổ chức đảng tại doanh nghiệp.

- Ở những doanh nghiệp chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện lập tổ chức đảng, cấp ủy cấp trên trực tiếp bố trí cán bộ đảng có kinh nghiệm đến làm việc ở doanh nghiệp để cùng với các đoàn thể trong doanh nghiệp tiến hành công tác giáo dục quần chúng, phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

- Đối với những doanh nghiệp hợp tác, liên doanh với nước ngoài, ngay khi chuẩn bị dự án đầu tư, các cơ quan, đơn vị phía Việt Nam tham gia liên doanh phải nhanh chóng hình thành tổ chức đảng (chi bộ, tổ đảng) trong cơ quan, đơn vị làm công tác chuẩn bị đầu tư, liên doanh; tạo tiền đề thuận lợi để lập tổ chức đảng khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

Các cơ quan quản lý và các tổ chức làm công tác chuẩn bị đầu tư phải có kế hoạch lựa chọn, đào tạo, chuẩn bị cán bộ, đảng viên, nhân viên có đủ tiêu chuẩn để đưa vào liên doanh, trước hết là những chức vụ trong hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp, cán bộ tài chính, kế toán, tổ chức nhân sự... của doanh nghiệp. Thực sự coi trọng công tác giáo dục, quản lý, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.



- Đối với những doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, cấp ủy cấp trên trực tiếp cử cán bộ, đảng viên tiếp xúc, làm việc với chủ doanh nghiệp nước ngoài, tuyên truyền, phổ biến để họ nhận thức rõ về sự cần thiết và ý nghĩa, mục đích của việc lập tổ chức đảng, công đoàn và các đoàn thể khác tại doanh nghiệp. Trước hết, phải quan tâm xây dựng tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo luật định, từ hoạt động của công đoàn mà lựa chọn đoàn viên ưu tú để phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

3. Xây dựng các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Cấp ủy các cấp lãnh đạo ban chấp hành các đoàn thể cấp mình đi sát cơ sở, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên để lập tổ chức của các đoàn thể phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp. Ở các đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của Luật Công đoàn và Luật Lao động, phấn đấu đến hết năm 1997 có tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp lớn và vừa, tiến tới lập tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh còn lại. Từng bước lập các chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội thanh niên, chi hội phụ nữ... ở các cơ sở này.

4. Cấp ủy các cấp thường xuyên chăm lo việc nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo đúng quy định (kèm theo Chỉ thị này) của Bộ Chính trị.

5. Tổ chức thực hiện.

Ở cấp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động



Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách thường xuyên theo dõi, nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để các cơ quan nói trên giúp Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Các học viện chính trị, hành chính, các trường đoàn thể cấp Trung ương có kế hoạch nghiên cứu xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; hướng dẫn các trường ở các ngành, các tỉnh, thành và trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ đảng, đoàn thể trong khu vực này.

Các cấp ủy địa phương tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo của cấp ủy đối với việc phát triển các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở địa phương, nhất là ở thành phố, thị xã trong thời gian qua. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đoàn thể đối với các doanh nghiệp này. Có kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo việc lập các hội hoặc câu lạc bộ của các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), theo ngành nghề, đúng luật pháp, trên cơ sở tự nguyện.

Cấp ủy các cấp chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đảng, công tác đoàn thể trong các doanh nghiệp, phân công người trực tiếp bàn với chủ doanh nghiệp để họ tạo điều kiện thuận lợi để các cán bộ đó hoạt động.



Cấp ủy tỉnh, thành phố, quận, thị xã trọng điểm (nơi có nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) lập bộ phận chuyên trách trực thuộc cấp mình, giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, đoàn thể ở doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các tỉnh, huyện, thị khác có bộ phận và cán bộ chuyên trách ở ban tổ chức của cấp ủy để thực hiện các nội dung trên.

Nói chung các tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc cấp ủy huyện, quận, thị hoặc đảng ủy cấp trên cơ sở; một số tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp lớn và quan trọng đặt trực thuộc cấp ủy tỉnh, thành do ban thường vụ tỉnh, thành ủy quyết định. Ở doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà phía Việt Nam chỉ có một doanh nghiệp tham gia liên doanh thì tổ chức đảng ở doanh nghiệp này đặt trực thuộc đảng ủy công ty có vốn đầu tư tham gia liên doanh. Ở những khu công nghiệp, khu chế xuất có thể lập đảng bộ khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

Cấp ủy cơ sở phường, thị trấn, xã có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, nhất là kinh tế cá thể, tư nhân, hợp tác quy mô nhỏ trên địa bàn; hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các hội nghề nghiệp trên địa bàn; quản lý đảng viên, nắm chắc số đảng viên đang sinh hoạt đảng tại chi bộ địa phương nơi cư trú nhưng làm việc ở các doanh nghiệp để hướng dẫn, kiểm tra công tác của những đảng viên này.

Các tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức đảng có liên quan ở Trung ương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị này với Thường vụ Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) vào giữa năm và cuối năm.



Chỉ thị này được phổ biến đến cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, tới các chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thi hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Khả Phiêu

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII trong tình hình mới

Sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương và kết quả Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”, Ban Bí thư kết luận như sau:

I- Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII), công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đạt được một số kết quả bước đầu. Số tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân và số lượng đảng viên, đoàn viên trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên. Nhiều tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp đã thể hiện được



vai trò, vị trí của mình, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc yêu cầu, nội dung Chỉ thị của Bộ Chính trị; việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, chặt chẽ và thiếu đồng bộ; việc sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị chưa kịp thời. Số lượng tổ chức đảng, các đoàn thể và số lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp còn thấp; nhìn chung vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn mờ nhạt, nội dung, phương thức hoạt động còn lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong tình hình mới.

II- Để tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có dưới 50% vốn nhà nước; các doanh nghiệp thành lập theo Luật Hợp tác xã (gọi tắt là doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước), các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và chủ doanh nghiệp về nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị*

Tích cực tuyên truyền, vận động để chủ doanh nghiệp nhận thức rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tác dụng của việc thành lập tổ chức đảng, các



đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp. Giáo dục, động viên người lao động phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, chấp hành tốt pháp luật và nội quy, quy chế của doanh nghiệp, tích cực tham gia xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân và phấn đấu để trở thành đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Hàng năm, cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức gặp mặt, động viên, biểu dương các doanh nghiệp làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; biểu dương, khen thưởng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, các tổ chức đoàn thể nhân dân vững mạnh xuất sắc.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

Thành lập ban chỉ đạo xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh, thành phố và quận, huyện có nhiều doanh nghiệp do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư làm trưởng ban; đồng chí trưởng ban tổ chức cấp ủy và 1 đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp làm phó trưởng ban; một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành có liên quan là thành viên và có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách giúp việc. Ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong các loại hình doanh nghiệp; tổ chức việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến.



Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đề ra. Các huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ủy, đảng ủy khối doanh nghiệp, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp.

3. Xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể trong doanh nghiệp

Các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào quy mô và số lượng doanh nghiệp, số lượng tổ chức đảng và đảng viên trong từng doanh nghiệp để xây dựng mô hình tổ chức đảng cho phù hợp. Những tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp thì thành lập đảng bộ khối doanh nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; nếu có các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung và trong khu công nghiệp, khu chế xuất có nhiều doanh nghiệp đã có tổ chức đảng thì thành lập đảng bộ khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy hoặc đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ủy, thành ủy.

Những quận, huyện có nhiều doanh nghiệp có tổ chức đảng thì thành lập đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trực thuộc quận ủy, huyện ủy; nếu chưa thành lập đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thì các tổ chức đảng trong doanh nghiệp đặt trực thuộc quận ủy, huyện ủy hoặc đảng ủy xã, phường, thị trấn tùy theo vị trí, quy mô và số lượng đảng viên của từng doanh nghiệp.

Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên rà soát lại các tổ chức đoàn thể nhân dân để tổ chức lại cho đồng bộ, phù hợp với tổ chức đảng.



4. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp; tích cực xây dựng, phát triển tổ chức đảng và làm tốt công tác phát triển đảng viên

Đối với doanh nghiệp đã có tổ chức đảng: Các cấp ủy tiến hành rà soát, nắm chắc số lượng, thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp để củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Căn cứ vào quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng để xây dựng quy chế hoạt động, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình của từng loại hình doanh nghiệp. Cấp ủy cấp trên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

Đối với những doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng: Cấp ủy cấp trên rà soát, nắm chắc số đảng viên đang làm việc ổn định trong các doanh nghiệp nhưng vẫn sinh hoạt đảng ở nơi khác, nếu có đủ 3 đảng viên chính thức trở lên và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ổn định thì thành lập chi bộ. Nếu chưa đủ số lượng đảng viên để thành lập chi bộ thì chuyển số đảng viên này về sinh hoạt với một tổ chức đảng phù hợp và tích cực chuẩn bị các điều kiện để thành lập tổ chức đảng. Đối với những doanh nghiệp chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phân công cấp ủy viên, đảng viên có kinh nghiệm, phối hợp với các đoàn thể trong doanh nghiệp phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên; khi có đủ điều kiện thì thành lập tổ chức đảng. Đối với các dự án liên doanh với nước ngoài, trong quá trình chuẩn bị dự án, các cơ quan có thẩm quyền cần chủ động phân công cán bộ, đảng viên tham gia liên doanh, xúc tiến việc thành lập tổ chức đảng khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.



Tăng cường công tác kết nạp đảng viên trong các doanh nghiệp và các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề để bổ sung cả về số lượng, chất lượng đảng viên cho các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

5. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp

Đối với những doanh nghiệp đã có các đoàn thể: Các cấp ủy, đoàn thể cấp trên tăng cường chỉ đạo, kiểm tra để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Các đoàn thể nhân dân phải tự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện của từng loại hình doanh nghiệp. Cùng với việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, phải động viên đoàn viên, hội viên chấp hành đúng pháp luật, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, tích cực tham gia xây dựng doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp chưa có các đoàn thể: Ban chấp hành công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ cấp trên chỉ đạo việc tích cực chuẩn bị để sớm thành lập tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên hoặc hội liên hiệp thanh niên, hội phụ nữ trong doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Chuyển sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên cho những đoàn viên làm việc ở doanh nghiệp nhưng sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên ở nơi khác về tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên của doanh nghiệp ngay sau khi thành lập.

6. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp

Các cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể cấp trên phải quan tâm xây dựng, kiện toàn, nâng cao chất lượng các cấp ủy,



đặc biệt là bí thư đảng bộ, chi bộ, chủ tịch công đoàn, chủ tịch hội phụ nữ, bí thư đoàn thanh niên trong doanh nghiệp. Nếu có đủ điều kiện nên bố trí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, giám đốc hoặc phó giám đốc để kết hợp công tác lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho các cấp ủy viên, lãnh đạo các đoàn thể; nghiên cứu xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp. Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... thì ngoài biên chế chung cho các tỉnh ủy, thành ủy, cần bổ sung thêm một số biên chế phù hợp với quy mô và số lượng doanh nghiệp để có cán bộ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp.

III- Để làm tốt các nhiệm vụ nêu trên, các ban đảng, các cơ quan có liên quan ở Trung ương, các cấp ủy, chính quyền địa phương cần thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổng kết, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW về đảng viên làm kinh tế tư nhân và thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Quy định chế độ và nguồn chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp; chế độ đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước đối với những người lãnh đạo doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền về chủ



trương, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước; mục đích, ý nghĩa, tác dụng tích cực của tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp; biểu dương, tôn vinh các doanh nghiệp, các cá nhân gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện cho tổ chức đảng và các đoàn thể nhân dân hoạt động.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo bổ sung, sửa đổi Bộ Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Công đoàn; ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các nghị định hướng dẫn thi hành Bộ Luật Lao động, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Công đoàn, trong đó quy định rõ về việc thành lập và hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp; việc doanh nghiệp tạo điều kiện (thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất) cho tổ chức đảng, các đoàn thể hoạt động; việc tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh các khoản chi hợp lý hỗ trợ cho tổ chức đảng, các đoàn thể hoạt động, các chế tài xử phạt nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng.

4. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động hiểu rõ lợi ích khi tham gia công đoàn; chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài hiểu tác dụng của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu, sắp xếp lại tổ chức công đoàn trong các khu công nghiệp, khu chế xuất cho đồng bộ với tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

5. Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp bộ đoàn đẩy mạnh công tác tuyên



truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên về vai trò, vị trí của tổ chức đoàn, hội thanh niên. Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức đoàn, hội phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp; củng cố các tổ chức đoàn đã có và khẩn trương xúc tiến việc thành lập tổ chức đoàn, hội trong các doanh nghiệp có đủ điều kiện; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đoàn, hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

6. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo xây dựng mô hình tập hợp lao động nữ ở khu công nghiệp, khu chế xuất, ở địa bàn dân cư có nhiều lao động nữ trong các doanh nghiệp. Thí điểm việc thành lập tổ chức Hội Phụ nữ trong các doanh nghiệp tư nhân.

7. Cấp ủy, chính quyền các địa phương tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển bền vững.

8. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Kết luận này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

Trương Tấn Sang

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 22-TB/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2017

Về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X

Ngày 28/02/2017, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Đề án báo cáo sơ kết 5 năm việc thực hiện Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X “Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị khóa VIII trong tình hình mới”, ý kiến của các ban, ngành, đoàn thể liên quan, Ban Bí thư kết luận:

I- TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 80-KL/TW

Qua hơn 5 năm thực hiện, công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước đạt được những kết quả quan trọng; tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động và chủ doanh nghiệp về công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Các tổ chức



đảng, đoàn thể bước đầu khẳng định được vị trí, vai trò đối với sự phát triển của doanh nghiệp, tập hợp, động viên đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động chấp hành nghiêm pháp luật, thực hiện tốt nội quy, quy định của doanh nghiệp, yên tâm, hăng hái lao động sản xuất, ổn định việc làm, thu nhập. Chủ trương cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân đã thúc đẩy công tác phát triển đảng viên trong doanh nghiệp. Một số cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo việc thí điểm kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân đủ điều kiện vào Đảng; trong các doanh nghiệp có chủ doanh nghiệp tham gia cấp ủy bước đầu đã phát huy được vai trò lãnh đạo.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, chính quyền chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng trong Kết luận số 80-KL/TW; chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, do đó công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể và công tác phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên đạt tỷ lệ thấp; vai trò của nhiều tổ chức đảng, đoàn thể và đảng viên, đoàn viên, hội viên trong doanh nghiệp còn mờ nhạt, phương pháp công tác còn hạn chế, nội dung hoạt động thiếu cụ thể, đơn điệu, chưa hấp dẫn, hiệu quả thấp, chưa vận động được chủ doanh nghiệp và người lao động ủng hộ, tham gia.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên: Đây là vấn đề mới, khó, vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không ít cấp ủy lúng túng hoặc chưa có quyết tâm chính trị cao. Tư duy, nhận thức của nhiều cấp ủy chưa theo kịp tình hình, chưa gắn được lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của tổ chức đảng, đoàn thể; cách làm ít có sự đổi mới, sáng tạo, vẫn áp dụng cách làm như trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nên hiệu quả thấp. Nhiều cấp ủy thiếu chủ động, thiếu quyết liệt, sâu sát, thậm chí khoán



trắng hoặc giao chỉ tiêu cho cấp dưới, chạy theo số lượng để có thành tích, ít quan tâm đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Một số tổ chức đảng, đoàn thể chưa là cầu nối gắn bó thường xuyên giữa cấp ủy với doanh nghiệp và người lao động; chưa nhận được sự ủng hộ của chủ doanh nghiệp do chưa là chỗ dựa tin cậy, chưa có nhiều đóng góp cụ thể, thiết thực vào sự phát triển, ổn định của doanh nghiệp; chưa nhận được sự hưởng ứng của các đảng viên, đoàn viên, vì việc bảo vệ quyền lợi cho đảng viên, đoàn viên còn hạn chế. Mặt khác, người lao động do nhận thức và áp lực của việc làm, thu nhập nên ít quan tâm đến việc gia nhập tổ chức và tham gia sinh hoạt đảng, đoàn thể.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tiếp tục thực hiện nghiêm túc Kết luận số 80-KL/TW, đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chủ doanh nghiệp và người lao động về yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

2. Củng cố, kiện toàn ban chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ở các địa phương; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm, tình hình của mỗi địa phương, doanh nghiệp; tăng cường



công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, tìm ra những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả trong công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể để nhân rộng.

3. Tăng cường gắn kết tổ chức đảng, đoàn thể và đảng viên với doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp thông qua mối quan tâm, mục tiêu và lợi ích chung. Các tổ chức đảng, đảng viên cần đồng hành cùng doanh nghiệp, tích cực tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp, đem lại lợi ích, góp phần làm cho doanh nghiệp ổn định, phát triển. Trong triển khai thực hiện, cần có cách tiếp cận phù hợp, đổi mới tư duy và cách làm, cần tính đến những yếu tố đặc thù của doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

4. Chỉ thành lập tổ chức đảng khi đã phát triển được đủ số lượng đảng viên, bảo đảm chất lượng, không chạy theo số lượng. Việc vận động thành lập tổ chức đảng, đoàn thể cần tôn trọng và bảo đảm hài hòa lợi ích của tổ chức đảng, đoàn thể. Thường xuyên bồi dưỡng để cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp phát huy được vai trò lãnh đạo, định hướng hoạt động, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đảng viên, đoàn viên, người lao động và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đúng pháp luật; ở những nơi khó khăn, có thể cử cán bộ, đảng viên của đảng ủy cấp trên về sinh hoạt cùng với chi bộ tại doanh nghiệp, làm hạt nhân để xây dựng tổ chức đảng.

5. Động viên đảng viên, đoàn viên học tập, nâng cao trình độ, tay nghề để nâng cao vị thế, uy tín trong doanh nghiệp nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và có điều kiện để bảo vệ quyền lợi cho đảng viên, đoàn viên và người lao động. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng bộ, chi bộ; tích cực xây dựng, phát triển tổ chức đảng; làm tốt



công tác phát triển đảng viên là cán bộ quản lý, người lao động giỏi, có uy tín trong doanh nghiệp.

6. Tích cực tuyên truyền, vận động, giáo dục, bồi dưỡng, kết nạp các chủ doanh nghiệp đủ điều kiện vào Đảng, trên cơ sở đó phân công vào các vị trí lãnh đạo trong tổ chức đảng, đoàn thể.

7. Tập trung xây dựng tổ chức, phát huy vai trò của công đoàn trong việc đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; phấn đấu 100% doanh nghiệp có từ 25 lao động trở lên đều có tổ chức công đoàn. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức tập hợp, thu hút người lao động vào tổ chức công đoàn. Tổ chức các hoạt động có ý nghĩa nhằm nâng cao năng suất lao động, đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên và người lao động; tăng cường đối thoại, vận động chủ doanh nghiệp thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ủng hộ hoạt động của công đoàn. Thực hiện việc lồng ghép hoạt động của hội phụ nữ với hoạt động nữ công của công đoàn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu thành lập tổ chức thanh niên, hội phụ nữ ở khu dân cư, khu nhà trọ với mô hình phù hợp, thiết thực để vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, người lao động.

8. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp; chú trọng làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ. Mỗi cán bộ đảng, đoàn thể phải gương mẫu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có trình độ, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn; đặc biệt là có năng lực vận động chủ doanh nghiệp và khả năng lãnh đạo, vận động, tập hợp người lao động. Quan tâm, tạo điều kiện làm việc, chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.



III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp; các quy định về chế tài xử phạt nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng luật pháp.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất việc tổng kết Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định “Đảng viên làm kinh tế tư nhân”; Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW, ngày 30/01/2013 của Ban Tổ chức Trung ương “Về việc thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, vai trò, tác dụng và hiệu quả thiết thực của việc thành lập tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp; hướng dẫn nội dung, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên tuyên truyền một cách đầy đủ, chính xác, có sức thuyết phục.

4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp giữa Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp bảo đảm phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

5. Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu, đề xuất phụ cấp cho cán bộ đảng, đoàn thể; sửa đổi, bổ sung mức đóng đảng phí đối với đảng viên là công nhân trong doanh nghiệp.



6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tập trung chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để người lao động tích cực tham gia tổ chức công đoàn; tăng cường tuyên truyền, vận động để chủ doanh nghiệp hiểu rõ vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Đổi mới, sắp xếp lại tổ chức công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất bảo đảm đồng bộ với tổ chức đảng.

7. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể, đảng ủy khối doanh nghiệp, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất, trực tiếp là tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

8. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Thông báo này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Thông báo này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Đinh Thế Huỳnh

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-NQ/TW, ngày 09 tháng 12 năm 2011

**Về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ
doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế**

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp, phát huy vai trò của doanh nhân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhờ đó, nhận thức về vai trò của đội ngũ doanh nhân có chuyển biến tích cực, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm đến sự phát triển của doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân, hướng hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Cùng với sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đội ngũ doanh nhân nước ta đã không ngừng lớn mạnh, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Đội ngũ doanh nhân trong khu vực doanh



nghiệp nhà nước ngày một trưởng thành, chất lượng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đội ngũ doanh nhân trong khu vực ngoài nhà nước ngày càng đông đảo, thể hiện tính năng động, hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đội ngũ doanh nhân đã phát huy tinh thần dân tộc, ý thức trách nhiệm với xã hội, từng bước nâng cao được uy tín, thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, góp phần nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Nhiều doanh nhân đã tích cực tham gia các chương trình xã hội, chương trình xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì cộng đồng, gắn bó hơn với giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đội ngũ doanh nhân nước ta còn không ít hạn chế, bất cập, nhất là về kiến thức, sự am hiểu pháp luật và năng lực kinh doanh, kinh nghiệm quản lý, khả năng cạnh tranh và hội nhập. Một bộ phận doanh nhân còn thiếu văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội, chưa tự giác tuân thủ pháp luật, lợi dụng những kẽ hở của pháp luật để trục lợi, móc nối với những phần tử thoái hóa, biến chất trong bộ máy quản lý nhà nước, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm trầm trọng thêm các tiêu cực xã hội.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên trước hết là do những sơ hở, lỏng lẻo và yếu kém của hệ thống các quy định pháp luật và công tác quản lý nhà nước; do đội ngũ doanh nhân nước ta mới hình thành và phát triển, chưa có tích lũy nhiều về vốn, tri thức, công nghệ và kinh nghiệm, truyền thống kinh doanh. Ở một số nơi, sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính



quyền, đoàn thể đối với doanh nhân còn hạn chế, chưa có được sự thống nhất nhận thức về vai trò của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thể chế về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân còn thiếu đồng bộ; cải cách hành chính còn chậm. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống và đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân chưa được chú trọng. Công tác phát triển đảng trong đội ngũ doanh nhân và việc xây dựng tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước còn nhiều bất cập...

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

2. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, nâng cao trình độ, kiến thức toàn diện của doanh nhân, chú trọng nâng cao phẩm chất đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm xã hội và tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh là trách nhiệm của Đảng, của cả hệ thống chính trị và của bản thân mỗi doanh



nghiệp, doanh nhân. Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân phải gắn liền với hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền sở hữu và tự do kinh doanh của doanh nhân theo pháp luật, khuyến khích doanh nhân làm giàu cho mình và cho đất nước. Tăng cường mối liên kết, hợp tác, đoàn kết cùng có lợi giữa doanh nhân với công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

III- MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần dân tộc, giác ngộ chính trị, văn hóa kinh doanh, có trách nhiệm xã hội cao, có đủ năng lực, trình độ để lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp hoạt động có chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, liên kết chặt chẽ, tham gia tích cực vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu; không ngừng phát triển, phấn đấu đến năm 2020 có một số doanh nhân, doanh nghiệp có thương hiệu đạt tầm cỡ khu vực Đông - Nam Á.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

2.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ doanh nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận xã hội về vị trí, vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước, góp phần thực hiện



công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội trong kinh doanh, khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra nhiều của cải cho xã hội; tôn vinh sự cống hiến và bảo hộ thu nhập hợp pháp của doanh nhân; nâng cao trách nhiệm của doanh nhân đối với cộng đồng xã hội.

Tổ chức cho doanh nhân và doanh nghiệp thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và các cuộc vận động khác do Đảng, Nhà nước phát động.

2.2. Tạo môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho doanh nhân

Công khai, minh bạch các định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách hỗ trợ để định hướng cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch phát triển và bảo đảm quyền lợi đầu tư, giảm rủi ro kinh doanh cho doanh nhân. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, nhất là trong việc thực hiện các dự án, công trình theo hình thức hợp tác công - tư. Khuyến khích tư nhân góp vốn vào các doanh nghiệp nhà nước. Thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp lớn, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh, về tài chính công, thuế, tài nguyên môi trường, bảo vệ người tiêu dùng; tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh, xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt, lành mạnh các thị trường, nhất là thị



trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ. Nâng cao hiệu lực xét xử của tòa án về các vụ việc tranh chấp thương mại, khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính đối với doanh nhân, doanh nghiệp, nêu cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích và có biện pháp bảo vệ các doanh nhân đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế đối thoại, tham vấn ý kiến của doanh nhân trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế vùng và địa phương.

Xây dựng các cơ chế, chính sách và tăng cường kiểm tra, giám sát để bảo đảm tính minh bạch trong quan hệ giữa các cơ quan, công chức, viên chức nhà nước với doanh nghiệp, doanh nhân, nhằm ngăn ngừa, đẩy lùi những hiện tượng móc nối trục lợi, gây khó khăn, phiền hà đối với doanh nhân trong quá trình kinh doanh.

Xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá tác động của chính sách phát triển doanh nghiệp của Quốc hội, hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

2.3. Hỗ trợ đội ngũ doanh nhân mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, khuyến khích phát triển doanh nhân khu vực nông thôn

Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp gắn với quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành,



nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước.

Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, quan tâm hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Khuyến khích liên kết, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, tăng nhanh số lượng doanh nghiệp có quy mô vừa; thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp lớn, có khả năng dẫn dắt, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, khẳng định vị trí tại thị trường trong nước và thâm nhập có hiệu quả vào thị trường thế giới.

Hỗ trợ doanh nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với doanh nghiệp; nâng cao khả năng tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài thông qua các chương trình xúc tiến thương mại cụ thể, thực chất. Chú trọng cung cấp kiến thức pháp luật, thông tin về thị trường, về khoa học công nghệ cho doanh nghiệp. Cơ quan đại diện thương mại, đại diện ngoại giao có trách nhiệm giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nhân khi hoạt động kinh doanh ở nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nhân Việt Nam tham gia tiến trình hội nhập quốc tế.

Có chính sách và triển khai các biện pháp tạo thuận lợi cho doanh nhân đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới. Chú trọng đầu tư phát triển doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, vùng chuyên canh sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản. Tăng cường liên kết, hợp tác



đầu tư giữa các doanh nghiệp, doanh nhân với công nhân, nông dân và các nhà khoa học.

Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển lực lượng doanh nhân khu vực nông nghiệp, nông thôn; cải thiện khả năng tiếp cận thông tin tài chính, công nghệ và thị trường của doanh nhân ở khu vực này; chú trọng gắn kết chặt chẽ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà kinh doanh và nhà nông.

2.4. Quan tâm, tạo chuyển biến trong đào tạo và bồi dưỡng doanh nhân

Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo doanh nhân, chương trình đào tạo về khởi sự doanh nghiệp; trang bị cho doanh nhân mới những kiến thức cần thiết về kinh doanh, về pháp luật và trách nhiệm xã hội; từng bước tiếp cận chuẩn mực pháp luật quốc tế trong đào tạo quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo về kinh tế, quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề theo hướng nâng cao tính thực tiễn của các chương trình đào tạo và khả năng thực hành của học viên. Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa nhà trường, viện nghiên cứu với các doanh nghiệp; gắn đào tạo của nhà trường với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội; khuyến khích doanh nhân tham gia đầu tư và giảng dạy trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Chú trọng nội dung giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm, sự trung thực, tinh thần hợp tác, ý thức dân tộc, ý thức cộng đồng. Tạo điều kiện để doanh nhân Việt Nam giao lưu học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với doanh nhân nước ngoài.



2.5. Đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, xây dựng quan hệ lao động hài hòa

Xây dựng chuẩn mực của doanh nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật; có khát vọng vươn lên làm giàu cho mình, cho đất nước, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; có trách nhiệm với người lao động, với cộng đồng, xã hội và có đạo đức, văn hóa kinh doanh, góp phần chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Xây dựng hình ảnh doanh nhân có bản sắc Việt Nam; khuyến khích doanh nhân không ngừng hoàn thiện mình để trở thành những người có trách nhiệm, có đóng góp cho xã hội và đất nước. Phát động các phong trào thi đua để nuôi dưỡng khát vọng vươn lên của doanh nhân Việt Nam. Đồng thời, quản lý hoạt động tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu theo đúng quy định của pháp luật, thực sự có tác dụng biểu dương, nêu gương.

Hoàn thiện khung khổ pháp luật để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ và tăng cường sự gắn bó giữa doanh nhân và người lao động trong doanh nghiệp. Doanh nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành, phát triển các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; tham gia xây dựng hệ thống pháp luật, nhất là những quy định liên quan đến doanh nghiệp, doanh nhân.

2.6. Phát huy vai trò của các tổ chức đại diện của cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân

Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với vai trò là một



tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp vững mạnh của cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động ở Việt Nam.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp cần quan tâm đến công tác vận động chính trị trong đội ngũ doanh nhân bằng nhiều hình thức thích hợp; tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của đội ngũ doanh nhân; tham mưu cho Đảng, Nhà nước về các chính sách kinh tế - xã hội; xây dựng đạo đức, văn hóa kinh doanh, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, doanh nhân; hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường hợp tác, tham vấn, đối thoại giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước; tạo điều kiện cho các doanh nhân, hiệp hội doanh nghiệp tham gia vào việc xây dựng, triển khai các quy hoạch phát triển ngành hàng, kinh tế vùng và địa phương. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho các hiệp hội và hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp.

2.7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân; chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân. Cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng đối với đội ngũ doanh nhân bằng các chương trình hành động thiết thực. Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương. Quan tâm lãnh đạo đầy mạnh cải



cách hành chính, giảm phiền hà, sách nhiễu trong việc thực hiện các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, doanh nhân.

Chú trọng công tác phát triển Đảng, xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nâng cao giác ngộ chính trị cho người sử dụng lao động và người lao động, bảo đảm cho hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thí điểm việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Tạo điều kiện cho đội ngũ doanh nhân có đại diện trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức, đoàn thể trong doanh nghiệp. Hướng dẫn để các tổ chức, đoàn thể hợp tác cùng doanh nhân góp phần xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, xây dựng đạo đức, văn hóa kinh doanh, quan hệ lao động hài hòa, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, bảo đảm doanh nghiệp phát triển bền vững, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động không ngừng được nâng cao.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp có trách nhiệm tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; chuẩn bị đề án đào tạo phát triển



đội ngũ doanh nhân Việt Nam đến năm 2020; lãnh đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân đến năm 2020.

4. Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nhân nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập, khen thưởng, tôn vinh doanh nhân, phát triển các hiệp hội doanh nghiệp và làm tốt công tác đại diện người sử dụng lao động.

5. Ban Dân vận Trung ương phối hợp với các ban của Đảng và Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Phú Trọng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 33-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân

Thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị và Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công tác xây dựng Đảng trong khu vực này có chuyển biến tích cực, đến nay, đã có 12.088 tổ chức đảng, 182.995 đảng viên. Nhiều tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp đã thể hiện được vai trò, vị trí của mình góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp; tập hợp, động viên cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động chấp hành nghiêm pháp luật, thực hiện tốt nội quy, quy định của doanh nghiệp, yên tâm lao động sản xuất; đồng thời góp phần đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân vào cuộc sống. Nhiều chủ doanh nghiệp tư nhân đã có nhận thức đúng về Đảng, phấn đấu và được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương về phát triển đảng trong



doanh nghiệp tư nhân. Chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nên chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên, tỷ lệ số tổ chức đảng trên tổng số đơn vị cũng như số đảng viên trên tổng số lao động trong khu vực kinh tế tư nhân còn rất thấp. Vai trò của tổ chức đảng, đảng viên còn mờ nhạt; nội dung và phương thức hoạt động còn lúng túng; chất lượng sinh hoạt đảng còn nhiều hạn chế. Việc kết nạp công nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng có chuyển biến, nhưng kết quả chưa cao.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế, yếu kém nêu trên: Đây là vấn đề mới và khó, vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không ít cấp ủy còn lúng túng hoặc chưa có quyết tâm chính trị cao. Nhận thức của nhiều cấp ủy chưa theo kịp tình hình, phương pháp, cách làm thiếu sâu sát, sáng tạo. Nhìn chung, tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp chưa là cầu nối gắn bó thường xuyên người lao động với doanh nghiệp; chưa là chỗ dựa tin cậy, chưa có nhiều đóng góp thiết thực, cụ thể vào sự phát triển, ổn định của doanh nghiệp. Đa số chủ doanh nghiệp và người lao động chưa nhận thức đầy đủ về Đảng, ngại tham gia các đoàn thể chính trị - xã hội. Các quy định, quy chế, hướng dẫn xây dựng tổ chức đảng thiếu đồng bộ, chậm sửa đổi, bổ sung phù hợp với đặc thù của đơn vị kinh tế tư nhân.

Để tăng cường phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các đơn vị kinh tế tư nhân, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khu vực kinh tế này, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh



thực hiện có hiệu quả công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, chủ doanh nghiệp và người lao động về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vai trò, vị trí cũng như yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong đơn vị kinh tế tư nhân.

Giáo dục, động viên người lao động chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của doanh nghiệp, thi đua lao động sản xuất, nâng cao tay nghề; tích cực tham gia các đoàn thể nhân dân và phấn đấu trở thành đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở và cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phân công cấp ủy viên, cán bộ phụ trách tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân. Cùng với các cấp chính quyền, chủ động, tăng cường gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với các chủ doanh nghiệp để nắm tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo sự đồng thuận trong việc thành lập và tổ chức hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng; tích cực xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

Đối với các doanh nghiệp đã có tổ chức đảng: Các cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành rà soát, nắm chắc số lượng, đánh giá kỹ thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, đề ra giải pháp cụ thể để củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động. Căn cứ Quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp để hướng dẫn nội dung, hình thức sinh hoạt đảng phù hợp với điều kiện, đặc điểm,



tình hình của từng loại hình doanh nghiệp. Hướng dẫn tổ chức đảng tại doanh nghiệp xây dựng quy chế hoạt động và quy chế phối hợp giữa cấp ủy với ban lãnh đạo, chủ doanh nghiệp; trong đó, quy định rõ việc tổ chức đảng tham gia xây dựng, phát triển doanh nghiệp và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tạo điều kiện để tổ chức đảng hoạt động, việc phát hiện, giới thiệu, tiến cử đảng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện để xem xét, bổ nhiệm làm lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp và việc phối hợp giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của người lao động.

Đối với doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, cấp ủy cấp huyện và tương đương chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc rà soát, nắm chắc số đảng viên đang làm việc ổn định trong các doanh nghiệp, nhưng vẫn sinh hoạt đảng ở nơi khác, nếu có đủ 3 đảng viên chính thức trở lên và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ổn định thì thành lập chi bộ. Nếu chưa đủ số lượng đảng viên để thành lập chi bộ thì chuyển số đảng viên này về sinh hoạt với một tổ chức đảng phù hợp và tích cực chuẩn bị các điều kiện để thành lập chi bộ. Đối với những doanh nghiệp chưa có đảng viên, nhưng có tổ chức công đoàn, cấp ủy cơ sở nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phân công cấp ủy viên và đảng viên có kinh nghiệm phối hợp với các đoàn thể trong doanh nghiệp phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên.

Tăng cường công tác kết nạp đảng viên trong các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề, các cơ sở y tế ngoài nhà nước để bổ sung cả về số lượng và chất lượng đảng viên cho các doanh nghiệp tư nhân.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên



trong các doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở giáo dục, y tế ngoài khu vực nhà nước; phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc giới thiệu đoàn viên ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng thường xuyên tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng, nhất là chủ doanh nghiệp, người trong bộ máy quản lý và ban chấp hành các đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

Rà soát quy mô, số lượng doanh nghiệp, số lượng tổ chức đảng và đảng viên trong từng doanh nghiệp để xây dựng mô hình tổ chức đảng phù hợp. Phân cấp cho đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất trực tiếp quản lý đối với các tổ chức đảng trong doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của khu công nghiệp, khu chế xuất. Đối với cấp huyện, tùy theo quy mô, số lượng tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp trên địa bàn để giao cho cấp ủy cơ sở quản lý hoặc thành lập tổ chức cơ sở đảng thuộc cấp ủy cấp huyện.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp huyện kiện toàn, tăng cường trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân. Ban chỉ đạo do phó bí thư cấp ủy làm trưởng ban, trưởng ban tổ chức và 1 đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân làm phó trưởng ban; đại diện lãnh đạo các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội và một số cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân làm thành viên. Ban tổ chức của cấp ủy là cơ quan thường trực của ban chỉ đạo. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân; thường xuyên kiểm tra và định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và xây



dựng các giải pháp chỉ đạo thực hiện; nhân rộng các mô hình, điển hình tốt.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp sơ kết việc thực hiện các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị kinh tế tư nhân; tham mưu sửa đổi, bổ sung, làm rõ nhiệm vụ của tổ chức đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân phù hợp với tình hình mới.

5. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2014/NĐ-CP, ngày 24/10/2014 của Chính phủ về quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chỉ đạo các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Bổ sung tiêu chí để xét khen thưởng, tặng các danh hiệu thi đua cho các đơn vị kinh tế tư nhân có tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả.

6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp giám sát việc thực hiện Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn; đẩy mạnh công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động người lao động, phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Có kế hoạch thực hiện mục tiêu bình quân hàng năm mỗi công đoàn cơ sở giới thiệu được ít nhất một đoàn viên công đoàn ưu tú để Đảng xem xét, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.

7. Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo đẩy mạnh việc thành lập, nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức đoàn thanh niên trong doanh nghiệp tư nhân,



phát huy vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên trong xây dựng, phát triển doanh nghiệp và xây dựng tổ chức Đoàn thanh niên, qua đó, lựa chọn đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.

8. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng phù hợp với đặc thù của các đơn vị kinh tế tư nhân.

9. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp tham mưu sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ việc thành lập, hoạt động của tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân.

10. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các cấp ủy, tổ chức đảng theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

VI. CÔNG TÁC DÂN TỘC



1. Văn bản chung

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 24-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003

Về công tác dân tộc

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với những nội



dung cơ bản là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển”. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

I- TÌNH HÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI GIAN QUA

1. Những thành tựu cơ bản

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị *Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi*, tình hình miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có bước chuyển biến quan trọng.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản đã được Hiến pháp xác định và được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền núi và các vùng dân tộc từng bước hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở nhiều vùng đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả to lớn. Mặt bằng dân trí được nâng lên. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đã được thực hiện; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được hình thành từ Trung ương đến tỉnh, huyện, cụm xã. Văn hóa phát triển phong phú hơn; đời sống văn hóa của đồng bào được nâng cao một bước; văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn



trọng, giữ gìn và phát huy. Các loại bệnh dịch cơ bản được ngăn chặn và từng bước đẩy lùi; việc khám, chữa bệnh cho người nghèo vùng sâu, vùng xa được quan tâm hơn.

Hệ thống chính trị ở các vùng dân tộc và miền núi bước đầu được tăng cường và củng cố. Tình hình chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định; an ninh, quốc phòng được giữ vững.

2. Những hạn chế, yếu kém

Nhìn chung, kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập quán canh tác còn lạc hậu. Chất lượng sản phẩm thấp, tiêu thụ rất khó khăn. Tình trạng du canh, du cư, di cư tự do còn diễn biến phức tạp. Một số hộ còn thiếu đất sản xuất. Kết cấu hạ tầng ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn rất thấp kém. Kinh tế lâm nghiệp chuyển biến chậm, chính sách đối với lâm nghiệp chưa thật sự bảo đảm cho đồng bào sống và gắn bó với nghề rừng. Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái.

Ở nhiều vùng dân tộc và miền núi tỷ lệ đói nghèo hiện còn cao so với bình quân chung của cả nước; khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc ngày càng tăng; chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, việc đào tạo nghề chưa được quan tâm, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn yếu: trình độ của đội ngũ cán bộ còn thấp, công tác phát



triển đảng chậm; cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, không sát dân, không tập hợp được đồng bào.

Ở một số nơi tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán của nhân dân; một số nơi đồng bào bị các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Nguyên nhân là:

- Về khách quan:

Địa bàn các vùng dân tộc và miền núi rộng lớn, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt. Đồng bào dân tộc ở nhiều vùng sâu, vùng xa sống phân tán, đi lại khó khăn, ít cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ, phúc lợi xã hội và nền kinh tế thị trường.

Do lịch sử để lại, kinh tế - xã hội ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn kém phát triển, mang nặng tính tự cấp, tự túc, dựa nhiều vào tự nhiên; phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu.

Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

- Về chủ quan:

Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Một số chính sách dân tộc



chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng dân tộc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy tốt các nguồn lực của địa phương.

Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiếu số chưa được quan tâm. Bộ máy đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn quan liêu, xa dân, chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Một số nơi còn để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, vi phạm chính sách dân tộc, làm giảm lòng tin của đồng bào. Trong quản lý, điều hành lại buông lỏng công tác kiểm tra, thanh tra, để nhiều sai phạm kéo dài.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, chưa được các cấp ủy quan tâm xây dựng, kiện toàn để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình, nhiệm vụ mới.

II- CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Một số quan điểm cơ bản

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu



thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010

- Phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc. Đến năm 2010, các vùng dân tộc và miền núi cơ bản không còn hộ đói; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%; giảm dần khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các dân tộc, các vùng; trên 90% hộ dân có đủ điện, nước sinh hoạt; xóa tình



trạng nhà tạm, nhà dột nát; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; chấm dứt tình trạng di cư tự do; giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất cho nông dân thiếu đất; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào: hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh việc dạy và học chữ dân tộc. Hầu hết đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng dân tộc. Phấn đấu 90% đồng bào được xem truyền hình; 100% được nghe đài phát thanh; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của địa phương; củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh; nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc.

- Giữ vững an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, biên giới, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội.

3. Những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách

- Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; trong những năm trước mắt tập trung



trợ giúp đồng bào nghèo, các dân tộc đặc biệt khó khăn giải quyết ngay những vấn đề bức xúc như: tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ tư liệu sản xuất, dụng cụ sinh hoạt tối thiểu; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở Tây Nguyên, Tây Bắc và vùng đồng bào dân tộc Khơ-me Nam Bộ.

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Làm tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới; công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình; tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc thiểu số; làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc.

Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập; mở rộng việc dạy chữ dân tộc. Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú;



tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học và cao đẳng; mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Nghiên cứu tổ chức hệ thống trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường cơ sở khám, chữa bệnh, cán bộ y tế cho các xã, bản, thôn, ấp; nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) *Về kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở*; kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng cơ sở không có tổ chức đảng và đảng viên.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những “điểm nóng” về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng và tôn giáo ở vùng dân tộc và miền núi; kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng để hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.



- Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể, động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

4. Một số giải pháp chủ yếu

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới. Xem việc quán triệt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

Tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho mọi cán bộ, đảng viên và cho nhân dân. Phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.



Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nghiêm chỉnh việc công khai hóa các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư... để đồng bào biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc và miền núi.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc. Trong những năm trước mắt, cần tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc, nhất là các địa bàn xung yếu về chính trị, an ninh, quốc phòng; coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở; nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm và các cơ chế, chính sách đãi ngộ cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi, nhất là những cán bộ công tác lâu năm ở miền núi, vùng cao.

Kiên toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Một số bộ, ngành cần tổ chức bộ phận và có cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.



Nâng cao hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia triển khai, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Có chính sách động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc; quán triệt phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở các bộ, ngành và địa phương vùng đồng bào các dân tộc thiểu số phải nắm chắc, hiểu rõ nội dung Nghị quyết để tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ thể chế hóa nội dung Nghị quyết; kết hợp với các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi đã và đang thực hiện, để xây dựng chương trình hành động của Chính phủ; đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa Nghị quyết bằng chương trình hành động, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hằng năm và công tác thường xuyên của các cấp.



3. Các cấp ủy vùng dân tộc và miền núi nghiên cứu vận dụng nội dung Nghị quyết vào tình hình cụ thể ở địa phương, kết hợp với việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX): *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010* để xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cần tổ chức quán triệt Nghị quyết, xây dựng các chương trình hành động cụ thể; làm tốt công tác giáo dục, vận động quần chúng thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng.

5. Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc ở các nơi cần thiết; khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số ở các vùng dân tộc và miền núi; đề xuất chính sách đặc thù, thống nhất trong cả nước nhằm sử dụng có hiệu quả số học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số đã được đào tạo.

6. Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc cùng Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết; trong quá trình triển khai, cần bám sát thực tế, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
Nông Đức Mạnh

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 65-KL/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới

Tại phiên họp ngày 17/10/2019, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo kết quả tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Qua hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết, công tác dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố lòng tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng, Nhà nước.

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đã cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị. Nhà nước đã ban hành chính sách, pháp luật, bố trí nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.



Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tăng cường vận động, tuyên truyền, động viên đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy nội lực để phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao cuộc sống, đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, góp phần tạo diện mạo mới cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số được cải thiện rõ nét. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; các giá trị văn hóa dân tộc truyền thống được bảo tồn và phát huy. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản được bảo đảm; đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc, miền núi được tăng cường, đội ngũ cán bộ được kiện toàn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ. Quốc phòng, an ninh, chính trị được giữ vững, ổn định.

2. Bên cạnh những thành tựu nêu trên, công tác dân tộc còn không ít khuyết điểm, hạn chế. Đến nay, chưa thực hiện được một số mục tiêu quan trọng Nghị quyết đã đề ra. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung chuyển biến chậm. So với sự phát triển chung của cả nước và từng địa phương, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế - xã hội phát triển chậm; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và nguy cơ tái nghèo cao; khoảng cách giàu - nghèo có xu hướng gia tăng. Hủ tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chậm được khắc phục; còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.



3. Khuyết điểm và hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về công tác dân tộc, thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết; chưa quan tâm đúng mức đến công tác tạo nguồn quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Chính sách, pháp luật được ban hành chủ yếu là hỗ trợ, chưa ưu tiên tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chưa chú trọng đúng mức phát huy tiềm năng, lợi thế, văn hóa của từng vùng, từng dân tộc; chưa thúc đẩy việc kết nối giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với vùng phát triển; một số chính sách chưa tạo động lực cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên, tự lập trong cuộc sống.

- Cơ chế điều hành, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức chưa rõ ràng, thiếu chặt chẽ trong việc thực hiện các chương trình, dự án. Cơ chế phân cấp, phân quyền để tạo chủ động cho chính quyền địa phương chưa hợp lý; quy trình thủ tục đầu tư công chưa phù hợp với điều kiện, đặc điểm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là vùng đặc biệt khó khăn. Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện công tác dân tộc thiếu thống nhất; một bộ phận cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

4. *Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX nhằm phát*



triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chú trọng các nội dung sau đây:

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Kiên trì thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24 và các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII; xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị.

4.2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập phát triển cùng với đất nước.

4.3. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết. Rà soát, lồng ghép, sửa đổi, bổ sung chính sách; nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án; tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và xã hội hóa nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.



Thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh.

4.4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, giá trị cao. Chú trọng phát triển liên vùng, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng. Quan tâm phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, gắn kết du lịch với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số.

Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt và tranh chấp, khiếu kiện về đất đai; đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư mới gắn với quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát. Đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào. Điều chỉnh cơ chế, chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào.

Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa phải được kiên cố hóa; bảo đảm các hộ gia đình dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Ban hành tiêu chí nông thôn mới phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phấn đấu đến năm 2030 không còn địa bàn khó khăn.



4.5. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn.

Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số. Có chính sách giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao tỷ lệ khám, chữa bệnh và chất lượng các dịch vụ y tế, nhất là khám, chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở; phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng; thực hiện các giải pháp đồng bộ. Tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở tuyến Trung ương thông qua chính sách bảo hiểm y tế.

Có biện pháp triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Xây dựng và thực hiện chiến lược về phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, có cơ chế đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu là đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở từng vùng, từng địa



phương; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Có biện pháp quyết liệt để xóa bỏ tình trạng tảo hôn, chấm dứt sớm hôn nhân cận huyết thống.

Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Phát huy vai trò tích cực của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

4.6. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh trật tự, đặc biệt ở các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung. Chủ động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, buôn bán người, ma túy, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở khu vực biên giới. Tăng cường quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới.

4.7. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số và khắc phục tình trạng không có tổ chức đảng và đảng viên ở các thôn, bản, nhất là đảng viên là người dân tộc thiểu số ở những vùng trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng; biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín,



doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trong cấp ủy và các cơ quan dân cử các cấp. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Có cơ chế để phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu. Quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia vị trí quản lý lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

4.8. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, lồng ghép, tích hợp các chính sách hiện hành để hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, ban hành *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*. Xây dựng tiêu chí phân định lại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng xác định rõ vùng dân tộc thiểu số (tỉnh, huyện, xã, thôn, bản), địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản



lý nhà nước về thực hiện chính sách dân tộc. Đổi mới mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở vùng dân tộc thiểu số và miền núi có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo xây dựng “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” và “*Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*”.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, ổn định, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; hoàn thiện chính sách đối với cán bộ làm công tác dân tộc, nhất là cán bộ công tác ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban Dân tộc, các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả thực hiện Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vượng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-CT/TW, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Trong những năm đổi mới vừa qua, cấp ủy, chính quyền, mặt trận và đoàn thể nhân dân các cấp nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng về công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đã tạo được chuyển biến tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Việc quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng ở nhiều nơi chưa kịp thời, hiệu quả thấp; thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở nhiều nơi còn hình thức; giải quyết những bức xúc trong đồng bào còn chậm, chưa thỏa đáng. Chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng và các dân tộc ngày càng lớn. Một số “đạo lạ” xâm nhập ở vùng



đồng bào dân tộc thiểu số và diễn biến ngày càng phức tạp. Cán bộ người dân tộc thiểu số nhìn chung thiếu và yếu. Công tác giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực này chưa được chú trọng.

Nguyên nhân của hạn chế nêu trên trước hết là do các cấp ủy, tổ chức đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo công tác này. Phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, điều hành của chính quyền còn chậm đổi mới. Phương pháp vận động, tập hợp đồng bào của mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa phù hợp với từng đối tượng, từng dân tộc, từng vùng, miền. Việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ dân vận, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số chưa được đầu tư đúng mức.

Để thực hiện tốt Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về công tác dân vận, tạo bước chuyển biến mới trong công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, mặt trận và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt một số nội dung quan trọng sau đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xác định rõ công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ rất quan trọng, thường xuyên, là trách nhiệm của cấp ủy, hệ thống chính trị và toàn xã hội. Kịp thời nắm được tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số; trên cơ sở đó có giải pháp xử lý phù hợp. Người đứng đầu cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp phải



thường xuyên đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Các cơ quan thông tin đại chúng, chủ động định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Các cấp ủy, tổ chức đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân vận, góp phần thực hiện các mục tiêu của Đảng, Nhà nước về xóa đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao mức thu nhập; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có chất lượng, tỷ lệ và cơ cấu hợp lý... Mỗi cấp ủy từ tỉnh đến huyện, xã phải phân công một đồng chí ủy viên ban thường vụ trực tiếp phụ trách công tác dân vận.

Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 217 và 218 của Bộ Chính trị về công tác giám sát, phản biện và vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng về công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước; rà soát, ban hành và thực hiện tốt chính sách dân tộc

Thể chế hóa kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi những bất cập của hệ thống chính sách dân tộc phù hợp với đặc điểm tự nhiên và xã hội của từng vùng, từng dân tộc. Quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, hỗ trợ đồng bào các dân tộc phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập, ổn định đời sống.



Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất. Các cơ quan nhà nước phải tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách dân tộc ở cơ sở; xây dựng và công khai quy định về trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Cơ quan nhà nước các cấp phải phân công lãnh đạo, phụ trách công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách dân tộc; đề cao trách nhiệm công tác dân vận của cán bộ chính quyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương làm tốt công tác dân vận.

3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Cán bộ đoàn thể các cấp phải tăng cường tới cơ sở, bám sát cuộc sống người dân; tổ chức các hoạt động để hướng dẫn đồng bào các dân tộc thiểu số vươn lên xóa đói, giảm nghèo, đổi mới tập quán sản xuất, phát triển kinh tế hàng hóa, xây dựng nông thôn mới. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, phản biện và chủ động tham gia xây dựng các chính sách có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số trước khi ban hành. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền, lực lượng vũ trang trong công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số với những nội dung cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Đề cao và phát huy tốt vai trò của



già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào. Xây dựng, bổ sung quy ước, hương ước của xã, thôn, bản, buôn, ấp để xây dựng đời sống văn hóa tiến bộ, văn minh phù hợp với từng địa phương, cơ sở.

Các phong trào thi đua vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần chú trọng tính thiết thực, hiệu quả; nội dung, hình thức thi đua phù hợp với điều kiện và văn hóa từng vùng; phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng kịp thời.

4. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số với công tác đối ngoại nhân dân trong bảo vệ biên giới; đấu tranh chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, quan hệ thân tộc, đồng tộc của đồng bào vùng giáp biên giới của nước ta với các nước láng giềng, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Tăng cường giao lưu hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa giữa nhân dân hai bên biên giới; thăm hỏi, chúc mừng nhân dịp lễ, tết, các sự kiện quan trọng của mỗi bên; tổ chức kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới; đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu qua biên giới; nâng cao nhận thức của đồng bào vùng dân tộc thiểu số về chủ quyền lãnh thổ, ý thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Củng cố các cửa khẩu quốc gia, quốc tế bảo đảm việc đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật nước ta và nước bạn.

Kịp thời phòng, chống âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và kích động gây chia rẽ dân tộc, chống Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân.



5. Xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ dân vận; đổi mới phương thức công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chăm lo kiện toàn ban dân vận các cấp đủ số lượng, cơ cấu, chất lượng theo các quy định. Bảo đảm tỷ lệ hợp lý cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cấp ủy, tổ chức đảng, mặt trận, đoàn thể, nhất là cán bộ chuyên trách công tác dân vận. Các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan nhiều đến công tác dân tộc cần tổ chức bộ phận và cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc; lựa chọn và bố trí ít nhất có một cán bộ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng một cách hợp lý đội ngũ cán bộ dân vận là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ vùng đặc biệt khó khăn và cán bộ đã trải qua công tác ở vùng biên giới.

Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ dân vận cho cán bộ làm công tác dân vận. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân vận phải thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói”, “nói dân hiểu”, “hướng dẫn dân làm”, “làm dân tin” và phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, hiệu quả”.

Có chính sách, chế độ đặc thù đối với cán bộ ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Tổ chức thực hiện

Các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này.



Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật và các chiến lược về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tính khả thi cao. rà soát, bổ sung và cân đối các nguồn lực để ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban Dân vận Trung ương nghiên cứu xây dựng chiến lược đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quán triệt và xây dựng chương trình hành động cụ thể, vận động nhân dân các dân tộc thực hiện Chỉ thị.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tổ chức đảng có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

2. Văn bản đối với một số dân tộc thiểu số

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-TT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1991

Về công tác đối với đồng bào Chăm

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận Hải đã tổ chức Hội nghị công tác dân tộc Chăm để tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 121-CT/TW, ngày 26/10/1981 của Ban Bí thư Trung ương về công tác đối với đồng bào Chăm. Đại biểu các tỉnh, thành có đồng bào Chăm cư trú, một số cán bộ tiêu biểu đồng bào Chăm và một số ngành Trung ương đã tham dự.

Hội nghị đã đánh giá thực trạng vùng đồng bào Chăm.

Đồng bào Chăm với trên 90.000 người sống tại bảy tỉnh và thành phố phía Nam, tập trung đông nhất ở các tỉnh Thuận Hải và An Giang. Những năm qua được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, tình hình kinh tế - xã hội, chính trị các vùng đồng bào Chăm có những tiến bộ đáng kể: đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thâm canh, tăng vụ, phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng sản lượng lương thực, phục hồi và phát triển nghề thủ công. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa phát triển; số giáo viên, cán bộ y tế người Chăm tăng. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được



cải thiện một bước. An ninh chính trị và an toàn xã hội được giữ vững. Quan hệ đoàn kết giữa đồng bào Chăm, đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số khác được củng cố. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên người Chăm ngày càng trưởng thành.

Tuy nhiên, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở các vùng đồng bào Chăm còn chậm, không đều giữa các vùng. Công trình thủy lợi ít được xây dựng, sản xuất bắp bênh, độc canh cây lúa. Nhiều hộ nông dân thiếu vốn, thiếu ăn. Nghề dệt truyền thống thiếu nguyên liệu, sản xuất thủ công nghiệp kém phát triển. Việc tranh chấp đất đai, nhất là ruộng “cút”, ruộng thánh đường ở một số nơi chưa được giải quyết tốt. Một số công trình kiến trúc và di sản văn hóa dân tộc Chăm chưa được chú ý bảo vệ. Đảng viên phát triển chậm, cơ sở đảng nhiều nơi còn yếu.

Tình hình trên là do một số cấp ủy đảng và chính quyền chưa quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, thiếu đi sâu nghiên cứu đặc điểm dân tộc, tâm lý, nguyện vọng của đồng bào Chăm để có những biện pháp chỉ đạo cụ thể.

Để thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy đảng cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

1. Về kinh tế, đời sống

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Chăm cần được xây dựng trong kế hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh có đồng bào Chăm và của cả nước. Cần chú ý đến đặc điểm kinh tế và tập quán của từng vùng để bố trí cơ cấu kinh tế cho phù hợp, xác định cụ thể cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề theo hướng phát triển *kinh tế hàng hóa nhiều thành phần* làm cho sản xuất, đời sống của đồng bào Chăm có *bước tiến rõ rệt trong những năm tới*.



Phải tiếp tục phát huy tinh thần tự lực tự cường, khai thác đến mức cao nhất mọi tiềm năng của nhân dân kết hợp với sự đầu tư thích đáng của từng địa phương và sự hỗ trợ của Trung ương.

Coi trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, với biện pháp hàng đầu là phát triển thủy lợi, gắn với phát triển ngành nghề, chăn nuôi, thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, nhất là các nghề truyền thống, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới. Giải quyết hợp lý hợp tình vấn đề tranh chấp đất đai để đồng bào có đất ổn định sản xuất, củng cố đoàn kết dân tộc, xử lý phù hợp phong tục, tập quán vấn đề ruộng “cút” của đồng bào theo đạo Balamôn, ruộng thánh đường của đồng bào theo đạo Hồi. Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đầu tư thích đáng về thủy lợi, nước sinh hoạt và nâng cấp một số đường giao thông cho đồng bào Chăm ở những nơi điều kiện sản xuất và đời sống đang rất khó khăn; trước mắt đầu tư hỗ trợ kinh phí cho địa phương có đông đồng bào Chăm ở vùng khô hạn giải quyết nước cho sinh hoạt và sản xuất. Các ngành chức năng cần nghiên cứu tạo điều kiện cho đồng bào Chăm vay vốn sản xuất; có chính sách bảo trợ nghề dệt truyền thống. Đối với một số vùng sản xuất còn nhiều khó khăn, Nhà nước xem xét miễn hoặc giảm thuế, xóa nợ, bán những mặt hàng thiết yếu như dầu thắp sáng, thuốc chữa bệnh, giấy viết cho học sinh theo giá phù hợp. Đồng bào Chăm được thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 72-QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Về văn hóa - xã hội

Có kế hoạch bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hóa dân tộc Chăm, trùng tu các ngôi tháp Chăm, nhất là số tháp đang ở trong tình trạng hư hỏng; khôi phục một số trung tâm



văn hóa tiêu biểu của đồng bào Chăm, trước hết phục hồi trung tâm văn hóa Chăm ở khu vực Phan Rang (Thuận Hải). Tiếp tục thực hiện việc dạy chữ Chăm cổ, tái bản bộ sách giáo khoa chữ Chăm đáp ứng nhu cầu các trường học ở bậc tiểu học. Tiếp tục công trình nghiên cứu latin hóa chữ Chăm đáp ứng nguyện vọng đồng bào Chăm ở An Giang. Khuyến khích phong trào văn nghệ quần chúng, nhất là ở cơ sở, đầu tư củng cố, xây dựng đoàn văn nghệ Chăm không chuyên đang hoạt động.

Đi đôi với củng cố và phát triển các ngành học phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, cần nghiên cứu tổ chức các loại trường phổ thông dân tộc nội trú, mở lại trường dân tộc Pô Klông ở thị xã Phan Rang để đào tạo con em đồng bào Chăm và các dân tộc thiểu số khác theo quy hoạch. Nhà nước xét miễn học phí cho học sinh Chăm ở các cấp học, nghiên cứu cấp học bổng cho những học sinh thuộc diện chính sách và học giỏi ở tất cả các cấp học, ngành học; có chế độ trợ cấp thích đáng cho đội ngũ giáo viên người Chăm, nhất là đối với giáo viên dạy song ngữ.

Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh và xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan và những phong tục, tập quán lạc hậu. Làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, đặc biệt quan tâm giải quyết bệnh phụ khoa cho phụ nữ và bệnh suy dinh dưỡng cho trẻ em. Cung ứng kịp thời thuốc chống dịch bệnh, các loại thuốc thiết yếu cho phòng chữa bệnh. Nhà nước xem xét miễn viện phí cho đồng bào Chăm nghèo. Khuyến khích khai thác, nuôi trồng và sử dụng có hiệu quả các loại thuốc gia truyền dân tộc.

3. Về an ninh chính trị

Tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ và đồng bào Chăm cũng như Kinh, làm cho mọi người quán



triệt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, chấp hành luật pháp, tăng cường đoàn kết dân tộc, hăng hái góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đi đôi với việc phổ biến tình hình thời sự trong nước và thế giới, tuyên truyền quyền lợi và nghĩa vụ công dân, cần thường xuyên cảnh giác đấu tranh chống những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề lịch sử, vấn đề dân tộc, tôn giáo và những khuyết điểm trong việc thực hiện chính sách dân tộc hòng xuyên tạc, gây chia rẽ, kích động hằn thù dân tộc, gieo rắc hoang mang trong nhân dân, phá hoại việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Công tác quần chúng, xây dựng đảng và đào tạo cán bộ

Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) phù hợp với đặc điểm và thực tế vùng đồng bào Chăm. Chú ý kết hợp chặt chẽ công tác dân tộc với những đặc điểm về công tác tôn giáo trong vùng đồng bào Chăm.

Có kế hoạch xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng trong vùng dân tộc. Phát triển đảng viên người Chăm. Trên cơ sở xây dựng đội ngũ trung kiên, cốt cán, lựa chọn những đoàn viên, học viên ưu tú để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ, đảng viên.

Cần có sự quan tâm hơn đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên dân tộc Chăm để có kế hoạch và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng. Xây dựng một đội ngũ cán bộ đồng bộ hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị. Có chính sách đối với những cán bộ cốt cán chủ chốt người Chăm và cán bộ công tác ở cơ sở.



Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu:

- Các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương, cùng các ban, ngành và cơ quan ở trung ương có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần nghiên cứu vận dụng cụ thể hóa nội dung Thông tri này để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Đối với các tỉnh, huyện có đông đồng bào Chăm thì tùy theo tính chất, quy mô của vấn đề dân tộc ở địa phương, phân công một số cấp ủy viên và ủy viên Ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân tộc Chăm, coi trọng nghiên cứu, kiểm tra việc vận dụng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vùng đồng bào Chăm.

Các cơ quan chỉ đạo về công tác dân tộc của Đảng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tri này và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Đào Duy Tùng

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 19-CT/TW, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới

Hơn 25 năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư khóa VI về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào Khơ-me từng bước được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị vùng đồng bào Khơ-me được quan tâm. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người Khơ-me được chú trọng. Số lượng cán bộ, đảng viên chủ chốt là dân tộc Khơ-me tăng hơn. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc Khơ-me đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me vẫn còn những hạn chế nhất định.



Việc quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi còn chậm. Một số chế độ, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc Khơ-me còn bất cập, chưa đồng bộ, chậm được sửa đổi. Đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc Khơ-me còn nhiều khó khăn; vẫn còn tồn tại tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao; tái mù chữ có chiều hướng gia tăng. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý là người Khơ-me vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Vẫn còn tiềm ẩn một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đối với vùng đồng bào dân tộc Khơ-me; nguồn lực đầu tư cho vùng có đông đồng bào dân tộc Khơ-me còn hạn chế; chậm đổi mới nội dung, phương thức vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; công tác chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ người Khơ-me chưa được quan tâm đúng mức.

Nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, đồng thời để vùng đồng bào dân tộc Khơ-me được phát triển toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc Khơ-me. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 25-NQ/TW,



ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về công tác dân vận, Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển, thực hiện đề án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội các xã biên giới, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc Khơ-me sinh sống. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu; giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống của đồng bào, bảo đảm định canh, định cư và giảm nghèo bền vững.

3. Phấn đấu đến năm 2020 cơ bản xóa mù chữ cho đồng bào. Xây dựng chương trình, quy chế thống nhất về nội dung giảng dạy, tuyển sinh đối với trường bổ túc văn hóa Pali và chữ Khơ-me ở các cấp học và Học viện Phật giáo Nam tông Khơ-me.

Đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở y tế, nhất là các trạm y tế xã, đội ngũ y sĩ, bác sĩ, y tá là người Khơ-me. Đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế và các chương trình y tế quốc gia vùng đồng bào Khơ-me.

Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở; tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng Khơ-me trong các chương trình phát thanh, truyền hình; quan tâm công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khơ-me; duy trì, phát triển các lễ hội văn hóa truyền thống.

4. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về



tôn giáo. Quan tâm bảo vệ di sản văn hóa chùa chiền dân tộc Khơ-me, kết hợp với việc xây dựng nhà văn hóa trong vùng đồng bào Khơ-me; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ sửa chữa, trùng tu chùa chiền cho đồng bào dân tộc Khơ-me.

Quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ chức sắc; phát huy vai trò của Hội đoàn kết sư sãi yêu nước, ban quản lý chùa và người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khơ-me đối với công tác vận động đồng bào. Hỗ trợ xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông; xây dựng nhà hành lễ và nhà hỏa táng hiện đại cho đồng bào Khơ-me. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sư sãi tại các chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me.

5. Thực hiện tốt công tác cán bộ trong hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc Khơ-me; bố trí hợp lý giữa cán bộ dân tộc Khơ-me với cán bộ dân tộc khác phù hợp với đặc điểm của từng địa phương; chú trọng phát triển Đảng, đoàn viên, hội viên vùng đồng bào dân tộc Khơ-me.

Chăm lo xây dựng và phát huy vai trò lực lượng cốt cán, người uy tín, sư sãi tiêu biểu trong đồng bào dân tộc Khơ-me và các chức sắc tôn giáo. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

6. Làm tốt công tác vận động, nắm chắc tình hình nhân dân; tích cực giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện tại cơ sở có liên quan đến yếu tố chùa chiền, tôn giáo ở địa phương, không để phát sinh những vấn đề phức tạp về an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Kịp thời phát hiện, ngăn chặn những âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các tổ chức phản động Khơ-me



Cam-pu-chia Crôm. Chú trọng công tác quản lý biên giới, quản lý địa bàn, đặc biệt là vấn đề quốc tịch và quản lý hộ khẩu.

7. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương vùng đồng bào dân tộc Khơ-me và các ban, bộ, ngành Trung ương có liên quan quán triệt, cụ thể hóa, thực hiện Chỉ thị.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc bổ sung, hoàn thiện chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới; cân đối các nguồn lực để ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khơ-me.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện công tác cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chương trình hành động thực hiện tốt Chỉ thị.

- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng

VII. CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG
NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004

Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

I- TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỜI GIAN QUA

1. Hiện nay có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% ở các nước công nghiệp phát triển, phân đông bà con ngày càng ổn định cuộc sống và hòa nhập vào xã hội nơi cư trú, có vị trí nhất định trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội ở nước sở tại, có tác động ở mức độ khác nhau tới mối quan hệ giữa các nước đó với Việt Nam. Bên cạnh đó, trong những năm qua, hàng trăm nghìn người Việt Nam đã ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp, đoàn tụ gia đình, hình thành các cộng đồng người Việt Nam tại một số địa bàn mới.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có tiềm lực kinh tế nhất định, có mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài và quốc tế, có khả năng tìm kiếm đối tác và làm cầu nối với các doanh nghiệp, tổ chức trong nước. Nhiều trí thức có trình độ học vấn và chuyên môn cao; một số người giữ vị trí



quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các công ty và tổ chức quốc tế, có khả năng tạo dựng quan hệ với các cơ sở kinh tế, khoa học ở nước sở tại.

Mặc dù sống xa Tổ quốc, đồng bào luôn nuôi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống văn hóa và hướng về cội nguồn, dòng tộc, gắn bó với gia đình, quê hương. Nhiều người đã có những đóng góp về tinh thần, vật chất và cả xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Thành tựu to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội và không ngừng nâng cao vị thế quốc tế của đất nước càng củng cố thêm niềm tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Đồng bào bà con hoan nghênh công cuộc đổi mới và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước, mong muốn đất nước cường thịnh, sánh vai với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; nhiều người đã về thăm gia đình, quê hương, tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, nhân đạo, từ thiện... Tình hình trên là xu thế chủ yếu trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tuy nhiên, người Việt Nam ở một số nước còn khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, chưa được hưởng quy chế rõ ràng, thậm chí ở một số nơi còn bị kỳ thị. Một bộ phận đồng bào do chưa có dịp về thăm đất nước để tận mắt thấy được những thành tựu của công cuộc đổi mới hoặc do thành kiến, mặc cảm, nên chưa hiểu đúng về tình hình đất nước. Một số ít người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc, ra sức chống phá đất nước, phá hoại mối quan hệ hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam.



Tính liên kết cộng đồng, sự gắn bó giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng chưa cao. Còn thiếu các biện pháp duy trì, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; việc giữ gìn tiếng Việt và bản sắc dân tộc trong thế hệ trẻ còn khó khăn. Nhu cầu giao lưu văn hóa giữa cộng đồng với đất nước, giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong cộng đồng là rất lớn và trở nên bức thiết song chưa được đáp ứng. Sự đóng góp của bà con vào công cuộc xây dựng đất nước, nhất là về trí thức, chưa tương xứng với tiềm năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách rộng mở và biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho đồng bào về thăm đất nước, người thân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học - công nghệ, hoạt động văn hóa - nghệ thuật. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã được đổi mới và đạt được những kết quả đáng kể cả ở trong và ngoài nước. Công tác thông tin, văn hóa phục vụ cộng đồng từng bước được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và qua mạng internet. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chính quyền địa phương và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quán triệt sâu sắc, thực hiện đầy đủ. Công tác nghiên cứu, tham mưu về chính sách chưa theo kịp những chuyển biến mới. Công tác bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức. Các chính sách đã ban hành chưa



đồng bộ và chưa thể hiện đầy đủ tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; chưa khuyến khích mạnh mẽ người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước. Chưa có hình thức thỏa đáng để cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cho đồng bào về tình hình đất nước và chính sách của Đảng và Nhà nước. Hình thức vận động cộng đồng còn chưa thực sự đổi mới, đa dạng và linh hoạt để có thể quy tụ, động viên đồng bào bà con tham gia các hoạt động có ích cho cộng đồng và quê hương. Việc phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố tích cực, việc khen thưởng, động viên những người có thành tích ít được chú trọng.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân chưa nhận thức thật sự đầy đủ và sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều cấp ủy đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức và chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác này. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan, giữa Trung ương và địa phương, giữa trong và ngoài nước còn thiếu chặt chẽ, các cơ quan trực tiếp làm công tác về người Việt Nam ở nước ngoài chưa được kiện toàn đủ mạnh, kinh phí còn hạn chế.

II- CHỦ TRƯỞNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thể hiện đầy đủ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở của sự đoàn kết là ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân



tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là giữ vững nền độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thỏa thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Đảng và Nhà nước mong muốn, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại, chăm lo xây dựng cuộc sống, làm ăn thành đạt, nêu cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam, đoàn kết đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước bà con sinh sống với nước nhà, tùy theo khả năng và điều kiện của mỗi người góp phần xây dựng quê hương, đất nước, chủ động đấu tranh với các biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc.



3. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần mang tính đồng bộ, kết hợp việc xây dựng cơ chế, chính sách với công tác vận động, kết hợp các hoạt động trong nước với các hoạt động ở nước ngoài và phải được tiến hành thông qua nhiều loại hình hoạt động và biện pháp phù hợp với các đối tượng và địa bàn khác nhau, trên cơ sở tự nguyện và không trái với pháp luật, phong tục, tập quán của nước sở tại.

4. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Các tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, ở trong nước và ngoài nước và toàn dân ta cần coi đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn sinh sống, hội nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, đồng thời duy trì quan hệ gắn bó với quê hương, đất nước.

Thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực vận động chính quyền nước sở tại tạo thuận lợi cho kiều bào có điều kiện làm ăn sinh sống bình thường; chủ động tiến hành đàm phán và ký kết các thỏa thuận cần thiết với các nước, trong đó có các hiệp định lãnh sự, hiệp định tư pháp, bảo vệ lợi ích chính đáng của bà con, chống các biểu hiện kỳ thị, các hành động chống lại người Việt Nam ở nước ngoài. Giải quyết nhanh chóng, thỏa đáng yêu cầu của người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến vấn đề quốc tịch.



Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, thân nhân, thờ cúng tổ tiên. Cụ thể hóa và hoàn thiện hơn nữa các quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại ở trong nước của người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng thông thoáng, thuận tiện và đơn giản thủ tục. Giải quyết thuận lợi, nhanh chóng thủ tục cho người Việt Nam ở nước ngoài hồi hương hoặc về làm ăn, sinh sống có thời hạn ở trong nước; tiếp tục giải quyết những vấn đề tồn tại về mua nhà ở trong nước, thừa kế, hôn nhân gia đình, nhận con nuôi... liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài. Dành cho người Việt Nam ở nước ngoài giá dịch vụ như công dân trong nước.

Có hình thức thích hợp tổ chức thu thập ý kiến của đồng bào ở nước ngoài trước khi ban hành các văn bản pháp quy, chính sách có liên quan nhiều tới người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước. Xây dựng chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước, góp phần phát triển nền văn hóa, nghệ thuật của nước nhà.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách tạo thuận lợi và khuyến khích các ngành, các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, các cơ sở sản xuất, dịch vụ... ở trong nước mở rộng hợp tác, thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia công việc ở trong nước, làm việc cho các chương trình, dự án hợp tác đa phương và song phương của



Việt Nam với nước ngoài hoặc trong các tổ chức quốc tế có chỉ tiêu dành cho người Việt Nam và tư vấn trong các quan hệ giữa Việt Nam với đối tác nước ngoài.

Tranh thủ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tiến hành hoạt động vận động, tư vấn về pháp lý trong quan hệ với nước bà con làm ăn sinh sống.

3. Hoàn chỉnh và xây dựng mới các chính sách thu hút người Việt Nam ở nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh ở trong nước. Coi trọng các hình thức đầu tư, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ do người Việt Nam ở nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc thông qua người thân trong nước thực hiện. Mở rộng và tạo thuận lợi hơn nữa chính sách kiều hối. Phát huy khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài làm dịch vụ, thiết lập và mở rộng kênh tiêu thụ hàng hóa Việt Nam, các quan hệ hợp tác và đầu tư với các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến doanh nghiệp do người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào trong nước, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của các doanh nghiệp, xử lý các vi phạm theo đúng pháp luật, góp phần tạo môi trường pháp lý ổn định, làm cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, hợp tác với trong nước yên tâm, tin tưởng.

4. Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức vận động, các hình thức tập hợp với mục đích đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, khuyến khích những hoạt động hướng về Tổ quốc của bà con, nhất là của thế hệ trẻ trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật và phong tục tập quán nước sở tại. Hỗ trợ các dự án của người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mục tiêu trên. Chủ động mở rộng tiếp xúc với cộng đồng



người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả với những người còn có định kiến, mặc cảm với Nhà nước và chế độ ta.

5. Tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ. Xây dựng và hoàn chỉnh sách giáo khoa tiếng Việt cho kiều bào, cải tiến các chương trình dạy tiếng Việt trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua mạng internet. Cử giáo viên dạy tiếng Việt tới những nơi có thể để giúp bà con học tiếng Việt. Tổ chức trại hè nói tiếng Việt cho thanh, thiếu niên người Việt Nam ở nước ngoài.

Tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, nhất là các đoàn nghệ thuật dân tộc ra nước ngoài biểu diễn phục vụ cộng đồng. Tạo điều kiện cho các nghệ sĩ, vận động viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn, thi đấu, tham gia các đoàn Việt Nam đi biểu diễn và thi đấu quốc tế. Thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn học, nghệ thuật, triển lãm, hội thảo, du lịch về cội nguồn.

6. Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác thông tin, tuyên truyền, giúp cho người Việt Nam ở nước ngoài hiểu đúng tình hình đất nước và chính sách của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho các chương trình dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của đài phát thanh, truyền hình và internet; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức và kỹ thuật của các chương trình này. Hỗ trợ việc ra báo viết, mở đài phát thanh, truyền hình ở ngoài nước. Xây dựng thư viện trên mạng internet để phục vụ cho người Việt Nam sống xa Tổ quốc. Hỗ trợ kinh phí vận chuyển và đơn giản hóa thủ tục đối với việc gửi sách báo, văn hóa phẩm ra ngoài phục vụ cộng đồng.



7. Hoàn chỉnh chính sách khen thưởng đối với người Việt Nam ở nước ngoài, đưa vào nền nếp việc khen thưởng các tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích trong vận động xây dựng cộng đồng, đóng góp xây dựng đất nước, tổ chức và cá nhân trong nước có thành tích trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Giải quyết có tình, có lý và trên cơ sở đạo lý Việt Nam các vấn đề nhân đạo do lịch sử để lại nhằm thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời có biện pháp phù hợp đấu tranh với những biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích dân tộc, phá hoại quan hệ giữa các nước có đông người Việt Nam sinh sống với Việt Nam hoặc gây chia rẽ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại.

8. Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và đoàn thể nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tích cực vào công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài với các cơ quan hữu quan, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, giữa trong nước với ngoài nước. củng cố và phát triển các tổ chức xã hội làm công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, như Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài, các hội thân nhân kiều bào và các hình thức tập hợp chính đáng khác, phù hợp với ý nguyện và đặc điểm của cộng đồng ở địa bàn cư trú.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có trách nhiệm coi công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là một nhiệm vụ chính trị quan trọng; đẩy mạnh công tác bảo hộ công dân và bảo vệ những quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; tích cực, chủ động tăng cường tiếp xúc vận động,



tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới bà con.

9. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài cần được kiện toàn với cơ cấu tổ chức, biên chế và phương tiện hoạt động đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Tăng cường cán bộ chuyên trách về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở những nơi có đông người Việt Nam sinh sống. Một số bộ, ngành và một số tỉnh, thành phố có quan hệ nhiều với người Việt Nam ở nước ngoài cần có bộ phận giúp cơ quan lãnh đạo trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Bổ sung kinh phí cho công tác này.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao phối hợp với Ban Cán sự đảng Ngoài nước và các ban, ngành liên quan, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và đoàn thể nhân dân tổ chức phổ biến rộng rãi Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân trong nước và đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành chương trình hành động, các cơ chế, chính sách, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ căn cứ vào nội dung Nghị quyết, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy có liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện Nghị quyết. Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao



chủ trì cùng Ban Cán sự đảng Ngoài nước giúp Ban Bí thư và Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện Nghị quyết. Ban Bí thư tổ chức kiểm tra, định kỳ nghe báo cáo về tình hình và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phan Diễn

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 45-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2015

**Về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết
số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác
đối với người Việt Nam ở nước ngoài
trong tình hình mới**

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36), công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều tiến bộ và đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã góp phần tích cực vào việc tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; cổ vũ, động viên người Việt Nam ở nước ngoài nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, gắn bó với quê hương đất nước, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, vươn lên trong cuộc sống, hội nhập vào nước sở tại.

Đến nay, một bộ phận lớn bà con đã có địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống, hội nhập vào xã hội nơi họ đang sống và làm việc. Tiếng Việt được sử dụng là ngôn ngữ chính của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài song hành cùng tiếng nói của nước sở tại. Bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc Việt Nam được



bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ tiếp theo. Vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng nâng cao, thực sự là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là cầu nối quan hệ hữu nghị giữa nước ta với các nước sở tại; đồng thời góp phần tích cực xây dựng quê hương, đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết 36 thời gian qua còn một số hạn chế, bất cập. Việc ban hành và thực hiện một số cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài bảo tồn, phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa của dân tộc và góp phần xây dựng đất nước còn chậm, chưa đồng bộ, kết quả còn hạn chế. Một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài chưa có địa vị pháp lý ổn định. Một số bà con vẫn còn giữ thái độ định kiến, mặc cảm; một số ít người còn có tư tưởng, hành động không phù hợp với lợi ích dân tộc.

Những hạn chế, bất cập trên, chủ yếu là do một số cơ quan Trung ương và địa phương nhận thức chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, thống nhất về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; các cơ quan trực tiếp làm công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài phối hợp chưa chặt chẽ, còn chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; bộ máy tổ chức, cán bộ và kinh phí cho công tác này chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong quá trình nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài sẽ tiếp tục gia tăng cả về số lượng và địa bàn cư trú, có cuộc sống ngày càng ổn định, có tiềm lực về tri thức và kinh tế, có vị trí và ảnh hưởng trong xã hội nước sở tại. Tình hình quốc tế, trong nước và những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời gian tới đòi hỏi công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần được tăng cường, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở



nước ngoài tiếp tục phát triển vững mạnh, nâng cao uy tín, tham gia tích cực vào việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước sở tại; góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, bất cập, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả những chủ trương, phương hướng công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã nêu trong Nghị quyết 36; đồng thời, tập trung thực hiện thật tốt những nội dung trọng tâm sau:

1. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần tiếp tục thể hiện đầy đủ và phát huy tốt truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở của sự đoàn kết là ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, làm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung...; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai; xóa bỏ mặc cảm, định kiến; chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tăng cường hơn nữa sự gắn bó của người Việt Nam ở nước ngoài với



đất nước. Mọi người Việt Nam ở nước ngoài đều được khuyến khích, tạo điều kiện trở về thăm quê hương, đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tiếp tục quan tâm, sớm có giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trên tinh thần cởi mở, chân thành, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Kiên trì vận động, thuyết phục những người còn giữ định kiến, mặc cảm.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Ủng hộ và khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tôn trọng pháp luật và hội nhập vào xã hội nước sở tại, nơi bà con sinh sống. Phối hợp chặt chẽ với các nước có người Việt Nam sinh sống nhằm hỗ trợ bà con có địa vị pháp lý vững chắc, bảo đảm cuộc sống lâu dài ở nơi cư trú. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh, người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài.

4. Tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết 36; đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tháo gỡ vướng mắc, tạo thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài khi về Việt Nam sinh sống và làm ăn; sớm cấp lại quốc tịch cho những người có đủ điều kiện; tạo thuận lợi hơn nữa trong việc sở hữu nhà ở tại Việt Nam; đơn giản hóa thủ tục xuất nhập cảnh, đầu tư, chuyển, nhận và sử dụng kiều hối. Thường xuyên tổ chức cho người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp ý kiến và tham gia vào các sự kiện chính trị - xã hội lớn của đất nước.

5. Rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật tạo hành lang pháp lý thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về đầu tư, sản xuất kinh doanh, góp phần vào thu hút



đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các nước vào Việt Nam và thúc đẩy xuất khẩu, hỗ trợ đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài. Có chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thiết yếu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc; hỗ trợ dạy và học tiếng Việt hiệu quả, sớm triển khai chương trình dạy tiếng Việt qua mạng phù hợp với từng địa bàn; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu văn hóa, tinh thần của bà con theo truyền thống dân tộc và phù hợp với đặc thù, pháp luật của nước sở tại.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại bằng nhiều hình thức phù hợp (các kênh phát thanh, truyền hình phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài, phát thanh, truyền hình đối ngoại, truyền hình qua mạng IPTV hoặc hệ thống truyền hình của nước sở tại...). Tranh thủ, phát huy các phương tiện truyền thông của cộng đồng nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Thông qua người Việt Nam ở nước ngoài, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và vận động bạn bè quốc tế.

8. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các hình thức tập hợp, vận động người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là thế hệ trẻ; mở rộng vận động, tiếp xúc những cá nhân có uy tín, ảnh hưởng lớn trong cộng đồng. Nghiên cứu xây dựng chính sách, hỗ trợ các tổ chức hội đoàn, lực lượng nòng cốt trong cộng đồng; nghiên cứu thí điểm công nhận các chi hội người Việt Nam ở nước ngoài là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ



chức hữu nghị Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam... Đẩy mạnh công tác khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có công với đất nước và công tác cộng đồng.

9. Kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ; đổi mới phương thức hoạt động và cơ chế phối hợp triển khai công tác về người Việt Nam ở nước ngoài từ Trung ương đến địa phương theo nguyên tắc thu gọn đầu mối, rõ ràng, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, không làm tăng biên chế. Kiện toàn bộ máy Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng chuyên sâu, làm tốt vai trò cơ quan tham mưu, thống nhất quản lý công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

10. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng mới các văn bản pháp luật và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện “Chương trình hành động về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2015- 2020”.

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các đơn vị sự nghiệp Trung ương và cấp ủy trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị.

Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Ngoài nước, Ban Đối ngoại



Trung ương và các ban, ngành, đoàn thể liên quan và các cấp ủy địa phương tổ chức phổ biến Chỉ thị này đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; chịu trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 14-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2011

Về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài

Tại phiên họp ngày 04/10/2011, sau khi nghe Ban Dân vận Trung ương báo cáo về tình hình hoạt động của các tổ chức quần chúng và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài (Tờ trình số 147-TTr/BDVTW, ngày 10/5/2011) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Hiện nay, có hơn 4,3 triệu người Việt Nam đang sinh sống, lao động, học tập và công tác ở 103 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; trong đó, trên 80% ở các nước công nghiệp phát triển. Đa số người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, luôn hướng về quê hương, đất nước, tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán của quốc gia, vùng lãnh thổ sở tại; tích cực tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước. Xuất phát từ nhiều nhu cầu khác nhau, các tổ chức hội, câu lạc bộ, ban liên lạc... của người Việt Nam ở nước ngoài đã được hình thành



và phát triển. Hiện có trên 1.000 tổ chức hội, đoàn, ban liên lạc và câu lạc bộ... (chủ yếu là của kiều bào) đang hoạt động; có hàng trăm tổ chức đảng, đoàn thể, tổ chức quần chúng cơ sở (chủ yếu của cán bộ, lưu học sinh, người lao động đi công tác, du học, lao động ở nước ngoài) trực thuộc các tổ chức trong hệ thống chính trị ở trong nước. Nội dung sinh hoạt đa dạng, phong phú, tiêu biểu là các hoạt động văn hóa, xã hội, trao đổi, gặp gỡ, nắm bắt thông tin và quyên góp ủng hộ, giúp đỡ đồng bào trong và ngoài nước.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và xác định người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không thể tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được ban hành và tổ chức thực hiện có kết quả tốt. Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của Nhà nước, kế hoạch, chương trình hành động của các cấp, các ngành được ban hành và thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, công tác.

Tuy nhiên, một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài còn gặp khó khăn trong cuộc sống, lao động, học tập, công tác; quyền và lợi ích chính đáng của một bộ phận người Việt Nam ở một số nước và vùng lãnh thổ chưa được bảo vệ. Một số tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài còn có hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta; cản trở sự phát triển quan hệ hữu nghị của nước ta với nước sở tại.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, song chủ yếu là do công tác thông tin tuyên truyền của



ta còn hạn chế; công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài chưa được coi trọng đúng mức; nhiều cơ chế, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được hoàn thiện, bổ sung kịp thời.

2. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, người Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức quần chúng của người Việt Nam ở nước ngoài gia tăng, đa dạng hơn. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều cơ hội, đồng thời cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Để tạo điều kiện tốt hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, công tác; đồng thời phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và tiềm năng, sức mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các bộ, ban, ngành ở Trung ương, địa phương và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

(1) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách có liên quan đến công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí làm tốt hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền để người Việt Nam ở nước ngoài nắm vững và hiểu sâu sắc về tình hình đất nước; đồng thời đấu tranh chống các âm mưu và luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, chia rẽ, lôi kéo người Việt Nam ở nước ngoài của bọn phản động và các thế lực thù địch.



(3) Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài làm tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; vận động cộng đồng người Việt Nam đoàn kết, tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán của quốc gia, vùng lãnh thổ sở tại. Tăng cường công tác giáo dục, vận động, tập hợp quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, hướng về Tổ quốc của người Việt Nam ở nước ngoài.

(4) Ban cán sự đảng các bộ, ngành, cơ quan chức năng chỉ đạo việc rà soát, bổ sung, sửa đổi chính sách để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, làm việc, công tác ở nước sở tại và về Việt Nam thăm thân nhân, sinh sống, học tập, làm việc, đầu tư, kinh doanh, du lịch theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta.

(5) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ, Đảng ủy Ngoài nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp để làm tốt công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài và quản lý, giúp đỡ hội quần chúng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương; các cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường phối hợp với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương (trực tiếp là Đảng ủy Ngoài nước) xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, phối hợp quản lý, theo dõi, giúp đỡ các



tổ chức quần chúng và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

(6) Ban Dân vận Trung ương, Đảng ủy Ngoài nước, Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao thường xuyên nắm tình hình, tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng các tổ chức quần chúng và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

VIII. CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 220-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2013

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan
chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy,
thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XI;
- Căn cứ Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”.

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức



bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy).

2. Cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy gồm: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Bảo đảm tham mưu, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của huyện ủy; không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc.

2. Bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với phân loại đơn vị hành chính, tình hình tổ chức đảng và đảng viên.

3. Biên chế tinh gọn; tăng cường kiêm nhiệm một số chức danh; bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 3. Văn phòng huyện ủy

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ và thường trực huyện ủy trong tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy; là trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy.



1.2. Trực tiếp quản lý tài sản, tài chính của huyện ủy và bảo đảm cơ sở vật chất cho các hoạt động của huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Chương trình công tác của huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy.

b) Sơ kết, tổng kết công tác văn phòng huyện ủy.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Hướng dẫn, phối hợp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác văn phòng, công tác tài chính và công nghệ thông tin cho cấp ủy cơ sở và các cơ quan đảng trực thuộc huyện ủy.

b) Kiểm tra, giám sát việc thu, nộp và sử dụng đảng phí ở các tổ chức cơ sở đảng.

c) Theo dõi, đôn đốc các tổ chức đảng, các cấp ủy trực thuộc huyện ủy thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

a) Đề án, văn bản của các cơ quan, tổ chức trước khi trình huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy về: yêu cầu, phạm vi, quy trình, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nội dung đề án, văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, nội chính khi được thường trực, ban thường vụ huyện ủy giao trước khi trình huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy.

2.4. Phối hợp:

a) Các ban đảng, cơ quan, tổ chức liên quan sơ kết, tổng kết về công tác của huyện ủy.



b) Các cơ quan liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy.

c) Các cơ quan liên quan xây dựng theo dõi việc thực hiện chủ trương, chế độ, nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản của huyện ủy; nắm tình hình trong khối nội chính, báo cáo kịp thời thường trực huyện ủy, ban thường vụ.

d) Các ban đảng, cấp ủy trực thuộc và các cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu giúp ban thường vụ, thường trực huyện ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của huyện ủy về công tác xây dựng Đảng, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nội chính...

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao:

a) Là đầu mối giúp thường trực huyện ủy xử lý công việc hằng ngày; phối hợp, điều hoà hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy.

Tổ chức phục vụ các hội nghị, cuộc họp của huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy; phối hợp phục vụ các hội nghị, cuộc họp của các ban đảng, cơ quan thuộc huyện ủy; tham gia tổ chức phục vụ đại hội đại biểu đảng bộ huyện.

b) Tổ chức công tác thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của thường trực huyện ủy, ban thường vụ và huyện ủy; cung cấp thông tin cho các cấp ủy cơ sở, cơ quan, tổ chức ở huyện theo quy định.

Theo dõi, đôn đốc các cấp ủy cơ sở, cơ quan, tổ chức có liên quan ở huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất.



Tiếp nhận, phát hành và quản lý các tài liệu, văn bản đến và đi.

c) Tiếp nhận và xử lý đơn, thư đến huyện ủy; tham mưu, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết một số đơn, thư được thường trực huyện ủy giao; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tiếp công dân.

d) Tổng hợp tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của huyện ủy; hoạt động của các cấp ủy, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện để báo cáo với ban thường vụ, thường trực huyện ủy.

đ) Quản lý tài liệu lưu trữ cơ quan của huyện ủy và của văn phòng huyện ủy; giúp thường trực huyện ủy chỉ đạo và trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công văn, lưu trữ của cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp huyện và cơ sở theo quy định của Luật Lưu trữ năm 2011, các quy định của Ban Bí thư, của tỉnh ủy và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Tổ chức triển khai, ứng dụng và quản lý công nghệ thông tin trong các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy và tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; thực hiện công tác cơ yếu theo quy định.

e) Là chủ sở hữu tài sản của huyện ủy theo sự ủy quyền của ban thường vụ huyện ủy. Bảo đảm điều kiện vật chất, tài chính phục vụ hoạt động của huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy theo phân công, phân cấp.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao.



3. Tổ chức bộ máy

3.1. *Lãnh đạo*: Gồm chánh văn phòng, không quá 2 phó chánh văn phòng. Riêng văn phòng các quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy: không quá 3 phó chánh văn phòng.

3.2. *Biên chế*: Có từ 11-13 người (không bao gồm thường trực huyện ủy).

Điều 4. Ban Tổ chức huyện ủy

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu của huyện ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực huyện ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng gồm: tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của hệ thống chính trị trong huyện.

1.2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của huyện ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định của huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Xây dựng các đề án về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ đảng thuộc thẩm quyền quyết định của ban thường vụ, huyện ủy.

c) Tham mưu về công tác cán bộ, công chức thuộc diện ban thường vụ, huyện ủy quản lý; quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện theo phân cấp quản lý.

d) Sơ kết, tổng kết về công tác tổ chức xây dựng Đảng.



2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, thi hành Điều lệ Đảng đối với các cấp ủy cơ sở trực thuộc huyện ủy; các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

b) Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện ủy.

c) Công tác phát triển đảng viên; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối đảng - đoàn thể, đảng viên; giới thiệu sinh hoạt đảng; giải quyết khiếu nại xóa tên đảng viên và vấn đề đảng tịch cho đảng viên.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

a) Các đề án, văn bản về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của cấp ủy cơ sở, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện ủy trước khi trình ban thường vụ, huyện ủy.

b) Thẩm định và trình thường trực huyện ủy, ban thường vụ về nhân sự dự kiến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp quản lý và danh sách kết nạp đảng viên.

c) Thẩm tra, xác minh đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên có vấn đề về chính trị theo quy định.

d) Thẩm định hồ sơ xóa tên trong danh sách đảng viên cho ra khỏi đảng.

đ) Tham gia thẩm định đề án, văn bản về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các phòng, ban, ngành của huyện.



2.4. Phối hợp:

a) Các ban đảng, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc huyện ủy trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Phòng Nội vụ và các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện, cụ thể hóa các quyết định, quy định của cấp trên về lĩnh vực tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, bảo vệ chính trị nội bộ theo phân công, phân cấp.

c) Các ban đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện hướng dẫn xây dựng và kiểm tra, giám sát thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cấp ủy trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao:

a) Cụ thể hóa và triển khai các văn bản của cấp trên, của huyện ủy và ban thường vụ huyện ủy về công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy quản lý; cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện. Phối hợp với ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ huyện thực hiện việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

b) Tham mưu, giải quyết các vấn đề về đảng tịch. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức diện ban thường vụ, huyện ủy quản lý; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên có vấn đề về chính trị theo quy định.

c) Được cử cán bộ, công chức dự các phiên họp bàn về công tác xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực tổ chức, cán bộ, công chức,



viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của các ban đảng, cấp ủy trực thuộc, các cơ quan có liên quan.

d) Thực hiện công tác thống kê cơ bản về công tác xây dựng chi bộ, đảng bộ; về công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối đảng và đoàn thể của huyện.

đ) Là cơ quan thường trực về công tác thi đua, khen thưởng của huyện ủy.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. *Lãnh đạo*: Gồm trưởng ban, không quá 3 phó trưởng ban (có 1 phó trưởng ban kiêm nhiệm là trưởng phòng nội vụ huyện).

3.2. *Biên chế*: Có từ 6-8 người.

Điều 5. Cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu giúp huyện ủy, ủy ban kiểm tra huyện ủy thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ huyện theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy giao.

1.2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của huyện ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. *Nghiên cứu, đề xuất*:

a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch, nội dung kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, đề án trình huyện ủy, ban thường vụ



huyện ủy, ủy ban kiểm tra huyện ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy về công tác kiểm tra, giám sát của huyện ủy.

b) Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra được quy định tại Điều 32, Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra huyện ủy và nhiệm vụ do huyện ủy, ban thường vụ giao; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác hằng năm do ủy ban kiểm tra huyện ủy quyết định.

c) Phối hợp với các ban đảng, giúp huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng (theo Điều 30, Điều lệ Đảng) và giúp huyện ủy, ban thường vụ lập đoàn hoặc tổ giải quyết tố cáo, khiếu nại, kỷ luật đảng và xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch này.

d) Đề xuất ý kiến đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của huyện ủy, ban thường vụ đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ huyện; tham gia ý kiến các trường hợp do cơ quan chức năng đề nghị khen thưởng.

đ) Sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ huyện.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ



luật đảng trong đảng bộ huyện; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và các vấn đề liên quan khác cho ủy ban kiểm tra, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

Đề án, văn bản của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ huyện trước khi trình ban thường vụ, huyện ủy.

2.4. Phối hợp:

a) Ban tổ chức, văn phòng huyện ủy và các cơ quan có liên quan theo dõi, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của huyện ủy.

Ban tổ chức huyện ủy trong công tác cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý.

Các cơ quan thuộc khối nội chính thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

b) Các cơ quan có liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng cho cấp ủy viên và cán bộ, công chức kiểm tra của cấp ủy huyện và cấp ủy trực thuộc huyện ủy.

2.5. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ủy ban kiểm tra và một số nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, 6 tháng, 1 năm; sơ kết, tổng kết công tác của cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy.



b) Xây dựng tổ chức, cán bộ, công chức và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy.

c) Kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ, công chức cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc huyện ủy khi cần thiết.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo: Gồm chủ nhiệm và không quá 2 phó chủ nhiệm chuyên trách ủy ban kiểm tra.

Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là thủ trưởng cơ quan ủy ban kiểm tra, các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là phó thủ trưởng cơ quan ủy ban kiểm tra.

3.2. Biên chế: Có từ 5 đến 7 người (kể cả ủy viên ủy ban kiểm tra chuyên trách).

Điều 6. Ban Tuyên giáo huyện ủy

1. Chức năng

1.1. Là cơ quan tham mưu của huyện ủy mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ và thường trực huyện ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương.

1.2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của huyện ủy.



2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu, đề xuất:

a) Nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng trong cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân, những diễn biến trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ở địa bàn huyện; dự báo những diễn biến, xu hướng tư tưởng có thể xảy ra, kịp thời báo cáo, tham mưu với huyện ủy, ban thường vụ về phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp giải quyết.

b) Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội; chuẩn bị xây dựng các đề án, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của huyện ủy, ban thường vụ về công tác tuyên giáo.

c) Sơ kết, tổng kết về công tác tuyên giáo.

2.2. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Tổ chức nghiên cứu, học tập, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản của Đảng. Kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của huyện ủy trong lĩnh vực tuyên giáo.

b) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác tuyên giáo cho cấp ủy, cán bộ tuyên giáo cấp dưới. Hướng dẫn cấp ủy xã, phường, thị trấn, tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc huyện sơ tầm, biên soạn lịch sử đảng bộ.

c) Hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra tuyên truyền các ngày lễ lớn, các phong trào thi đua yêu nước, truyền thống cách mạng của Đảng, dân tộc, địa phương.



2.3. Thẩm định, thẩm tra:

Đề án, văn bản của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện có liên quan đến lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, khoa giáo, lịch sử đảng bộ huyện, cơ quan, đơn vị thuộc huyện trước khi trình thường trực huyện ủy, ban thường vụ, huyện ủy.

2.4. Phối hợp:

a) Các cơ quan chức năng tham gia xây dựng Đảng về công tác chính trị - tư tưởng, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tuyên giáo đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy.

Tham gia ý kiến về công tác cán bộ, công chức đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong khối theo phân cấp quản lý.

b) Ban tổ chức huyện ủy và Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện xây dựng kế hoạch nội dung đào tạo, bồi dưỡng chính trị - hành chính, nghiệp vụ công tác đảng, mặt trận và các đoàn thể cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao:

a) Tổ chức mạng lưới và chỉ đạo nội dung hoạt động đối với báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên từ huyện đến cơ sở. Tổ chức thông tin thời sự, tuyên truyền chủ trương, chính sách theo kế hoạch, chương trình của cấp ủy cấp trên và của huyện ủy; tổ chức sưu tầm, quản lý tư liệu và biên soạn lịch sử đảng bộ.

b) Chủ trì, chỉ đạo định hướng, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan văn



hóa, cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương, đảm bảo hoạt động theo đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Chỉ đạo chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng đối với Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. *Lãnh đạo*: Gồm trưởng ban, không quá 2 phó trưởng ban.

3.2. *Biên chế*: Có từ 4 đến 6 người.

Điều 7. Ban Dân vận huyện ủy

1. Chức năng

Là cơ quan tham mưu của huyện ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực huyện ủy về công tác dân vận (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo) của huyện ủy.

2. Nhiệm vụ

2.1. *Nghiên cứu, đề xuất*:

a) Những chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của huyện ủy. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình, kế hoạch, kết luận của huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy về công tác dân vận.

b) Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai thực hiện các văn bản của cấp ủy cấp trên, pháp luật và chính sách của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.



c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân) để báo cáo và tham mưu cho huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy.

d) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát:

a) Việc thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của huyện ủy về công tác dân vận.

b) Hướng dẫn, phối hợp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận của các cấp trong đảng bộ huyện.

2.3. Thẩm định, thẩm tra:

a) Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình ban thường vụ, huyện ủy.

b) Tham gia thẩm định các đề án, dự án, văn bản có liên quan đến công tác dân vận; các đề án, dự án liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân huyện.

2.4. Phối hợp:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các chương trình phối hợp; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận.

b) Các ban đảng, cơ quan, tổ chức liên quan theo dõi, nắm tình hình tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân và phong trào quần chúng, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ, huyện ủy.



c) Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và hội quần chúng huyện tham gia công tác xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền; xây dựng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội quần chúng.

d) Các cơ quan chức năng đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy.

2.5. Thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao:

a) Tham gia ý kiến về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận theo phân cấp quản lý.

b) Nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương.

c) Là cơ quan thường trực ban chỉ đạo về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ, thường trực huyện ủy giao.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Lãnh đạo: Gồm trưởng ban, không quá 2 phó trưởng ban.

3.2. Biên chế: Có từ 4 đến 5 người.

Điều 8. Về tiêu chuẩn, chức danh và cơ cấu lao động

1. Về tiêu chuẩn, chức danh lao động

Việc xác định tiêu chuẩn, chức danh, vị trí làm việc và cơ cấu cán bộ, công chức trong mỗi cơ quan do các cơ quan tham



mưu, giúp việc huyện ủy xây dựng, ban tổ chức huyện ủy thẩm định trình ban thường vụ huyện ủy xem xét, quyết định.

2. Về cơ cấu lao động

2.1. Đối với văn phòng huyện ủy, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa số cán bộ, công chức làm công tác nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và công chức làm công tác hành chính, phục vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của văn phòng huyện ủy. Trong đó phải có tối thiểu là 50% biên chế làm công tác nghiên cứu, tham mưu tổng hợp.

2.2. Đối với các ban đảng, cơ quan ủy ban kiểm tra của huyện ủy, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa số cán bộ, công chức làm công tác nghiên cứu, tham mưu và công chức tác nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy. Trong đó phải có tối thiểu là 80% biên chế làm công tác nghiên cứu, tham mưu.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Quan hệ với huyện ủy, ban thường vụ, thường trực huyện ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ, thường trực huyện ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến và đề xuất các vấn đề thuộc trách nhiệm về lĩnh vực được phân công với ban thường vụ và thường trực huyện ủy; về



chương trình công tác của mỗi cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy định kỳ báo cáo công tác với các cơ quan tham mưu, giúp việc tương ứng của tỉnh ủy, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan tham mưu, giúp việc tương ứng của tỉnh ủy theo quy định.

Điều 10. Quan hệ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện

Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện về quan hệ phối hợp:

1. Trong phạm vi lĩnh vực công tác, các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của cấp trên và cấp mình.

2. Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế và kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy giao.

Điều 11. Quan hệ với thường trực hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân huyện

Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy với thường trực hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cùng cấp là quan hệ phối hợp.



1. Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu có gắn với công tác quản lý nhà nước, các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy phối hợp với thường trực hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; các cơ quan đảng, nhà nước tạo điều kiện, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tại kỳ họp hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân huyện bàn chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ... có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào, thì đại diện lãnh đạo cơ quan đó được mời tham dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo cơ quan làm việc trực tiếp với thường trực hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 12. Quan hệ với cấp ủy cơ sở và bộ phận tham mưu giúp việc của cấp ủy cơ sở

1. Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy với cấp ủy cơ sở là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, trao đổi trong việc thực hiện công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp.

2. Quan hệ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy với bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy cơ sở là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.



Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, báo cáo Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 101-QĐ/TW, ngày 07 tháng 6 năm 2012

Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI;
- Thực hiện Nghị quyết T.Ư 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Chỉ thị của Bộ Chính trị “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” (Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14/5/2011),

Ban Bí thư quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh như sau:

I- NỘI DUNG NÊU GƯƠNG

Mỗi cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.



1- Về tư tưởng chính trị

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đi đầu trong đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

- Gương mẫu trong thực hiện, tuyên truyền và bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của nhân dân.

2- Về đạo đức, lối sống, tác phong

- Thực hiện nghiêm Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm và Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc thực hiện Quy định này.

- Đi đầu trong đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; sẵn sàng nhận và chịu trách nhiệm khi tổ chức, cơ quan, đơn vị do mình phụ trách xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quyết tâm sửa chữa, khắc phục.

- Nêu gương về đức khiêm tốn, giản dị; tác phong sâu sát thực tế, gần gũi để thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng, trước hết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị công tác và nơi cư trú.

- Kiên quyết không nhận quà biếu với động cơ vụ lợi dưới mọi hình thức; không để cho người thân lợi dụng quyền hạn và ảnh hưởng của mình để trục lợi.

3- Về tự phê bình, phê bình

- Người đứng đầu phải là tấm gương tự phê bình và phê bình để cấp dưới làm theo.



- Trong tự phê bình và phê bình phải thực sự cầu thị, tự giác, trung thực, chân thành, công tâm, không hữu khuynh, né tránh, chạy theo chủ nghĩa thành tích; khi có khuyết điểm phải nhận khuyết điểm và phải có kế hoạch sửa chữa.

- Có tình đồng chí, thương yêu lẫn nhau; thẳng thắn đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt; kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lợi dụng phê bình với động cơ xấu.

4- Về quan hệ với nhân dân

- Nêu cao ý thức phục vụ nhân dân; làm việc với thái độ khách quan, công tâm, tập trung sức giải quyết những lợi ích chính đáng của nhân dân; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, chủ động đối thoại với nhân dân và cán bộ dưới quyền.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà nhân dân.

5- Về trách nhiệm trong công tác

- Nêu cao ý thức trách nhiệm, tận tụy với công việc; lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tích cực học tập, nghiên cứu, tiếp thu và vận dụng có hiệu quả các tri thức khoa học, công nghệ hiện đại, các sáng kiến trong lao động, sản xuất, công tác.

- Chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm, đã nói thì phải làm.

- Hiểu và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, có lý, có tình;



không lạm dụng chức vụ, quyền hạn khi giải quyết công việc; chống các hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp, chạy thi đua và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Kiên quyết chống tư tưởng cục bộ, bè phái và các biểu hiện cơ hội, thực dụng vì lợi ích cá nhân, “lợi ích nhóm”.

6- Về ý thức tổ chức kỷ luật

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật trong tổ chức, cơ quan, đơn vị.

- gương mẫu chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, sự phân công, điều động của tổ chức; đi đầu thực hiện nền nếp, chế độ sinh hoạt đảng, các nội quy, quy chế, quy định của tổ chức, cơ quan, đơn vị.

7- Về đoàn kết nội bộ

- Hết lòng chăm lo xây dựng và tăng cường đoàn kết nội bộ; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng trong cơ quan, đơn vị, địa phương; công tâm với cán bộ dưới quyền; hợp tác với đồng chí, đồng nghiệp để không ngừng tiến bộ.

- Chân thành giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp trong công tác và trong cuộc sống; bảo vệ uy tín, danh dự chính đáng của đồng chí, đồng nghiệp; không tranh công, đổ lỗi, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, khuyết điểm cho người khác.

- Tích cực tham gia xây dựng tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội nơi công tác; kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện chia rẽ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ và trong nhân dân.



II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Quy định này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả với cấp ủy cấp trên.

2- Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải có kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện theo cương vị công tác của mình và báo cáo với chi bộ, cấp ủy nơi công tác để được góp ý, giúp đỡ, giám sát, tạo điều kiện thực hiện. Đây là một trong những căn cứ để đánh giá cán bộ, đảng viên cuối năm.

3- Hàng năm, các cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành đánh giá, sơ kết việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu vào dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác; phê phán, ngăn ngừa, cảnh báo, xử lý nghiêm tổ chức và cá nhân không thực hiện nghiêm túc Quy định này.

4- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương và các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này phổ biến đến chi bộ đảng để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

Lê Hồng Anh

QUY ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Số 08-QĐi/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2018

**Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên,
trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;
 - Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về xây dựng Đảng;
- Để nêu gương trở thành việc làm tự giác, thường xuyên, hiệu quả của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUY ĐỊNH

Điều 1. Cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của



Nhà nước; gương mẫu thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu nêu gương.

Điều 2. Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải gương mẫu đi đầu thực hiện:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu, nắm vững hệ thống các nguyên tắc cơ bản và kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có lập trường tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, chính kiến rõ ràng trước những vấn đề mới, khó, phức tạp, nhạy cảm. Chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

2. Hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, của quốc gia - dân tộc và mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Không làm bất cứ việc gì có hại cho Đảng, cho đất nước và nhân dân. Lấy ấm no, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

3. Thực hành phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, hiệu quả; thực sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể. Chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả công tác cải cách hành chính, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

4. Sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ khi được phân công. Tâm huyết, tận tụy với công việc. Tích cực giải quyết dứt điểm các vấn đề phức tạp, bức xúc, tồn



động kéo dài; chủ động, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống khẩn cấp, đột xuất, bất ngờ trong địa phương, lĩnh vực mình phụ trách.

5. Tích cực thực hiện quy định về phân cấp, phân quyền và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Chủ động thực hiện chủ trương thí điểm của Trung ương; khuyến khích mô hình, cách làm mới, hiệu quả. Năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; tìm tòi, đổi mới, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

6. Giữ vững nguyên tắc, dân chủ, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ kế cận. Chủ động, tích cực phát hiện, thu hút, trọng dụng người có đức, có tài, khát khao cống hiến. Bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp của Đảng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

7. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng. Mẫu mực về đạo đức, lối sống. Thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành.

8. Nghiêm túc thực hành tự phê bình và phê bình; thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh; không tranh công đổ lỗi. Dũng cảm nhận khuyết điểm và trách nhiệm. Chủ động xin từ chức khi thấy mình không còn đủ điều kiện, năng lực, uy tín để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống:



1. Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, bản vị. Lợi dụng tập thể để né tránh trách nhiệm hoặc lấy danh nghĩa tập thể thực hiện mục đích cá nhân. Nói không nhất quán, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít.

2. Độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa dân, thờ ơ, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của nhân dân. Định kiến với người góp ý, phê bình. Trực tiếp, mượn danh hoặc cung cấp tài liệu cho người khác để nói, viết, đăng tin, bài sai sự thật nhằm đề cao tập thể, cá nhân mình hoặc hạ thấp uy tín của tập thể, cá nhân khác trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

3. Chủ trì tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách trái chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng hoặc gây thiệt hại đối với lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân.

4. Chạy hoặc tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, chạy phiếu tín nhiệm. Can thiệp không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trái quy định vào công tác cán bộ; đề bạt, bổ nhiệm, bố trí cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, nhất là đối với người nhà, người thân.

5. Tham nhũng, hối lộ dưới mọi hình thức; tặng quà, nhận quà vì vụ lợi. Can thiệp không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trái quy định vào công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; đối với việc đề xuất, cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, chỉ định thầu các dự án, đề án kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đấu giá đất đai, tài sản nhà nước.

6. Lãng phí công quỹ, tài sản, phương tiện, nhân lực và thời gian làm việc. Tổ chức đoàn đi công tác ở trong và ngoài nước không đúng thành phần, thời gian và nội dung yêu cầu công việc. Sống, sinh hoạt, tiêu dùng, giải trí xa hoa, lãng phí.



7. Lợi dụng doanh nghiệp hoặc để doanh nghiệp lợi dụng nhằm vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín để sử dụng, vay, mượn tiền, tài sản, phương tiện của tổ chức, cá nhân trái quy định.

8. Để vợ (chồng), bố, mẹ, con, anh chị em ruột lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín của mình để vụ lợi. Để vợ (chồng), con đẻ, con nuôi sống xa hoa, phô trương, lãng phí hoặc sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định và định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các quy định nêu gương; gắn việc thực hiện Quy định với kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên và lấy phiếu tín nhiệm theo quy định. Kịp thời xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm để làm gương cho cấp dưới.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Quy định.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Nguyễn Phú Trọng

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020

Về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;

- Căn cứ các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên,

Bộ Chính trị quy định trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú như sau:

Điều 1. Trách nhiệm của đảng viên đang công tác và của tổ chức cơ sở đảng

1. Đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang (gọi tắt là đảng viên đang



công tác) vừa thực hiện quy định của Điều lệ Đảng về sinh hoạt đảng tại nơi làm việc, vừa có trách nhiệm thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; gần gũi, gắn bó với nhân dân; khắc phục những biểu hiện sống xa dân, thiếu trách nhiệm trong các công việc của nhân dân nơi cư trú; củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đảng viên trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở.

2. Tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên đang công tác và nơi đảng viên cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện cho đảng viên đang công tác thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ nơi cư trú, đồng thời kiểm tra, giám sát, nhận xét, đánh giá việc thực hiện của đảng viên.

Điều 2. Nhiệm vụ của đảng viên đang công tác ở nơi cư trú

1. Nêu gương về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trước nhân dân nơi cư trú.

2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân; tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân trên địa bàn dân cư thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú.

3. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các cuộc họp định kỳ và tích cực tham gia các cuộc họp khác do cấp ủy nơi cư trú triệu tập. Tích cực tham gia góp ý kiến với chi ủy, chi bộ, đảng ủy cơ sở nơi cư trú về các công việc chung của địa phương, nhất là những vấn đề bức xúc ở thôn, bản, tổ dân phố.

4. Tham gia các cuộc họp của nhân dân nơi cư trú; thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, trưởng thôn, bản, tổ trưởng



dân phố, ban công tác mặt trận nơi cư trú để nắm bắt tình hình nhân dân; phản ánh những ý kiến của nhân dân tới cơ quan có thẩm quyền.

5. Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ở cơ sở, giám sát cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và thực hiện trách nhiệm nêu gương.

6. Tham gia và vận động các thành viên trong gia đình tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua do địa phương phát động. Vận động gia đình và nhân dân xây dựng mối quan hệ gắn bó đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

7. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 2 Quy định này với chi ủy nơi công tác vào dịp kiểm điểm, đánh giá đảng viên hằng năm. Kịp thời báo cáo với chi ủy nơi công tác và nơi cư trú khi chuyển sang nơi cư trú khác.

Điều 3. Nhiệm vụ của cấp ủy cơ sở nơi đảng viên đang công tác

1. Chỉ đạo chi ủy, chi bộ trực thuộc lập danh sách đảng viên theo nơi cư trú và chủ động liên hệ với đảng ủy cơ sở và chi ủy, chi bộ nơi đảng viên cư trú để giới thiệu đảng viên về sinh hoạt, thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy và nhân dân nơi cư trú theo đúng quy định.

Thông báo bằng văn bản với cấp ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú được biết về những đảng viên của đơn vị mình thường xuyên đi công tác xa nơi cư trú, lưu động hoặc có công tác đặc biệt để phối hợp tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú khi đảng viên đó có điều kiện.



2. Kịp thời thông báo cho chi ủy, chi bộ, đảng ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú biết về số đảng viên đã được giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú có sự thay đổi vị trí, chuyển công tác hoặc bị khai trừ, xóa tên khỏi danh sách đảng viên hoặc đã xin ra khỏi Đảng.

3. Chủ trì, phối hợp với cấp ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú kiểm tra, giám sát đảng viên thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú; biểu dương những đảng viên thực hiện tốt và nhắc nhở, phê bình hoặc xem xét xử lý theo quy định đối với những đảng viên chưa thực hiện nghiêm túc Quy định này.

4. Định kỳ hằng năm tổ chức lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ đối với đảng viên của mình thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú. Cử đại diện cấp ủy gặp gỡ, trao đổi với cấp ủy nơi đảng viên cư trú để nắm tình hình và lấy ý kiến nhận xét trước khi bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử hoặc khi đảng viên cho rằng việc nhận xét của nơi cư trú chưa khách quan.

5. Thông báo cho đảng viên biết về ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy nơi cư trú tại cuộc họp kiểm điểm, đánh giá cuối năm hoặc khi cần thiết.

Điều 4. Nhiệm vụ của tổ chức đảng nơi đảng viên đang công tác cư trú

1. Đảng ủy xã, phường, thị trấn tiếp nhận và lập danh sách đảng viên đang công tác được giới thiệu về sinh hoạt, giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú ở địa phương mình; giới thiệu về cho các chi ủy, chi bộ thôn, bản, khối phố.

2. Chi bộ thôn, bản, khu dân cư tiếp nhận và lập danh sách đảng viên đang công tác tham gia sinh hoạt, giữ mối liên hệ với



tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú ở đơn vị mình và thông báo cho từng đảng viên biết để liên hệ trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên nơi cư trú; đồng thời, tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ.

3. Định kỳ 6 tháng hoặc khi cần thiết, đảng ủy xã, phường, thị trấn chỉ đạo chi ủy, chi bộ trực thuộc tổ chức họp đảng viên đang công tác cư trú trên địa bàn để thông báo tình hình, nhiệm vụ của địa phương hoặc chuyên đề cần tham khảo ý kiến đảng viên đang công tác để đảng viên nắm được thông tin, tham gia góp ý kiến.

4. Định kỳ hằng năm, chi ủy hoặc bí thư chi bộ (nơi không có chi ủy) họp với ban công tác mặt trận thôn, bản, khu dân cư để nhận xét từng đảng viên đang công tác thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú trên địa bàn mình theo phiếu nhận xét và gửi về đảng ủy xã, phường, thị trấn. Đề xuất với đảng ủy xã, phường, thị trấn biểu dương, khen thưởng những đảng viên đang công tác có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên nơi cư trú. Kịp thời phản ánh với đảng ủy xã, phường, thị trấn và cấp ủy nơi đảng viên đang công tác khi đảng viên có hành vi vi phạm pháp luật; thiếu trách nhiệm nêu gương; vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy định của địa phương hoặc chưa chấp hành tốt Quy định này.

5. Đảng ủy xã, phường, thị trấn xác nhận phiếu nhận xét của chi ủy, chi bộ nơi cư trú đối với đảng viên đang công tác và gửi cho đảng ủy cơ sở nơi đảng viên công tác. Biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên nơi cư trú. Đề nghị cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác xem xét xử lý theo quy định đối với những đảng viên chưa thực hiện tốt.



6. Khi có yêu cầu của cấp ủy nơi đảng viên công tác, đảng ủy xã, phường, thị trấn phối hợp kiểm tra, giám sát đối với đảng viên đang công tác thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt Quy định này và hằng năm báo cáo Ban Bí thư.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các ban đảng liên quan theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định và báo cáo Ban Bí thư.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn việc thực hiện đối với đảng viên đang công tác trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

3. Quy định này thay thế Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú; có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vương

HƯỚNG DẪN
CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

Số 33-HD/BTCTW, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**Thực hiện một số nội dung trong Quy định
số 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm
của đảng viên đang công tác thường xuyên
giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú**

Thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú (*sau đây viết tắt là Quy định 213*), Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Quy định 213 như sau:

1. Đảng viên đang công tác, học tập trong điều kiện đặc thù giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú

1.1. Đảng viên giới thiệu nhưng được miễn sinh hoạt nơi cư trú

- Đảng viên đang công tác trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân do điều kiện công tác xa nhà hoặc do yêu



cầu, nhiệm vụ phải ở tập trung tại doanh trại, nhà công vụ ngoài giờ làm việc hằng ngày không thường xuyên về nơi cư trú.

- Đảng viên công tác tại một số cơ quan, đơn vị trong nước, các loại hình doanh nghiệp nhưng thường xuyên đi làm việc xa nơi cư trú, lưu động; đảng viên là cán bộ điều động, luân chuyển ở nhà công vụ, tập thể cơ quan không thường xuyên về nơi cư trú.

- Đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức đi học tập trung 12 tháng trong năm; đảng viên là học sinh, sinh viên đi học xa nhà không thường xuyên về nơi cư trú.

Các đảng viên nêu trên thực hiện trách nhiệm tại Khoản 1, Điều 1 và nhiệm vụ tại Khoản 1, 2, 5, 6, 7, Điều 2 Quy định 213. Không lấy ý kiến nhận xét định kỳ hằng năm; chỉ lấy ý kiến nhận xét khi cần thiết (*thực hiện quy trình công tác cán bộ, khen thưởng, kỷ luật...*).

1.2. Đảng viên được miễn giới thiệu về tổ chức đảng nơi cư trú

- Đảng viên công tác trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ đặc biệt, phải giữ bí mật về nhân thân; đảng viên ở các đơn vị thường trực sẵn sàng chiến đấu.

- Đảng viên đang công tác ở vùng sâu, vùng xa, nơi biên giới, hải đảo do yêu cầu nhiệm vụ hằng năm không thường xuyên về nơi cư trú.

- Đảng viên đang công tác tại các cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện, đơn vị kinh tế ở ngoài nước; đảng viên tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; đảng viên ra ngoài nước lao động, làm việc, học tập 12 tháng trong năm.

- Đảng viên đang công tác nhưng mắc bệnh phải điều trị hoặc dưỡng bệnh 12 tháng liên tục trong năm.



Các đảng viên nêu trên thực hiện trách nhiệm tại Khoản 1, 2, 6, Điều 2 Quy định 213.

1.3. Thẩm quyền xem xét, quyết định

- Đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định từng đảng viên thuộc Khoản 1.1 hoặc Khoản 1.2, Điểm 1 Hướng dẫn này trên cơ sở đề nghị của chi bộ nơi đảng viên đang công tác, học tập.

- Chi bộ cơ sở xem xét, quyết định từng đảng viên thuộc Khoản 1.1 hoặc Khoản 1.2 Hướng dẫn này.

2. Mẫu giấy giới thiệu, phiếu xin ý kiến

2.1. Mẫu giấy giới thiệu

Thực hiện thống nhất mẫu giấy giới thiệu với đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú theo mẫu 1-213; riêng đảng viên nêu tại Khoản 1.1, Điểm 1 Hướng dẫn này thực hiện theo mẫu 2-213 (các mẫu đính kèm).

2.2. Mẫu phiếu xin ý kiến

Đảng viên không thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1.1, 1.2, Điểm 1 Hướng dẫn này thực hiện theo mẫu 3-213. Đảng viên thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1.1, Điểm 1 Hướng dẫn này thực hiện theo mẫu 4-213 (các mẫu đính kèm).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng phản ánh kịp thời về Ban Tổ chức Trung ương.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thanh Bình



Mẫu 1-213

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ...

*

Số: -GGT/ĐU

....., ngày... tháng... năm....

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:

.....

Thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ

Giới thiệu đồng chí..... Nam, nữ.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Kết nạp vào Đảng ngày....., công nhận đảng viên chính thức ngày

Đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ.....

.....

Hiện cư trú tại.....

về sinh hoạt nơi cư trú.

Đề nghị các đồng chí tiếp nhận và tạo điều kiện cho đảng viên..... hoàn thành nhiệm vụ.

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)
NƠI CƯ TRÚ

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ
BÍ THƯ

Tiếp nhận ngày.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Đã giới thiệu về sinh hoạt tại

Chi bộ

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



Mẫu 2-213

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ.....

*

Số: -GGT/ĐU

....., ngày... tháng... năm.....

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:.....

.....

Thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ

Giới thiệu đồng chí..... Nam, nữ.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Kết nạp vào Đảng ngày....., công nhận đảng viên chính thức ngày.....

Đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ.....

.....

Hiện cư trú tại.....

Thuộc đối tượng: Giới thiệu nhưng được miễn sinh hoạt nơi cư trú.

Đề nghị các đồng chí tiếp nhận và tạo điều kiện cho đảng viên..... hoàn thành nhiệm vụ.

**ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)
NƠI CƯ TRÚ**

**T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ
BÍ THƯ**

Tiếp nhận ngày.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Đã giới thiệu về Chi bộ

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



Mẫu 3-213

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....

....., ngày... tháng... năm.....

*

PHIẾU XIN Ý KIẾN

Chi ủy nơi cư trú

Kính gửi:.....

.....

Thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Đảng ủy/chi bộ..... trân trọng đề nghị Chi ủy nhận xét về đảng viên..... tại nơi cư trú (theo mẫu gửi kèm).

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



Mẫu 3-213

ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ.....

*

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT

**đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ
với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú**

Chi ủy¹ sau khi họp với ban công tác mặt trận thôn, bản, khu dân cư, tổ dân phố thống nhất nhận xét về đảng viên..... như sau:

1. Nêu gương về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trước nhân dân nơi cư trú.

Nêu gương tốt Nêu gương Chưa nêu gương

2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân; tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân trên địa bàn dân cư thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú. Tham gia và vận động gia đình tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua do địa phương phát động.

Gương mẫu đi đầu Gương mẫu Chưa gương mẫu

3. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các cuộc họp định kỳ và tích cực tham gia các cuộc họp khác do cấp ủy nơi cư trú triệu tập; tham gia các cuộc họp của nhân dân nơi cư trú.

Tham gia đầy đủ Tham gia chưa đầy đủ

Không tham gia

1. Hoặc bí thư chi bộ (nơi không có chi ủy).



4. Thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố, ban công tác mặt trận nơi cư trú để nắm bắt tình hình nhân dân; phản ánh những ý kiến của nhân dân tới cơ quan có thẩm quyền. Tích cực tham gia góp ý kiến với chi ủy, chi bộ, đảng ủy cơ sở nơi cư trú về các công việc chung của địa phương, nhất là những vấn đề bức xúc ở thôn, bản, tổ dân phố.

Thường xuyên, tích cực Thường xuyên
Chưa thường xuyên

5. Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ở cơ sở; giám sát cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và thực hiện trách nhiệm nêu gương. Vận động gia đình và nhân dân xây dựng mối quan hệ gắn bó đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Rất tích cực Tích cực Chưa tích cực

6. Đề nghị cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác biểu dương hoặc xem xét xử lý theo quy định đối với đảng viên chưa thực hiện tốt.

Biểu dương Không đề nghị Xem xét xử lý

7. Nhận xét khác

.....

**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ
và tên)

T/M CHI BỘ
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Mẫu 4-213

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....

*

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU XIN Ý KIẾN

Chi ủy nơi cư trú

Kính gửi:.....

.....

Thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Đảng ủy/chi bộ..... trân trọng đề nghị Chi ủy nhận xét về đảng viên..... tại nơi cư trú (theo mẫu gửi kèm).

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



Mẫu 4-213

ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ.....

*

....., ngày... tháng... năm.....

PHIẾU NHẬN XÉT

**đối với đảng viên giới thiệu nhưng
được miễn sinh hoạt nơi cư trú**

Chi ủy sau khi họp với ban công tác mặt trận thôn, bản, khu dân cư, tổ dân phố thống nhất nhận xét về đảng viên như sau:

1. Nêu gương về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trước nhân dân nơi cư trú.

Nêu gương tốt Nêu gương Chưa nêu gương

2. Thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú; vận động các thành viên trong gia đình tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua do địa phương phát động; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Thực hiện tốt Thực hiện Chưa thực hiện

3. Vận động gia đình thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, xây dựng mối quan hệ gắn bó, đoàn kết ở khu dân cư.

Thực hiện tốt Thực hiện Chưa thực hiện

4. Nhận xét khác

**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ
và tên)

T/M CHI BỘ
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Phần thứ hai

**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC
LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN VẬN**



I. VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

PHÁP LỆNH
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20 tháng 4 năm 2007

Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Pháp lệnh này quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp,



bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cấp xã

1. Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.

5. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.



Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Không thực hiện hoặc làm trái các quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.
2. Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
3. Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.
4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỂ NHÂN DÂN BIẾT

Điều 5. Những nội dung công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.
2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.



5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 6. Hình thức công khai

1. Những nội dung quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này được công khai bằng các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã;



c) Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

2. Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 32 của Luật phòng, chống tham nhũng.

Điều 7. Việc công khai bằng hình thức niêm yết

1. Những nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 9 và 10 Điều 5 của Pháp lệnh này phải được niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Thời gian niêm yết các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 5 của Pháp lệnh này ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 10 Điều 5 của Pháp lệnh này được niêm yết thường xuyên.

Điều 8. Việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân

1. Những nội dung quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 và 11 Điều 5 của Pháp lệnh này được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.



2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là ba ngày liên tục.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, trong đó nêu rõ cách thức triển khai thực hiện, thời gian thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, phương án đã được thông qua.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Chương III

NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Mục 1

NỘI DUNG, HÌNH THỨC NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRỰC TIẾP

Điều 10. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng



trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tối cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tối cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Điều 12. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

2. Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định



của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

3. Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

Mục 2

NỘI DUNG, HÌNH THỨC NHÂN DÂN BÀN, BIỂU QUYẾT ĐỂ CẤP CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 13. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

1. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 14. Hình thức nhân dân bàn, biểu quyết

1. Nhân dân bàn và biểu quyết những nội dung quy định tại Điều 13 của Pháp lệnh này bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay



hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn, biểu quyết

1. Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) ra quyết định công nhận.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

3. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận.

Điều 16. Việc công nhận những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

1. Việc công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:



a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả việc nhân dân bàn, biểu quyết;

b) Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Việc công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp thôn, tổ dân phố có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.



Mục 3

**TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG
NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện; chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định; tổ chức triển khai thực hiện những nội dung đã được nhân dân quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Điều 18. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng
tổ dân phố**

1. Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân thực hiện những nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh này.

2. Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân



phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố.

3. Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Tổ chức thực hiện những công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân quyết định.

Chương IV

NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN TRƯỚC KHI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 19. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.



Điều 20. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến

1. Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.
2. Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.
3. Thông qua hòm thư góp ý.

Điều 21. Trách nhiệm của chính quyền cấp xã về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp chính quyền cấp xã quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách



nhiệm tổ chức thực hiện; chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp trên về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân cấp xã tham gia ý kiến

1. Lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân trên địa bàn cấp xã.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp xã.

3. Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

4. Tiếp thu ý kiến nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Chương V

NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN GIÁM SÁT

Điều 23. Những nội dung nhân dân giám sát

Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này.



Điều 24. Hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám sát của nhân dân

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có các trách nhiệm sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

2. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;



3. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Lấy phiếu tín nhiệm

1. Hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

3. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi kết quả lấy phiếu tín nhiệm và kiến nghị của mình tới Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.



2. Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã hết hiệu lực kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn những nội dung quy định tại các điều 11, 14, 16, 22 và 26 của Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2007

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Trọng

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp



công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) bao gồm: dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị; dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan:

a) Dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị bao gồm: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động nội bộ của cơ quan, đơn vị; những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết; những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan quyết định; những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra;

b) Dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan bao gồm: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan cấp trên và với cơ quan cấp dưới.

2. Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức quy định tại Điều 4 Luật Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện; viên chức theo quy định tại Điều 2 Luật Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, có trong danh sách trả lương và là đoàn viên công đoàn của cơ quan, đơn vị.



Cán bộ, công chức cấp xã thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan theo quy định tại Nghị định này và các quy định tại Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Mục đích thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

1. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước.

3. Phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

Điều 3. Yêu cầu của việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

1. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị phải gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ quan, đơn vị; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của các tổ chức đoàn thể quần chúng của cơ quan, đơn vị.

2. Dân chủ trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và quyền làm chủ của nhân dân, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.



Chương II

DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của cơ quan, đơn vị. Cuối năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan, đơn vị tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 45 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và Điều 37 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức. Khi cán bộ, công chức, viên chức đăng ký được gặp và có nội dung, lý do cụ thể thì bố trí thời gian thích hợp để gặp và trao đổi.



5. Thông báo công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết những việc được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

6. Ban hành quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; sử dụng tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện các quy định về công khai tài chính. Việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản của cơ quan, đơn vị phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 7, Điều 9 của Nghị định này, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật.

9. Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

10. Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và người có hành vi trả thù, trù dập cán bộ, công chức, viên chức khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức,



viên chức của cơ quan, đơn vị mỗi năm một lần vào cuối năm. Khi có một phần ba cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị yêu cầu hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết thì triệu tập hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, của cơ quan, đơn vị bất thường. Thành phần dự hội nghị bao gồm toàn thể hoặc đại biểu cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

2. Nội dung của hội nghị, gồm:

a) Kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác hàng năm; thảo luận, bàn biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan, đơn vị;

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị lắng nghe ý kiến đóng góp, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức; giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức;

c) Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tổ chức công đoàn;

d) Bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị;

đ) Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị báo cáo công tác; bầu Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật;

e) Khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác.



Điều 6. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người phụ trách trực tiếp và trước người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị về việc thi hành nhiệm vụ của mình. Trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức được trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp có thẩm quyền. Đối với viên chức được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật, được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thực hiện phê bình và tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, có giải pháp sửa chữa khuyết điểm; thẳng thắn đóng góp ý kiến để xây dựng nội bộ cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

4. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, đề án của cơ quan, đơn vị khi được yêu cầu.

5. Báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.



Mục 2

**NHỮNG VIỆC PHẢI CÔNG KHAI ĐỂ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC BIẾT**

Điều 7. Những việc phải công khai

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.

4. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị.

5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

7. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

8. Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng



đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

9. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Hình thức và thời gian công khai

1. Hình thức công khai

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung phải công khai, các cơ quan, đơn vị áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau đây:

- a) Niêm yết tại cơ quan, đơn vị;
- b) Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị;
- c) Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức;
- d) Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó;
- đ) Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị;
- e) Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Thời hạn công khai chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành hoặc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan, đơn vị cấp trên, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật. Đối với văn bản niêm yết tại trụ sở của cơ quan, đơn vị thì phải thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.



Mục 3

**NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THAM GIA
Ý KIẾN, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 9. Những việc cán bộ, công chức, viên chức
tham gia ý kiến**

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

2. Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.

3. Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.

4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.

5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

7. Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.

8. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Hình thức tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, các cơ quan, đơn vị áp dụng một trong ba hình thức tham gia ý kiến sau đây:

1. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến trực tiếp hoặc tham gia ý kiến thông qua người đại diện với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.



3. Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản để cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến.

Mục 4

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 11. Những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Hình thức giám sát, kiểm tra

Cơ quan, đơn vị tổ chức để cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra thông qua ba hình thức giám sát, kiểm tra sau đây:

1. Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.

2. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của cơ quan, đơn vị.

3. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.



Chương III

DÂN CHỦ TRONG QUAN HỆ VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 13. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc niêm yết công khai tại trụ sở làm việc và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị để công dân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là công dân, tổ chức) biết các nội dung sau:

- a) Bộ phận chịu trách nhiệm giải quyết công việc có liên quan;
- b) Thủ tục hành chính giải quyết công việc;
- c) Mẫu đơn từ, hồ sơ cho từng loại công việc;
- d) Phí, lệ phí theo quy định;
- đ) Thời gian giải quyết từng loại công việc.

2. Chỉ đạo và kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức; kịp thời có những biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

3. Chỉ đạo việc bố trí nơi tiếp dân, thực hiện việc tiếp dân và tổ chức hòm thư góp ý; chỉ đạo người phụ trách công tác hành chính của cơ quan, đơn vị cùng đại diện Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị hàng tuần mở hòm thư góp ý, nghiên cứu và đề xuất giải quyết các ý kiến góp ý được gửi đến,



báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị đề đề ra những biện pháp hợp lý nhằm tiếp thu và giải quyết các ý kiến góp ý.

4. Thông báo để công dân, tổ chức của địa phương biết và tham gia đóng góp ý kiến đối với những chương trình, dự án do cơ quan, đơn vị xây dựng hoặc tổ chức thực hiện có liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đó.

5. Cử người có trách nhiệm gặp và giải quyết công việc có liên quan khi công dân, tổ chức có yêu cầu theo quy định của pháp luật; những kiến nghị, phản ánh, phê bình của công dân, tổ chức phải được nghiên cứu và xử lý kịp thời.

Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Chỉ được tiếp nhận tài liệu và giải quyết công việc của công dân, tổ chức tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị; bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật thông tin về người tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Khi công dân, tổ chức có yêu cầu, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền. Những việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, công chức, viên chức phải thông báo để công dân, tổ chức biết và hướng dẫn công dân, tổ chức đến nơi có thẩm quyền giải quyết. Cán bộ, công chức, viên chức không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

3. Công việc của công dân, tổ chức phải được cán bộ, công chức, viên chức nghiên cứu xử lý và kịp thời giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.



4. Những công việc đã có thời hạn giải quyết theo quy định thì cán bộ, công chức, viên chức phải chấp hành đúng thời hạn đó. Trường hợp phức tạp đòi hỏi phải có thời gian để nghiên cứu giải quyết thì cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm báo cáo người phụ trách trực tiếp và kịp thời thông báo cho công dân, tổ chức biết.

Điều 15. Quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên

1. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị cơ quan, đơn vị cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị cấp trên.

3. Tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp trên; có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị cấp trên yêu cầu.

4. Báo cáo cơ quan, đơn vị cấp trên tình hình công tác của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết thì phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến



chỉ đạo của cơ quan, đơn vị cấp trên. Nội dung báo cáo lên cơ quan, đơn vị cấp trên phải khách quan, trung thực.

Điều 16. Quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới

1. Thông báo cho cơ quan, đơn vị cấp dưới những chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị cấp dưới; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp dưới và chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị cấp dưới nếu những hành vi vi phạm này có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình.

2. Nghiên cứu, kịp thời giải quyết các kiến nghị của cơ quan, đơn vị cấp dưới; định kỳ làm việc với người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới. Khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới đăng ký làm việc thì phải trả lời cụ thể việc tiếp và làm việc.

3. Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức, viên chức đến cơ quan, đơn vị cấp dưới để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ quan, đơn vị cấp dưới; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức, viên chức báo cáo, phản ánh sai sự thật, không trung thực.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2015.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 71/1998/NĐ-CP



ngày 08 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T/M CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số 16-CT/TTg, ngày 16 tháng 5 năm 2016

Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới

Công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp những năm qua được cấp ủy, chính quyền quan tâm, đã bám sát sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận; đặc biệt việc thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ “Về tăng cường công tác dân vận” đã góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác dân vận, ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Tuy nhiên, công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: Việc thực hiện công tác dân vận ở một số nơi chưa thường xuyên, kịp thời, hiệu quả thấp; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhận thức chưa đầy đủ về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận; sự phối



hợp giữa một số cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; một số nơi còn tư tưởng xem nhẹ công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp.

Để tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, tăng cường đổi mới, tạo sự chuyển biến từ nhận thức về công tác dân vận trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Xác định công tác dân vận là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp phải thường xuyên quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác dân vận gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, góp phần vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức về công tác dân vận. Thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

3. Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng



đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị và Kết luận số 114-KL/TW ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp.

4. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Đẩy mạnh dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành. Tập trung giải quyết kịp thời bức xúc, kiến nghị của nhân dân liên quan đến các lĩnh vực như: Đất đai, xây dựng, thuế, hải quan, an ninh trật tự... thực hiện tốt Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân (trọng tâm là bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lắng ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương chính sách quan trọng) và quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước; cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng



đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

6. Tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức thực sự là công bộc của nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, vì nhân dân phục vụ, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói”, “nói dân hiểu”, “hướng dẫn dân làm”, “làm dân tin” và phương châm “chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, hiệu quả”. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà cho nhân dân, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

7. Phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền”.

8. Hằng năm, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

**NGHỊ ĐỊNH
CỦA CHÍNH PHỦ**

Số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14 tháng 12 năm 2020

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động
và quan hệ lao động
(Trích)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và
Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng
dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao
động và quan hệ lao động.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một



số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động theo các điều, khoản sau đây của Bộ luật Lao động:

1. Quản lý lao động theo khoản 3 Điều 12.
2. Hợp đồng lao động theo khoản 4 Điều 21; điểm d khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 36; khoản 4 Điều 46; khoản 4 Điều 47; khoản 3 Điều 51.
3. Cho thuê lại lao động theo khoản 2 Điều 54.
4. Tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo khoản 4 Điều 63.
5. Tiền lương theo khoản 3 Điều 92; khoản 3 Điều 96; khoản 4 Điều 98.
6. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo khoản 5 Điều 107, khoản 7 Điều 113, Điều 116.
7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất theo khoản 5 Điều 118; khoản 6 Điều 122; khoản 2 Điều 130; Điều 131.
8. Lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới theo khoản 6 Điều 135.
9. Lao động là người giúp việc gia đình theo khoản 2 Điều 161.
10. Giải quyết tranh chấp lao động theo khoản 2 Điều 184; khoản 6 Điều 185; khoản 2 Điều 209; khoản 2 Điều 210.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động, người học nghề, tập nghề theo khoản 1 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
2. Người sử dụng lao động theo khoản 2 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định tại Nghị định này.

...



Chương V

ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Mục 1

TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động.

Ở nơi làm việc có người lao động không tham gia là thành viên của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở thì người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để những người lao động này tự lựa chọn thành viên đại diện cho họ (sau đây gọi là nhóm đại diện đối thoại của người lao động) để tham gia đối thoại với người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động. Số lượng thành viên nhóm đại diện đối thoại của người lao động xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc các nội dung chủ yếu sau để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động:

a) Nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc;

b) Số lượng, thành phần tham gia đối thoại của mỗi bên theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;



- c) Số lần, thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hằng năm;
- d) Cách thức tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên, đối thoại khi có vụ việc;
- đ) Trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động;
- e) Việc áp dụng quy định tại Điều 176 của Bộ luật Lao động đối với các thành viên đại diện tham gia đối thoại bên người lao động mà không phải là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;
- g) Nội dung khác (nếu có).

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- a) Cử đại diện bên người sử dụng lao động tham gia đối thoại tại nơi làm việc theo quy định;
- b) Bố trí địa điểm, thời gian và các điều kiện vật chất cần thiết khác để tổ chức các cuộc đối thoại tại nơi làm việc;
- c) Báo cáo tình hình thực hiện đối thoại và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc với cơ quan quản lý nhà nước về lao động khi được yêu cầu.

4. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện đối thoại của người lao động có trách nhiệm:

- a) Cử thành viên đại diện tham gia đối thoại theo quy định;
- b) Tham gia ý kiến với người sử dụng lao động về nội dung quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;
- c) Lấy ý kiến người lao động, tổng hợp và chuẩn bị nội dung đề nghị đối thoại;
- d) Tham gia đối thoại với người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động, Nghị định này và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.



5. Khuyến khích người sử dụng lao động và người lao động, tổ chức đại diện người lao động tiến hành đối thoại ngoài những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động tại nơi làm việc và quy định cụ thể trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

Điều 38. Số lượng, thành phần tham gia đối thoại

Số lượng, thành phần tham gia đối thoại tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động được quy định như sau:

1. Bên người sử dụng lao động

Căn cứ điều kiện sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, người sử dụng lao động quyết định số lượng, thành phần đại diện cho mình để tham gia đối thoại bảo đảm ít nhất 03 người, trong đó có người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động và quy định trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Bên người lao động

a) Căn cứ điều kiện sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, cơ cấu, số lượng lao động và các yếu tố bình đẳng giới, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện đối thoại của người lao động xác định số lượng, thành phần tham gia đối thoại nhưng phải bảo đảm số lượng như sau:

a1) Ít nhất 03 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng dưới 50 người lao động;

a2) Ít nhất từ 04 người đến 08 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 50 người lao động đến dưới 150 người lao động;

a3) Ít nhất từ 09 người đến 13 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 150 người lao động đến dưới 300 người lao động;



a4) Ít nhất từ 14 người đến 18 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 300 người lao động đến dưới 500 người lao động;

a5) Ít nhất từ 19 đến 23 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 500 đến dưới 1.000 người lao động;

a6) Ít nhất 24 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 1.000 người lao động trở lên.

b) Căn cứ số lượng người đại diện đối thoại của bên người lao động quy định tại điểm a khoản này, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện đối thoại của người lao động xác định số lượng đại diện tham gia đối thoại tương ứng theo tỷ lệ thành viên của tổ chức và nhóm mình trên tổng số lao động của người sử dụng lao động.

3. Việc xác định danh sách thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động và bên người lao động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện định kỳ ít nhất 02 năm một lần và công bố công khai tại nơi làm việc. Trong khoảng thời gian giữa 02 kỳ, xác định thành viên tham gia đối thoại, nếu có thành viên đại diện không thể tiếp tục tham gia thì người sử dụng lao động hoặc từng tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện đối thoại của người lao động xem xét, quyết định bổ sung thành viên thay thế của tổ chức, nhóm mình và công bố công khai tại nơi làm việc.

4. Khi tiến hành đối thoại theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động, ngoài các thành viên tham gia đối thoại quy định tại khoản 3 Điều này, hai bên thống nhất mời tất cả người lao động hoặc một số người lao động liên quan cùng tham gia đối thoại, bảo đảm có sự tham gia của đại diện lao động nữ khi đối thoại về các nội dung liên quan đến quyền, lợi ích



của lao động nữ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Lao động.

Điều 39. Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Thành phần tham gia đối thoại định kỳ là đại diện hai bên theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức đối thoại định kỳ do hai bên sắp xếp phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

3. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ, các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại.

4. Đối thoại định kỳ chỉ được tiến hành khi bên người sử dụng lao động có sự tham gia của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và bên người lao động có sự tham gia của trên 70% tổng số thành viên đại diện quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này. Diễn biến đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền và chữ ký của người đại diện từng tổ chức đại diện người lao động (nếu có) và của người đại diện cho nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có).

5. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi



làm việc những nội dung chính của đối thoại; tổ chức đại diện người lao động (nếu có), nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) phổ biến những nội dung chính của đối thoại đến người lao động là thành viên.

Điều 40. Tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên

1. Việc tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên được tiến hành khi nội dung yêu cầu đối thoại của bên đề nghị đối thoại bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đối với bên người sử dụng lao động, nội dung yêu cầu đối thoại phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động;

b) Đối với bên người lao động, nội dung yêu cầu đối thoại phải được sự đồng ý của ít nhất 30% số thành viên đại diện của bên người lao động tham gia đối thoại quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được nội dung yêu cầu đối thoại quy định tại khoản 1 Điều này, bên nhận được yêu cầu đối thoại phải có văn bản trả lời, thống nhất về thời gian, địa điểm tổ chức đối thoại. Người sử dụng lao động và đại diện đối thoại bên người lao động có trách nhiệm phối hợp, tiến hành tổ chức đối thoại.

3. Diễn biến đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của đại diện các bên tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định này.

4. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi làm việc những nội dung chính của đối thoại; tổ chức đại diện



người lao động (nếu có), nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) phổ biến những nội dung chính của đối thoại đến người lao động là thành viên.

Điều 41. Tổ chức đối thoại khi có vụ việc

1. Đối với vụ việc người sử dụng lao động phải tham khảo, trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở về quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36; cho thôi việc đối với người lao động theo quy định tại Điều 42; phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44; thang lương, bảng lương và định mức lao động theo quy định tại Điều 93; quy chế thưởng theo quy định tại Điều 104 và nội quy lao động theo quy định tại Điều 118 của Bộ luật Lao động được thực hiện như sau:

a) Người sử dụng lao động có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo nội dung cần tham khảo, trao đổi ý kiến đến các thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người lao động;

b) Các thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người lao động có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến người lao động do mình đại diện và tổng hợp thành văn bản của từng tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động để gửi tới người sử dụng lao động; trường hợp nội dung đối thoại liên quan đến quyền, lợi ích của lao động nữ thì cần bảo đảm lấy ý kiến của họ;

c) Căn cứ ý kiến của các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động, người sử dụng lao động tổ chức đối thoại để thảo luận, trao đổi ý kiến, tham vấn, chia sẻ thông tin về những nội dung người sử dụng lao động đưa ra;



d) Số lượng, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm tổ chức đối thoại do hai bên xác định theo quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

đ) Diễn biến đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của đại diện các bên tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định này;

e) Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi làm việc những nội dung chính của đối thoại; tổ chức đại diện người lao động (nếu có), nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) phổ biến những nội dung chính của đối thoại đến người lao động là thành viên.

2. Đối với vụ việc tạm đình chỉ công việc của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động mà người lao động bị tạm đình chỉ công việc là thành viên có thể trao đổi bằng văn bản hoặc thông qua trao đổi trực tiếp giữa đại diện tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động và đại diện đối thoại của tổ chức đại diện người lao động.

Mục 2

THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC

Điều 42. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

1. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.

2. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.



3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Điều 43. Nội dung, hình thức người sử dụng lao động phải công khai

1. Người sử dụng lao động phải công khai với người lao động những nội dung sau:

a) Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động;

b) Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động;

c) Các thỏa ước lao động tập thể mà người sử dụng lao động tham gia;

d) Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có);

đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

e) Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;

g) Nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức công khai thì người sử dụng lao động thực hiện công khai theo quy định đó, trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì người sử dụng lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và nội dung phải công khai để lựa chọn hình thức



sau đây và thể hiện trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Điều 48 Nghị định này:

- a) Niêm yết công khai tại nơi làm việc;
- b) Thông báo tại các cuộc họp, các cuộc đối thoại giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động;
- c) Thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để thông báo đến người lao động;
- d) Thông báo trên hệ thống thông tin nội bộ;
- đ) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

Điều 44. Nội dung, hình thức người lao động được tham gia ý kiến

1. Người lao động được tham gia ý kiến về những nội dung sau:

- a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;
- b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể;
- c) Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;
- d) Nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức người lao động tham gia ý kiến thì thực hiện theo quy định đó; trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức thì người lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, nội dung người lao động



được tham gia ý kiến và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để lựa chọn hình thức sau đây:

- a) Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động tại hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc;
- b) Gửi góp ý, kiến nghị trực tiếp;
- c) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

Điều 45. Nội dung, hình thức người lao động được quyết định

1. Người lao động được quyết định những nội dung sau:

- a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;
- b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;
- c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật;
- d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;
- đ) Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

2. Hình thức quyết định của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Nội dung, hình thức người lao động được kiểm tra, giám sát

1. Người lao động được kiểm tra, giám sát những nội dung sau:

- a) Việc thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;



b) Việc thực hiện nội quy lao động, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;

c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp;

d) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động;

đ) Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Hội nghị người lao động

1. Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

2. Nội dung hội nghị người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Lao động và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

3. Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao động thực hiện theo quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Điều 48 Nghị định này.

Điều 48. Trách nhiệm ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để thực hiện các nội dung



quy định về đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Nghị định này.

2. Khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) để hoàn thiện và ban hành. Đối với những góp ý của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện đối thoại của người lao động mà người sử dụng lao động không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do.

3. Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải được phổ biến công khai tới người lao động.

...

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 114. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

b) Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và



hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

c) Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động;

d) Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

đ) Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương; Nghị định số 121/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương;

e) Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

g) Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ;



h) Nghị định số 27/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động là người giúp việc gia đình;

i) Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động;

k) Nghị định số 41/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 220 của Bộ luật Lao động về danh mục đơn vị sử dụng lao động không được đình công và giải quyết yêu cầu của tập thể lao động ở đơn vị sử dụng lao động không được đình công.

3. Các doanh nghiệp cho thuê lại lao động đã được cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện hoạt động cho thuê lại lao động cho đến khi giấy phép hết hạn. Các trường hợp gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép thì thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định này.

4. Người sử dụng lao động sử dụng dưới 10 người lao động thì không phải tổ chức hội nghị người lao động và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Điều 47, Điều 48 Nghị định này. Người sử dụng lao động là cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính



nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thì không phải thực hiện tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc tại Chương V Nghị định này.

5. Chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do các văn bản pháp luật khác quy định; trường hợp các văn bản pháp luật khác không quy định thì áp dụng các quy định tại Chương VII của Nghị định này.

6. Hòa giải viên lao động được bổ nhiệm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đang trong thời gian bổ nhiệm thì tiếp tục làm hòa giải viên lao động cho đến hết thời hạn được bổ nhiệm, trừ trường hợp thuộc diện miễn nhiệm quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 94 Nghị định này.

7. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 115. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

II. VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC



**NGHỊ ĐỊNH
CỦA CHÍNH PHỦ**

Số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Về công tác dân tộc

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các hoạt động về công tác dân tộc nhằm đảm bảo và thúc đẩy sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước khi thực hiện công tác dân tộc; tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá



nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc

1. Thực hiện chính sách dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

2. Đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc.

4. Các dân tộc có trách nhiệm tôn trọng phong tục, tập quán của nhau, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công tác dân tộc” là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. “Dân tộc thiểu số” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. “Dân tộc đa số” là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.



4. “Vùng dân tộc thiểu số” là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. “Dân tộc thiểu số rất ít người” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người.

6. “Dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt” là những dân tộc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo ba tiêu chí sau:

a) Tỷ lệ hộ nghèo trong đơn vị thôn, bản chiếm trên 50% so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước;

b) Các chỉ số phát triển về giáo dục đào tạo, sức khoẻ cộng đồng và chất lượng dân số đạt dưới 30% so với mức trung bình của cả nước;

c) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chất lượng thấp, mới đáp ứng mức tối thiểu phục vụ đời sống dân cư.

Điều 5. Xác định thành phần dân tộc

Mỗi dân tộc có tên gọi riêng, xác định theo tiêu chí được pháp luật công nhận, phù hợp với nguyện vọng của đồng bào dân tộc. Thành phần dân tộc do cơ quan có thẩm quyền quyết định và công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số

1. Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức định kỳ 10 năm một lần.

2. Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, huyện được tổ chức định kỳ 05 năm một lần.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:



1. Mọi hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, chia rẽ, phá hoại đoàn kết các dân tộc.

2. Lợi dụng các vấn đề về dân tộc để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Lợi dụng việc thực hiện chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

4. Các hành vi khác trái với quy định của Chính phủ.

Chương II

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Điều 8. Chính sách đầu tư và sử dụng nguồn lực

1. Kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng dân tộc với các vùng khác.

2. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý nguồn lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ, có chế độ đãi ngộ hợp lý.

3. Khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên vùng dân tộc thiểu số và đầu tư trở lại phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đưa khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao đời sống của đồng bào vùng dân tộc thiểu số.



5. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 9. Chính sách đầu tư phát triển bền vững

1. Đảm bảo việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng dân tộc thiểu số; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển ở vùng dân tộc thiểu số; ưu tiên đặc biệt đối với dân tộc thiểu số rất ít người và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; chú trọng đào tạo nghề, sử dụng lao động là người tại chỗ, đảm bảo thu nhập ổn định, xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng khác.

3. Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

4. Chủ đầu tư các dự án quy hoạch, xây dựng có ảnh hưởng tới đất đai, môi trường, sinh thái và cuộc sống của đồng bào các dân tộc, phải công bố công khai và lấy ý kiến của nhân dân nơi có công trình, dự án được quy hoạch, xây dựng quy định của pháp luật; tổ chức tái định cư, tạo điều kiện để người dân đến nơi định cư mới có cuộc sống ổn định tốt hơn nơi ở cũ.

Chính quyền ở nơi có người đến định cư có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư đảm bảo định canh, định cư lâu dài, tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống.



5. Thực hiện quy hoạch, sắp xếp các điểm dân cư tập trung một cách hợp lý đối với những địa bàn khó khăn, đảm bảo cho đồng bào phát triển sản xuất phù hợp với đặc điểm dân tộc, vùng miền.

6. Thực hiện các chương trình, đề án xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, giải quyết cơ bản vấn đề vốn, đất ở, đất sản xuất, công cụ sản xuất cho nông dân thiếu đất, nhà ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ phát triển kinh tế, giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ở vùng dân tộc thiểu số, chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.

7. Tổ chức phòng, chống thiên tai và ứng cứu người dân ở vùng bị thiên tai, lũ lụt.

8. Có chính sách hỗ trợ kịp thời những dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt để ổn định và phát triển

9. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 10. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

1. Phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số theo chương trình chung quốc gia; xây dựng chính sách giáo dục ở tất cả các cấp học phù hợp với đặc thù dân tộc.

2. Phát triển trường mầm non, trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trường dự bị đại học; nghiên cứu hình thức đào tạo đa



ngành bậc đại học cho con em các dân tộc thiểu số để đẩy nhanh việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Quy định các điều kiện và biện pháp cụ thể, phù hợp để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; giải quyết chỗ ở, học bổng và cho vay vốn trong thời gian học tập phù hợp với ngành nghề đào tạo và địa bàn cư trú của sinh viên dân tộc thiểu số.

Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được miễn học phí ở tất cả các cấp học, ngành học.

4. Đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm từng vùng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế.

5. Quy định việc hỗ trợ giáo viên giảng dạy tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số và giáo viên dạy tiếng dân tộc.

6. Tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc.

7. Chính quyền địa phương, nơi có con em dân tộc thiểu số thi đỗ vào đại học, cao đẳng và sinh viên được cử đi học hệ cử tuyển, có trách nhiệm tiếp nhận và phân công công tác phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.



8. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 11. Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số

1. Cán bộ người dân tộc thiểu số có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật, được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các cấp.

Ở các địa phương vùng dân tộc thiểu số, nhất thiết phải có cán bộ chủ chốt người dân tộc thiểu số.

2. Đảm bảo tỷ lệ hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số, ưu tiên cán bộ nữ, cán bộ trẻ tham gia vào các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

3. Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.

4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 12. Chính sách đối với người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số

Người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng, tập huấn, được hưởng chế độ đãi ngộ và các ưu đãi khác để phát huy vai trò trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở địa bàn dân cư, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.



Điều 13. Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa

1. Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2. Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hỗ trợ việc đầu tư, giữ gìn, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng.

4. Đồng bào dân tộc thiểu số được ưu đãi, hưởng thụ văn hóa; hỗ trợ xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 14. Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số

1. Bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao ở vùng dân tộc thiểu số.

Điều 15. Chính sách phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số

Tập trung hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái; hỗ trợ quảng bá, đa dạng



hóa các loại hình, các sản phẩm du lịch, khai thác hợp lý các tiềm năng, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch.

Điều 16. Chính sách y tế, dân số

1. Đảm bảo đồng bào các dân tộc thiểu số được sử dụng các dịch vụ y tế; thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2. Tập trung xây dựng, củng cố, mở rộng cơ sở y tế, khám chữa bệnh; bảo đảm thuốc phòng và chữa bệnh cho đồng bào các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

3. Hỗ trợ việc bảo tồn, khai thác, sử dụng những bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền có giá trị của đồng bào các dân tộc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

4. Bảo đảm nâng cao chất lượng dân số, phát triển dân số hợp lý của từng dân tộc theo quy định của pháp luật.

5. Đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hóa y tế, thực hiện chính sách ưu tiên đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động đầu tư, phát triển y tế ở vùng dân tộc thiểu số.

6. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 17. Chính sách thông tin - truyền thông

1. Đầu tư phát triển thông tin - truyền thông vùng dân tộc thiểu số, cung cấp một số phương tiện thiết yếu nhằm đảm bảo quyền tiếp cận và hưởng thụ thông tin.



2. Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin tình hình dân tộc và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thiên tai, lũ lụt ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Áp dụng công nghệ thông tin, xây dựng và tổ chức thực hiện trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng sử dụng ngôn ngữ dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 18. Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

1. Đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật.

2. Chính quyền các cấp có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phù hợp với từng đối tượng và địa bàn vùng dân tộc thiểu số.

3. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.



Điều 19. Chính sách bảo vệ môi trường, sinh thái

1. Sử dụng, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, sinh thái vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ, cải tạo và đảm bảo cho vùng có tài nguyên được đầu tư trở lại phù hợp.

3. Tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào ở vùng có tài nguyên để nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, sinh thái, đa dạng sinh học.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 20. Chính sách quốc phòng, an ninh

1. Xây dựng, củng cố, quốc phòng, an ninh ở các địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

2. Cơ quan nhà nước, đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới và hải đảo có trách nhiệm cùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương bảo vệ đường biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội và tăng cường quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước láng giềng ở vùng biên giới và hải đảo theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 21. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc

1. Ban hành và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chương trình



mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về lĩnh vực công tác dân tộc.

2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân tộc; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; tiêu chí phân định vùng dân tộc theo trình độ phát triển, tiêu chí xác định thành phần dân tộc, tiêu chí về chuẩn đói nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số; xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở; thực hiện phân công, phân cấp có hiệu quả trong lĩnh vực công tác dân tộc.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số.

5. Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc thiểu số; việc chấp hành pháp luật về công tác dân tộc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều biện pháp, hình thức để đồng bào các dân tộc hiểu rõ và chủ động tham gia vào quá trình thực hiện.

Tuyên truyền về truyền thống đoàn kết của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức tốt các phong trào tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong



cộng đồng. Tổ chức hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương nhằm tương trợ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết khó khăn trong cuộc sống.

7. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc.

8. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc.

9. Thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

10. Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn tình hình công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc.

11. Hợp tác quốc tế về công tác dân tộc, phối hợp với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện tốt công tác dân tộc và chính sách dân tộc theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước.



3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan công tác dân tộc được tổ chức từ Trung ương, tỉnh và cấp huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác dân tộc trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác do Bộ, ngành quản lý để áp dụng đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, các dân tộc rất ít người, dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt, hộ dân tộc thiểu số nghèo; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc quyền quản lý.

3. Định kỳ 06 tháng, năm gửi báo cáo về tình hình công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước do Bộ, ngành chủ trì và gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



4. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về công tác dân tộc theo sự phân công của Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoạch định, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, tuyên truyền, vận động việc thực hiện chính sách dân tộc theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và giải quyết những vấn đề có liên quan công tác dân tộc. Định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ giao.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và các quy định tại Nghị định này ở địa phương.

2. Hằng năm, xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình công tác dân tộc. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và chính sách dân tộc; tổ chức, chỉ đạo thực hiện biện pháp bảo đảm các điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án của địa phương đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.



4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ 06 tháng, năm báo cáo về tình hình dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc ở địa phương mình gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp chung, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 26. Phối hợp thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc

Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành liên quan giám sát, tuyên truyền, vận động thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc quy định tại Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2011.

2. Các quy định liên quan đến công tác dân tộc trái với quy định tại Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 28. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 5, 12, khoản 5 Điều 22; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi



hành các Điều 13, 14, 15, các điều khoản cần thiết khác của Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số 12/2018/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 3 năm 2018

**Về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín
và chính sách đối với người có uy tín
trong đồng bào dân tộc thiểu số**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01
năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;*

*Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm
2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9
năm 2017;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chí lựa
chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có
uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi là người có uy tín).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động quản lý và thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Người có uy tín được lựa chọn từ thôn, bản, xóm, buôn, làng, phum, sóc, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là thôn).

2. Chính sách thực hiện trực tiếp đối với người có uy tín, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng chế độ.

3. Người có uy tín do địa phương trực tiếp quản lý, phân công, phân cấp thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

4. Trường hợp người có uy tín thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Tiêu chí, đối tượng, điều kiện lựa chọn người có uy tín

1. Tiêu chí lựa chọn người có uy tín

a) Là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, cư trú hợp pháp tại Việt Nam;

b) Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

c) Là người tiêu biểu, có nhiều công lao, đóng góp trong các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết các dân tộc;



d) Hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có mối liên hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc và cộng đồng dân cư;

đ) Có khả năng quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định bằng lời nói, qua việc làm, được người dân trong cộng đồng tín nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo.

2. Đối tượng lựa chọn

Người có uy tín được lựa chọn từ các đối tượng sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật hiện hành có quá trình công tác lâu năm, có cống hiến cho dân tộc, đất nước đã nghỉ công tác;

b) Già làng, trưởng thôn, trưởng dòng họ hoặc những người thường được đồng bào dân tộc thiểu số mời thực hiện các nghi lễ cầu cúng cho gia đình, dòng họ, bản làng;

c) Chức sắc, chức việc trong các tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số (Phật giáo, Hồi giáo, Tin Lành, Công giáo,...);

d) Nhân sĩ, trí thức, doanh nhân, nhà giáo, người hành nghề chữa bệnh giỏi hoặc người có điều kiện kinh tế thường giúp đỡ và được đồng bào tín nhiệm.

3. Điều kiện bình chọn người có uy tín

a) Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn 01 (một) người có uy tín;

b) Trường hợp thôn không đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng người có uy tín được bình chọn, nhưng



tổng số người có uy tín được bình chọn không vượt quá tổng số thôn của vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với người có uy tín

1. Cung cấp thông tin

a) Định kỳ hoặc đột xuất người có uy tín được phổ biến, cung cấp thông tin mới về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự và kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện ở địa phương;

b) Người có uy tín được cấp (không thu tiền): 01 tờ Báo Dân tộc và Phát triển của Ủy ban Dân tộc; 01 tờ báo tỉnh hoặc hình thức cung cấp thông tin khác phù hợp đối với người có uy tín do địa phương lựa chọn;

c) Người có uy tín được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc và kỹ năng hòa giải, tuyên truyền, vận động quần chúng;

d) Tùy vào tình hình cụ thể của từng địa phương, người có uy tín được thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc do địa phương xác định, thực hiện.

2. Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần

Theo phân cấp quản lý thực hiện chính sách, người có uy tín được:

a) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết của các dân tộc thiểu số không quá 02 lần/năm; mức chi không quá 500.000 đồng/người/lần;



b) Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín bị ốm đau không quá 01 lần/năm. Mức chi: không quá 3.000.000 đồng/người/năm đối với cấp Trung ương; không quá 1.500.000 đồng/người/năm đối với cấp tỉnh; không quá 800.000 đồng/người/năm đối với cấp huyện;

c) Thăm hỏi, hỗ trợ hộ gia đình người có uy tín gặp khó khăn (thiên tai, hỏa hoạn). Mức chi không quá 2.000.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan Trung ương; không quá 1.000.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan cấp tỉnh; không quá 500.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan cấp huyện;

d) Thăm viếng, động viên khi người có uy tín, thân nhân trong gia đình (bố, mẹ, vợ, chồng, con) qua đời. Mức chi không quá 2.000.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan Trung ương; không quá 1.000.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan cấp tỉnh; không quá 500.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan cấp huyện.

3. Khen thưởng

Người có uy tín có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc được biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành về thi đua, khen thưởng.

4. Các đoàn đại biểu người có uy tín do địa phương tổ chức đến thăm, làm việc tại các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc các cấp ở Trung ương và địa phương được đón tiếp, tặng quà lưu niệm. Mức chi tặng quà không quá 500.000 đồng/đại biểu; chi đón tiếp thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiếp khách trong nước.

Điều 6. Thủ tục công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

1. Công nhận người có uy tín

Người có uy tín được bình chọn, công nhận 05 năm một lần,



được thực hiện trong Quý IV và hoàn thành trước 15 tháng 12 của năm bình chọn theo trình tự sau:

a) Trưởng thôn tổ chức họp thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn) phổ biến về nội dung chính sách, tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Điều 4 Quyết định này và đề cử người có uy tín (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này) gửi Trưởng ban công tác mặt trận thôn.

Trưởng ban công tác mặt trận thôn tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập danh sách đề nghị công nhận người có uy tín gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (01 bộ hồ sơ gồm: văn bản đề nghị và biên bản họp liên tịch theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, kiểm tra và lập hồ sơ (01 bộ gồm: văn bản đề nghị kèm theo danh sách và biên bản theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, kiểm tra và lập hồ sơ (01 bộ gồm: văn bản đề nghị, danh sách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của các xã) gửi cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các huyện, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp, thống nhất với cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ



quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan hoàn thiện hồ sơ (01 bộ gồm: tờ trình, danh sách đề nghị công nhận người có uy tín theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của các huyện), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

2. Bổ sung người có uy tín

a) Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ sung người có uy tín trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các trường hợp:

- Để thay thế các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

- Địa bàn chưa có người có uy tín và đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

b) Thủ tục bổ sung người có uy tín thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

a) Các trường hợp đưa ra khỏi danh sách người có uy tín:

- Người có uy tín chết.

- Người có uy tín đã chuyển nơi khác sinh sống hoặc do sức khỏe yếu, tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

- Người có uy tín vi phạm pháp luật.

- Người có uy tín mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Người có uy tín giảm sút uy tín, không bảo đảm đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

b) Trình tự đưa ra khỏi danh sách người có uy tín:

- Khi có các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn tổ chức họp liên tịch



(có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (01 bộ gồm: văn bản đề nghị, biên bản họp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và các giấy tờ có liên quan).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và lập hồ sơ (01 bộ gồm: văn bản đề nghị, biên bản theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và các giấy tờ liên quan) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, kiểm tra và lập hồ sơ (01 bộ gồm: văn bản đề nghị kèm theo danh sách và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của xã) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của huyện, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp, thống nhất với cơ quan công an cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ngành chức năng liên quan hoàn thiện hồ sơ (01 bộ gồm: tờ trình kèm theo danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín và bản tổng hợp hồ sơ đề nghị của các huyện), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín do ngân sách nhà nước đảm bảo.



2. Ngân sách Trung ương

a) Bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan Trung ương liên quan để thực hiện các hoạt động theo nhiệm vụ được giao quy định tại Điều 8 Quyết định này;

b) Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách theo cơ chế quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 để thực hiện các chính sách quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Ngân sách địa phương

a) Bố trí, cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm của các tỉnh, thành phố theo phân cấp quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các chế độ, chính sách còn lại quy định tại Quyết định này và các hoạt động quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách tại địa phương;

b) Căn cứ vào nội dung chính sách quy định tại Quyết định này, các địa phương có thể hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín thực hiện nhiệm vụ được giao cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan:



a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này;

b) Thực hiện cấp báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín; tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, thực hiện chính sách và vận động người có uy tín ở các địa phương;

c) Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giao lưu, gặp gỡ, hội thảo, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng người có uy tín tiêu biểu, xuất sắc ở các vùng dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Quyết định này; bố trí kinh phí thực hiện chính sách quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc thực hiện chính sách quy định tại Quyết định này đối với người có uy tín được phân công quản lý.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành và các địa phương liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin, tuyên truyền thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín với các hình thức đa dạng, phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Dân tộc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Quyết định này.

6. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp theo ngành dọc phối



hợp thực hiện và tham gia giám sát thực hiện chính sách theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện việc lập danh sách, phân cấp quản lý, phân công thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín ở địa phương;

b) Giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là cơ quan Thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này;

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng chế độ và kịp thời; định kỳ tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Năm 2018, các địa phương tiến hành rà soát danh sách người có uy tín hiện có, thống nhất xác định đối tượng thụ hưởng, phê duyệt một danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này. Các năm tiếp theo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

2. Quyết định này thay thế các văn bản và các điều, khoản trong các văn bản liên quan sau: Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;



Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; điểm a khoản 4 Điều 1 Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”; Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Mục I (xác định người có uy tín trong dân tộc thiểu số) và khoản 1 Mục II (lập danh sách người có uy tín) Hướng dẫn số 04/HD-BCA(A11) ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Biên bản hội nghị dân cư thôn đề cử người có uy tín
Mẫu số 02	Biên bản họp liên tịch thôn bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín
Mẫu số 03	Biên bản kiểm tra kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín của các thôn
Mẫu số 04	Tổng hợp danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín
Mẫu số 05	Đơn đề nghị rút khỏi danh sách người có uy tín
Mẫu số 06	Biên bản họp liên tịch thôn đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín
Mẫu số 07	Biên bản kiểm tra đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín



Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

Đề cử người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hôm nay, ngày.... tháng... năm, tại thôn (*ghi rõ địa điểm tổ chức*).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên, chức danh*)
- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

-
- Số hộ gia đình dự họp/tổng số hộ trong thôn:
- Chủ trì: Ông (bà): Chức danh: Trưởng thôn.
- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

Sau khi nghe Trưởng thôn phổ biến về tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín và nội dung chính sách quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, hội nghị đã thống nhất đề cử người có uy tín của thôn năm... như sau:



Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		Lý do
							Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên.

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên của
đại diện 03 hộ dân
dự họp)

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng thôn

(ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi chú: Mỗi thôn đề cử không quá 02 người. Người được đề cử phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ cao nhất (bằng hình thức biểu quyết giơ tay).



Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI LIÊN TỊCH THÔN

**Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín
trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Hôm nay, ngày.... tháng... năm..., tại thôn (*ghi rõ địa điểm tổ chức*)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn*):
-
- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự, ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (*ghi rõ họ, tên*): (*tối thiểu 03 hộ gia đình*)
- Chủ trì: Ông (bà): Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

Sau khi xem xét danh sách đề cử của thôn; căn cứ tiêu chí, Điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp,



cuộc họp thống nhất đề nghị công nhận người có uy tín của thôn năm..... như sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		Lý do
							Số người (số phiếu)	Tỷ lệ %	Số người (số phiếu)	Tỷ lệ %	
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay do Hội nghị quyết định. Người được bình chọn, đề nghị là người có uy tín phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ bình chọn cao nhất.

- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự với vai trò giám sát, không tham gia bỏ phiếu hoặc biểu quyết bình chọn người có uy tín; trường hợp bình chọn bằng bỏ phiếu kín, tổ kiểm phiếu phải có sự tham gia của đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn.

- Trường hợp có nhiều hơn số lượng người được bình chọn/thôn mà có kết quả bình chọn bằng nhau thì đưa cả vào danh sách bình chọn gửi UBND xã/phường/thị trấn xem xét, quyết định.



Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

**Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận
người có uy tín năm**

Hôm nay, ngày....tháng...năm...., tại UBND xã (*ghi rõ địa điểm tổ chức*)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (*Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Chủ trì: Ông (bà) Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.

- Thư ký: Ông (bà) (*ghi rõ họ, tên, chức danh*)

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ tiêu chí, Điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết



định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				
		Nam	Nữ				Đủ điều kiện		Không đủ điều kiện		Lý do
							Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

UBMTTQ xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

Đảng ủy xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

Công an xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Nêu rõ lý do các trường hợp đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trong danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín của các thôn gửi UBND xã/phường/thị trấn.

- Trường hợp thôn gửi danh sách đề nghị công nhận người có uy tín vượt quá số lượng được bình chọn (do có kết quả bình chọn ở cuộc họp liên tịch thôn cao bằng nhau) thì các thành viên tham gia dự họp của UBND xem xét, quyết định chọn đủ số lượng người có uy tín được bình chọn của thôn đó.



Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH

Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín

trong đồng bào dân tộc thiểu số

Năm

Số TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/ Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Chuyên môn	Trình độ văn hóa	Thành Phần người có uy tín								Ghi chú	
		Nam	Nữ					Giải làng	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Trưởng thôn và tương đương	CB hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhân sĩ, tri thức	Doanh nhân, người sản xuất giỏi		Thành Phần khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng cộng																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

TM. UBND.....

(ký, đóng dấu,
ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (2): Ghi NCUT (người có uy tín) theo từng xã trong huyện;
- Cột (6): Ghi cụ thể thôn bản, buôn làng, tổ dân phố và tương đương;
- Các cột từ cột (8) đến cột (16): Ghi cụ thể, đúng thành phần của NCUT;
- Cột (17): Nếu NCUT là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì đánh dấu (x) vào cột này. Nếu không phải thì ghi số 0 vào cột này.



Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Rút khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào
dân tộc thiểu số**

Kính gửi:

- Ban công tác Mặt trận thôn.....
- UBND xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người có uy tín:

Ngày tháng năm sinh:

Dân tộc:

Hộ khẩu thường trú tại:

Hiện đang là người có uy tín của thôn:

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, cho phép
tôi được rút khỏi danh sách người có uy tín của thôn

Lý do*:

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm....

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi cụ thể lý do tự xin rút khỏi danh sách người có uy tín (ví dụ: do sức khỏe yếu; gia đình chuyển đi nơi khác sinh sống...);



Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

trong đồng bào dân tộc thiểu số

Năm

Hôm nay, ngày..... thángnăm....., tại thôn (*ghi rõ địa điểm tổ chức*)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện chính quyền (*ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn*)
- Đại diện Mặt trận (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (*Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự; ghi rõ họ, tên, chức danh*).
- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (*ghi rõ họ, tên*): tối thiểu 03 hộ gia đình.
- Chủ trì: Ông (bà):..... Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

- Thư ký (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, sau khi xem xét, đánh giá các mặt và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp đối với:

1. Ông/Bà: năm sinh... dân tộc.... cư trú tại



các thành viên tham dự họp thống nhất (vớisố phiếu/tổng số phiếu.....=.....%).

2. Các thành viên dự họp thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín đối với:

Ông/Bà:

- Lý do (nêu cụ thể lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín):

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Trường hợp người có uy tín chết: không tổ chức họp liên tịch. Trưởng thôn làm văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín gửi UBND cấp xã;

- Trường hợp tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín cần có đơn theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này;

- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn không tham gia bỏ phiếu, nhưng tham gia vào tổ kiểm phiếu để giám sát kết quả bỏ phiếu đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín của thôn.



Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

trong đồng bào dân tộc thiểu số

Năm

Hôm nay, ngày.... tháng... năm, tại UBND xã (ghi rõ địa điểm tổ chức)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (*ghi rõ họ, tên, chức danh*):

- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (*Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh*).

- Chủ trì: Ông (bà)Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.

- Thư ký: Ông (bà) (ghi rõ họ, tên, chức danh)

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ các quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị UBND



huyện/quận/thị xã xem xét đưa ra khỏi danh sách người có uy tín năm đối với các trường hợp sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ Chuyên môn	Kết quả *				
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		Lý do*
							Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	
1											
...											
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

Công an xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

UBMTTQ xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện

Đảng ủy xã

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Thực hiện bỏ phiếu kín, người được đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín phải có trên 50% tổng số đại biểu dự họp bỏ phiếu tán thành.

- Nêu rõ lý do các trường hợp đề nghị đưa ra hoặc không đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín.

NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Số 88/2019/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV số 74/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Sau khi xem xét Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 1016/BC-HĐDT14 ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng Dân tộc; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội số 477/BC-UBTVQH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội



vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với những nội dung sau đây:

1. Quan điểm

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập phát triển cùng với đất nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước;

- Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết; thúc đẩy đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Lồng ghép, bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án;

- Nguồn lực nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định; tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và xã hội hóa nguồn lực, huy động, thu hút, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển nhanh, bền vững; nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức phát triển sản xuất, kinh doanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là đầu tư cho phát triển bền vững đất



nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước;

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

- Tích hợp chính sách đồng bộ, thống nhất, thu gọn đầu mối quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng; phát huy vai trò, chức năng của cơ quan công tác dân tộc; bảo đảm và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu;



thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;



- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

c) Định hướng mục tiêu đến năm 2030:

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

- Giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hàng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;



- Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa;

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng;

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở;

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

a) Phạm vi:

Đề án thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng điều chỉnh:

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.



4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a) Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, gồm các dự án sau:

(1) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

(2) Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết;

(3) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị;

(4) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc;

(5) Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

(6) Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch;

(7) Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;

(8) Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;

(9) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn;

(10) Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Xây dựng và ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển bảo đảm



toàn diện, khách quan, khoa học, chính xác, làm cơ sở xác định đối tượng, địa bàn cần ưu tiên để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

c) Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

d) Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

đ) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số,



nhất là nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

g) Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

h) Đổi mới và mở rộng chính sách tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được tổng hợp thành mục ngân sách trong vốn đầu tư công ở các cấp ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công do Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 2.

Quốc hội giao Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và chính sách dân tộc, kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn



bản có liên quan không còn phù hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án.

2. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để thực hiện từ năm 2021.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc làm Phó Trưởng Ban thường trực, có sự tham gia của bộ, ban, ngành liên quan để chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình.

4. Căn cứ phạm vi, đối tượng, định mức, nhiệm vụ cụ thể, Chính phủ tổng hợp, cân đối, dự toán nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Hằng năm, Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trước Quốc hội; 5 năm tổ chức tổng kết, trình Quốc hội về cơ chế, chính sách tiếp tục thực hiện cho giai đoạn 2026-2030.

Điều 3.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội,



trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2019.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Số 120/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 247/TTr-CP ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ Đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030; Báo cáo thẩm tra số 1185/BC-HĐDT14 ngày 24 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Dân tộc; Báo cáo số 571/BC-UBTVQH14 ngày 18



tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình), với những nội dung sau:

1. Thời gian thực hiện Chương trình: 10 năm, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Giai đoạn II: Từ năm 2026 đến năm 2030.

2. Mục tiêu thực hiện Chương trình: Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025, tối thiểu là 137.664 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 104.954 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng;

- Vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng;



- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.967 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

c) Căn cứ kết quả thực hiện của Chương trình giai đoạn 2021-2025, Chính phủ trình Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

4. Nguyên tắc, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình:

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Đa dạng hóa nguồn lực, trong đó ngân sách nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định, ưu tiên phân bổ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong thực hiện Chương trình; huy động, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện Chương trình.



Điều 2.

Giao Chính phủ triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và 21 Chương trình mục tiêu đang thực hiện, trên cơ sở đó xác định nội dung, đối tượng, địa bàn cụ thể triển khai thực hiện Chương trình, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các Chương trình. Nghiên cứu, vận dụng các cơ chế, chính sách phù hợp với đặc điểm, điều kiện của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu đang thực hiện để đưa vào Chương trình này. Bảo đảm địa bàn đặc biệt khó khăn được ưu tiên đầu tư ở mức cao nhất.

2. Chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Tập trung nguồn lực đầu tư để giải quyết các vấn đề bức thiết của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, theo thứ tự ưu tiên: Đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là vùng nguy cơ cao về thiên tai; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ bảo vệ và phát triển rừng, bảo đảm sinh kế bền vững; đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu; chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ



em; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia; quan tâm công tác truyền thông, tuyên truyền và biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

3. Quyết định đầu tư Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ban hành tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

4. Trong quá trình điều hành, Chính phủ tiếp tục rà soát, cân đối, bố trí ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình theo hướng tăng chi đầu tư phát triển, hỗ trợ để tăng vốn tín dụng chính sách và có giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn ODA, vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, vốn xã hội hóa cho Chương trình.

5. Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình tại kỳ họp cuối năm. Năm 2025 tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn I, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc thực hiện Chương trình giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030.

Điều 3.

Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương phù hợp, cùng với ngân sách trung ương và huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp cuối năm và Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình.



Điều 4.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Chương trình.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

Phần thứ ba

**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA
BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG**



QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG
Số 66-QĐ/BDVTW, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng
ngành Dân vận

- Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng;
- Căn cứ Quyết định số 97-QĐ/TW, ngày 22/10/2007 của Bộ Chính Trị (khóa X) “*về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương*”;
- Căn cứ Quy chế số 36-QC/BDVTW, ngày 19/5/2008 của Ban Dân vận Trung ương “*về tổ chức và làm việc của Ban Dân vận Trung ương*”;
- Xét đề nghị của Vụ Tổ chức - Cán bộ,

TRƯỞNG BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng ngành Dân vận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.



Điều 3. Vụ Tổ chức - Cán bộ, Văn phòng Ban và các vụ, đơn vị Trực thuộc cơ quan Ban Dân vận Trung ương; ban dân vận các cấp ủy thi hành Quyết định này.

TRƯỞNG BAN

Hà Thị Khiết



QUY CHẾ
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NGÀNH DÂN VẬN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66-QĐ/BDVTW,
ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ban Dân vận Trung ương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này điều chỉnh về công tác thi đua, khen thưởng ngành dân vận.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Ban Dân vận Trung ương cho tập thể Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; Cục Dân vận, Bộ Quốc phòng; Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bộ Công an;

b. Tặng Bằng khen của Ban Dân vận Trung ương cho những cá nhân đang công tác tại những tập thể thuộc Điểm a, Khoản 2 Điều này;

c. Tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận” cho những cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp trong công tác dân vận của Đảng.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a. Tự nguyện, tự giác, công khai;

b. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.



2. Nguyên tắc khen thưởng:
 - a. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
 - b. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng;
 - c. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
 - d. Kết hợp động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

Điều 3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cờ thi đua của Ban Dân vận Trung ương (gồm Cờ thi đua hằng năm và Cờ thi đua yêu nước 5 năm);
2. Bằng khen của Ban Dân vận Trung ương (gồm Bằng khen hằng năm và Bằng khen trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm);
3. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận”.

Chương II

TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Bằng khen hằng năm

1. Tập thể: Tặng Bằng khen hằng năm cho tập thể thuộc Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Quy chế này đạt các tiêu chuẩn sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao theo tinh thần Quyết định số 222-QĐ/TW, ngày 08/5/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy”;



Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch công tác của địa phương, đơn vị; của Ban Dân vận Trung ương; được Ban Thường vụ cấp ủy hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý đánh giá, xác nhận “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

b. Là tập thể tiêu biểu có 2 năm liên đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng” (nếu địa phương, đơn vị nào xét danh hiệu này cho cấp phòng, thì phải có 50% số phòng đạt “Tập thể lao động xuất sắc”);

c. Tổ chức Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; đoàn thể nhân dân đạt vững mạnh (tổ chức nào sinh hoạt ghép thì lấy kết quả xếp loại của tổ chức ghép đó). Có mô hình, điển hình “Dân vận khéo”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, thực hành tiết kiệm; chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d. Được 100% các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương đồng ý (bằng hình thức bỏ phiếu kín).

2. Cá nhân: Tặng Bằng khen hàng năm cho những cá nhân thuộc Điểm b, Khoản 2, Điều 1, Quy chế này đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; có thành tích thực sự xuất sắc đóng góp cho công tác dân vận của Đảng;

b. Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c. Được 100% các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương đồng ý (bằng hình thức bỏ phiếu kín).



Điều 5. Bằng khen trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm

Bằng khen trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm tặng vào dịp tổ chức Đại hội thi đua yêu nước ngành Dân vận toàn quốc (5 năm tổ chức một lần, tính từ năm 2010) cho tập thể thuộc Điểm a và cá nhân thuộc Điểm b, Khoản 2, Điều 1, Quy chế này đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Là tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm; đã được Ban Dân vận Trung ương tặng ít nhất 02 Bằng khen hằng năm;

2. Được 100% các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương đồng ý (bằng hình thức bỏ phiếu kín).

Điều 6. Cờ thi đua hằng năm

Cờ thi đua hằng năm của Ban Dân vận Trung ương được tặng cho tập thể thuộc Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Quy chế này đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao theo tinh thần Quyết định số 222-QĐ/TW, ngày 08/5/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy”; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch công tác của địa phương, đơn vị; của Ban Dân vận Trung ương; được Ban Thường vụ cấp ủy hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý đánh giá, xác nhận “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất được bình chọn trong số tập thể đạt danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc”



hàng năm ở tỉnh, thành phố và tương đương (nếu địa phương, đơn vị nào xét danh hiệu này cho các tập thể trực thuộc (cấp phòng) thì phải có ít nhất 50% số phòng đạt “Tập thể lao động xuất sắc”);

3. Được suy tôn là đơn vị dẫn đầu Khối thi đua của địa phương, đơn vị;

4. Xây dựng được mô hình, điển hình “Dân vận khéo” có hiệu quả cao, được nhân ra diện rộng; đã được khen thưởng ở địa phương, đơn vị hoặc có xác nhận bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp;

5. Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu”; các tổ chức đoàn thể đạt vững mạnh xuất sắc;

6. Được 100% các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương đồng ý (bằng hình thức bỏ phiếu kín).

Điều 7. Cờ thi đua yêu nước 5 năm

Cờ thi đua yêu nước 5 năm của Ban Dân vận Trung ương tặng vào dịp tổ chức Đại hội thi đua yêu nước ngành Dân vận toàn quốc (5 năm tổ chức một lần, tính từ năm 2010) cho tập thể thuộc Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Quy chế này, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Là tập thể tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 05 năm của nhiệm kỳ đại hội Đảng toàn quốc;

2. Đã được Ban Dân vận Trung ương tặng ít nhất 02 Cờ thi đua và 01 Bằng khen hàng năm;

3. Được 100% các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương đồng ý (bằng hình thức bỏ phiếu kín).



Điều 8. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận” được xét, tặng vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng (15/10 hằng năm) cho cá nhân đã và đang công tác tại Ban Dân vận của các cấp ủy đảng; các đồng chí lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân; những cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp công tác dân vận của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể:

1. Cá nhân thuộc các đối tượng sau, có thời gian công tác hoặc giữ chức vụ đủ 10 năm, gồm:

a. Cán bộ, công chức, nhân viên đã và đang công tác tại Ban Dân vận của các cấp ủy đảng; cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ trực tiếp làm công tác vận động quần chúng chuyên trách thuộc lực lượng vũ trang;

b. Trưởng khối, Phó trưởng khối Dân vận cấp xã; Trưởng ban, Phó trưởng ban Dân vận từ cấp huyện và tương đương trở lên; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân vận cấp tỉnh và tương đương trở lên; các đồng chí lãnh đạo chỉ huy thuộc lực lượng vũ trang trực tiếp lãnh đạo công tác dân vận từ cấp huyện (Trung đoàn) và tương đương trở lên;

c. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt (cấp trưởng, cấp phó) có nhiều đóng góp cho sự nghiệp dân vận của Đảng, bao gồm: Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ cấp xã và tương đương trở lên; lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó của các ban, bộ, ngành ở Trung ương.

2. Những cá nhân tiêu biểu trong và ngoài nước có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho công tác dân vận của Đảng (không tính thời gian công tác, giữ chức vụ), do Ban Dân vận



cấp tỉnh và tương đương; ban cán sự đảng, đảng đoàn các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở Trung ương lựa chọn, đề xuất.

3. Những cá nhân thuộc Khoản 1, Điều 8, nếu giữ nhiều chức vụ ở các thời điểm khác nhau thì được cộng dồn thời gian để xét, tặng Kỷ niệm chương. Mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần. Không tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian công tác.

Chương III

QUY TRÌNH XÉT, HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG

Điều 9. Quy trình xét; hồ sơ; thời gian và số lượng

1. Quy trình xét:

Xét, trình từ cấp dưới lên cấp trên trực tiếp theo hệ thống tổ chức Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Trung ương. Riêng tập thể, cá nhân thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam trong cả nước, kể cả quân sự địa phương, Bộ đội Biên phòng, doanh nghiệp của Quân đội (đối với Kỷ niệm chương) gửi hồ sơ về Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng xét, trình Ban Dân vận Trung ương.

2. Hồ sơ, thời gian gửi hồ sơ:

a. Đối với Cờ thi đua và Bằng khen, hồ sơ gồm:

Tờ trình, danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân theo mẫu số 1, tại Thông tư số 02/2011/TT-BNV, ngày 24/02/2011 của Bộ Nội vụ (*báo cáo thành tích trong 02 năm đối với Bằng khen hằng năm; 01 năm đối với Cờ thi đua hằng năm; 05 năm đối với danh hiệu*



thi đua, khen thưởng 5 năm. Kê rõ số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành các quyết định công nhận về xếp loại tổ chức, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã đạt được theo tiêu chuẩn của từng danh hiệu thi đua, khen thưởng). Gửi 01 bộ hồ sơ về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ban Dân vận Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) trước ngày 30 tháng 01 hằng năm của năm sau (tính theo dấu bưu điện) đối với khen thưởng hằng năm. Đối với khen thưởng 5 năm, khi tổ chức Đại hội Thi đua, sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

b. Đối với Kỷ niệm chương, hồ sơ gồm:

Tờ trình, danh sách (theo mẫu số 1 KNC); bản kê thời gian công tác và tóm tắt thành tích (theo mẫu số 2 KNC); riêng đối tượng “cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc”, thuộc Khoản 2, Điều 8, Quy chế này, có thêm bản báo cáo thành tích (theo mẫu số 3 KNC) gửi về Ban Dân vận Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) trước ngày 15/8 hằng năm (tính theo dấu bưu điện).

3. Số lượng đề nghị (gồm tập thể và cá nhân):

a. Số lượng đối với Bằng khen hằng năm: Mỗi Ban Dân vận cấp tỉnh thành và tương đương trình không quá 03 hồ sơ. Riêng tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An trình không quá 04 hồ sơ. Thành phố Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh; Cục Dân vận, Bộ Quốc phòng; Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bộ Công an trình không quá 05 hồ sơ;

b. Số lượng đối với danh hiệu thi đua, khen thưởng 5 năm, khi tổ chức Đại hội Thi đua, sẽ có văn bản hướng dẫn riêng;

c. Số lượng đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận”: Hằng năm, mỗi Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương; Bộ Công an trình không quá 20 cá nhân. Riêng tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An trình không quá 25 cá nhân;



thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trình không quá 30 cá nhân; Bộ Quốc phòng trình không quá 80 cá nhân.

Điều 10. Chế độ khen thưởng

Thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành và thay thế Quy chế Thi đua, khen thưởng trong hệ thống ban dân vận cấp ủy (ban hành kèm theo Quyết định số 90-QĐ/BDVTW, ngày 10/9/2008 của Trưởng Ban Dân vận Trung ương); Quy định số 108-QĐ/BDVTW, ngày 31/7/2009 của Ban Dân vận Trung ương về việc xét, tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận”.

2. Các vụ, đơn vị thuộc Ban Dân vận Trung ương; Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Ban Dân vận Trung ương; Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị phản ánh những điểm chưa phù hợp để Ban Dân vận Trung ương xem xét, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG



M_{1-KNC}

ĐẢNG BỘ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BAN DÂN VẬN

*

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*”

(Kèm theo Tờ trình số, ngày của)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, nơi công tác (nơi cư trú, đối với CB hưu)	Số năm, tháng công tác dân vận
		Nam	Nữ		

Tổng số:

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
trình**

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

Người lập Danh sách



M₂-KNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*”

1. Họ và tên: Bí danh:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quê quán:
4. Nam, nữ: 5. Dân tộc: 6. Tôn giáo:
7. Chức vụ, nơi công tác hiện nay (hoặc chức vụ trước khi nghỉ hưu):

8. Ngày vào Đảng (nếu có):
9. Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng năm, đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác	Số năm, tháng CT dân vận

Tổng số năm, tháng công tác dân vận:

10. Tóm tắt thành tích nổi bật về công tác dân vận:

11. Hình thức bị kỷ luật (nếu có):

**Xác nhận của cơ quan,
đơn vị hoặc chi bộ nơi
đang sinh hoạt
(Ký tên, đóng dấu)**

....., ngày tháng năm
Người khai ký tên



M₃-KNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*”

(Dành cho cá nhân có thành tích xuất sắc)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Nam, nữ:

Dân tộc:

Tôn giáo:

Chức vụ, nơi công tác, hoặc nơi cư trú:

Nghề nghiệp, hoặc công việc đang làm:

Ngày vào Đảng (nếu có):

**Tóm tắt thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự
nghiệp công tác dân vận của Đảng:**

Xác nhận của cơ quan,
đơn vị hoặc của chi bộ nơi
đang sinh hoạt
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
Người viết báo cáo

HƯỚNG DẪN
CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

Số 43-HD/BDVTW, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Về phong trào thi đua “Dân vận khéo” thực hiện
“Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng
nông thôn mới”

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa X), Chỉ thị số 725/CT-TTg, ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; ngày 06/5/2011, Ban Dân vận Trung ương đã ban hành hướng dẫn về công tác dân vận thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Hưởng ứng Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn phong trào thi đua “Dân vận khéo” thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” như sau:



I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phát động rộng rãi phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp, nêu cao vai trò chủ thể của nhân dân, vận động nhân dân và các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, nhà doanh nghiệp... quyết tâm thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể nhân dân, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đa dạng hóa công tác vận động và tổ chức sâu rộng các phong trào thi đua trong đoàn viên, hội viên, trong các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

3. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” tham gia xây dựng nông thôn mới cần được cụ thể hóa, tiến hành thường xuyên, sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; định kỳ sơ kết, tổng kết ở các địa phương và trên phạm vi cả nước.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Thường xuyên coi trọng các giải pháp tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt tới mọi người dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn về mục đích, yêu cầu, phương châm, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp; nhất là phương châm: nhân dân là chủ thể và dựa vào dân để xây dựng nông thôn mới; tranh thủ lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, tiếp thu những kinh nghiệm, ý kiến đóng góp của nhân dân để kịp thời điều chỉnh các giải pháp tổ chức thực hiện cho phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.



2. Tổ chức cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, tham gia thực hiện và giám sát các công việc cụ thể của Chương trình: Từ việc lập đề án, quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, các dự án thuộc các lĩnh vực, cho đến việc xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ nhân dân thực hiện Chương trình.

3. Tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo mặt trận, các đoàn thể nhân dân, tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, của từng tổ chức đoàn thể, để lựa chọn đảm nhận những công việc, những dự án, tiểu dự án cụ thể; hướng dẫn, phát động đoàn viên, hội viên và nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa; khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, phát triển trang trại, gia trại; cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn, ao, chuồng; phát triển ngành nghề, thương mại dịch vụ, mở rộng thị trường lưu thông, chế biến tiêu thụ nông, lâm, thủy, hải sản; giải quyết việc làm, tăng thu nhập và tạo cơ hội làm giàu, cải thiện, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân.

4. Tích cực tham gia cùng với cấp ủy, chính quyền, ban chỉ đạo, ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới trong việc xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư cho các dự án, tiểu dự án, hỗ trợ nhân dân phát triển kinh tế; chỉnh trang khuôn viên nhà ở, vệ sinh môi trường... lựa chọn, bố trí những công việc trong các dự án xây dựng hạ tầng, không đòi hỏi yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ để nhân dân địa phương trực tiếp tham gia, tạo thêm công ăn việc làm, thu nhập cho nhân dân.

5. Tổ chức quán triệt, bàn bạc dân chủ, trên cơ sở tự nguyện để phát động nhân dân đóng góp tiền, công sức, hiến đất... vào những công việc như: xây dựng hạ tầng; giao thông nông thôn,



nhà văn hóa thôn; làm thủy lợi; đồn điền, đổi thửa, quy hoạch lại đồng ruộng, khu dân cư và các công trình công cộng khác.

6. Tuyên truyền, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; thực hiện có hiệu quả 5 tiêu chuẩn “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” theo Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phát huy văn hóa truyền thống, xóa bỏ những tập tục lạc hậu, xây dựng cộng đồng dân cư đồng thuận, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...

7. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo và trực tiếp tổ chức cho nhân dân xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân được hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình. Thông qua Phong trào thi đua “Dân vận khéo” thực hiện “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”, tổ chức cho nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân vững mạnh, ngang tầm với đòi hỏi của việc xây dựng nông thôn mới trong tình hình hiện nay.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân vận Trung ương phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn, theo dõi, biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn cho ban dân



vận các địa phương về công tác dân vận trong xây dựng nông thôn mới. Phối hợp với một số địa phương, đại diện cho các vùng miền, chọn mỗi địa phương một xã, làm điểm, chỉ đạo về phong trào thi đua “Dân vận khéo” tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương có chương trình, kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn cho các tổ chức mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội ở các địa phương thực hiện và chỉ đạo xây dựng cụ thể các mô hình “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới, thường xuyên sơ kết, tổng kết để nhân rộng.

3. Ban dân vận các cấp chủ động phối hợp với chính quyền, ban chỉ đạo cùng cấp tích cực tham mưu cho cấp ủy ban hành văn bản chỉ đạo về công tác dân vận, phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới. Lựa chọn một số xã nằm trong những xã được cấp ủy, chính quyền địa phương chọn làm điểm, để chỉ đạo điểm về phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới. Tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, chỉ đạo cụ thể; từng bước nghiên cứu làm rõ các tiêu thức đánh giá phong trào cho phù hợp với điều kiện cụ thể và phát động nhân rộng ra các địa phương khác.

4. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới được lồng gán và song song với thời gian thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do Thủ tướng Chính phủ phát động. Tiêu chuẩn thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1620/QĐ-TTg, ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ



về Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Định kỳ 6 tháng, một năm, gắn với sơ kết, tổng kết công tác dân vận, tổng kết phong trào chung về “Dân vận khéo”; ban dân vận các cấp tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân điển hình về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào thi đua và gửi báo cáo về Ban Dân vận Trung ương để tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Việt

HƯỚNG DẪN CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

Số 80-HD/BDVTW, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Về việc thành lập và hoạt động của tổ dân vận thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố, khu dân cư

Để cụ thể hóa chủ trương của Đảng và tư tưởng Dân vận của Bác Hồ: “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho”, và tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong thời kỳ mới. Qua khảo sát nghiên cứu ở một số địa phương, cơ sở trong 21 tỉnh, thành phố đã thành lập tổ dân vận thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố (trong đó có nhiều nơi đã đi vào hoạt động nên nếp, có hiệu quả), và những kiến nghị, đề xuất của các địa phương tại 2 cuộc hội thảo do Ban Dân vận Trung ương tổ chức; Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động của tổ dân vận thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là tổ dân vận thôn), như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm tổ chức và phát huy vai trò trách nhiệm của các lực lượng làm công tác dân vận, vận động quần chúng; bao gồm



các tổ chức: chi bộ, trưởng thôn, ban công tác mặt trận, chi đoàn, chi hội của các đoàn thể nhân dân, những người có uy tín trực tiếp vận động từng hộ, từng người dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Nhằm cụ thể hóa công tác dân vận của chi bộ, đổi mới phương thức dân vận vận động quần chúng và hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Tổ chức và hoạt động của tổ dân vận thôn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và đồng bộ của ban công tác mặt trận, các chi đoàn, chi hội, các thành viên và những người có uy tín tham gia làm công tác dân vận. Hoạt động của tổ dân vận thôn phải bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương và tâm tư, nguyện vọng, quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

II. TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

1. Cơ cấu tổ chức

- Mỗi thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố, khu dân cư thành lập một tổ dân vận; do đảng ủy xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập.

- Thành phần và chức danh của tổ dân vận bao gồm: bí thư chi bộ làm tổ trưởng; trưởng thôn và trưởng ban công tác mặt trận làm tổ phó. Các thành viên gồm: chi hội trưởng chi hội cựu chiến binh, chi hội trưởng chi hội nông dân, chi hội trưởng chi hội phụ nữ, bí thư chi đoàn thanh niên, chi hội trưởng chi hội



người cao tuổi, phó thôn, thôn đội trưởng, công an viên, người có uy tín, già làng, một số trưởng dòng họ, v.v..

- Đối với những nơi: chưa thành lập chi bộ thôn, căn cứ vào tình hình cụ thể để thành lập tổ dân vận, có thể chi ủy viên hoặc trưởng thôn làm tổ trưởng.

- Một số nơi có thể mời đại diện: doanh nhân, nhà giáo, chức sắc tôn giáo, người tiêu biểu, có uy tín... tham gia tổ dân vận.

2. Chức năng

Tổ dân vận thôn là một tổ chức phối hợp hoạt động của các lực lượng trực tiếp làm công tác dân vận, vận động quần chúng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ; có chức năng tham mưu cho chi bộ và trực tiếp vận động các tầng lớp nhân dân, tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn thôn.

3. Nhiệm vụ

- Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến rộng rãi trong nhân dân, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, sự hiểu biết của nhân dân; tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong hành động của mọi người dân về thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Nắm vững các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương; các chương trình, các phong trào thi đua của dân vận, mặt trận, các đoàn thể nhân dân để tham mưu cho chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện.



- Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tình hình dân tộc, tôn giáo; đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, kịp thời báo cáo chỉ ủy, đề xuất giải pháp, trực tiếp vận động, hòa giải, giải quyết ổn thỏa, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Phối hợp với ban công tác mặt trận, các chi đoàn, chi hội của các đoàn thể triển khai thực hiện sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Dân vận khéo”, v.v.. Vận động nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt các chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào “Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”, xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; quy ước, hương ước ở thôn; xây dựng nếp sống mới trong việc tổ chức các lễ hội truyền thống, việc cưới việc tang, các lễ nghi dân gian; kiên quyết đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức cho nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tham mưu cho chỉ ủy chỉ đạo và trực tiếp vận động nhân dân tham gia vào xây dựng đề án, quy hoạch nông thôn mới; tham gia góp công, góp của vào xây dựng hạ tầng; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất, kinh doanh; cải tạo vườn tạp, chỉnh trang tường, dậu, nhà ở, công trình vệ sinh, vườn, ao, chuồng... bảo đảm môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.



- Phối hợp tổ chức cho nhân dân tham gia giám sát, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, các đoàn thể ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp, nội dung, chương trình hoạt động; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên; duy trì chế độ sinh hoạt, hoạt động thường xuyên của tổ dân vận; phối hợp với các lực lượng trên địa bàn thực hiện tốt công tác dân vận, vận động quần chúng.

- Định kỳ hàng tháng, 6 tháng, một năm hoặc đột xuất báo cáo chi bộ và báo cáo khối dân vận cấp xã về tình hình nhân dân và kết quả hoạt động của tổ dân vận thôn.

III. NỘI DUNG SINH HOẠT

- Căn cứ vào đặc điểm, tình hình của thôn, căn cứ vào nhiệm vụ của chi bộ, của cấp trên giao cho thôn, tổ dân vận tham mưu cho chi bộ ban hành các chủ trương, giải pháp để chỉ đạo và phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân vận, vận động quần chúng.

- Thảo luận dân chủ các nội dung, chương trình, giải pháp, phương thức vận động, các bước tiến hành phù hợp đối với các tầng lớp nhân dân, để thực hiện có hiệu quả công tác dân vận, vận động quần chúng.

- Thường xuyên nắm bắt và thảo luận, đánh giá sát tình hình nhân dân, tâm tư, nguyện vọng, những bức xúc, kiến nghị của nhân dân, kịp thời phản ảnh với chi bộ có biện pháp phù hợp để vận động, giải quyết.

- Bàn biện pháp phối hợp hoạt động với ban công tác mặt



trận, các đoàn thể, triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn thôn.

- Hằng tháng hoặc khi cần thiết, họp xem xét, đánh giá về kết quả công tác, về vai trò, trách nhiệm, sinh hoạt, hoạt động và phối hợp hoạt động của tổ dân vận; rút kinh nghiệm, đề ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ vào hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương, ban dân vận các tỉnh ủy, thành ủy tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo, giúp cấp ủy hướng dẫn việc thành lập và hoạt động, quy chế hoạt động, chương trình công tác của tổ dân vận, chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng việc thành lập và hoạt động của tổ dân vận thôn.

- Ban dân vận các cấp thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khuyến khích, động viên, khen thưởng những nơi làm tốt, kịp thời báo cáo, tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo.

- Căn cứ vào các quy định của Nhà nước và tình hình cụ thể của địa phương cơ sở, ban dân vận cấp ủy phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu, đề xuất hỗ trợ kinh phí sinh hoạt, hoạt động của tổ dân vận thôn.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm, ban dân vận các tỉnh ủy, thành ủy báo cáo Ban Dân vận Trung ương về tình hình và kết quả hoạt động của tổ dân vận thôn trong báo cáo chung của ban dân vận tỉnh ủy, thành ủy.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Việt

HƯỚNG DẪN CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

Số 169-HD/BDVTW, ngày 11 tháng 6 năm 2013

**Về công tác dân vận tham gia trong quy hoạch,
xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển
kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng
thu hồi đất, tái định cư**

Trong những năm qua, nhiều địa phương đã coi trọng công tác dân vận, thực sự mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng, quy hoạch, triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư cho nhân dân đảm bảo tiến độ dự án, đảm bảo chính sách và quyền lợi chính đáng, cuộc sống, việc làm của người dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

Tuy nhiên, còn một số địa phương, cơ sở trong quá trình thực hiện có những khuyết điểm, vi phạm gây bức xúc, khiếu tố gay gắt trong nhân dân. Một số nơi đã trở thành “điểm nóng”, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện dự án, đến an ninh trật tự, cuộc sống, tâm tư nguyện vọng, lòng tin của nhân dân gây lãng phí



lớn; tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền, kích động chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm nói trên chủ yếu là do: các cấp, các ngành chưa chú trọng làm tốt công tác dân vận, việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên một số lĩnh vực còn bất cập. Quá trình tổ chức thực hiện còn thiếu các giải pháp cụ thể, chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chưa phát huy hết vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị để tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân.

Trên cơ sở thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị, Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Pháp lệnh số 34/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các nghị định của Chính phủ về xây dựng, thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật Đất đai và các nghị định của Chính phủ như: Nghị định số 69/2009 ngày 13/8/2009, Nghị định số 84/2007 ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai..., Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn về “Công tác dân vận tham gia trong quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm mở rộng dân chủ, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong công tác quy hoạch, xây dựng, thực hiện các dự



án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư.

2. Phối hợp đồng bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, có các giải pháp phù hợp tuyên truyền, vận động nhân dân; giải quyết thỏa đáng những thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân, tổ chức cho nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về đất đai, chính sách về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, trật tự và triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tiến độ của dự án và đảm bảo đời sống, quyền lợi chính đáng của nhân dân.

3. Công tác dân vận tham gia trong quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án phục vụ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; phải bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương liên quan tới đất đai; nắm bắt và phản ánh, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc, khiếu kiện chính đáng của người dân bị thu hồi đất.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Bước 1: Công tác dân vận trong giai đoạn chuẩn bị quy hoạch, xây dựng dự án, triển khai dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

- Ngay từ khi dự thảo quy hoạch, dự án, phương án thu hồi đất, giá cả đền bù và phương án tổ chức thực hiện dự án, các



cấp chính quyền phải tổ chức họp dân, lắng nghe, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội liên quan đến dự án để bổ sung, hoàn thiện dự án.

- Sau khi có quyết định chính thức phê duyệt dự án, trước khi tổ chức thực hiện, chính quyền các cấp phải công khai với người dân về nội dung liên quan của dự án bằng nhiều hình thức linh hoạt như: mời họp dân, trực tiếp phổ biến, công khai trên phương tiện thông tin của địa phương, cung cấp tài liệu có liên quan, phát phiếu lấy ý kiến, niêm yết văn bản...

- Cấp ủy, chính quyền tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương về thu hồi đất khi thực hiện dự án để nhân dân hiểu đúng, đủ về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của dự án, quyền lợi của mình khi dự án được thực hiện, vận động nhân dân thực hiện dự án.

Bước 2: Công tác dân vận trong giai đoạn thực hiện

- Khi chính quyền thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án nên có cơ cấu các thành phần đại diện của các tổ chức trong hệ thống chính trị (nhất là Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể), phân công rõ trách nhiệm cho các thành viên trong Hội đồng.

- Tổ chức khảo sát, lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tổ chức lấy ý kiến người bị thu hồi đất tham gia, tổng hợp tiếp thu để xây dựng phương án cụ thể: Bao gồm cả phương án kiểm đếm, thanh toán và phương án tuyên truyền, vận động đến từng hộ dân có liên quan.



- Xây dựng phương án đền bù cụ thể cho từng hộ, chuẩn bị các điều kiện, tài chính, kinh phí để thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng, nghiên cứu tiếp thu, giải quyết ý kiến thắc mắc kiến nghị đến từng hộ dân có liên quan.

- Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức (nhất là những người được phân công đi làm trực tiếp kiểm đếm, chi trả đền bù) nắm vững nghiệp vụ, nêu cao quan điểm quần chúng, tôn trọng dân, làm việc cụ thể, giải thích tuyên truyền cho từng hộ dân. Chống hiện tượng lợi dụng bớt xén, quan liêu, hách dịch của quyền, mất dân chủ với nhân dân; đồng thời cũng chống hiện tượng thiếu trung thực về kê khai nhà cửa, tài sản, đất đai, lợi dụng chính sách đền bù giải tỏa của Nhà nước. Quán triệt, phổ biến và tập huấn nghiệp vụ kỹ năng tuyên truyền vận động quần chúng cho tất cả cán bộ của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân công tham gia thực hiện dự án.

- Phải công bố rõ chủ trương thu hồi đất cho người đang sử dụng đất biết lý do thu hồi đất; công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người có đất bị thu hồi về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, thời gian bàn giao đất, phương án, phương pháp thực hiện chi trả tiền bồi thường; tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Bước 3: Tổ chức, lắng nghe tiếp thu ý kiến, đối thoại, giải quyết khiếu tố của nhân dân trong quá trình thực hiện dự án

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, thực hiện công tác đền bù thu hồi đất, tái định cư, các cơ quan chức năng



phải thường xuyên theo dõi, lắng nghe tâm tư nguyện vọng chính đáng và ý kiến tham gia góp ý, thắc mắc, khiếu tố của nhân dân để kịp thời tiếp thu những ý kiến đúng đắn, tiếp tục chỉnh sửa bổ sung về cơ chế, chính sách, giá cả đền bù, hỗ trợ, phương pháp tổ chức thực hiện; giải thích rõ những ý kiến, kiến nghị của nhân dân.

- Khi có khiếu kiện đông người, phức tạp, xảy ra “điểm nóng”, cấp ủy, chính quyền có trách nhiệm nghe, đối thoại trực tiếp với nhân dân, nắm tình hình, bàn giải pháp và có thể lập tổ công tác, phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm tuyên truyền vận động, giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị chính đáng của nhân dân. Công tác giải quyết điểm nóng, giải quyết những khiếu tố gay gắt của nhân dân phải lấy tuyên truyền vận động là chính, hạn chế đến mức thấp nhất các biện pháp cưỡng chế, bắt người. Phải phát huy tốt vai trò của cả hệ thống chính trị, vai trò của những người tích cực, có uy tín trong nhân dân; phải tổ chức lực lượng kiên trì vận động đến từng người dân và thực sự cầu thị tiếp thu ý kiến của nhân dân; nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm, nhận rõ, kịp thời sửa chữa, xin lỗi dân về những khuyết điểm, hạn chế của mình. Đồng thời phải kiên quyết, khôn khéo phát động nhân dân đấu tranh với những người cực đoan lợi dụng dân chủ để tập hợp quần chúng khiếu tố sai trái gây mất ổn định về an ninh chính trị. Chỉ tiến hành cưỡng chế khi thật cần thiết, song phải được cân nhắc kỹ, phải được đại đa số nhân dân đồng tình ủng hộ, không để tình hình phức tạp thêm.

- Sau khi thực hiện xong dự án, Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể phải tiếp tục nắm tâm tư nguyện



vọng, đời sống ăn ở, sinh hoạt, việc làm, thu nhập của nhân dân, nhất là những dự án tái định cư để tiếp tục tuyên truyền, vận động và tham mưu giải quyết, hỗ trợ kịp thời những khó khăn, bức xúc, sớm ổn định cuộc sống của nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương, Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy nghiên cứu tham mưu cho cấp ủy có hình thức văn bản phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, chỉ đạo chính quyền nghiên cứu ban hành văn bản quy phạm; phối hợp tốt với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện.

2. Kết hợp với các văn bản hướng dẫn về quy trình, thủ tục trong đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư của Ủy ban nhân dân các cấp; Ban Dân vận tham mưu với cấp ủy chỉ đạo các cấp chính quyền rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng quy chế thực hiện dân chủ về công tác quy hoạch, xây dựng thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư.

3. Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy đề xuất với cấp ủy, chính quyền chọn 01 đến 02 dự án chuẩn bị triển khai trên địa bàn để thực hiện thí điểm nhằm đúc rút kinh nghiệm để nhân rộng.

4. Ban Dân vận các cấp giúp cấp ủy thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; Đề xuất chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng kịp thời những nơi làm tốt, những điển hình trong công tác vận động giải phóng mặt bằng và nghiêm túc kiểm điểm, phê bình đối với những khuyết điểm, hạn chế, xử lý, uốn nắn kịp thời.



5. Định kỳ hàng năm, Ban Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy báo cáo Ban Dân vận Trung ương về tình hình, kết quả triển khai thực hiện hướng dẫn trên địa bàn.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Việt

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG
Số 205-QĐ/BDVTW, ngày 20 tháng 9 năm 2017
Ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương
“Vi sự nghiệp Dân vận”

TRƯỞNG BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Quyết định số 78-QĐ/TW, ngày 10/4/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương;
- Xét đề nghị của Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Dân vận”.

Điều 2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ban Dân vận Trung ương, các vụ, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 66-QĐ/BDVTW, ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ban Dân vận Trung ương về ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Dân vận hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

TRƯỞNG BAN

Trương Thị Mai



QUY CHẾ
XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP DÂN VẬN”
(Ban hành kèm theo Quyết định số 205-QĐ/BDVTW, ngày 20
tháng 9 năm 2017 của Ban Dân vận Trung ương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Ban Dân vận Trung ương Đảng để ghi nhận công lao cống hiến của cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp công tác dân vận của Đảng.

Điều 2. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương được xét tặng vào dịp Ngày Truyền thống công tác Dân vận của Đảng (15/10 hằng năm) và xét tặng đột xuất theo quyết định của Trưởng Ban Dân vận Trung ương Đảng. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho một cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế này.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương đảm bảo nguyên tắc chính xác, công khai, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

3. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với những cá nhân đang bị xem xét kỷ luật hoặc trong thời gian thi hành các hình thức kỷ luật hoặc bị tòa án kết án.

Điều 3. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương được hưởng các quyền, lợi ích theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước.



Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN

Điều 4. Cá nhân thuộc đối tượng sau, có đủ 10 năm công tác trở lên, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ:

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chuyên trách công tác ở ban dân vận các huyện ủy và tương đương trở lên;

2. Cán bộ, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên chuyên trách công tác dân vận thuộc các lực lượng của Quân đội Nhân dân Việt Nam; cán bộ, chiến sĩ chuyên trách công tác dân vận thuộc lực lượng Công an Nhân dân;

3. Trưởng khối, Phó trưởng khối dân vận xã, phường, thị trấn;

4. Lãnh đạo chủ chốt (cấp trưởng, cấp phó) của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị từ cấp xã trở lên, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho công tác dân vận của Đảng (nếu giữ nhiều chức vụ ở các thời điểm khác nhau thì được cộng dồn thời gian).

Điều 5. Cá nhân tiêu biểu trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho công tác dân vận của Đảng (không tính thời gian công tác, giữ chức vụ) do các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Dân vận tỉnh ủy, thành ủy lựa chọn, đề xuất xét tặng Kỷ niệm chương.

Chương III

THỦ TỤC, HỒ SƠ, SỐ LƯỢNG, THỜI GIAN TRÌNH

Điều 6. Thủ tục, hồ sơ được thực hiện như sau:

1. Xét, trình từ cấp dưới lên cấp trên trực tiếp theo hệ thống ngành dân vận; cá nhân thuộc Công an địa phương do Ban Dân



vận cấp tỉnh xét, trình. Riêng cá nhân thuộc lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam trong cả nước, kể cả quân sự địa phương, Bộ đội Biên phòng, doanh nghiệp của Quân đội do Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam xét và đề nghị.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của cấp có thẩm quyền đề nghị.

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

c) Danh sách trích ngang (mẫu 01-KNC).

d) Bản kê khai quá trình công tác, tóm tắt thành tích của cá nhân, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ, trường hợp cá nhân đã nghỉ hưu do cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu xác nhận và địa phương nơi cư trú trình (theo mẫu 2-KNC). Đối với cá nhân được đề xuất xét tặng Kỷ niệm chương quy định tại Điều 5 của Quy chế này thì phải có báo cáo thành tích (mẫu số 03-KNC).

3. Thủ tục, hồ sơ xét, trình tặng Kỷ niệm chương đối với người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho công tác dân vận của Đảng thực hiện theo pháp luật và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Hằng năm, mỗi Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương; Bộ Công an trình không quá **40** cá nhân. Riêng tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An trình không quá **50** cá nhân; thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh trình không quá **60** cá nhân; Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam trình không quá **160** cá nhân.

Điều 8. Thời gian gửi hồ sơ xét, trình tặng Kỷ niệm chương là trước ngày 15/8 hằng năm.



Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam; Cục V28, Bộ Công an: triển khai, thẩm định đúng đối tượng, tiêu chuẩn và gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương về Ban Dân vận Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ).

Điều 10. Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Ban Dân vận Trung ương (Vụ Tổ chức - Cán bộ) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương xem xét, quyết định.

Điều 11. Giao Văn phòng, Ban Dân vận Trung ương in ấn, cấp phát hoặc gửi Kỷ niệm chương tới các địa phương, cơ quan, đơn vị. Tùy theo điều kiện cụ thể, Ban Dân vận Trung ương trao tặng trực tiếp hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị, địa phương trao tặng cho cá nhân được tặng Kỷ niệm chương.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề cần đề xuất, kiến nghị thì báo cáo lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để tổng hợp, báo cáo tập thể lãnh đạo Ban xem xét, quyết định.

BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG



Mẫu 01-KNC

DANH SÁCH

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Dân vận”

*(Kèm theo Tờ trình số ... -TTr/.....ngày... tháng... năm 201...
của)*

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, nơi công tác (chức vụ đã đảm nhận, nơi cư trú đối với cán bộ hưu trí)	Số năm, tháng công tác dân vận
		Nam	Nữ		

**Thủ trưởng cơ quan,
đơn vị trình**
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm 201...
Người lập danh sách



Mẫu 02-KNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*”

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quê quán:
4. Nam, nữ:..... 5. Dân tộc: 6. Tôn giáo:
7. Chức vụ, nơi công tác hiện nay (hoặc chức vụ trước khi nghỉ hưu):
8. Ngày vào Đảng:
9. Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng năm, đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác	Số năm, tháng công tác dân vận

Tổng số năm, tháng công tác dân vận

10. Tóm tắt thành tích nổi bật về công tác dân vận.

11. Hình thức bị kỷ luật (nếu có):

**Xác nhận của cơ quan,
đơn vị đang công tác hoặc
quản lý hồ sơ hoặc ra
quyết định nghỉ hưu**

....., ngày... tháng... năm 201.....

Người khai ký tên



Mẫu 03-KNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương “*Vì sự nghiệp Dân vận*”

(Dành cho cá nhân có thành tích xuất sắc)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Nam, nữ: Dân tộc: Tôn giáo:

Chức vụ, nơi công tác hiện nay hoặc nơi cư trú:

.....

Nghề nghiệp hoặc công việc đang làm:

.....

Ngày vào Đảng (nếu có):

**Tóm tắt thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho
sự nghiệp công tác dân vận của Đảng**

.....

.....

.....

.....

**Xác nhận của cơ quan,
đơn vị hoặc chi bộ nơi
sinh hoạt**

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm 201...

Người viết báo cáo

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần mở đầu</i>	7
- <i>Lời giới thiệu</i>	9
- <i>Dân vận</i>	11
<i>Phần thứ nhất</i>	
CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN	15
I. Những vấn đề chung	17
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) số 08B-NQ/HNTW, ngày 27 tháng 3 năm 1990, về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân	18
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 62-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1990, về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” ở cơ sở	33
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 69-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”	38



- Quyết định của Bộ Chính trị số 290-QĐ/TW, ngày 25 tháng 02 năm 2010, về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị	45
- Kết luận của Ban Bí thư số 03-KL/TW, ngày 13 tháng 5 năm 2016, về tiếp tục thực hiện Quyết định số 290 của Bộ Chính trị khóa X về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”	69
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI số 25-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2013, về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới	76
- Kết luận của Ban Bí thư số 43-KL/TW, ngày 07 tháng 01 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”	90
- Một số nội dung về công tác dân vận trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	95
II. Quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước	107
1. Về Quy chế dân chủ ở cơ sở	108
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 02 năm 1998, về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	109
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 304-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	116
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 10-CT/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2002, tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	120



- Thông báo Kết luận của Ban Bí thư số 159-TB/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004, về kết quả 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở 126
- Kết luận của Ban Bí thư số 65-KL/TW, ngày 04 tháng 3 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 133
- Kết luận của Bộ Chính trị số 120-KL/TW, ngày 07 tháng 01 năm 2016, về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 140
- Quyết định của Ban Bí thư số 99-QĐ/TW, ngày 03 tháng 10 năm 2017, ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ 145
- Quy định của Bộ Chính trị số 11-QĐ/TW, ngày 18 tháng 02 năm 2019, về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân 158
- 2. Về công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước** 165
- Kết luận của Ban Bí thư số 114-KL/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2015, về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp 166
- III. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ** 172
- 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** 173
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 07-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1993, về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất 174



- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 23-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” 182
- Kết luận của Bộ Chính trị số 62-KL/TW, ngày 08 tháng 12 năm 2009, về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội 198
- Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị số 160-TB/TW, ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị 207
- Quyết định của Bộ Chính trị số 217-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013, về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội 213
- Quyết định của Bộ Chính trị số 218-QĐ/TW, ngày 12 tháng 12 năm 2013, ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền 226
- Quy định của Ban Bí thư số 124-QĐ/TW, ngày 02 tháng 02 năm 2018, về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên 239
- 2. Công đoàn Việt Nam 246**
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X số 20-NQ/TW, ngày 28 tháng 01 năm 2008, về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 247
- Kết luận của Bộ Chính trị số 79-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013, về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW,



- ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” 268
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 22-CT/TW, ngày 05 tháng 6 năm 2008, về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp 275
 - Kết luận của Ban Bí thư số 96-KL/TW, ngày 07 tháng 4 năm 2014, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp 280
 - Chỉ thị của Ban Bí thư số 37-CT/TW, ngày 03 tháng 9 năm 2019, về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới 286
 - Chỉ thị của Ban Bí thư số 52-CT/TW, ngày 09 tháng 01 năm 2016, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất 294
- 3. Hội Nông dân Việt Nam** 302
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 59-CT/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 303
 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X số 26-NQ/TW, ngày 05 tháng 8 năm 2008, về nông nghiệp, nông dân, nông thôn 307
 - Kết luận của Ban Bí thư số 61-KL/TW, ngày 03 tháng 12 năm 2009, về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây



dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”	326
- Kết luận của Bộ Chính trị số 97-KL/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2014, về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn	329
- Kết luận của Bộ Chính trị số 54-KL/TW, ngày 07 tháng 8 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn	342
4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	351
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 25-NQ/TW, ngày 09 tháng 02 năm 1991, về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên	352
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 01 năm 1993, về công tác thanh niên trong thời kỳ mới	368
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”	375
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X số 25-NQ/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2008, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	384
- Kết luận của Bộ Chính trị số 80-KL/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2013, về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”	404



5. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	409
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007, về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	410
- Kết luận của Ban Bí thư số 55-KL/TW, ngày 18 tháng 01 năm 2013, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”	422
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 01 năm 2018, về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới	427
6. Hội Cựu chiến binh Việt Nam	433
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 09-NQ/TW, ngày 08 tháng 01 năm 2002, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới	434
- Kết luận của Ban Bí thư số 66-KL/TW, ngày 04 tháng 3 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới	441
7. Các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ	447
* Văn bản chỉ đạo chung	448
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 42-CT/TW, ngày 06 tháng 10 năm 1998, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng	449
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 17-CT/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2012, về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng	453



* Văn bản chỉ đạo liên quan đến một số hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ	459
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989, về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam	460
- Kết luận của Ban Bí thư số 73-KL/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2010, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 12/4/1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam	462
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2007, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập	466
- Kết luận của Ban Bí thư số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập	471
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 42-CT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2010, về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	478
- Kết luận của Ban Bí thư số 93-KL/TW, ngày 20 tháng 11 năm 2020, về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	486
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 43-CT/TW, ngày 08 tháng 6 năm 2010, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	491



- Chỉ thị của Ban Bí thư số 43-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2015, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giải quyết hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam 496
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 39-CT/TW, ngày 01 tháng 11 năm 2019, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật 501
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 43-CT/TW, ngày 08 tháng 4 năm 2020, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới 507
- Kết luận của Bộ Chính trị số 70-KL/TW, ngày 09 tháng 3 năm 2020, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể 512
- IV. Công tác vận động đội ngũ trí thức 520**
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X số 27-NQ/TW, ngày 06 tháng 8 năm 2008, về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 521
- Kết luận của Ban Bí thư số 52-KL/TW, ngày 30 tháng 5 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 537
- V. Công tác vận động đội ngũ doanh nhân 541**
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996, về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 542



- Kết luận của Ban Bí thư số 80-KL/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2010, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII trong tình hình mới	549
- Thông báo Kết luận của Ban Bí thư số 22-TB/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2017, về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X	558
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 09-NQ/TW, ngày 09 tháng 12 năm 2011, về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	565
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 33-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 2019, về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân	577
VI. Công tác dân tộc	584
1. Văn bản chung	585
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 24-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, về công tác dân tộc	586
- Kết luận của Bộ Chính trị số 65-KL/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2019, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới	599
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 49-CT/TW, ngày 20 tháng 10 năm 2015, về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số	608
2. Văn bản đối với một số dân tộc thiểu số	615
- Thông tri của Ban Bí thư số 03-TT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1991, về công tác đối với đồng bào Chăm	616
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 19-CT/TW, ngày 10 tháng 01 năm 2018, về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới	622



VII. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài	627
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004, về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài	628
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 45-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2015, về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới	640
- Kết luận của Ban Bí thư số 14-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2011, về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài	647
VIII. Công tác tổ chức - cán bộ	652
- Quy định của Ban Bí thư số 220-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2013, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy	653
- Quy định của Ban Bí thư số 101-QĐ/TW, ngày 07 tháng 6 năm 2012, về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp	674
- Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 08-QĐi/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2018, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương	679
- Quy định của Bộ Chính trị số 213-QĐ/TW, ngày 02 tháng 01 năm 2020, về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú	684
- Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương số 33-HD/BTCTW, ngày 30 tháng 10 năm 2020, thực hiện một số nội dung trong Quy định số 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú	690



Phần thứ hai

MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN VẬN	701
I. Về thực hiện dân chủ ở cơ sở	703
- Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20 tháng 4 năm 2007, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	704
- Nghị định của Chính phủ số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 01 năm 2015, về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	721
- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 16-CT/TTg, ngày 16 tháng 5 năm 2016, về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới	737
- Nghị định của Chính phủ số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14 tháng 12 năm 2020, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (<i>Trích</i>)	742
II. Về công tác dân tộc	760
- Nghị định của Chính phủ số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14 tháng 01 năm 2011, về công tác dân tộc	761
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 12/2018/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 3 năm 2018, về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	779
- Nghị quyết của Quốc hội số 88/2019/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2019, phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	804



- Nghị quyết của Quốc hội số 120/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2020, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 815

Phần thứ ba

MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG 821

- Quyết định của Ban Dân vận Trung ương số 66-QĐ/BDVTW, ngày 22 tháng 7 năm 2011, ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng ngành Dân vận 823
- Hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương số 43-HD/BDVTW, ngày 10 tháng 02 năm 2012, về phong trào thi đua “Dân vận khéo” thực hiện “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới” 837
- Hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương số 80-HD/BDVTW, ngày 28 tháng 02 năm 2012, về việc thành lập và hoạt động của tổ dân vận thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố, khu dân cư 843
- Hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương số 169-HD/BDVTW, ngày 11 tháng 6 năm 2013, về công tác dân vận tham gia trong quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư 849
- Quyết định của Ban Dân vận Trung ương số 205-QĐ/BDVTW, ngày 20 tháng 9 năm 2017, ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “*Vi sự nghiệp Dân vận*” 857

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đảng Cộng sản Việt Nam

- ♦ **CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG VỀ TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG
CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CÁC CẤP**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Ban Dân vận

- ♦ **LỊCH SỬ CÔNG TÁC DÂN VẬN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1930-2010)**
- ♦ **LỊCH SỬ BIÊN NIÊN CÔNG TÁC DÂN VẬN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1930-2010)**

